VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

nhân vật tiểu thuyết

trần hữu thục

tự do và sáng tạo

trần văn tích

phỏng vấn nhà văn

trần hồng châu ● lê minh hà

về một cảnh đời

trần mộng tú

truyện

lệ hằng ● khánh hà ● tâm thanh ● vy
hoài mỹ ● trần mộng tú ● ngự thuyết

thơ

đặng hiền ● nguyễn thanh châu ● ngũ an
lê thị huệ ● hoàng lộc ● quỳnh thi ● hà trung
quan dương ● nguyễn đức thanh ● sử mặc

tạp ghi

nguyễn quốc trụ

SỐ 147 ● THÁNG 7 NĂM 1998

VănHọc

TẠP CHÍ SÁNG TÁC NHẬN ĐỊNH VĂN NGHỆ

Phát hành mỗi đầu tháng

❖

Ban Chủ biên: Mai Kim Ngọc, Nguyễn Xuân Hoàng
Thạch Hãn, Châu văn Thọ, Nguyễn Mộng Giác

Chủ Nhiệm: Châu Văn Thọ
Chủ bút: Nguyễn Mộng Giác
Tổng Thư Ký: Thạch Hãn

❖

Đại diện Văn Học ở Canada:
Mr. Nguyễn Minh Đức, 1905 Tupper # 22 Montréal,
Quebec, CANADA H3H 1N7
Phone: (514) 342-6270

❖

Đại diện Văn Học ở Âu châu:
Mrs. Lê Tất Luyện, 15 Place Souham, 75013, Paris, FRANCE
Phone: (33) 1 45 83 19 12

❖

Đại diện Văn Học ở Úc châu
Mr. Nguyễn Khắc Phú, 14 Lester Road, Padstow,
NSW 2221, AUSTRALIA
Phone: (02) 9771-1770

❖

Đại diện Văn Học ở Houston, Texas
Mr. Ngu Yên, 2055 Westheimer # 130
Houston TX 77098
Phone: (713) 524-6262

❖

Đại diện Văn Học ở New Orleans, Louisiana
Nguyễn Khánh Hòa
2025 La Quinta Via, Harvey, LA 70058
Phone: (504) 368-4728

Thư từ, bài vở, tiền bạc, xin gửi về **Văn Học**
PO Box 1359 Garden Grove, CA 92842-1359 USA
E.Mail: vanhoc@saigonline.com
Homepage trên Internet: http://www.saigonline.com/vanhoc/
Phone: **(714) 894-8535**

Số đăng ký tại Thư Viện Quốc Hội Hoa Kỳ: ISSN—0885—128X

Văn Học

số 147 ● tháng 7, 1998

VĂN HỌC	2	thư tòa soạn
TRẦN HỮU THỤC	3	nhân vật tiểu thuyết
ĐẶNG HIỂN	14	*thành phố nắng*
TRẦN VĂN TÍCH	23	tự do và sáng tạo
NGUYỄN THANH CHÂU	29	*nguyệt rạng*
TRẦN HỒNG CHÂU	30	ảnh hưởng văn hóa Tây phương...
NGỮ AN	41	*thơ năm chữ*
THỤY KHUÊ	42	trần hồng châu, khát vọng biển
MINH NGUYỆT	48	phỏng vấn lê minh hà
HOÀNG LỘC	55	*về một khúc đàn tình*
TRẦN MỘNG TÚ	56	về một cảnh đời
QUỲNH THI	64	*thành thơ*
LỆ HẰNG	65	bên kia là núi
HÀ TRUNG	80	*thơ tình cho huế*
KHÁNH HÀ	81	tiếng hát lạc loài
QUANG DƯƠNG	83	*vài đoản khúc về new orleans*
TÂM THANH	84	hai chiếc bóng
HOÀI MỸ	91	lời trăn trối
NGUYỄN ĐỨC THANH	102	*mai này*
VY	103	bước đi cùng quá khứ
SỬ MẶC	113	*hồi hướng*
LÊ THỊ HUỆ	114	*đứng bên hiên chùa kim liên*
NGỰ THUYẾT	116	khúc hát ly hương
NGUYỄN HOÀNG ĐỨC	130	đọc chơi vài bài luận về ca dao
NGUYỄN QUỐC TRỤ	137	tạp ghi
VĂN HỌC	148	giới thiệu sách mới
VĂN HỌC	151	hộp thư

Copyright by authors and Văn Học, 1998
Tác giả và Văn Học giữ bản quyền, 1998

Thư Tòa soạn
Văn Học

Trên số báo này, chúng ta lại trở về với đề tài vì sao dân tộc chúng ta chưa có những tác phẩm lớn. Phần lớn những văn hữu góp bài đều không trực tiếp trả lời câu hỏi ấy. Có lẽ vì không ai dám xác quyết đã tìm ra nguyên nhân. Cho nên Trần Hữu Thục nhấn mạnh đến nhân vật tiểu thuyết. Trần văn Tích phần nào không đồng ý với Trần Bình Nam khi cho tự do chưa phải là yếu tố quan trọng tạo ra tác phẩm lớn. Hai bài phỏng vấn Trần Hồng Châu và Lê Minh Hà đưa ra hai cái nhìn từ hai vị trí khác nhau về thế hệ và môi trường trưởng thành. Dĩ nhiên tập hợp tất cả những ý kiến ấy vẫn chưa thành một lời giải đáp thỏa đáng. Văn Học vẫn chờ đợi những ý kiến khác về đề tài này, song song với chủ đề văn chương và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu.

Phần truyện trên số báo này có hai đặc điểm: thứ nhất, là nhiều truyện ngắn giá trị cùng về từ một xứ sở xa xôi rất ít người Việt định cư, Na Uy; Khánh Hà, Tâm Thanh, Hoài Mỹ với khung cảnh truyện lạ, tên nhân vật lạ, ý tứ lạ, khác những khung cảnh và đề tài quen thuộc của Bắc Mỹ và Tây Âu. Thứ hai: đa số truyện của các nhà văn nữ, xác nhận một xu thế xảy ra trên khắp thế giới: Trần Mộng Tú, Lệ Hằng, Khánh Hà, Vy.

Phần thơ có đóng góp của Lê thị Huệ, Đặng Hiền, Nguyễn Thanh Châu, Ngữ An, Hoàng Lộc, Quỳnh Thi, Hà Trung, Quan Dương, Nguyễn Đức Thanh, Sử Mặc. Phần nhiều là những bài thơ ngắn, cô đọng những suy tư về nhân sinh.

Với số bài vở gửi về từ khắp nơi trên thế giới, ban chủ biên đã phải gác lại một số bài dài đáng lẽ đăng trên số này như các truyện của Thảo Trường, Nhật Nguyễn, Hà Thúc Sinh, Nam Dao, Hoàng Liên...cùng nhiều bài tiểu luận giá trị khác. Trân trọng cáo lỗi cùng quí văn hữu và bạn đọc, về sự sai hẹn đáng trách nhưng không thể tránh được này.

Nhân vật tiểu thuyết

Trần Hữu Thục

Bất cứ một hình thức trình bày bằng ngôn ngữ nào dưới dạng một câu chuyện đều không thể thiếu yếu tố tiên khởi này: nhân vật. Người ta vẫn thường nghĩ rằng chỉ có nhà văn mới chịu trách nhiệm về cái gọi là nhân vật . Thực ra, nhân vật là sáng tạo tự nhiên của con người

Theo Thánh Kinh, Thượng Đế tạo nên con người theo hình ảnh của Ngài. Ở đây, con người tạo nên nhân vật tiểu thuyết theo hình ảnh của mình. Quá trình tạo dựng con người là quá trình đi từ không đến có. Ngược lại, quá trình tạo dựng nhân vật tiểu thuyết đi từ có đến không. Bởi vì, từ con người bằng xương bằng thịt, người ta tạo dựng nhân vật bằng chữ nghĩa và chỉ gồm có chữ nghĩa. Chẳng phải đợi đến khi có truyện, có tiểu thuyết (như hiện nay), người ta mới có nhân vật. Như ta biết, dân tộc nào cũng lưu lại vô số chuyện, truyện truyền khẩu trong dân gian, có nguồn gốc từ thời xa xưa, trong đó trung tâm điểm là các nhân vật. Các chuyện thần thoại cũng thế. Thần thánh cũng là những nhân vật. Ta có thể nói: con người tạo nên thần thánh theo hình ảnh của mình. Ở Trung Hoa, con người còn tạo dựng nên cả một thế giới "trên kia" (thượng giới) với đầy đủ "bộ sậu": từ Ngọc Hoàng Thượng Đế đến các thần, các thánh, các tiên nữ và vô số những xung khắc, dị biệt, tranh chấp giữa những "thần vật" đó với nhau tạo nên một thượng giới đủ thất tình lục dục.

Trong cuộc sống thường nhật, ai trong chúng ta đều cũng có thể tạo ra, có khả năng tạo ra những nhân vật. Đây là một tiến trình tự phát. Khi kể lại một câu chuyện dính dáng đến ai đó (bạn bè, người thân, người yêu, ông chủ, người lạ...) là ta đã tạo ra một hay những nhân vật, trong đó các chi tiết hình thành xuất phát từ những con người thật mà ta biết, ta nhìn, ta nghe. Đúng là ta muốn diễn tả lại một câu chuyện có thật, một nhân vật có thật. Nhưng để câu chuyện trở nên lý thú, hấp dẫn, lôi cuốn người

nghe, thông thường ta thêm mắm dặm muối vào các chi tiết thực tế và sắp xếp theo một trình tự dễ hiểu. Đồng thời, dù muốn dù không , ta cũng thêm thắt những ý kiến, bình luận riêng của mình vào. Từ đó, qua nhân vật có thực, ta tạo nên một hay những nhân vật theo nhãn quan của mình và truyền đạt "nhân vật" của mình đến tai người nghe. Chắc chắn là dù có cố gắng khách quan đến mấy, nhân vật mà ta truyền đạt đã bị méo mó, đã bị biến dạng và do đó , không còn giống với nhân vật có thực nữa. Mức độ không giống nhiều hay ít tuỳ thuộc vào vị trí ta tiếp nhận sự kiện (tức chuyện xảy ra quanh nhân vật), từ quan điểm đạo đức thẩm mỹ riêng, từ lòng thương ghét riêng. Chả thế mà cùng một sự kiện xảy ra, (một vụ giết người chẳng hạn) mà mỗi nhân chứng có một cách mô tả, nhận định khác nhau. Ai trong chúng ta cũng trải qua kinh nghiệm này nhiều lần: nghe nói về một người, ta hình dung một cách - đến khi gặp người đó, ta lại thấy khác, có khi khác hẳn.

Bởi thế, một nhân vật trong câu chuyện kể không bao giờ giống nhân vật trong thực tế. Lý do đơn giản: khi kể chuyện, người kể đã "sáng tạo" ra một nhân vật theo cách của mình. Một nhân vật có thực, nếu ta càng tô vẽ thêm, cho màu mè thêm thì càng xa sự thực. Câu chuyện càng hấp dẫn, càng ly kỳ, thì khoảng cách đó càng lớn. Rốt cuộc, nhân vật chỉ là một cái tên, còn thực chất đã biến thành người khác. Thậm chí đôi khi nhân vật chẳng giống một ai ngoài đời nữa. Nó trở thành một "nhân vật thuần túy", có vẻ như là một ai đó, nhưng chẳng là ai cả. Hay nói khác đi, nó biến thành một sản phẩm thuần túy tưởng tượng. Nếu người kể viết câu chuyện của mình ra, chỉnh đốn trình tự, trau chuốc lời văn, chọn lọc chi tiết, thì nhân vật trở thành nhân vật tiểu thuyết.

*** Nhân vật và truyện**

Hồi còn nhỏ, trong chúng ta, ai cũng có đã từng có cơ hội "sáng tạo" ra những nhân vật qua môn tập làm văn. Chúng ta học nhiều cách tả riêng biệt: tả vật, tả con vật, tả cảnh, tả người, tả tình...Tả vật, ta tả con chó, con mèo, con gà...Tả cảnh thì tả cảnh hoàng hôn, cảnh bình minh, cảnh gia đình sum họp...Phần tả người, chúng ta thường phải tả những người chung quanh: tả cha, mẹ, ông bà nội hay anh, chị, em. Hồi còn nhỏ, tôi rất kém môn tập làm văn. Không có chữ để "tả" đã đành, lại chẳng có ý để viết. Nhất là cái trò tán hươu, tán vượn, tôi lại càng chịu thua. Ấy vậy, thường khi phải tả, tôi bỏ nguyên xi những gì học được trong các bài luận mẫu vào bài của mình, có thêm bớt đôi chút không thì bị cô la. Khi nào cũng được phê: ý nghèo nàn và được điểm 1 (tất nhiên). Có một lần, cô giáo bắt

tả "ông nội của em". Tôi không có một "ông nội của em" nào, cũng chẳng có một bà nội nào và cả cha cũng không, vì tất cả đều chết trong nạn đói Ất Dậu, trước khi tôi chào đời. Kiếm trong sách, tôi chỉ thấy có một vài dòng. Vả lại, cô giáo cấm ngặt không được viết lại theo bài mẫu (viết giống là cho ăn"trứng gà"). Túng quá hoá liều. Tôi bèn tả "ông nội" ở nhà gần cận. Cái "ông nội" này tôi rất ghét, vì hay la tôi. Lý do: tôi hay đột nhập vườn ông để bắn chim, hái trộm đào, bắt ve sầu...Có lần, tôi bị ông bắt tại trận vì tôi hái keo. Ông đánh tôi hai roi đau điếng, lại còn dọa về mét mạ nữa. Tôi cho ông ta thành ông nội tôi để tả. Tôi viết được khá dài, cả trang giấy. Trong tất cả các chi tiết, chỉ có một chi tiết là đúng với ông ta: ông cao. Còn tất cả các chi tiết khác, tôi "bịa ra": răng sún hết, đầu trọc lóc (bình vôi), đi cà nhắc, miệng hôi, hay khạc đờm, và đánh đập con nít. Tôi kết luận theo sách vở: em rất thương ông nội em vì đó là ông nội em. Cô giáo vừa đọc bài tôi cho cả lớp nghe vừa cười, vì ông nội đứa nào cũng đẹp cả, chỉ có ông nội tôi là quá tệ. Đã thế, tôi lại rất yêu ông nội! Thế mà, bài của tôi được bốn điểm vì cô giáo phê: "có ý".

Vâng, có ý. Sau này, khi đã biết viết, viết được, và sáng tác, trong vấn đề xây dựng nhân vật, tôi càng hiểu thêm hai chữ "có ý" mà cô giáo đã phê một cách quán tính độ nào. Có ý, nghĩa là biết thêm thắt, bịa đặt, biết nói ra những gì ngoài những điều ta đã biết, thường biết. Một nhân vật - "ông nội" chẳng hạn - đâu chỉ là ông nội tôi thôi. Nghĩa là đâu chỉ là một cái tên, một khuôn mặt (dài, ngắn, móm mém, hồng hào...), đâu chỉ là dáng đi, là tóc bạc, da mồi, đâu chỉ vì ông là cha của cha tôi, là...., nghĩa là những cái tôi nhìn, tôi nghe trong thực tế. Phải nối cái nhân dáng đó vào những cái khác ở bên ngoài, phải thêm vào một số điều mình thích và gạt đi những gì mình không thích ra, phải đặt nhân vật đó vào một số tình huống đặc biệt nào đó để cho nhân vật ứng xử, phải làm cho nhân vật trở nên dễ thương hay dễ ghét. Phải nối nhân vật đó vào một quá khứ, và đẩy nhân vật vào một tương lai, dù có giới hạn hay vô định. Phải cho nhân vật đó quan hệ với tha nhân, bằng hữu, thù nghịch hay vô tính. Nghĩa là, từ một nhân vật làm chuẩn, ta phải xây dựng một cụm nhân vật. Từ cụm nhân vật, ta xây nên các biến cố, những cuộc tình cờ, những ngẫu nhiên đầy chất định mệnh. Để cho nhân vật, cụm nhân vật và những biến cố đó đánh thức tiềm năng thưởng ngoạn (nghe, đọc), ta phải xây dựng một không khí, một môi trường thích hợp. Rốt cuộc, từ nhân vật chỉ là một cái tên, với một số nét về "background", một số cá tính, ta có một câu chuyện về nhân vật đó. Từ một cá nhân , ta đi vào cuộc sống. Từ lãnh vực của các chi tiết, các dữ kiện hiện thực vô tính, ta đi vào lãnh vực ý nghĩa. Từ câu chuyện về một cá nhân, ta đi vào câu chuyện về một hiện hữu, hay hiện

hữu nói chung.

Đi ngược trở lại quá trình trên, ta thấy quá trình tạo dựng một câu chuyện là quá trình chồng chất các chi tiết vào một nhân vật được chọn làm chủ điểm. Các chi tiết đó bao gồm: tình huống, nhân vật phụ, cá tính và sự phát triển của cá tính, những nét đặc trưng của đời sống nói chung, kinh nghiệm hiện sinh. Chúng đan chéo vào nhau để tạo nên các biến cố của truyện. Các biến cố đó, bù lại, giúp làm nổi bật những nét đặc thù của nhân vật.

Chính vì thế, trong một truyện, xét như một chỉnh thể, toàn thể gắn bó chặt chẽ với nhau. Cái này là thành tố của cái kia. Nhân vật sống trong, sống bằng không khí của câu chuyện, chịu tác động của những biến cố trong truyện và sống cùng, sống với những nhân vật khác, đóng vai trò tha nhân. Một nhân vật tiểu thuyết sống động là nhân vật trôi dạt trên dòng biến cố và định hình qua những biến cố. Vì biến cố xảy ra là thoát thai từ:

- sự tương tác của các nhân vật
- các yếu tố tình cờ như bệnh tật, tai nạn...xảy ra cho nhân vật
- các phản ứng bình thường của nhân vật :cười, khóc, giận...và tâm trạng nhân vật

*** Nhân vật: chính và phụ.**

Rõ ràng là dù biến cố được xây dựng cách nào thì nó cũng phải liên hệ xa gần với nhân vật, đặc biệt là nhân vật chính. Nhưng, tại sao lại là nhân vật chính ?

Thứ nhất, viết là công việc của cá nhân nhà văn. Nói như Tô Thùy Yên, nghệ thuật là cái riêng lẻ, nghệ thuật mang tính chủ quan(1). Tất nhiên, tác phẩm nghệ thuật phải mang dấu ấn cá nhân. Nói khác đi, cho dù có nhân danh ai đi nữa, động lực sáng tác cũng xuất phát từ cá nhân. Nó trước hết phải đáp ứng, thỏa mãn những đòi hỏi của cá nhân. Đòi hỏi đó có thể chỉ là một ước muốn bình thường mà cũng có thể là một khát vọng sâu sắc. Bởi thế, xây dựng một nhân vật chính để gửi gắm tư tưởng, tình cảm, những suy gẫm của mình về cuộc nhân sinh là ưu tư, là nguồn cảm hứng đầu tiên cho một tác phẩm. Không quan trọng việc nhân vật đó có phản ảnh đúng những suy tư, và tâm trạng cũng như quan điểm của mình hay không. Xây dựng nhân vật là xây dựng hình ảnh của con người: một kẻ thù, một tướng cướp, một tên gian ác, một thằng bội phản hay một người chân chính...- trước hết và sau hết - đều mang tính cách người. Mà tính cách người thì đa dạng, và triền miên nghịch lý. Vậy thì, trong việc sáng tác, khả năng phân thân của tác giả là một trong những điều kiện bảo

đảm sự phong phú của tác phẩm. Mỗi một tác phẩm, tác giả dựng nên một nhân vật chính . Viết nhiều tác phẩm, tác giả phải đẻ ra nhiều nhân vật chính khác nhau. Khác nhau về tên tuổi, nhân dáng đã đành, mà khác nhau cả về cá tính, lập trường, thói quen, cách đối thoại, ngôn ngữ, các phản ứng. Có những nhân vật chính chống lại hẳn quan điểm của tác giả. Nhưng tác giả buộc phải hóa thân thành nhân vật, sống với hắn và vui buồn với số phận của hắn. Cách xây dựng nhân vật chính dựa trên chính tà, gian ngay, thiện ác...một cách cứng ngắt vốn được sử dụng khá lâu trong lịch sử tiểu thuyết , bây giờ hầu như không còn được xem là mẫu mực, trừ những tiểu thuyết tôn giáo, hoặc tiểu thuyết phục vụ cho tuyên truyền chính trị và các loại sách giải trí khác. Nói khác đi, nhân vật chính không còn được xây dựng trên một quan điểm, một phía, một phe - phe chính - để chống lại phe tà. Nhân vật chính bây giờ chao đảo giữa chính và tà. Hành động, tâm cảnh của nhân vật chính đong đưa, bấp bênh trong hiện sinh bất trắc của nó. Chính vì thế, nhân vật kiểu nào cũng có thể chứa đựng một phần đặc thù của tác giả, hoặc nếu không, cũng chứa đựng những ưu tư, khắc khoải, những chiêm nghiệm của riêng tác giả về cuộc tồn sinh.

Thứ hai là, đối với độc giả, thưởng thức một tác phẩm văn chương cũng là một công việc cá nhân. Trong khi viết, nếu tác giả muốn gửi gắm vào tác phẩm của mình một cái gì đó, thì người đọc cũng phải tìm thấy một cái gì đó của mình; cái gì đó thường là nhân vật chính. Khi đọc những dòng đầu tiên, độc giả nào cũng cố tìm xem trước hết, ai là nhân vật chính, để từ đó, dần dần làm quen với nó khi những trang giấy lần lượt lướt qua. Đến một lúc nào đó, nhân vật chính trở thành bạn, thành người thân và thành...chính bản thân độc giả. Chỉ với điều kiện như thế mới làm độc giả hứng thú tiếp tục chuyến hành trình qua suốt tác phẩm. Phái tính, chủng tộc, địa phương...của nhân vật chính thế nào không quan trọng. Thậm chí, nếu nhân vật chính có những tâm tính và quan niệm khác hẳn hay đối nghịch với ta, ta vẫn cứ muốn đồng nhất mình với nó.

Việc xây dựng một nhân vật chính cho một tác phẩm cũng như việc muốn có, muốn tìm và muốn đồng hóa mình với một nhân vật chính rõ ràng là xuất phát từ một xu hướng tâm lý tự nhiên: chủ thể tính. Chẳng phải đợi đến khi con người bước sang giai đoạn tự thức, xu hướng đó mới xuất hiện. Nhân vật chính vốn đã hiện hữu trong các câu chuyện thần thoại, chuyện dân gian. Nhiều chuyện chỉ có một nhân vật. Trong hầu hết các chuyện, những nhân vật phụ được thêm vào chỉ có một mục đích là làm nổi bật , làm rõ nét cá tính hay hành vi của nhân vật chính (thường chứa đựng một ý nghĩa đạo đức nào đó). Trong chuyện "Tấm Cám" chẳng

hạn, cô Cám, bà tiên, bà mẹ ghẻ hay hoàng tử...được bố trí trong nhiều tình huống khác nhau để tô vẽ cho cái lương thiện, đôn hậu của cô Tấm. Chính vì vậy, trong khi nhân vật chính thường đa dạng thì các nhân vật phụ chỉ được phác họa chung chung, nêu bật một vài điểm giống hoặc đối nghịch với nhân vật chính. Nhân vật chính được hiểu như một chủ thể, còn các nhân vật phụ như là đối tượng. Nó tạo ra một điểm quy chiếu cả về mặt thời gian, không gian, giúp cho tác phẩm cân đối để từ đó nâng lên tầm mức điển hình, khái quát. Nghĩa là nói một cách khác, nó cho những bề bộn của cuộc sống trong tác phẩm một ý nghĩa. Trong những truyện dài, trường thiên, với số lượng nhân vật nhiều, đa dạng, ta có cảm giác là có thể có hơn một nhân vật chính. Chẳng hạn như có người cho rằng trong "Chiến Tranh và Hòa Bình" có đến ba nhân vật chính là André, Natacha và Pierre. Theo tôi, chỉ có André là nhân vật chính. Natacha với tình yêu sâu sắc đối với André, và Pierre với cá tính và quan niệm sống hoàn toàn khác biệt với André, được Tolstoy xây dựng nên chỉ để làm nổi rõ hơn "con người thời cuộc" của André. Dù sao, đây chỉ là một cái nhìn chưa hẳn đã hoàn chỉnh về mặt lý giải một tác phẩm văn chương, nhất là tác phẩm cỡ lớn như "Chiến Tranh và Hòa Bình". Thường thì bao giờ một tác phẩm cũng chỉ có một nhân vật chính được nhận ra rất rõ (Jivago trong "Bác sĩ Jivago", Scarlett trong "Gone With The Wind", Đoàn Dự trong "Lục Mạch Thần Kiếm", Ngữ trong "Mùa Biển Động"...).

Nhân vật chính còn để nói lên tính tư tưởng của tác phẩm, đề mục chủ đạo, cái mà tác phẩm chuyên chở. ở một nghĩa nào đó, sự biến mất của nhân vật chính đồng nghĩa với sự chấm dứt tác phẩm. Bởi thế mà, những nhân vật chính trong các truyện hay được độc giả mến chuộng đến độ phổ thông hóa, điển hình hóa chúng, và dần dà đi hẳn vào lãnh vực ý niệm để biến thành các thuật ngữ phổ biến: Sysiphe, nàng Kiều, Romeo (và Juliette), khối tình Trương Chi...

*** Nhân vật chỉ là huyền thoại?**

Hầu như trái ngược hẳn với những gì chúng ta vừa trình bày ở trên, các nhà văn theo khuynh hướng "tiểu thuyết mới" (nouveau roman) phủ nhận hoàn toàn vai trò của nhân vật tiểu thuyết, theo đó, cái gọi là nhân vật chỉ là một khái niệm lỗi thời, cũ rích, hoàn toàn không thích hợp gì với với giai đoạn hiện nay.

Như chúng ta biết, khuynh hướng này xuất hiện vào những thập niên 50 và 60 ở Pháp, lúc đầu lẻ tẻ, rời rạc, về sau dần dần kết hợp lại với nhau và tạo thành một phong trào, trong đó, một số nhà văn nổi bật như Alain

Robbe-Grillet, Nathalie Sarraute, Michel Butor, Claude Simon.....Về hạn từ "nouveau roman", Robbe-Grillet, một trong những nhà văn và nhà lý luận của khuynh hướng này cho biết hạn từ đó "không nhằm chỉ ra một trường phái nào"... *"nó chỉ là một cách gọi thuận tiện những người đang tìm kiếm những hình thức tiểu thuyết mới có thể diễn tả (hay sáng tạo) những tương quan mới giữa con người và thế giới"*. Họ cho rằng "sự lập lại một cách có hệ thống những hình thức của quá khứ không những phi lý và vô ích, mà còn độc hại nữa" (2). Những hình thức quá khứ đó, theo Robbe-Grillet, là hình thức tiểu thuyết khởi nguồn từ Balzac, nhà văn Pháp thế kỷ thứ 19, theo đó, tiểu thuyết được xem như là nhân vật và cốt truyện.

Robbe-Grillet cho rằng sau một thế kỷ ngự trị, nhân vật chỉ còn là một huyền thoại. Nó đánh dấu một thời đại trong đó, chủ nghĩa cá nhân của giai cấp trưởng giả đang hồi cực thịnh. Nó là một xác ướp không hơn không kém. Nathalie Sarraute, một tiểu thuyết gia khác của khuynh hướng này, xác quyết rằng nhân vật chỉ là những bù nhìn bằng sáp(manequins de cire), được chế tạo sẵn theo những phương cách dễ dàng và có tính cách qui ước. Nhân vật chỉ là cái bì phu chi ngoại, cái vỏ(envelope), là "tù nhân của những chiếc mặt nạ của chúng"(3) . Nhân vật, theo bà, chỉ là "cái tương tự" (le ressemblant) chứ không hề là cái "có thực"(le réel). Chính "cái tương tự đã giết chết cái có thực"(4) . Nhân vật không cho ta bất kỳ một giá trị về thực tại nào của hiện hữu. Nó nghèo nàn hình ảnh. Do đó, người ta không hề sống được với nhân vật. Người ta chỉ lý luận về nó, nghĩ về nó. Nói khác đi, nhân vật là đối tượng của lý tính, và chỉ của lý tính.

Từ phủ nhận nhân vật, các nhà tiểu thuyết mới phủ nhận luôn vai trò của cốt truyện. Vì theo Nathalie Sarraute, tiểu thuyết cổ điển là một câu truyện không tách khỏi nhân vật dựng nên nó. Robbe-Grillet còn đi xa hơn, cực đoan hơn khi cho rằng với tính cách là một cốt truyện, nhà văn chỉ còn là người viết thuê. *"Hành vi viết sẽ chỉ là một phương tiện, một tính cách. Nền tảng của tiểu thuyết , lý do hiện hữu của nó , cái nằm bên trong của nó, giản dị chỉ là câu chuyện mà nó kể" (5)*

Tại sao?

Theo các nhà tân tiểu thuyết, thế giới chung quanh chúng ta chẳng có ý nghĩa mà cũng chẳng phi lý. Nó chỉ hiện hữu, thế thôi. Những sự vật là ở đó (les choses sont là). Chúng ở đây và bây giờ (ici et maintenant). Hiện hữu của nó chỉ trong sự hiện diện cụ thể, chắc chắn, vật chất. Ngoài điều chúng ta trông thấy ra, chẳng còn có gì hết trơn (6) . Nó hiện hữu (là) trước khi nó hiện hữu cho chúng ta (quelque chose). Do đó nó không là

tài sản của riêng ai, nó cũng không phải là đối tượng để chinh phục. Và ý nghĩa của thế giới chỉ là rời rạc, tạm bợ, vô thường, mâu thuẫn. Vậy thì, một tác phẩm băn khoăn về điều đó để làm gì. Thực tại có ý nghĩa gì không ? Nhà văn hiện đại không cần trả lời câu hỏi này. Nó không cần biết đến. Tiểu thuyết hiện đại chỉ là một sự thăm dò, thăm dò dần dần tự tạo ra ý nghĩa riêng của chúng(7). Bởi thế, khi diễn đạt sự vật, nhà văn không băn khoăn về nội dung của chúng, mà là sự diễn tiến của nó. Ta sẽ không có quá khứ, dự phóng, không có đạo đức cá nhân, siêu hình gì hết. Mọi kinh nghiệm nội tâm đều vô ích. Quan điểm này, theo Martin Seymour-Smith, cho thấy Robbe-Grillet đi gần đến thuyết tâm cử học (behaviorism), theo đó, mọi ý nghĩa tiềm ẩn của tâm lý con người có thể quan sát qua hành vi, cử chỉ(8). Nhân vật hôm qua không chứa đựng thực tại hôm nay. Tiểu thuyết, vì thế, không phải là kể chuyện đã qua theo thứ tự thời gian, mà làm cho độc giả sống với nhân vật, sống những hành động giấu ẩn đằng sau các cử chỉ khi chúng đang diễn tiến. Robbe-Grillet cho rằng: "Tất cả cái lợi của những trang sách diễn tả - nghĩa là vị trí cuả con người trong những trang này- không phải nằm trong những sự vật được diễn tả, mà nằm trong chuyển động ngay của sự diễn tả"(9). Tại sao ? Tại vì "hiện tại tự sáng tạo không ngừng, tự lập lại, tự gấp đôi lên, tự bổ túc , tự xóa bỏ, không bao giờ chất đống để làm thành "một quá khứ"(10).

Từ những nhận định trên, các nhà tân tiểu thuyết xây dựng nhân vật với những chi tiết lý lịch sơ sài, thậm chí không có lý lịch, không có cá tính, không tên tuổi, thời gian thì cực kỳ mơ hồ. Thay vào đó là sự tường thuật một cách dửng dưng, khách quan những cảm nghĩ, những cử chỉ, hành động của nhân vật và những sự vật bề bộn chung quanh. Nhân vật tiểu thuyết là một con người, thế thôi, không cần phải tra vấn gì thêm. Để trả lời cho những cáo buộc rằng tân tiểu thuyết không có con người, Robbe-Grillet bảo rằng, trong tiểu thuyết của ông *"chính một con người nhìn thấy, phục vụ, tưởng tượng, một con người ở trong không gian và thời gian, được điều kiện hóa bởi những đam mê của nó; một con người như anh và tôi. Và tác phẩm không nói một điều gì khác hơn là kinh nghiệm của nó, một kinh nghiệm có giới hạn, bất trắc (11)*

Nathalie Sarraute cho rằng thói quen dùng tên để chỉ nhân vật là một thói quen cổ điển. Đọc tiểu thuyết, độc giả phải tìm cách thừa nhận nhân vật không cần phải qua trung gian những cái tên. Nếu dùng tên, ta sẽ tạo ra một khoảng cách giữa nhân vật và tác giả cũng như giữa nhân vật và độc giả. Do đó, Nathalie đưa độc giả ngay vào tư tưởng nhân vật, không tạo ra nhân vật bằng xương bằng thịt (flesh-and-bone). Nhân vật là nặc danh. Tên chỉ được dùng trong các lời đối thoại. Bà nhận xét: *"Nếu như ta*

nghĩ về một ai đó - con gái mình chẳng hạn -, ta thấy một hình ảnh trong đầu, nhưng không cần phát âm ra một cái tên. Tên chỉ cần lúc ta muốn gọi to lên tên một ai đó" (12). Trong một dịp khác, bà giải thích thêm: *"Sự thiếu tên nhân vật trong tất cả các tác phẩm của tôi không xuất phát từ ước muốn muốn làm cho hiện đại, cho khó khăn hay tối tăm . Nó hoàn toàn là một sự cần thiết. Thỉnh thoảng tôi cố gắng thay thế chữ "chàng" và "nàng" mà tôi thường dùng bằng tên nhân vật. Tôi tìm thấy rằng điều đó làm cho tôi bị đẩy ra khỏi cái vị trí trên biên giới của ý thức, nơi mà tính phản xạ định hướng (tropisms) có thể được ghi nhận, nơi chẳng hề có một cái tên nào được phát ra, nơi cho chúng ta một hình ảnh nhanh, một hình thức mơ hồ" (13).*

Jean-Paul Sartre, trong lời đề tựa cho tác phẩm "Portrait d'un Inconnu" của Nathalie Sarraute, gọi tân tiểu thuyết là "phản tiểu thuyết" (anti-roman). Tuy thế, theo Sartre, tân tiểu thuyết vẫn duy trì hình thức và những đường nét tổng quát của một tiểu thuyết thông thường, nghĩa là những tác phẩm tưởng tượng gồm có những nhân vật hư cấu, kể cả cốt chuyện. *"Tác phẩm được thực hiện để lừa phỉnh chúng ta nhiều hơn; mục đích là "dùng tiểu thuyết để thách đố tiểu thuyết, để phá hủy tiểu thuyết ngay trước mắt chúng ta trong khi hình như vẫn kiến tạo nó, để viết tiểu thuyết của một loại tiểu thuyết không hình thành được và không thể hình thành được" (14) .*

Về nhân vật của Sarraute, Sartre nhận định: *"bà xây dựng nhân vật không phải từ bên trong, chẳng phải từ bên ngoài, đối với cả chúng ta lẫn tha nhân, bởi vì bên trong và bên ngoài đều hiện diện cùng một lúc"... "con người không phải là một nhân vật, không phải là một câu chuyện, cũng chẳng phải là một hệ thống những thói quen, tập tục, mà là một quá trình diễn tiến liên tục khi-đến-khi-đi giữa cái đặc thù và cái phổ quát" (15)*

.

Đó là nhận định của ông tổ triết học hiện sinh về tiểu thuyết của một trong những tác giả trụ cột của trào lưu tân tiểu thuyết sôi nổi một thời. Riêng về dư luận nói chung, thì tân tiểu thuyết bị tố cáo là xóa sạch quá khứ, muốn xua đuổi con người ra khỏi thế giới, chỉ nhắm đến một khách quan tính toàn diện, rất khó đọc, chỉ dành cho những nhà chuyên môn.(16). Khó mà xác quyết được chuyện đúng sai về mặt lý thuyết giữa tiểu thuyết cổ điển và tân tiểu thuyết. Thực tế thì sau thời gian đầu sôi nổi, cực đoan, quá khích , về sau, các nhà tân tiểu thuyết cũng tìm cách châm chước nhiều trong tác phẩm của họ về nhân vật và cốt truyện. Vả lại, chính độc giả chứ không phải ai khác vẫn quyết định sự sống còn của các tác phẩm. Thay vì đã trở thành huyền thoại, nhân vật vẫn còn đó, ít ra là cho đến

nay, dù dưới hình thức cổ điển nhất hay các hình thức pha tạp, cải tiến mới mẻ hơn. Dù cách tân kiểu nào về mặt kỹ thuật diễn đạt (theo tôi, cũng chỉ có thể cách tân về mặt này thôi), thì nhân vật vẫn là trọng tâm của tiểu thuyết, là ưu tư hàng đầu, là cảm hứng sáng tạo của nhà văn và là nguồn kích thích sự đọc. Vì nhân vật là sự phóng rọi của chính bản thân nhà văn vào chữ nghĩa, là đối tượng đồng hóa, cảm nhận và tái sinh của người đọc. Như Sartre đã chỉ ra, dù các nhà tân tiểu thuyết cố hết sức đẩy nhân vật ra khỏi tiểu thuyết, tìm cách hư vô nó một cách nào đó, nhân vật vẫn bướng bỉnh tồn tại, dưới dạng này hay dạng khác: đẩy chúng ra cửa trước, chúng lại tìm vào cửa sau, dù lấp ló, thấp thoáng, không chường mặt.

*** Nhân vật: quá trình hình thành**

Dù biết chỉ là hư cấu, độc giả vẫn thường hay thắc mắc về nhân vật: thật hay giả ? Thắc mắc đó, thực ra, chỉ là cảm giác bâng khuâng sau khi đọc xong một tác phẩm. Nó cho thấy độc giả bị thuyết phục bởi những gì xảy ra với nhân vật , nó cho thấy có một sự truyền đạt tâm cảm từ tác giả đến độc giả. Nói khác đi, nó cho thấy tính hiệu quả của hình tượng nhân vật tiểu thuyết trên tâm thức độc giả.

Như đã đề cập nhiều lần, không có nhân vật tiểu thuyết nào là thực cả. Nhưng chắc chắn là tác giả phải dựa vào những nhân vật có thực để hình thành nên các nhân vật của mình. Một nhân vật là tổng hợp của những chi tiết từ nhiều nhân vật A,B,C,D... khác nhau. Nhân vật luôn luôn là một sản phẩm lai. Tất nhiên, nhân vật thì phải có thể hình, diện mạo, tên tuổi, lai lịch. Nhưng đấy không phải là bản chất của việc xây dựng nhân vật. Chúng chỉ cho ta một ý niệm, một hình ảnh để quy chiếu.

Xây dựng một nhân vật trước hết là xây dựng hành động của nhân vật. Vì nhân vật phải là một chủ thể hành động, nghĩa là phải nói và làm. Laurence Perrine nhận xét: *"Nhân vật phải hành động, nếu đó là một tiểu thuyết; khi những nhân vật không hành động, truyện tiến đến chỗ chỉ là một luận văn"* (17). Qua hành động, nhân vật mới được xác nhận như một thực thể, một bản chất. Theo Dante : *"Trong bất kỳ hành động nào, ý hướng đầu tiên của người hành động là để biểu lộ hình ảnh của riêng mình"* (18). Mặt khác, chỉ qua hành động , nhân vật mới được thừa nhận như là có thật và thuyết phục độc giả về sự có thực này. Xây dựng nhân vật còn là xây dựng tâm cảnh của nhân vật. Hành động không, chưa đủ. Lúc đầu, con người vẫn tưởng rằng hành động có thể nói lên đầy đủ ý hướng của mình. Thực ra, có rất nhiều hành động có tính cách vô tính, không nói lên cái gì riêng biệt cả. Nghĩa là, đôi khi, hành động không tạo

ra được một hình ảnh giống mình đã đành, mà còn đưa tới ngộ nhận và nghịch lý. Milan Kundera quả quyết: *"Nghịch lý về bản chất của hành động là một trong những khám phá của tiểu thuyết"* (19). Bởi thế mà kèm theo hành động, nhân vật phải có một tâm cảnh riêng, nghĩa là một chủ thể tâm lý. Nhân vật chứa đựng những trạng thái tâm lý, đi từ ý thức tới vô thức, đi từ sự đồng nhất tới sự khác biệt, tranh chấp, xung động. Các nhà tiểu thuyết Nga, đặc biệt là Tolstoy và Dostoyevsky, đã đóng góp lớn lao trong việc tạo nên những nhân vật tâm lý trong tiểu thuyết. Tolstoy, lần đầu tiên trong lịch sử tiểu thuyết, là người dùng độc thoại nội tâm trong "Anna Karerina", để mô tả những xung động vô thức, những tư tưởng gãy khúc, để từ đó đẩy tới những hành động bên ngoài của nhân vật thoạt trông rất phi lý, mâu thuẫn.

Xây dựng nhân vật, sau cùng và quan trọng nhất, thường xuất phát từ một ý tưởng chủ đạo . Ý tưởng này có thể gợi lên từ một câu chuyện, một bắt gặp tình cờ, một quan điểm triết lý, một thảm kịch, một ý niệm siêu hình, một tình huống tâm lý nào đó. Có những tác phẩm thuộc loại "luận đề" rất nặng ký, trong đó nhân vật chỉ là phát ngôn viên cho tác giả một cách không giấu diếm nhằm trình bày một học thuyết, một luận điểm nhân sinh nào đó. Roquentin trong "La Nausée" của Jean-Paul Sartre, Meursault trong "L'Etranger" của Camus, chẳng hạn. Hầu hết tiểu thuyết đều không hẳn như thế. Nhưng dù gì thì gì, nhà văn khó mà xây dựng nhân vật của mình một cách chu đáo nếu thiếu một ý hướng, một chủ điểm về toàn cục để từ đó đặt nhân vật vào. Ngay cho cả khi cái gợi hứng cho tác giả xuất phát từ một nhân vật có thật, một câu chuyện cụ thể, nhà văn cũng phải rút ra từ đó một cái gì có tính tổng hợp, thoát hẳn khỏi những chi tiết tạo nên. Không có cái nhìn tổng hợp, nhân vật sẽ rất bấp bênh trong tác phẩm. Các truyện ngắn và truyện thật ngắn cũng vậy. Dù có một trang hay vài trang giấy, nhân vật ít hay chỉ một, không gian hẹp, thời gian thu gọn, nhưng thiếu một ý tưởng chủ đạo, truyện cũng sẽ chênh vênh, lấp lửng, thiếu nền, mất phương hướng. Và các nhân vật, do đó, sẽ trở nên vô hồn. Phát biểu về việc hình thành truyện ngắn "Kẻ Phá Hoại" (Saboteur) được chọn in ngay phần đầu của tuyển tập "The Best American Short Stories 1997", Ha Jin, tác giả - một nhà văn Mỹ gốc Hoa, hiện dạy tại đại học Emory University, Atlanta - cho biết *"có hai ý tưởng quyết định cấu trúc truyện: (i) Tội ác theo đuổi tội phạm. Ý tưởng này đã được trình bày trong truyện "Trial" của Kafka. Trong truyện Saboteur, ông giáo sư Chiu lúc đầu vô tội, nhưng khi bị gán ghép là kẻ phá hoại, cuối cùng ông ta thay đổi và trở thành kẻ phá hoại thực sự. (ii) Sự phân biệt giữa kẻ áp bức và nạn nhân không rõ ràng. Hồi còn là sinh viên ở*

Harbin, tôi tận mắt chứng kiến một số nhà trí thức , vốn bị đối xử tàn tệ một thập niên trước, nhanh chóng trở thành những quan chức tàn ác khi họ được phục chức lại. Tội lỗi là cái tiềm ẩn bên trong. Những người Cộng Sản, đã từng là nạn nhân, nhưng khi cho họ cơ hội nắm quyền, họ lập tức trở thành những kẻ áp bức" (20)

Việc xây dựng nhân vật Agnes trong tác phẩm "Immortality" được tác giả là nhà văn Kundera diễn tả như sau: Hôm đó, nhà văn ngồi ở một hồ tập bơi, đợi một người bạn. Trong lúc chờ đợi, ông đưa mắt ngắm nhìn một bà lão tuổi trạc sáu mươi, sáu lăm đang học bơi. Khi buổi học bơi chấm dứt, bà đi quanh hồ bơi, đi ngang qua người thanh niên trực hồ bơi, rồi bỗng quay lại, vẫy tay chào người thanh niên. Cử chỉ của bà lão là một hỗn hợp giữa một cái gì vừa quyến rũ vừa bi tráng khiến nhà văn vô cùng xúc động. Vì cử động và nụ cười của bà mang dáng nét của một cô gái mới hai mươi tuổi. Ông cảm thấy tim nhói lên khi nhận ra là cử chỉ đó nằm ngoài thời gian, nghĩa là không lệ thuộc gì vào cơ thể đã lão hóa của người đàn bà. Điều này đẩy ông tới ý nghĩ rằng *"Có một phần nào đó của tất cả chúng ta tồn tại ngoài thời gian. Có lẽ chúng ta nhận biết tuổi của chúng ta chỉ trong những lúc đặc biệt, còn thì hầu hết thời gian chúng ta sống không hề có tuổi"(21).* Nhân vật Agnes được hình thành trên ý tưởng đó, ý tưởng về một cái gì bất tử chứa đựng trong con người - immortality.

Có thể nói, đàng nào, một tác phẩm văn chương cũng phải "nói lên" một cái gì đó, xuyên qua nhân vật (những nhân vật) mà mình tạo ra. Tôi không muốn nói, văn chương là "văn dĩ tải đạo" (thường là đại ngôn) mà các bài nghị luận luân lý thường đề cập. Điều mà một tác phẩm văn chương đúng nghĩa muốn "nói" thường nhỏ bé hơn, khiêm tốn hơn, vụn vặt hơn, tầm thường hoặc rất tầm thường rút ra được từ cuộc sống muôn hình muôn vẻ. Cái lớn lao, nếu có, chính là ý nghĩa của những điều đó mà mỗi độc giả tìm thấy khi thưởng thức tác phẩm. Qua văn chương, tác giả thường chỉ muốn gửi gắm hơn là dạy bảo và phán xét (22). Trong "Don Quixote", Cervantes thăm dò bản chất của cuộc phiêu lưu. Trong "Père de Goriot" ,Balzac đưa ra số mệnh cuả một người cha bị tàn phá bởi một tham vọng vừa hào hiệp vừa hiểm độc. Qua "À la recherche du temps perdu", Proust chiêm nghiệm về vấn đề thời gian. Thomas Mann thì đề cập đến vai trò của huyền thoại đối với những hành động hiện tại của con người trong "Death in Venice". Nguyễn Mộng Giác, với "Mùa Biển Động", đề cập đến hậu quả của cuộc tranh chấp ý thức hệ lên thế hệ trẻ Việt Nam thập niên 60 và 70 . Cũng cần nhấn mạnh ngay ở đây một điều: một chủ điểm được "gói ghém" hay "toát ra" một cách tự nhiên từ toàn bộ câu chuyện , từ cuộc sống của nhân vật nói lên được nhiều hơn một chủ điểm trình bày

quá lộ liễu. Đây là một điều có vẻ nghịch lý: chủ điểm càng lộ liễu - dù truyện có phong phú, sống động về chi tiết - thì câu chuyện đâm ra càng nghèo nàn và nhân vật đâm ra càng trở thành người máy. Và ngược lại. Có nhiều truyện, khi đọc xong, ta có cái cảm giác bâng khuâng, day dứt, bàng hoàng không nguôi, y như thể tác giả đã nói lên một cái gì lớn lắm, cốt tủy lắm mà cũng gần gũi lắm, nhưng rất khó tìm ra hay lý giải. Đấy là một kinh nghiệm đầy chất hiện sinh, thường tìm thấy trong những tác phẩm có tầm vóc.

Trong những tiểu thuyết trường thiên với một không gian rộng và thời gian dài, số lượng nhân vật nhiều, việc xây dựng nhận vật phải được định sẵn bằng những chi tiết cụ thể từ tính tình, quan niệm sống, thói quen...và có một bố trí hợp lý trong hệ thống các nhân vật chính và phụ - kể cả những nhân vật xuất hiện rất tình cờ và không có ý nghĩa gì lớn trong toàn bộ tác phẩm . ở đây, ta sẽ thấy công việc sáng tạo của nhà văn không còn có thể hình dung như là một tay nghệ sĩ, ngồi vào bàn viết và thế là thao thao bất tuyệt viết theo cảm hứng và tưởng tượng của mình nữa. Ngược lại, người ta sẽ chứng kiến một nhà nghiên cứu ngồi đối diện trước một đống tài liệu gồm các sách, truyện, các ghi chép, và làm việc với một tinh thần khoa học và một ý thức tỉnh táo

- lập sơ đồ các biến cố
- lý lịch, tính cách các nhân vật và liên hệ giữa chúng với nhau
- khung cảnh xã hội thích hợp
- trạng huống tâm lý
- nhân sinh quan v...v... Nhân đây, tôi xin ngắt ngang để trích một nhận định rất "đáng đồng tiền bát gạo" của nhà phê bình Thụy Khê về việc viết văn: "*...nghề văn là một nghề lao động trí thức.(...). Kinh nghiệm cho biết là muốn tiếp tục viết, nhà văn phải có thì giờ đầu tư vào địa hạt tư tưởng, rồi từ đó mới có thể sản xuất ra được tác phẩm của mình. Tình trạng chung của nhà văn Việt Nam, trong nước cũng như ngoài nước, hình như là phần lớn đều thành danh nhờ tài năng của mình. Và khi đã vận dụng hết tài năng, trong một vài tác phẩm, thì họ hết vốn. Nếu không có phần đầu tư tri thức - tức là vay mượn thêm của người khác - thì khó có thể tiếp tục được. Sáng tác chẳng qua chỉ là công việc điều chế hay nghiền nát những tư duy thâu thập được trong đời sống và trong kiến thức văn hóa của loài người để tác thành sản phẩm của riêng mình. Sáng tác cũng tựa như thuật luyện kim, nếu không có quặng thì làm sao nên kim được?" (23).*

Vâng, phải có quặng , nhà văn mới sáng tạo được. Quặng ở đây là tri thức, sự kiện được tích lũy dưới nhiều dạng khác nhau, để từ đó, nhà văn

tạo ra một sản phẩm hư cấu hoàn toàn mới. Cái khó của nhà văn ở đây là xây dựng một cái không có thực từ những cái có thực. Anh ta không thể bê nguyên một cụm hiện thực vào, mà cũng không thể loại hết chúng ra. Phải chọn lọc, sắp xếp, tận dụng óc tưởng tượng, chụp bắt các trực giác tâm lý... Kim Dung cho biết (trong một cuộc phỏng vấn khi đến thăm Sài Gòn năm 1974) rằng ông phải lập một tấm bảng lớn ghi rõ tên họ, tính tình, hoàn cảnh của tất cả các nhân vật của mình (hàng trăm, ngàn cho mỗi bộ truyện) và các tình tiết chính trước khi bắt đầu viết. Ông phải kiểm tra lại hàng ngày, vì những chi tiết (có khi là chi tiết chính) có thể thay đổi qua quá trình cảm hứng sáng tạo trong khi viết . Nguyễn Mộng Giác phải lập "một bảng phổ hệ và lý lịch chi tiết từng nhân vật chính", phải dựa vào tài liệu của cuốn "Battle for Hue Tet 1968" của Keith William, Quân Sử VNCH, "Tháng Ba Gãy Súng" của Cao Xuân Huy, "Ngửng Mặt Nhìn Trăng Sáng" của Hoàng Khởi Phong(24). Leo Tolstoy cũng thế. Để hoàn thành "War and Peace", ông phải gom góp, nghiên cứu tài liệu cả hơn chục năm trời, kể cả đi quan sát thực địa, đến nỗi khi hoàn thành, ông có cảm giác như nó là một cuốn sách (book) hơn là một bộ truyện (novel)(25). Người ta thắc mắc: tại sao nhà văn lại mất công đi làm cái việc của nhà sử học, hoặc làm việc mà nhà sử học đã làm rồi ? Từ tài liệu, nhà sử học xây dựng nên những sự kiện, trong lúc nhà văn tái tạo lại đời sống trong thiên hình vạn trạng của nó. Trong lịch sử, nhân vật là nhân vật lịch sử, nghĩa là những điều đã hoàn tất, đã qua, không bao giờ lập lại. Trong tiểu thuyết, nhân vật (cho dù đó là nhân vật lấy lại tên của nhân vật lịch sử) là con người - như anh, như tôi - đang vật lộn với cuộc tồn sinh. Trong ý nghĩa đó, Aristotle cho rằng: *"truyện hay hơn sử vì nó không phải dựa trên một thực tại thô thiển, nhưng dựa trên cái khả thể. Nó hiện thực hơn cái có thực, nó cung cấp cho độc giả yếu tính của hiện thực" (26).* Aristotle không có ý tranh cãi tiểu thuyết và lịch sử cái nào "thực" hơn cái nào. Ông chỉ muốn nhấn mạnh đến cái "hơn" chỉ để bài bác lại một quan niệm phổ biến thời đại ông (chịu ảnh hưởng của Platon) cho rằng tiểu thuyết là phù phiếm, vô bổ, vô ích, hoang tưởng.

Chính vì tiểu thuyết phải mô tả, nói lên cái sâu xa hơn hiện thực, việc xây dựng nhân vật tiểu thuyết không đơn thuần chỉ là việc mô tả nhân dáng, tính tình, tên tuổi, nghề nghiệp, gia thế. Tất nhiên, về mặt kỹ thuật, việc mô tả đó tùy thuộc vào từng tác giả. Có tác giả mô tả nhân vật một cách rất chi li về diện mạo, tên tuổi, tính tình, ... như Balzac và những môn đệ của ông. (Balzac được đánh giá là người đã góp công lớn trong kỹ thuật tả chân tiểu thuyết). Ấy thế, không phải như những nhà tân tiểu thuyết Pháp thường chế diễu, nhân vật của Balzac không đơn thuần thu

tóm trong các chi tiết đó. Các nhân vật của ông chao đảo trong tấn thảm kịch gia đình và qua đó, là tấn thảm kịch của thời đại ông và của cuộc đời. Vấn đề nhân vật không phải là vấn đề các chi tiết vật lý. Chúng được dùng chỉ để nhấn mạnh tính cách, không khí truyện. Vấn đề là thân phận của nhân vật trong cuộc tồn sinh. Đấy chính là yếu tính của việc xây dựng nhân vật. Nói như Trollope, nhân vật phải *"ở với nhà văn khi ông ta nằm xuống ngủ, và khi ông ta thức dậy từ giấc mơ"*. Và nhà văn *"phải học căm thù chúng và yêu thương chúng. Ông ta phải tranh cãi , lý luận với chúng, tha thứ cho chúng, và ngay cả nhượng bộ chúng. Ông ta phải biết rõ về chúng xem chúng lãnh cảm hay đam mê, đúng hay sai, đúng đến đâu và sai đến đâu"(27)*

Trong quá trình sáng tác, nhân vật phải được xem như có thật, đang hiện diện đâu đó, thoạt biến thoạt hiện, săm soi, rình mò, thách đố nhà văn. Nhà văn phải có một nỗ lực "săn lùng, chụp bắt nhân vật", nghĩa là một quá trình tìm kiếm và bồi bổ liên tục nhân vật. Không phải chỉ nêu một cái tên, mô tả một ít nét điển hình về diện mạo, cá tính và đặt chúng vào trong một câu truyện là xem như cứ thế mà viết.

Nhân vật luôn luôn được điều chỉnh, triển khai, cắt xén, sửa đổi trong suốt quá trình sáng tạo. Sự tương tác giữa nhân vật - nhân vật, giữa nhân vật - biến cố khiến cho nhân vật được duy trì ở tình trạng không ổn định. Lược đồ nguyên thủy về tuyến nhân vật, về các biến cố có thể thay đổi. Bởi vì, sáng tạo là một nỗ lực lập tương quan giữa các yếu tố, dữ kiện hiện sinh. *"Nhân vật được xác định bởi yếu tính của những vấn đề hiện sinh của nó"* (28). Tạo một nhân vật là tạo một cơ cấu hiện sinh. Và nhà văn trải qua một quá trình thể nghiệm hiện sinh dữ dội. Nhân vật không phải là một cái gì đã qua, đã mất, đã chết trong một cái khuôn định sẵn. Được "chế tạo" bởi tác giả, nhưng nhân vật vẫn có ảnh hưởng ngược lại đối với tác giả, thay đổi ngay cả ý tưởng chủ đạo của tác giả. Nhân vật là một hữu thể đấm mình trong dòng hiện hữu. Mà hiện hữu, theo một ý của Kundera, *" là vương quốc của các khả thể tính nhân sinh, là tất cả cái mà con người có thể trở thành"*(29).

*** Nhân vật và độc giả**

Ta có thể ví von: nhân vật như một đứa trẻ được tác giả thai nghén, sinh ra và nuôi dưỡng. Càng lớn, đứa trẻ càng trở nên độc lập và có lúc, tách hẳn khỏi bố mẹ. Khi một tác phẩm hoàn thành, nhân vật không thể được xem như nhân vật của tác giả nữa, mà là một nhân vật thuần túy. Nó vào đời và bắt đầu cuộc phiêu lưu vĩnh cửu của nó qua người đọc. Do đó,

tính cách của nhân vật đối với người đọc khác xa với tính cách của nó trong quá trình hình thành

Nhân vật, trước hết xuất hiện như một hiện thực có khả năng hoàn thành các chức năng hiện sinh của nó. Tolstoy bảo, nhân vật là vật tự động (autonomes) ra đời và cư trú (inhabit) trong cái thế giới riêng của nó. Tương tự thế, Kundera gọi nhân vật là những tự ngã (selves). *"Những chân lý hiện thân qua những tự ngã tưởng tượng, gọi là nhân vật"*(30). Trong khoảng thời gian và không gian hạn hẹp, cũng như con người trong cuộc đời thật, nhân vật bươn chải, vẫy vùng, hụp lặn trong cuộc tồn sinh của chúng, hạnh phúc và đau khổ. Một nhân vật tiểu thuyết là một nhân vật tiểu thuyết - là một cái gì tồn tại cho chính nó và phát triển theo cách của nó, y như một sinh vật ra đời, sống cuộc đời của riêng nó. Theo dõi số phận của một nhân vật, mấy ai nghĩ rằng nó đã từng được thai nghén trong tâm thức của một người gọi là tác giả. Chẳng ai can thiệp vào để thay đổi một chút gì về thân phận của nó, kể cả tác giả. Tính cách tự động của nhân vật còn được hiểu theo một nghĩa khác: sự tiếp nhận của độc giả. Phẩm chất của nhân vật, tính cách của nhân vật "tự động" chuyển biến theo loại độc giả, theo tâm trạng riêng của từng độc giả.

Nhân vật tiểu thuyết dường như không bao giờ chết. Ngay cả khi nhân vật chết trong tiểu thuyết, nó vẫn tái sinh mỗi lần ta đọc lại. Một tác phẩm văn chương là một cái gì luôn luôn được đòi hỏi phải đọc lại. Một tác phẩm hay, là một tác phẩm, trong đó, nhân vật sẽ được tái sinh nhiều lần. Tam Quốc Chí, tôi đọc đi đọc lại e cũng có đến 40 lần (kể từ hồi còn học đệ thất). Cứ mỗi một lần đọc lại, tôi lại sống lại những tháng ngày nhiễu nhương thời Hán mạt ở Trung Hoa, sống lại tâm tình của một Tào Tháo trẻ trung, năng động, nhiều tham vọng (y như mình ngày nào!), hào hứng theo dõi cuộc Đào Viên Kết Nghĩa, và anh chàng Lưu Bị dệt chiếu tham vọng, nhưng ngây thơ, hồi hộp theo dõi màn Tam Cố Thảo Lư, rồi anh chàng Khổng Minh xuống núi, ra tay an bang định quốc...Nghĩa là y như thể những nhân vật chưa đó hề chết lần nào, y như thể họ mới được sinh ra. Ấy thế, hầu như mỗi lần đọc lại một truyện, dù biết tỏng kết quả cuả nó, ta vẫn cứ sống đời sống của nhân vật từ lúc bắt đầu cho đến khi tác phẩm chấm dứt. Có thể mỗi một lần đọc, tác phẩm như có khác đi đôi chút, được làm mới lại do ấn tượng của lần đọc trước, và do đó, diện mạo của nhân vật không còn hoàn toàn như cũ, nhưng chúng vẫn ở đó, sống động như mới đọc lần đầu. Thậm chí, có nhân vật ta biết trước là sẽ chết vào một lúc trong tác phẩm, nhưng lúc đang đọc, vào thời điểm đó, nhân vật vẫn cứ sống và tương lai trước mặt nhân vật vẫn là một ẩn số, vẫn bất trắc. Có một trạng thái nghịch lý trong tâm thức độc giả: vừa biết nhân vật

sẽ chết, vừa sống cái sống hiện đương của nhân vật. Chỉ khi nào ta đọc như một nhà phê bình thì nhân vật mới trở thành lịch sử, nghĩa là một cái gì đã chết hẳn rồi, vì nhân vật được xem như là một đơn vị từ, đơn vị ngữ nghĩa nào đó.

Nhân vật là một thực thể tổng hợp, tổng hợp giữa nhiều yếu tố khác nhau: hình ảnh, ý niệm, tình cảm, tưởng tượng. Nhân vật, tất nhiên là để chỉ một người, nhưng không hề cho ta một nhân dáng, diện mạo cụ thể nào bằng xương bằng thịt, kể cả khi nhân vật được mô tả rất kỹ. Tùy theo tình cảm, óc tưởng tượng, và những hình ảnh gợi ra từ câu chuyện đang diễn tiến, nhân vật khi thì thế này, khi thì thế khác. Cùng là một nhân vật, cử chỉ này gợi ta liên tưởng đến một ông A nào đó, trong lúc lời đối thoại kia lại gợi ta nghĩ đến ông B. Và cứ thế. Rốt cuộc, hình như cái tương đối ổn định trong ta về một nhân vật là một khái niệm, khái niệm này níu vào cái tên riêng để quy chiếu. Còn ngoài ra, cái mà người đọc tìm kiếm không phải là một thực thể vật lý, mà là một nhân cách, một mảnh đời hay cả một cuộc đời với bao nhiêu bất trắc và phiền trược của nó.

Cuối cùng, khi đọc xong một tác phẩm, mỗi một nhân vật bao giờ cũng đọng lại trong ta một cảm thức riêng. Riêng, mà lắm khi rất chung. Đó là cảm thức về một định mệnh, một số phận, một cái gì mênh mang bất tuyệt về cuộc đời như một bi kịch , nghĩa là cảm thức về một thân phận nói riêng hay phận người nói chung. Tôi cho rằng cảm thức về thân phận là cảm thức thoát thai từ nhân vật tiểu thuyết. Hay nói một cách khác, trong tiểu thuyết, bằng tiểu thuyết, và chỉ qua tiểu thuyết, con người mới được nhận diện như là thân phận. Vì tiểu thuyết làm nổi bật con người bởi kịch tính của nó: con người nằm trong vòng cương tỏa của những tranh chấp, những mâu thuẫn, những nghịch lý của cuộc tồn sinh. Nhận xét đầy chất "giáo khoa" sau đây của Laurence Perrine trong một bài giảng cho sinh viên về nhân vật tiểu thuyết cho ta một sự so sánh về nhân vật tiểu thuyết và con người thực: *"Tiểu thuyết cho ta một cơ hội không gì sánh được để nhận thức được bản chất con người trong tất cả cái phức tính và đa dạng của nó. Trong một vài khía cạnh, chúng ta có thể biết những nhân vật tiểu thuyết tốt hơn chúng ta biết con người thực. Một mặt, chúng ta được phép nhận ra chúng trong những tình huống luôn luôn có ý nghĩa, tình huống giúp xây dựng những nhân vật mà vốn hiếm khi có được trong đời thường. Mặt khác, chúng ta có thể nhìn được nội tâm của nhân vật trong một cách không thể có được trong đời sống bình thường. Trong đời thường, chúng ta chỉ có thể đoán chừng những ý tưởng bên trong và tình cảm của họ từ các cử chỉ bên ngoài, thường chỉ để che dấu cái gì thực sự đang diễn ra bên trong. Trong những cách có giới hạn,*

chúng ta có thể biết người trong tiểu thuyết rõ ràng hơn biết họ ở ngoài đời, và khi hiểu những nhân vật tiểu thuyết, chúng ta có thể hiểu con người trong đời sống thực hơn chúng ta có thể làm cách khác" (31).

Một nhân vật trong cuộc đời thực khiến ta thương cảm, thù ghét hay sung sướng, và chỉ có thế. Một nhân vật tiểu thuyết - ngoài điều đó ra - còn cho ta ý niệm về một cái gì rộng lớn hơn, điển hình hơn, sâu sắc hơn. Đề cập đến tác phẩm "Anna Karenina" của Tolstoy, Melchior de Vouge viết: *"Phía sau những hình nộm nhân vật mà ông điều khiển cho múa may, không phải tôi thấy bàn tay người thảm thương của ông, mà thấy một cái gì huyền bí và dữ dội, cái bóng của vô cùng luôn luôn hiện diện...một nỗi thắc mắc câm lặng đối với cái bất khả thấu đạt, một tiếng thở dài xa xôi của định mệnh trong cõi hư vô" (32).* Cũng thế, Kiều của Nguyễn Du cho ta cảm thức về thân phận của một phụ nữ thời phong kiến hơn bất cứ một cô gái điếm nào mà ta biết, ta gặp, dù cuộc đời của cô ta có ngàn lần bi thiết hơn Kiều. Jivago cho ta cảm thức về thân phận một trí thức trong chế độ Cộng Sản hơn là chính chúng ta cảm nhận nó ngay khi đang sống dưới chế độ Cộng Sản. Cảm thức về "đời là bể khổ" chắc chắn sâu sắc hơn (mà cũng cụ thể hơn) qua "nhân vật" thái tử Tất Đạt Đa trong câu chuyện đi chơi qua bốn cửa thành. Cảm thức về "tội tổ tông" mạnh mẽ hơn qua "nhân vật" Adam trong câu chuyện Adam-Eva (33). Mẹ Lê trong "Nhà Mẹ Lê" của Thạch Lam cho ta cảm thức về cái nghèo một cách ghê gớm hơn nhiều cảnh nghèo mà ta chứng kiến. Hình ảnh của bà mẹ Việt Nam tảo tần trong "Thế Giới Hỗn Mang" của Phan Thị Trọng Tuyến tạo cho ta ấn tượng sắc nét hơn bà mẹ tảo tần của chính chúng ta. Những người lính trong các truyện ngắn chiến tranh đặc sắc của Trần Hoài Thư trong "Ra Biển Gọi Thầm" làm nỗi rõ hơn thân phận đầy kịch tính của người lính VNCH. Thân phận của người bộ đội Cộng Sản chỉ thực sự thành hình trong "Nỗi Buồn Chiến Tranh" của Bảo Ninh. Và ông tướng về hưu Cộng Sản chỉ trở thành phận người qua ngòi bút của Nguyễn Huy Thiệp trong "Tướng Về Hưu". Nàng Thị Lộ trong "Thị Lộ" của Hồ Minh Dũng cho ta một cảm thức sâu sắc về người thiếp yêu cuối đời của Nguyễn Trãi trong bi kịch "Lệ Chi Viên" ngày nào, hơn là một Thị Lộ lịch sử mà chúng ta từng biết. (34)

Thân phận con người - phải chăng đó là tất cả cái mà nhà văn muốn trao gửi đến người đọc qua những nhân vật trong tác phẩm của mình!❐

(1) Tô Thùy Yên, *Hợp Lưu 24*, tháng 8 và 9/95, tr. 170

(2) Alain Robbe-Grillet, *Pour un nouveau roman*, Collection "Critique", Les Editions de Minuit, 1963, Paris, tr. 9

(3) Nathalie Sarraute, *L'ère de Soupcon*, tr. 132

(4) Nathalie Sarraute, sách đã dẫn, tr. 133

(5) Alain Robbe-Grillet, sách đã dẫn, tr. 29

(6) Alain Robbe-Grillet, sđd, tr. 37

(7) Alain Robbe-Grillet, sđd, tr. 120

(8) Martin Seymour-Smith, *Novels and novelists*, St. Martinõs Press, New York 1980, tr. 50

(9) Alain Robbe-Grillet, sđd, tr. 128

(10) Alain Robbe-Grillet, sđd, tr. 134

(11) Alain Robbe-Grillet, sđd, tr. 18

(12) Nathalie Sarraute, dẫn lại theo Gretchen Rous Besser, Nathalie Sarraute, Twayne Publishers G.K Hall & Co., tr. 32

(13) "New movements in French literature: Nathalie explains Tropisms", *The Listener* (BBC Third Programme), 65, No. 1667, March 9, 1961. Dẫn lại theo Gretchen Rous Besser, sách đã dẫn, tr. 32

(14) Jean-Paul Sartre, trong lời đề tựa cho tác phẩm *Portrait d'un Inconnu*, Nathalie Sarraute , Gallimard, Paris , 1956, tr. 8

(15) Jean-Paul Sartre, sđd, tr. 13, 14

(16) Alain Robbe-Grillet, sđd, tr. 114

(17) Laurence Perrine, *Literature, structure, sound and sense*, second edition, Hartcourt Brace Jovanovich Inc., tr. 68

(18) Dẫn lại theo Milan Kundera , *The art of the novel*, New York, Grove Press 1988, tr. 23

(19) Milan Kundera, sách đã dẫn, tr. 24

(20) Ha Jin, *The Best American Short Stories 1997*, Houghton Mifflin Company, Boston, New York, 1997, Contributorsõ Notes, tr. 350

(21) Milan Kundera, *Immortality*, bản tiếng Anh của Peter Kussi, Grove Niedenfeld, tr. 4

(22) Thực ra, không phải tất cả các truyện đều có một chủ điểm tư tưởng. Một số lượng lớn những truyện phiêu lưu, trinh thám, kinh dị... chỉ có mục đích giải trí thuần túy, giết thì giờ. Nhưng xét cho cùng, ngay cả như thế, không phải là chúng không chứa đựng những quan niệm nào đó về thiện ác, chính tà, phải trái...Trong bài này, tôi giới hạn đề tài trong những tác phẩm có tính văn chương, hoặc nhắm đạt đến giá trị văn chương.

(23) Thụy Khê, trả lời phỏng vấn, *Văn Học 141&142*, tr. 14

(24) Nguyễn Mộng Giác, *Mùa Biển Động*, tập 5, "Lời cuối cho một bộ trường thiên", tr. 1858

(25) Dẫn theo Martin Seymour-Smith, sách đã dẫn, tr. 29

(26) Theo Martin Seymour-Smith, sách đã dẫn, tr. 10

(27) Trollope, *Autobiography*. Dẫn theo Martin Seymour-Smith, sách đã dẫn,

thành phố nắng
ĐẶNG HIỀN

Anh với tình quên cả rừng thơ
Dỗ trái tim dở chứng dại khờ
Tập ảnh cũ nụ cười ở lại
Con đường về xốc nổi lời ca

Và tháng năm màu xanh chợt lạ
Nắng tia nhìn, vàng tháng tư qua
Trăng vẫn đến một mình lặng lẽ
Rồi cũng đi chưa đến bao giờ

Đong chút nhớ giùm anh biển nắng
Đôi mắt chiều tóc chảy dòng sông
Thành phố nóng rân ran bài hát
Sáng trôi trôi sáng nắng bềnh bồng

Em ở lại đường thơm hương cũ
Phố xa xôi ôm bởi ơ thờ
Này hạ ơi, những ngày tuổi trẻ
Con mắt cười nắng buồn xót xa.

tr. 61

(28) (29) Kundera, sđd, tr. 26, 27

(30) Milan Kundera , The art of the novel, N.Y., Grove Press 1988, tr. 6

(31) Larrence Perrine, sđd, tr. 68

(32) Dẫn lại theo Võ Phiến, *Văn Học 145*, tr. 17

(33) Hiểu theo nghĩa rộng, tôi cố ý xem những câu chuyện như thế là một loại tiểu thuyết, hay ít ra cũng là hình thức tiền thân của tiểu thuyết, ngay cả dù chúng được sáng tạo ra chỉ để nhằm mục đích thuyết giáo. Vả lại, suy cho cùng, nếu chúng ta bỏ ra ngoài những lý luận có tính giáo điều, nhà văn và nhà tôn giáo gặp nhau ở chỗ cả hai cùng suy gẫm về cuộc nhân sinh.

(34) Phan Thị Trọng Tuyến, *Thế Giới Hỗn Mang*, truyện ngắn, Hợp Lưu số 35, 1997.

Trần Hoài Thư, nhiều truyện trong *Ra Biển Gọi Thầm*, tập truyện, 1995

Hồ Minh Dũng, *Thị Lộ*, truyện ngắn trong *Câu Nam Ai Thất Lạc*, tập truyện, 1997

Tự do và Sáng tạo

Trần văn Tích

Hiểu một cách thực tổng quát, tự do là không bị câu thúc, ràng buộc. Hiểu như thế, tự do có lợi ích, có hứng vị của nó.

Tự giải khỏi các tập quán hằng ngày khiến cuộc đời bớt gò bó, thêm hấp dẫn; tưởng tượng có điều kiện bay cao và bay xa hơn; tâm tư thoải mái hơn, do đó tâm tình vui vẻ hơn. Tạm ngưng hay ngưng hẳn "vinh quang" (ví dụ về hưu) tạo không khí thung dung nhàn hạ để có thể... đọc *Văn Học* kỹ hơn, xem truyền hình nhiều hơn, theo dõi giải túc cầu thế giới thoải mái hơn. Khi không còn phải lo ngay ngáy về những câu thúc nghi lễ chặt chẽ, con người xử sự thành thật hơn, tự nhiên hơn, thân tình hơn. Hủy bỏ được sự chi phối của kẻ khác, con người nâng cao nhân phẩm và bảo vệ tự lập.

Nhưng tự do cũng có những hạn chế của nó. Có câu thúc mới có giá trị của tự do, có "đi cải tạo" rồi mới thấy giá trị của "giấy ra trại", có được "giải phóng" rồi mới thấy ham bị "bóc lột". Tự do hoàn toàn dễ trở thành nhàm chán. Vì tự do để làm gì đây? Để đi tìm cứu cánh của tự do, nhưng mọi cứu cánh đều là câu thúc, không nhiều thì ít. Đọc *La Nausée* (Buồn nôn) của Sartre thấy rõ cảm tưởng nhờm tởm của tình trạng hoàn toàn tùy tiện tùy ý. **Để cho tự do khỏi trở thành phóng túng, cá nhân trong xã hội phải tự giác nhận thức trách nhiệm.** Cho nên tu viện Tê-le-mơ (abbaye de Thélème), cơ cấu tôn giáo hư cấu của Rabelais trong *Gargantua* qui tụ một tập thể sống không gò bó nhưng là một tập thể thượng lưu tinh hoa. Chủ nghĩa nhân bản tin vào con người, hướng con người đến mục đích mưu cầu hạnh phúc vật chất và tinh thần mà không xúc phạm nhân phẩm.

Cuộc sống của con người trong xã hội bao gồm nhiều mối quan hệ chằng chịt lẫn nhau giữa người và người trong phạm vi cá nhân, gia đình

và cộng đồng. Toàn bộ những qui tắc giao tế trong cuộc sống công cộng của con người đòi hỏi phải có những tiêu chuẩn cư xử nhất định để giữ gìn trật tự chung. Những tiêu chuẩn này một phần được ghi thành văn bản, đó là pháp luật; còn phần lớn chỉ hình thành do qui ước và ràng buộc tự nhiên, nhiều khi rất khắt khe, của dư luận, đó là đạo đức. **Trong thực tế sáng tạo, nghệ sĩ, văn sĩ, thi sĩ không bao giờ tự do.** Làm thơ, phải chịu sự ước thúc của một loạt qui tắc bố trí ngôn ngữ: phân dòng, ngắt nhịp, số tiếng, số câu, đối ngẫu, gieo vần, bằng trắc, niêm luật v.v... Huống chi ngôn ngữ tự bản thân vốn đã là một hình thức gò bó khi sáng tác vì làm thơ viết văn đương nhiên là phải chọn chữ chọn lời. Mallarmé bảo người ta không làm thơ bằng ý mà làm thơ bằng chữ *(Ce n' est pas avec des idées que l' on fait des vers, c' est avec des mots)*. Nhiều trường phái, nhiều tác giả cổ xúy các qui ước khắt khe khi sáng tạo ngôn ngữ nghệ thuật, thậm chí có trường phái, có tác giả còn tự cưỡng chế mình phải theo thực sát đúng các luật lệ thi ca. Trong văn chương tiếng Pháp có nhóm Thất tinh, Malherbe, Mallarmé, Valléry, Oulipo *. Ngay người làm thơ tự do – *verslibriste* theo Pháp ngữ – vẫn có một hiến pháp thi nghệ.

Nghệ thuật luôn luôn có cưỡng chế là hệ luận. Nghĩ rằng nghệ thuật càng vươn lên cao khi càng có tự do cũng giống như nghĩ rằng cái dây níu con diều giấy lại không cho nó tung hoành trong bầu trời. Con chim cưu của Kant, khi ngỡ rằng mình sẽ bay thanh thoát hơn nếu không có không khí làm vướng bận đôi cánh đã không ý thức được rằng nó chẳng thể đập cánh tung mình nơi chân không. Nghệ thuật muốn đi lên phải có đối kháng để nương tựa. Khốn quẫn về tài chánh – tức là kinh tế bó buộc, thiếu tự do hưởng thụ – thì dễ làm thơ hay. *Thi cùng nhi hậu công*, thơ phải khốn cùng sau đó mới hay, Âu Dương Tu nói vậy từ lâu, lâu lắm rồi. Vào những thời điểm lịch sử nhiễu nhương, khi cuộc sống không theo kịp thời thế, khi con người không dự liệu nổi thời cơ – nghĩa là khi nhân loại mất tự do, ít nhất theo nghĩa triết học – thì những thi loại ước thúc thường được ưa chuộng, thì hào quang thường dễ chói lòa trên thi tài. Thể thơ *sonnet* của thời Phục hưng phồn thịnh với Shakespeare, Ronsard, Pétrarque, cả Michel-Ange nữa. Dante và Pétrarque với thi loại *terza rima* v.v... Hãy nhìn lại thời đại của những Đoàn Thị Điểm, Nguyễn Du, Nguyễn Gia Thiều. Cái lớn của Nguyễn Khuyến, cái đau của Tú Xương nằm ở chỗ nào nếu không là ở chỗ mất tự do công dân? Valéry xem thi luật ước thúc là những điều khó chịu dễ chịu, *gênes exquises*. Câu thúc kích thích mỹ học. Chướng ngại có tác dụng bàn nhún để nhảy. Kiến trúc mà không có kẻ thù là trọng lượng thì đã không là kiến trúc. Gide kể rằng theo truyền tụng, vì thiếu nguyên liệu cẩm thạch nên Michel-Ange phải tạc tượng Moise trong

tư thế thu hình. Vì chỉ có thể sử dụng một số giọng nghệ nhân sân khấu hạn chế nên Eschyle bị ép phải sáng tạo ra nỗi niềm cầm nín của Prométhée bị trói trên đỉnh Caucase. Nước Hy lạp xưa phóng trục kẻ nào thêm một dây vào đàn thất huyền. Kết luận, Gide bảo *L'art nait de contrainte, vit le lutte, meurt de liberté*: nghệ thuật khởi sinh từ cưỡng chế, tồn tại qua đấu tranh, tử vong vì tự do.

Cho nên không phải vì thiếu tự do mà thiếu tác phẩm lớn. Trái lại. Anne Frank viết *Nhật ký*, được xuất bản sau khi tác giả chết trong trại tập trung của phát xít Đức ở Bergen-Belsen năm 16 tuổi. Boris Pasternak cho ấn loát ở Ý tác phẩm *Bác sĩ Jivago* mà không có sự chấp thuận của các quan cách mạng xô-viết và năm 1958 bị bắt ép phải từ chối giải Nobel văn chương. Alexandre Soljenitsyne, ở tù từ 1945 đến 1953, bị tước quốc tịch, phải sống lưu đày ở Hoa kỳ, nhưng chẳng phải vì thế mà không viết được *Quần đảo Goulag* và nhận giải Nobel năm 1970. Hán Vũ Đế giao Tư Mã Thiên cho quần thần luận tội để kết vào tội nhục nhất thời đó là tội bị thiến (cung hình), tuy vậy nhà văn lớn vẫn nhẫn nhục gắng sống để hoàn thành *Sử ký*, lưu danh lại đời sau, làm vẻ vang cho cha mẹ, chuộc được phần nào tội *bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại* (Tư Mã Thiên trước khi bị thiến chỉ có một người con gái). Văn Thiên Tường, Tô Thức, Lý Dục đều từng lâm vòng lao lý, có người tù cho đến chết. Bị giặc bắt và hết sức mua chuộc, Văn Thiên Tường kiên quyết không hàng và làm bài thơ nổi tiếng *Quá Linh đinh dương* với hai câu bất hủ *Nhân sinh tự cổ thùy vô tử, Lưu thủ đan tâm chiếu hãn thanh* (Người đời xưa nay ai không chết, Để lại lòng son sáng sử xanh). Bài *Chính khí ca* có ảnh hưởng rất lớn đối với giới sĩ phu đời sau. *Tiền* và *Hậu Xích bích phú* được viết sau khi Đông Pha bị giam trong ngục ở kinh đô. Những bài từ đặc sắc nhất của Lý Hậu Chủ là những bài tả nỗi bi ai vì tưởng nhớ nước xưa và cảm thương thân thế trong thời gian bị an trí ở Khai phong. Khuất Nguyên, Bạch Cư Dị, Lý Bạch, Đỗ Phủ tuy không bị tù nhưng bị áp bức, ngược đãi, biếm trích. Đặng Dung, Nguyễn Phi Khanh, Hồ Nguyên Trừng, Lê Cảnh Tuân, Nguyễn Trãi, Nguyễn Du, Cao Bá Quát, Đinh Nhật Thận, Cao Bá Nhạ, Bùi Hữu Nghĩa, Nguyễn Xuân Ôn đều từng sống cảnh một ngày bằng *thiên thu tại ngoại* và đi vào văn học thiên thu.

Trong thế giới hiện thực muôn màu muôn vẻ, nhà văn quan tâm đến số phận con người, đến những tính cách và quan hệ của con người. Tất nhiên nhà văn có lương tri luôn luôn tự nhủ là phải tôn trọng sự thật, thông qua sự thật mà thuyết phục độc giả. Nhưng không phải sự thật nào cũng giống sự thật nào. Tác phẩm là nơi ký thác sự đánh giá của chính nhà văn đối với cuộc sống, là tấm gương phản chiếu sự suy gẫm của ngòi

bút về số phận dân tộc. Và như thế qua phương thức cấu trúc hình tượng, qua cung cách bộc lộ quan điểm. Nhà văn không thể chạy trốn, nhà văn phải chọn lựa thế đứng. Nhà văn không thể đòi tự do hoàn toàn, cũng chẳng thể có vị thế vô tư cao độ vì l*a suprême impartialité est une chose antihumaine et un roman doit être humain avant tout* (tính vô tư tuyệt đối là một điều phi-nhân và một cuốn tiểu thuyết trước hết phải có nhân tính; George Sand, thư gửi Flaubert ngày 12-01-1876). Văn sĩ dù có ý thức độc lập đến đâu, dù có phấn đấu tự do sáng tác bao nhiêu, dù có thiên tài như thế nào đi nữa, cũng không thể đứng bên trên xã hội như một siêu nhân, tách ra ngoài cộng đồng trong một *splendid isolation.* Mà chẳng phải chỉ có văn học, ngay cả khoa học cũng vậy. Pasteur bảo nếu khoa học vốn không có quê hương thì nhà khoa học phải có. Ai đòi vừa cầm bút trên trang giấy vừa cầm còi trên sân cỏ, người đó tỏ ra thiếu ý thức hay vô ý thức. Cứ muốn đứng ngoài nắng thì có ngày trúng nắng rán chịu. Hoạt động khoa học và/hoặc môi trường đại học không thể phi chính trị. Trong những mối tương quan giữa các hình thái ý thức xã hội thì mối tương quan giữa văn học và chính trị là trực tiếp nhất và mật thiết nhất. Xưa nay chưa có một thứ văn học nào đứng ngoài chính trị cả, kể cả văn học của Mai An Tiêm, Từ Thức, Robinson Crusoe. Tờ *Văn học* Cali khác tờ *Văn học* Hà nội một trời một vực.

Trong truyện ngắn truyện dài, những con người do nhà văn thể hiện đều hành động với sự giúp đỡ của tác giả. Tác giả luôn luôn ở bên cạnh họ, tác giả giải thích cho người đọc những ý nghĩ thầm kín, những động cơ bí ẩn ở phía sau các hành động của nhân vật được miêu tả. Nói chung, tác giả thường xuyên giật dây cho nhân vật thực hiện các mục đích của mình, điều khiển nhiều khi rất khéo léo và rất võ đoán hành trạng, nội tâm, ngôn ngữ, tương quan của nhân vật; qua đó ủy thác cho kết cấu, bố cục, cốt truyện của truyện ngắn truyện dài chức năng hàng đầu là góp phần thể hiện nội dung tư tưởng tác phẩm. Đó là công thức nổi tiếng của Maupassant: *L'habileté de son plan consistera (...) dans le groupement adroit de petits faits constants d'où se dégagera le sens définitif de l'oeuvre.* (Préface de Pierre et Jean, 1887). Nhà văn xuất phát từ những con người trong đời sống để xây dựng những nhân vật văn học, song không thể đồng nhất nhân vật văn học với con người ngoài cuộc đời vì nhân vật văn học là sản phẩm của quá trình sáng tạo nơi nhà văn.

Quá trình phản ảnh cuộc sống vào tác phẩm dựa trên sự mô tả những xung đột xã hội của thời đại trong cốt truyện. Đây là chỗ đứng của tình tiết rút từ hiện thực. Quân lực Việt nam Cộng hòa, như tất cả các quân lực trên thế giới, không thể không có thành viên xấu. Không ai cấm nhà văn đưa

một chi tiết về cái xấu của lực lượng bảo vệ chính nghĩa tự do vào truyện, nếu muốn. Nhưng trong một cốt truyện đa tuyến trình bày một hệ thống biến cố phức tạp nhằm tái hiện nhiều bình diện của cuộc sống ở một thời kỳ lịch sử, nhằm trình bày con đường diễn biến nội tâm phức tạp của nhiều nhân vật, cốt truyện đa tuyến phải bộc lộ được chủ đề và tư tưởng tác phẩm, theo nhu cầu của một chỉnh thể nghệ thuật. Đấy là tiêu chuẩn để phân biệt một cốt truyện đa tuyến thực sự có ý nghĩa nghệ thuật (có *sens* như Maupassant nói) với một cốt truyện đa tuyến được thể hiện non kém do tình trạng phân tán, do tính chất rời rạc của chủ đề và tư tưởng. Nhân vật ngoài đời Thúy Kiều (ngoài đời thiếu gì nhân vật Thúy Kiều!) tất phải hành kinh và bài tiết. Nhưng *Truyện Kiều* không có chữ nào nói đến chi tiết nầy, đừng nói chi đến một câu. Quân đội của chúng ta trước đây, nếu có một vài binh lính hành động vô kỷ luật, thì đó không phải là một chi tiết hiện thực có tác dụng xây dựng cho một bộ tiểu thuyết hư cấu về xã hội miền Nam trước 75. Và thế tất nhiên khi một nhà văn đưa một chi tiết đồng loại vào tác phẩm của mình thì phải chịu trách nhiệm. Trách nhiệm trước hết và trên hết: đối với chức năng của văn học. Trách nhiệm sau đó: đối với cộng đồng mà mình là một thành viên. Do đó cộng đồng có quyền lên tiếng. Và nhà văn, trong hoàn cảnh đó, không hề mất tự do hay thiếu tự do. Chỉ có hạn chế tự do khi sách nhà văn bị mang ra đốt hay tên họ nhà văn bị ghi vào danh sách *những tên biệt kích văn nghệ*. Huống chi ở đây còn có, như đã nói sơ qua, khía cạnh nghệ thuật vận dụng chi tiết trong phong cách kể chuyện và miêu tả của tiểu thuyết. Chi tiết, bao giờ cũng thế, có vai trò quan trọng trong việc khắc họa những tính cách và hoàn cảnh. Đã là nhà văn thì ai cũng cưu mang hoài bão giới thiệu được những nhân vật đạt đến một chất lượng nghệ thuật nhất định, lưu lại ở người đọc một ấn tượng rõ nét về con người vừa là cụ thể điển hình vừa có ý nghĩa tiêu biểu trên một số phương diện nào đấy. Hình ảnh le père Grandet của Balzac, hình ảnh Quasimodo trong *Notre Dame de Paris* v.v... đều được miêu tả bằng nhiều chi tiết tiêu biểu. Vì thế mới có khái niệm nhân vật điển hình trong văn học. Người ta nói đến một Sở Khanh, một Hoạn Thư, một Tartuffe, một Tartarin, một Don Quichotte v.v... *Le grant talent en littérature est de créer, sur le papier, des êtres qui prennent place dans la mémoire du monde, comme des êtres crées par Dieu, et comme ayant eu une vraie vie sur la terre*. (Nét tài hoa trong văn học là tạo ra trên giấy những nhân vật chiếm được chỗ đứng trong ký ức quần chúng như những con người do Thượng đế đúc nặn nên mà lại có một cuộc sống như thực trên trái đất, Edmond et Jules de Goncourt, Journal, Nhật ký). Chi tiết liên quan đến hành động vô kỷ luật của một thiểu số cá

nhân trong một quân lực qui tụ hàng nửa triệu người giúp gì cho kết cấu của tiểu thuyết liên hệ, trên cơ sở của những mối quan hệ xác định, nhằm mục đích khiến các nhân vật gắn bó và tác động lẫn nhau theo dòng phát triển của cốt truyện? Quần chúng độc giả có quyền thẩm định vai trò và giá trị của chi tiết "một vài quân nhân vô kỷ luật". Bởi vì tác phẩm hay có thể có chi tiết dở mà vẫn được chấp nhận, dĩ chí còn được tán dương. Trong *Le Cid*, Chimère tiếp Rodrigue lúc ban đêm ở phòng mình (tương tự như trường hợp Trần Kiều Liên và Phan Tất Chánh của chúng ta, khiến có câu *chớ kể Phan Trần*), chi tiết nầy bị Chapelain công kích khi viết *Sentiments de l'Académie sur "Le Cid"* (Cảm nghĩ của Viện Hàn Lâm về Lơ Xít) nhưng Boileau phạng lại (*En vain contre Le Cid un ministre se ligne*: một ông bộ trưởng kết bè kết đảng một cách vô ích nhằm chống lại Lơ Xít). Tương tự như vậy, Andromaque bị phê phán vì có chi tiết không hợp lễ khi một ông vua (=Pyrrhus) tự mình đi tìm tù nhân (=Andromaque); nhưng giới thưởng ngoạn lại có người cho rằng đây là một biểu hiện của tình cảm đam mê!

Không phải vì chúng ta thiếu tự do mà thiếu tác phẩm lớn. Thực ra chúng ta quá tự do nên không có cả tác phẩm nhỏ. Tự do đến quá đà quá trớn, tự do đến dễ dãi buông thả, tự do đến ý tưởng bất thành hình, văn chương bất thành cú, tự do đến sơ suất trong dựng truyện, bất cẩn trong bố cục. Mà những điều nầy được ghi nhận trên những tạp chí đứng đắn. Viết truyện ngắn (!?) cho người Việt đọc nhưng vì dựa vào nguồn tư liệu ngoại ngữ nên văn chương là văn chương *made in USA*. Từ dùng lắm khi thiếu chính xác, có tác giả không hiểu cả nghĩa và nguồn của chữ. Biện pháp thể hiện nhân vật lỏng lẻo, chi tiết lý lịch hư cấu không ăn khớp với nhau; kết cấu nội dung lắm khi hoàn toàn tùy thuộc vào sự ngẫu nhiên, sự tình cờ, tùy thuộc đến độ vô lý, không thực. Không có người tù cải tạo nào phải gọi các chú cai tù miệng còn hôi sữa bằng "ông" hết. Trái lại, gọi "cán bộ" bằng "ông" nếu không bị phê bình thẳng thừng thì ít nhất cũng bị cười mỉm chế nhạo. Tổ tiên nhiều khi bị mang ra đùa bỡn. Sáng tác tiểu luận thì xuất phát từ những tiền đề võ đoán, cực đoan; góp bài tranh luận thì dùng văn phong rườm rà, bí hiểm. Tự do đến vậy mà lại đòi có tác phẩm lớn!

Đối với độc giả, tác phẩm lớn là tác phẩm gây thích thú, gây cảm phục hơn hẳn các tác phẩm thường. Sự cảm phục đó xảy ra khi tác phẩm chào đời và kéo dài qua nhiều thế hệ. Boileau, Voltaire đều xem thời gian là đá thử vàng của danh tác. Victor Hugo quan niệm kiệt tác là tuyệt đối, tuyệt đỉnh. Nhưng cũng có khi tác phẩm lớn chỉ được phát hiện do đời sau. Phải chăng tác phẩm lớn là kết quả của lao động sáng tạo, là một

Nguyệt rạng
NGUYỄN THANH CHÂU

trăng ơi lót ổ đêm rằm
ủ tôi biếc mộng nghìn năm trước rồi
nằm nghe đất cỏ sinh sôi
lấn trong hồn một thoáng môi mắt tình...

trăng em tưởng gối tay mình
lung linh những sợi thủy tinh rớt dài
ngời trông tà áo mơ phai
còn bâng khuâng nỗi quan hoài dáng xưa...

thành quả hoàn bị hơn nhưng về bản chất thì chẳng có gì dị biệt đối với các tác phẩm khác? Đó là quan niệm kinh điển. Hay tác phẩm lớn, tự bản chất, vốn khác với những tác phẩm thường? Phải chăng nó tùy thuộc một đẳng cấp siêu việt, nó là một thành quả không giải thích được của cảm hứng, của thiên tài? Quan niệm về tác phẩm lớn có thể phức tạp, nhưng trong quá trình thai nghén tác phẩm lớn không có vai trò hàng đầu của tự do.

Cộng hòa Liên bang Đức là một quốc gia thượng tôn pháp luật và chắc là có tự do. Có lẽ còn có tự do nhiều hơn cả Hoa kỳ. Vì trong quốc hội liên bang và trong quốc hội một vài tiểu bang của Đức có dân biểu cộng sản. Nhưng vị Chủ tịch Quốc hội CHLB Đức trước đây đã phải nhường chức cho bà Rita Suessmuth chỉ vì đã nhắc đến thời kỳ lịch sử dưới chế độ quốc xã. Cần nói rõ là ông ta không hề tán dương, ông ta chỉ trung thực nói sự thực. Nhưng đạo đức chính trị hiện hành của nước Đức không cho phép ông ta nói thế. Ông ta chẳng thể tự do vô nguyên tắc, tự do vô chính phủ, tự do vô trách nhiệm, tự do vô tổ chức. Dù là Chủ tịch Quốc hội, hay đúng hơn, vì là Chủ tịch Quốc hội.

Tượng Nữ thần Tự do ở Nữu ước phải đứng trên bục cao, Nữ thần Tự do không thể tự do lội xuống biển sâu.❐

* Oulipo là viết tắt Ouvroir de littérature potentielle (Công trường văn học tiềm thế), một hình thức công xưởng văn chương thực nghiệm do Raymond Queneau và Francois le Lionnais sáng lập năm 1960. Mục tiêu của Oulipo (cũng có tài liệu ghi là Ou.Li.Po) là nghiên cứu thể loại và cấu trúc văn học trong chiều hướng cách tân và phát minh, chủ yếu dựa vào toán học và tin học.

Ảnh hưởng văn hóa và triết học Tây phương trong giới trí thức văn nghệ Miền Nam

Thụy Khuê & Trần Hồng Châu

Nhà thơ Trần Hồng Châu, tác giả hai tập thơ *Nửa Khuya Giấy Trắng* (NXB Thanh Văn, 1992), *Nhớ Đất Thương Trời* (NXB Thế Kỷ, 1995) và tập tùy bút *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* (NXB An Tiêm, 1991).
Thơ văn ông mở rộng khung trời về một không gian suy tưởng và hồi nhớ:

Ta nhặt từng sợi kỷ niệm
Bềnh bồng trong tiềm thức biển sâu
Quá khứ đến rồi đi
Luân hồi
Trên bạc đầu sóng vỗ
Tản mạn về chân trời
Mù khơi ...

Ở Trần Hồng Châu, Kinh Bắc, Dương Châu, Hoàng Hà, Hồng Lam, Paris, New York gặp nhau trong hồi tưởng.

Nhà thơ Trần Hồng Châu còn là giáo sư Nguyễn Khắc Hoạch, cựu Khoa trưởng Đại Học Văn Khoa Sàigòn, trước 75.

Qua điện thoại viễn liên Paris-California, nhà thơ và giáo sư Trần Hồng Châu - Nguyễn Khắc Hoạch, đã dành cho chúng tôi ba buổi nói chuyện xoay quanh đề tài ảnh hưởng văn hóa và triết học Tây phương trong giới trí thức và văn nghệ miền Nam trên đài RFI trong tháng 3/1998.

Thụy Khuê

Thụy Khuê: *Thưa anh, trong tập tùy bút Thành Phố Trong Hồi Tưởng anh có viết một câu: «Hôm nay đây, trong buổi hoàng hôn của những thần linh đã ngự trị từ eo biển Gibraltar đến miền núi tuyết Oural, qua hai dòng sông Rhin và Danube cổ kính, Âu Châu đang hướng về tư*

tưởng Đông phương, về cội nguồn, Á Châu, để tìm một lối thoát... Trong khi đó, chúng tôi lại làm một cuộc hành trình ngược về phương Tây! Cũng chẳng có gì lạ vì thực ra mọi vật đều là tương đối.»

Thưa anh, trong nhiều năm làm giáo sư và Khoa trưởng Đại Học Văn Khoa Sàigòn, anh đã dẫn dắt nhiều tầng lớp sinh viên vào hành trình phương Tây; ngày nay, xin anh nhìn lại hành trình đó: Ảnh hưởng văn hóa Tây phương, sau năm 1954, đã xảy ra như thế nào

- trong Đại Học

- trong giới trí thức miền Nam?

Trần Hồng Châu: Ảnh hưởng văn hóa Tây Phương trong Đại Học miền Nam - cơ bản là mô hình văn hóa Pháp - sau 1954, tuy có suy yếu, vẫn là cái gì đáng kể, cho đến 1975. Vẫn khuôn khổ Đại Học Pháp, được tiếp máu bởi các trường trung học Pháp. Nhân viên giảng huấn đa số được đào tạo tại các Đại Học Pháp. Nội dung chương trình các khóa học cũng vậy...

Nhưng dần dần các môn Việt học và văn hóa Đông Phương cũng phát triển mạnh, có hệ thống và ý thức rõ ràng, như một phản ứng tự vệ; sự kiện đó mang lại cho Đại Học một thế quân bình cần thiết. Nên ghi nhận ở đây, hoạt động của các chuyên gia Đông Phương học, thuộc Đại Học Văn Khoa, như Nguyễn Khắc Kham, Nghiêm Toản, Nguyễn Đăng Thục, Nguyễn Duy Cần, Kim Định, Nhất Hạnh, Giản Chi..., hoạt động từng vượt khỏi tháp ngà Đại Học để đi vào thế giới học thuật và văn nghệ miền Nam.

Ở đây, trong thời gian kể trên, ảnh hưởng Tây Phương cũng khá rõ nét, song song với ý hướng trở về nguồn. Trong môi trường xã hội, sự biểu lộ có quy mô rộng lớn, đại chúng hơn, thông qua báo chí, truyền thông và nếp sống hàng ngày, ít có tính cách hàn lâm và chuyên môn của Đại Học, tuy giữa hai bên vẫn có những mối liên hệ cần thiết.

Ảnh hưởng ngoại lai và phản ứng tự vệ, đó là một hiện tượng quen thuộc trong lịch sử nhân loại. Ví dụ điển hình là các nhà văn hóa Trung Hoa đương đại: Hồ Thích, Cố Hồng Minh và Lâm Ngữ Đường. Họ luôn luôn kêu gọi về nguồn mặc dầu đều có một quá khứ *thập niên đăng hỏa* tại các đại học Âu và Mỹ Châu. Ở Nga cũng có sự giằng co như vậy. Khi Đại đế Pierre hướng về Tây Phương ở cuối thế kỷ XVII, mở đầu kỷ nguyên canh tân, thì liền sau đó, giới trí thức cũng chia thành hai khuynh hướng đối lập: thân Tây Phương hay trở về với «mẹ Nga», mẹ slave? Vì bản chất văn nghệ là tự do, phóng khoáng, là vòng tay mở rộng, tuy vẫn luôn luôn gắn bó hữu cơ với một miền đất nào đó, vì văn nghệ là sự phối hợp hài

hòa của những yếu tố tương phản, cái cá biệt và cái đại đồng, nên quang cảnh hoạt động trí thức ở miền Nam Việt Nam cũng có những nét giống như tại các nơi khác, khi có sự tiếp xúc giữa các nền văn hóa khác nhau. Quan hệ biện chứng rất Hegel giữa các thực thể tương phản để, cuối cùng, vươn tới một tổng hợp đẹp mà biểu tượng là các tác phẩm lớn.

TK: *Thưa anh, có thể nói là sau 54, văn hóa Pháp vẫn giữ địa vị ưu tiên ở miền Nam, mặc dù có sự tiếp xúc với người Mỹ. Người Mỹ có đưa ảnh hưởng văn hóa Mỹ vào miền Nam không? Và văn hóa Mỹ có chỗ đứng như thế nào, so sánh với văn hóa Pháp? Nếu văn hóa Mỹ không đi sâu vào tâm hồn Việt Nam như văn hóa Pháp, thì tại sao vậy, thưa anh?*

THC: Sau 1954, văn hóa Pháp tương đối còn giữ được ảnh hưởng vì những yếu tố kể trên. Nhưng, bây giờ là thời hậu Đại Chiến thứ hai «nối dài», quang cảnh thế giới đã thay đổi nhiều. Bây giờ, gần như một định luật, ảnh hưởng văn hóa -văn hóa hiểu theo nghĩa rộng- ít nhiều phải được hỗ trợ bởi một sức mạnh kinh tế lớn lao. Sức mạnh này, Anh và Pháp, những anh hùng ngày hôm qua, tuy vẫn còn, nhưng rõ ràng là đã bị qua mặt.

Thời chiến tranh lạnh với thế lưỡng cực trên thế giới, miền Nam Việt Nam nằm trong vùng ảnh hưởng Mỹ, và như vậy là có thêm tác nhân mới. Tuy nhiên, văn hóa Mỹ, theo gót chân đoàn quân viễn chinh, cũng chưa có thể gọi là có ảnh hưởng gì sâu đậm. Ở lối sống ở những giai tầng thấp thì có ảnh hưởng một cách xô bồ, nhưng ở thượng tầng thì chưa.

Thứ nhất, vì với những hoạt động văn hóa cao (trí thức, văn nghệ), cần phải có thời gian lâu để thâm nhập và chuyển hóa. Sau nữa là vấn đề nhân sự. Các nhà Việt học, nghiên cứu của Mỹ, vì thời gian tiếp xúc ngắn ngủi, chưa đủ độ chín muồi và sâu sắc của các nhà nghiên cứu Anh về Ấn Độ, hay Pháp về bán đảo Đông Dương chẳng hạn. Cũng là vấn đề nhân sự nữa: Các cố vấn và tùy viên văn hóa Pháp, liên hệ với Đại Học và các tổ chức văn hóa Việt Nam, thường là những giáo sư Đại Học hay thạc sĩ trẻ, có học vấn vững chắc, năng nổ, bao biện... Trong khi đó, Mỹ -vì quan niệm sai lầm hay vì coi nhẹ vấn đề - chỉ gửi sang Việt Nam một số công chức tầm thường, phần lớn đã nghỉ hưu, chỉ có chuyên môn về một ngành cục bộ hơn là trí thức rộng, nên không gây được ấn tượng mạnh. Ngoài ra, các sinh viên du học Mỹ cũng bị thiệt thòi vì, ở thời điểm 54-75, có thể nói là chưa thực sự có truyền thống du học Mỹ. Sự đào tạo chuyên gia ở đây còn thưa thớt, chưa có bề dầy, trong khi mối liên hệ giáo dục, văn hóa Việt Nam với Pháp đã khởi sự từ đầu thế kỷ.

Mỗi nền văn hóa có điểm mạnh của nó. Ở đây khó có sự phê phán, đánh giá. Chỉ có thể nói tổng quát là, do sự tiếp xúc, chung đụng lâu dài, mặc dầu nhiều lúc con đường thật là gập ghềnh, chông gai, văn hóa Pháp đã có lợi thế ở nhiều mặt. Người Việt hình như dễ cảm thông, gần gũi với kích thước và nét đặc thù của văn hóa Pháp: cân đối, mực thước, trong sáng, tế vi, nặng về trí tuệ và tình cảm, rất «con người muôn thuở»... Trong khi đó thì Mỹ lại tỏ ra quá duy vật, thô sơ, quá thả lỏng cá nhân và ít tôn trọng những giá trị cổ truyền..., điều mà các dân tộc Á Châu thấy là khó chấp nhận. Tuy nhiên, nếu công bằng một chút thì không thể không công nhận là nền văn hóa non trẻ của Tân lục địa cũng có nhiều điều đáng học hỏi: tính cách trẻ, bứt phá, năng động (dynamism), cởi mở, không thành kiến (openess), uyển chuyển, dễ thích nghi với hoàn cảnh (flexibility), và nhất là thực tiễn, trực diện trước sự vật (pragmatism). Cuối cùng, điều hiển nhiên là sự tiếp nhận văn hóa không hề cố định, bất biến trong thời gian, đó cũng là lịch sử và sinh lực của các nền văn hóa dân tộc.

TK: *Nếu so sánh hai thế hệ: thế hệ của các anh, hầu như mọi người đều học song song hai ngôn ngữ Pháp Việt, và thế hệ sau, chỉ học tiếng Việt -hay tiếng Pháp-, thì có những khác biệt gì, thưa anh?*

THC: Thế hệ chúng tôi, do hoàn cảnh, được may mắn học một ngoại ngữ -tiếng Pháp- đến nơi đến chốn. Biết thêm một ngoại ngữ là nhân đôi tâm hồn, như Goethe đã nói, và ngoại ngữ (trường hợp những ngôn ngữ chính) là cửa mở rộng vào thế giới bên ngoài đầy hoa thơm cỏ lạ. Tại các nước «nhược tiểu», kém hay không biết ngoại ngữ, là chỉ được thưởng thức những món ăn tinh thần ít ỏi, nhiều khi thiếu phẩm chất. Vì, qua trung gian người dịch, người phổ biến, giới thiệu, dù họ cố gắng mấy đi nữa, đâu còn những hàng hóa chính hiệu (nhận xét này riêng đúng với thơ, văn). Điều thiệt thòi chung của thế hệ sau là như vậy. Đường hầm đã bị lấp kín một đầu cho cả hai thế hệ (bị cắt đứt với quá khứ vì thiếu Hán Nôm), nhưng có lẽ thế hệ đàn anh ra khỏi hầm dễ dàng hơn, vì được võ trang bằng một ngoại ngữ hiện đại. Tình thế, tuy nhiên, có thể thay đổi với cố gắng cá nhân, với một chính sách giáo dục mới, cởi mở và có hiệu năng hơn. Riêng với thế hệ trẻ hải ngoại thì khỏi lo về chuyện ngoại ngữ, ngược lại cần đừng để họ thành những kẻ lai căng, mất gốc. Tất nhiên không nên khuyếch đại vai trò của ngoại ngữ. Còn phải kể một số yếu tố quan trọng, khả dĩ biến đổi diện mạo của từng thế hệ: môi trường kinh tế, giáo dục gia đình và xã hội, những phát minh khoa học tự nhiên và nhân

văn, cùng những xu hướng tiến bộ chung của thời đại...

TK: *Thưa anh, thời kỳ 60-70 có phải là thời kỳ mà triết học phương Tây phát triển mạnh ở miền Nam, đặc biệt trong giới sinh viên và trí thức? Xin anh cho biết tại sao có sự phát triển này? Và những triết thuyết, triết gia nào gây được ảnh hưởng lớn?*

THC: Tôi là người «ngoại đạo» trong lĩnh vực triết học. Tôi yêu tư tưởng, coi đó là chất liệu không thể thiếu được của văn nghệ, nhất là khi tư tưởng có gốc rễ, có tương quan mật thiết với tình cảm và cuộc sống, nghĩa là có sự hài hòa, cân đối giữa trái tim và khối óc, luôn luôn cửa để mở ngỏ. Nhưng tôi cảm thấy bất an và lạnh lẽo khi thấy tư tưởng bị gọt giũa, tròn trịa, đóng khuôn, đông cứng, trừu tượng trong một hệ thống chặt chẽ, đẹp như một lâu đài trí thức, nhưng ở trong đó chưa chắc đã sướng gì! Tôi sợ những chữ *ism*, một số đã tàn phá lịch sử nhân loại. Tôi sợ bị gò bó, trói buộc, hay xa rời cuộc sống, vì lúc nào cũng muốn thoải mái, thênh thang, mình là mình. Tất nhiên tôi vẫn tôn trọng triết học mà tôi thường gọi là «con quái vật khả ái». Bởi lẽ, tuổi thanh xuân, từng cắp sách đi theo nhiều sư phụ triết gia khả kính, từng có nhiều bằng hữu triết gia văn nghệ sĩ tài hoa, sâu sắc. Bởi lẽ thường quan niệm là văn nghệ có một nội dung tư tưởng phong phú vẫn là điều mong đợi, là hạnh phúc ở bất cứ thời nào.

Thời 60-70, triết học phương Tây tương đối phát triển mạnh ở miền Nam. Đó chỉ là dư âm và di sản của thời hậu chiến Âu Châu. Đứng trước một cuộc tang thương và mất mát lớn lao như chưa từng thấy, con người đã kinh qua một cuộc khủng hoảng tinh thần trầm trọng. Hiện tượng xã hội và tâm lý này thường xuất hiện đều đều, gần như một định luật, sau mỗi biến cố lịch sử lớn. Do hoàn cảnh, con người đứng trước đau thương, đổ nát và hư vô, thường tìm an ủi trong những triết thuyết. Một số triết gia như Trần Đức Thảo, liền sau khi Pháp bại trận, đã làm cuộc hành hương triết lý về Đại Học Freiburg (Đức), nơi Husserl và Heidegger từng giảng dậy về môn Hiện Tượng Luận, rồi triết lý Hiện Sinh. Triết lý này phát triển mạnh ở Đại Học Pháp, sau đó bước hẳn vào đời sống, đặc biệt ở thị thành với giới trí thức và thanh niên. Dĩ nhiên, sang Việt Nam, cũng đồng hoàn cảnh chiến tranh, đồng tâm trí hoang mang, chán nản và mất hướng, những hạt giống hiện sinh tha hồ nẩy nở. Nhất là lúc đó, từ nửa sau thập niên 50, có một số trí thức Việt Nam du học ở Pháp và Bỉ, về nước đã phổ biến các triết thuyết hiện sinh, hình thái Sartre và Merleau Ponty. Cộng thêm vào đó là lý thuyết phi lý (théorie de l'absurde) của Camus, rồi tới trào lưu nhân vị, personnalisme, của E. Mounier, một hệ tư tưởng được

bồi đắp và đề cao ở Việt Nam bởi những người cầm quyền đương thời, đồng tôn giáo với tác giả.

Khi nói trí thức du học thời đó, tôi muốn đề cập đến một vài tên tuổi quen thuộc, nhất là «tứ trụ» của triều đình Triết Tây, tại miền Nam Việt Nam: Trần Văn Toàn và Lê Tôn Nghiêm, cả hai uyên bác và tường tận thấu đáo, Nguyễn Văn Trung sáng sủa, hệ thống và sắc bén, Trần Bích Lan - Nguyên Sa tài hoa, uyển chuyển, «văn chương». Tất cả, ít nhiều trong từng giai đoạn, đều làm công việc tông đồ có hiệu năng cho trường phái hiện sinh của Sartre, và tư tưởng Camus. Cần ghi nhận thêm nữa là những cố gắng của triết gia thần học Bửu Dưỡng - cũng thuộc Đại Học Văn Khoa -, người đã sáng tác ra từ ngữ *nhân vị*, và từng đơn thương độc mã rao giảng, phổ biến triết thuyết của E. Mounier. Nhìn chung các tác giả kể trên đều có ảnh hưởng tới sinh viên, rồi từ đó lan ra giới trí thức và văn nghệ ngoài Đại Học, luôn luôn khao khát những sản phẩm tinh thần mới của Tây phương. Họ là những gạch nối, những người trung gian, chất xúc tác không thể thiếu được trong sinh hoạt văn nghệ của thời 60-70.

Ảnh hưởng tư tưởng Pháp... Đến đây tôi xin mở một dấu ngoặc. Tư tưởng hiện sinh đi vào văn nghệ với Sartre. Kế tiếp, từ đầu thập niên 60, là trường phái Cấu Trúc (structuralism) với R. Barthes và Lévi-Strauss, rồi sau nữa là môn phái *déconstruction* của Derrida... Đó là chưa kể những lý thuyết và thể hiện văn nghệ như Tân tiểu thuyết (A. Robbe Grillet, N. Sarraute, Cl. Simon) và Tân phê bình (Poulet, Barthes, J.P. Richard, Weber...) không nhiều thì ít, có liên hệ với tư tưởng cấu trúc. Tất cả những tìm kiếm và sáng tạo tiền phong đó đều xuất phát hay kiện toàn từ Đại Học, và giới trí thức văn nghệ Paris sau đó đều được đón nhận, phổ biến trên thế giới và ở Việt Nam. Các tư trào đó không dễ gì tiêu hóa, nhưng vẫn có một vòng hào quang nào đó, khá hấp dẫn, đến trở thành *mode*, thời thượng. Ngay tại các Đại Học Mỹ, sự tiếp xúc cũng cởi mở, có thiện cảm. Derrida đã kéo theo P. de Man và Hartman ở Yale. Lévi-Strauss, Barthes cũng như các tác giả Tân Tiểu thuyết, Tân Phê bình, đều được phân tích, giảng dạy trong các ban văn chương, ngôn ngữ và sáng tạo văn nghệ của nhiều Đại Học ngoại quốc. Đó cũng là một điểm son cho văn nghệ, học thuật Pháp, mặc dầu quốc gia này hiện đang có những dấu hiệu suy yếu về kinh tế và xã hội.

TK: *Thưa anh, sự phát triển của triết học Tây phương đã ảnh hưởng đến văn học miền Nam như thế nào? Xin anh cho biết những thành quả.*

THC: Ảnh hưởng của Triết học Tây Phương hiện đại đến văn học

miền Nam là có thật. Khá rõ nét trong lối sống và trong tác phẩm, nhất là ảnh hưởng chủ nghĩa hiện sinh. Những mảnh đời vật vờ, không lý tưởng, những cung cách sống ít nhiều thác loạn, hư vô của một số nhân vật tiểu thuyết và tác giả, sống triền miên trong các đô thị lớn. Phố phường, trà đình, tửu điếm, sàn nhảy, bè bạn phe nhóm, giọng điệu tiêu cực, khinh bạc, trong một bầu không khí trừu tượng, khép kín, giữa lúc cuộc sống lầm than, máu lửa của toàn dân đang diễn biến sôi nổi khắp nơi nơi...

Nhóm *Sáng Tạo*, với tinh thần *avant gardiste* (tiền phong) của nó, là một điển hình của tác động Triết Học Tây Phương vào văn học. Ngoài Doãn Quốc Sỹ và Nguyễn Sỹ Tế, vẫn như đứng riêng, trung thành với phong cách và những giá trị truyền thống, cổ điển, Mai Thảo, Thanh Tâm Tuyền, nhờ tài năng, nhờ kinh nghiệm sống và viết, đã gói ghém, chuyên chở, văn chương hóa được một số tư tưởng và ngôn ngữ Triết Học Hiện Sinh trong hình thái phổ thông.

Mai Thảo trong những năm 60-70, viết nhiều truyện dài, phần nào thua sút tùy bút và truyện ngắn của ông trước đó (có thể vì viết quá vội, có thể vì cơ bản tác giả là một... nhà thơ hơn là một tiểu thuyết gia) là một minh chứng hùng hồn. Những trang truyện dài ướt đẫm rượu hiện sinh: *«Đời chẳng có gì hết. Một biểu tượng chán chường, một rừng phiền muộn... Ai đã làm chi đời ta?... Những chiều gục đầu, những đêm rã rượi. Cơn say vật vã, chập chờn. Đôi mắt buồn như một đáy hư vô...»* (Sau Khi Bão Tới)

Nhiều nhân vật trong các truyện dài của Thanh Tâm Tuyền cũng là những sinh vật bơ vơ, vật vờ trong cuộc đời trống rỗng, vô định. Như thi sĩ:

Tình yêu như dám lau buồn...
Anh thả người trôi nổi
(Sầu Khúc)
Điệu nhạc gầy níu nhau tuyệt vọng
Sao tuổi trẻ quá buồn
(Dạ khúc)
Những giấc ngủ xiềng xích
Cuộc lưu đầy thêm xa...
Tôi khóc không ra lời
Và tôi đi lang thang
(Liên...đêm...)

Vũ Khắc Khoan, bạn thân của nhóm *Sáng Tạo*, trong một số kịch bản (*Thành Cát Tư Hãn, Lộng Ngôn, Ga Xép*...) cũng nói lên cái trống rỗng, hư vô, cái yếm thế, vô nghĩa và bế tắc của cuộc đời. Đây đó phảng phất, rồi như đọng lại, mầu sắc hiện sinh và phong thái phản kịch (antithéâtre). Họ

Vũ chắc đã đọc qua nhiều kịch bản của Sartre, Camus và nhất là S. Beckett, người chủ trương «Kịch phi lý» mà ông yêu mến không kém gì Shakespeare hay hình thái chèo cổ của quê hương.

Tôi cũng muốn nói đến sinh hoạt và tác phẩm của nhóm tôi tạm gọi là «Triết Gia Trẻ», phần lớn, vừa ra lò «Triết Tây Đại Học Văn Khoa» mà người phát ngôn tích cực nhất có thể là Huỳnh Phan Anh. Họ muốn đem Triết Học vào văn nghệ với cả niềm hăng say của tuổi trẻ. Họ có nhiệt tình, thiện chí và trong một vài trường hợp, cả tài năng nữa. Nhưng họ không có thời gian, và rồi với 1975, tất cả đều cuốn theo chiều gió!

Nói về mặt tiêu cực và thấp hơn, thì ảnh hưởng Triết học nhiều lúc trở nên «mốt», thời thượng, một kiểu cách làm dáng và giả tạo. Vì thiếu tự tin, thiếu hiểu biết thấu đáo, và ít nhiều vọng ngoại, một số người đã không thực với chính bản thân, với cuộc sống phong phú bên ngoài. Họ đua nhau chạy theo những gì rất có thể là phù du, khiên cưỡng, xa vời nhân sinh, mà những hệ thống triết học nổi tiếng nhất đôi khi cũng không tránh khỏi. Họ quên rằng văn nghệ trước hết phải là sự chân thành, là niềm tự hào của một tài năng, một cá nhân sáng tạo độc nhất, độc lập và độc đáo, tuy biết mình không dễ thoát khỏi ảnh hưởng của môi trường vật chất và tinh thần.

Triết học bao giờ cũng có một nét trí thức khá quyến rũ. Vấn đề chính, theo tôi, khi sáng tác văn nghệ, mặc dầu trong trường hợp triết học đứng chủ đạo, vẫn phải là văn nghệ hóa triết học, đừng để những vết khâu lộ liễu, rõ nét chỉ trắng. Nghĩa là phải có cảm xúc phong phú, luôn luôn để trí tưởng tượng cụ thể, khả năng hư cấu và kỹ thuật văn nghệ cầm cương con ngựa bất kham. Tóm lại, tài năng, bản lĩnh và sự chân thành của người cầm bút vẫn là những đòi hỏi cần thiết, vì ngay đến một con người sáng tạo văn nghệ có kích thước như Sartre mà có lúc cũng còn để lộ vết tích triết học chuyên nghiệp của ban Triết, Normale Sup. khả kính, của nhà giáo những lớp philo nổi danh của nền Trung Học Pháp...

TK: *Thưa anh, sau 75, sự phát triển triết học, ở trong nước cũng như ở ngoài nước, có bị khựng lại? Và đó có phải là lý do sâu xa đưa đến tình trạng mà nhiều người gọi là «bế tắc» của văn học Việt Nam hiện nay hay không, thưa anh?*

THC: Tôi cũng nghĩ là sau 75, sự phát triển triết học có vẻ khựng lại. Ở trong nước thì thật là đơn giản, vì chỉ có một trường phái chính thống. Lúc cao trào, lúc thoái trào, nhanh hay chậm, tất cả đều do tiến triển của đạo hàm chính trị ở mỗi giai đoạn, tất cả đều có những... nghị quyết để

giải mọi phương trình của đời sống, kể cả đời sống tinh thần. Ở ngoài nước thì cũng như mọi nơi, khi một trào lưu triết học, ví dụ chủ nghĩa hiện sinh, đã phát triển đến một mức độ nào, nó sẽ cạn kiệt dần và không còn hấp lực nữa. Còn những trường phái kế tiếp mà giới văn nghệ hay nói tới (structuralisme, déconstruction...), vì chúng tương đối mới, lại có tính cách giới hạn, kỹ thuật, trừu tượng, quá chuyên môn, và phần nào ít dựa vào cuộc sống, nên không có được cái hào quang của chủ nghĩa hiện sinh, do đó cũng khó hoặc chậm thẩm thấu vào thế giới văn nghệ. Ngay cả những lý thuyết thuần túy văn nghệ như Tân tiểu thuyết, Tân phê bình, gần gũi với tư trào cấu trúc, cũng có những nhược điểm kể trên, nên thường bị coi là xa rời nhân sinh, là phản văn nghệ (antilittéraire) và không phát triển được. Do vậy, triết học không còn vai trò gây men gợi cảm như trước nữa. Vả lại ai cũng biết văn nghệ là một thực thể có đời sống và vương quốc riêng của nó, không lệ thuộc vào ảnh hưởng, ít hay nhiều, của triết hay bất cứ cái gì.

Sự «khựng» lại của văn học (đây là một điểm còn đang tranh cãi) có nhiều lý do khác nữa, quan trọng hơn. Ở quốc nội thì nay các tác giả có sự đòi hỏi trí thức và tự do cao hơn trước, nên họ không muốn sáng tác khi không có điều kiện. Còn quần chúng thì, trong hoàn cảnh mới, phải chạy đuổi theo cuộc sống, luôn luôn những ưu tư và tham vọng kinh tế có ưu tiên, nhiều lúc gạt hẳn ra một bên nhu cầu thưởng thức văn nghệ. Ở hải ngoại, nếu có sự bế tắc thì, theo tôi nghĩ, đây cũng chỉ là một hiện tượng tự nhiên: Những làn sóng di cư thưa thớt hẳn, đã làm số người sáng tác và độc giả vơi dần, còn lớp trẻ mới lớn lên, ở vùng đất mới, ít nhiều bị đồng hóa, sẽ không có khả năng sáng tác cũng như thưởng thức văn nghệ bằng Việt ngữ. Thực ra, trong hoàn cảnh hiện tại, ở hải ngoại, ta còn có thể cầm cự trong một vài thập niên nữa, cho tới khi không còn người «sản xuất» cũng như người «tiêu thụ» văn nghệ. Ngay hôm nay, nếu sự ngưng đọng trong sản xuất xảy ra (tôi chưa thấy dấu hiệu gì rõ rệt) thì có thể chỉ là đối với một số tác giả nào đó, với những lý do riêng tư. Cũng có thể phần nào là vì có sự bão hòa văn nghệ nói chung nên nhịp sáng tác chậm lại, tự điều tiết, để tiến tới tình trạng quân bình theo cung cầu. Đích cuối cùng của văn nghệ hải ngoại là phải vươn tới cái khối hơn bảy mươi triệu dân Việt ở trong nước, loại độc giả đang thèm khát những luồng gió mới. Họ có tiềm năng giải quyết những khủng hoảng sáng tạo và là nguồn cảm đích thực, phong phú cho văn nghệ sĩ Việt Nam ở quốc nội cũng như ở các nơi khác.

TK: *Đến đây, xin hỏi anh một câu khá riêng tư: Từ giáo sư Khoa*

trưởng Nguyễn Khắc Hoạch đến nhà thơ Trần Hồng Châu là sự chia cắt hay chỉ là sự tiếp nối trong một con người?

THC: Đối với tôi không có sự chia cắt hay tiếp nối. Tôi sống hai con người, văn nghệ và giáo dục, một cách tương đối hài hòa, di chuyển dễ dàng từ con người này đến con người kia. Hay nói đúng hơn, trong tôi chỉ có một con người. Ai cũng biết là hoạt động giáo dục khá gần gũi thế giới văn nghệ, và có một số nhà văn cũng đồng thời là nhà giáo. Rõ ràng cả hai con người đều cùng gắn bó với chuyện chữ nghĩa, với lĩnh vực trí thức nói chung, đều cùng có một «quần chúng» sinh viên hay độc giả như nhau. Nhưng vai trò của nhà giáo dục, vai trò khuôn mẫu, mực thước, ít nhiều hướng về việc bảo vệ truyền thống, bảo vệ di sản «cổ điển», và những giá trị đã có sẵn, có thể có lúc mâu thuẫn với vai trò canh tân, khám phá, sáng tạo, không đi trên đường mòn của văn nghệ sĩ. Lấy một ví dụ. Phong cách của người dậy học khi soạn, giảng hay chấm bài (ngôn ngữ, văn phạm, hành văn, bố cục, v.v...) thường có tính quy phạm (normatif), theo những khuôn mẫu và tiêu chuẩn nhất định, điều mà văn nghệ sĩ thường không biết tới hay cố tình né tránh để đi tìm cái mới, cái độc sáng.

Tôi may mắn được ở trong môi trường Đại Học, nơi tương đối có truyền thống sáng tạo, phóng khoáng và độc lập, nơi người ta ít nệ về hình thức, và chỉ đòi hỏi có chiều sâu, có trọng lượng trí thức, nên vẫn hoạt động được ở cả hai phía (giáo dục và văn nghệ) và không cảm thấy có hàng rào ngăn cách. Tôi khởi đầu viết năm đầu thập niên 40 và chỉ đi vào ngành giáo dục từ giữa thập niên 50 (không kể khoảng thời gian ngắn mấy tháng trong năm 1946). Sau đó vẫn sáng tác đều, nhưng ít và chậm, vì công việc giảng dậy và hành chính bận rộn, vì bản tính thận trọng, rất khó khăn với chính mình. Sau khi nghỉ dậy tôi có nhiều thì giờ viết hơn, nhưng phần nào cảm thấy tiếc thời gian đã để trôi qua...

TK: *Phần cuối của buổi nói chuyện xin dành cho thơ. Xin anh cho biết quan niệm thi ca của anh. Đối với anh, thơ có mới, có cũ hay không?*

THC: Quan niệm của tôi về thơ? Nghề nghiệp giảng dậy văn chương, chuyên về thơ cận và hiện đại, Việt Nam và Tây Phương bắt tôi phải kinh qua, mổ xẻ nhiều quan niệm, khuynh hướng, trường phái và những vấn đề cơ bản liên quan đến thơ, như bản chất thơ, cảm hứng, cấu trúc, kỹ thuật, hiện tượng sáng tạo, v.v... dần dần tôi cảm thấy mệt mỏi, bão hòa. Đã đành là những công việc kể trên rất ý nghĩa và cần thiết cho nhà phê bình văn học, nhà thẩm mỹ học, nhà biên khảo văn sử... và họ là những

nhân tố tối cần cho sinh hoạt văn nghệ. Nhưng bản thân tôi thì vẫn thích thể hiện một sự vật hơn là quan sát, phân tích, phê phán nó. Làm chính trị chắc có thể thú vị hơn phân tích giảng dậy chính trị. Làm lịch sử (tôi xin lỗi vì những từ ngữ hơi ồn ào này) chắc có thể thú vị hơn nghiên cứu, giảng dậy lịch sử trong lớp học. Sống những giờ phút yêu đương, thể hiện yêu đương trong cuộc đời chắc có thể thú vị hơn viết vài pho sách mổ xẻ tình yêu! (Về điểm này tôi nghĩ là người Pháp, người Ý, có lẽ khôn ngoan, hồn nhiên, đi sâu vào nghệ thuật sống hơn người Mỹ, người Anh?)

Các lý thuyết, trường phái thường đẹp và quyến rũ như những công trình kiến trúc lý tưởng của trí tuệ. Nhưng, một lần nữa, Goethe lại nhìn thấy ở đó mầu xám của lý trí trừu tượng, xa rời cái sống động, nóng hổi và xanh tốt của nhân sinh, vả lại chúng chỉ nắm được một khía cạnh của sự thực, của đời sống muôn mặt. Bản tính tôi không muốn bị gò bó, ràng buộc vào một hệ phái, một khuynh hướng nào, không muốn tự thu hẹp tâm hồn và khả năng hoạt động, nhất là ở địa hạt thơ.

Thơ là cái gì mung lung, dựa vào cảm xúc nhiều, nên tôi cứ tự thả trôi theo thi hứng. Cho thơ hồn nhiên nở ở đâu cành như một bông hoa đến thời, đến lúc thì xuất hiện, tự nhiên ở đấy, như do thúc đẩy của một nguồn sinh lực hữu cơ tiềm tàng nào đó. Hãy bỏ rơi rụng lại những lớp bụi bậm: lý trí lạnh lẽo, «mốt» thời thượng, làm dáng phấn son, ấu trĩ tầm thường, khuôn mòn bảo thủ ù lì hay cái «mới» giả tạo, hung hăng...

Cuối cùng chỉ cần biết bài thơ có đạt, có tới hay không. Có tân kỳ, độc đáo, có làm rung chuyển cả trí thức và tình cảm người đọc không. Có chân chất, có thơ hay không? Thật ra những ý niệm này cũng rất mơ hồ, chỉ «cảm» thấy thôi, mà cảm thì là chủ quan, khó phân tích, khó định lượng. Nhưng trực cảm, mặc dầu là phi ý thức, mặc dầu không đường biên rõ ràng, vẫn là cái gì đưa ta thẳng vào tận trung tâm sự vật, để vươn tới xứ sở của Chân Thiện Mỹ.

Bài thơ có đạt, có hay không?
Và như thế làm gì còn thơ mới, thơ cũ
Thơ bên đông bên đoài, thơ vần điệu thơ tự do
(Chắc chắn chỉ còn thơ hay, thơ đẹp với phản diện là ...
chiếc thuyền Nghệ An!)
(Chắp Cánh Cho Thơ, trong Nửa Khuya Giấy Trắng)

TK: *Xin chân thành cám ơn nhà thơ Trần Hồng Châu.*❐

năm chữ

NGŨ AN

một
lỡ một đời lãng tử
khánh tận mộng hoang tàn
quay về quê quán cũ
ngậm ngùi sương khói lan

hai
ngồi trong bóng chiều xanh
nghe hoàng hôn tím rụng
ai về nhẹ bước chân
gót hài xưa sương đọng

ba
nghiêng mình trên sóng nước
soi lại bóng hình xưa
giật mình con sóng vỗ
sầu lan mấy bến bờ

bốn
có một thời thơ dại
vạt áo hứng đầy trăng
để bây giờ nhớ lại
màu trăng đó phai lòng

năm
xưa, bao năm là xưa
tình, bao lâu là cũ
người mới đó mà nhu
ngàn năm chưa hề phụ

Trần Hồng Châu, khát vọng biển

Thụy Khuê

Khát vọng của Trần Hồng Châu nằm trong một quỹ đạo tròn xoay quanh Sông - Biển - Thành phố - Hồi tưởng - Kỷ niệm. Rồi lại Sông - Biển. Xin gọi là khát vọng luân hồi Biển cả-Tự do.

Trần Hồng Châu mở đầu tùy bút *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* bằng những hàng:

Khách vẫn lặng lẽ đi, mang vầng trán ưu tư và mái tóc bềnh bồng lẫn vào đám lá me non hai bên đường Tự Do, dòng sông đêm không bao giờ tắt lửa của Sàigòn. (trang 175)

Con sông phố phường nào cũng đổ ra biển, đi từ những vùng đất chật hẹp, quanh co, bóng cây và tường thành, ra tận ngoài khơi lồng lộng, gió bốn phương. Bến Bạch Đằng ở cuối đường Tự Do, chỉ là một bến sông, nhưng cũng là tiền thân của biển cả, mang vào thành phố những chân trời xa, những vùng đất lạ. (trang 169)

Thành Phố Trong Hồi Tưởng là tập hồi ức viễn du vào những vùng kỷ niệm mà tưởng tượng là chính nhân, tưởng tượng trước tác và cảm tác.

Từ thực tế xương thịt của thiên nhiên như một dòng sông, một con đường, một thành phố... tưởng tượng dẫn ta vào những địa hạt xa vời khác như những tiếng hát, những ánh đèn màu, những mây, những sóng, những lục địa, Âu Châu, Paris, New York, Sài Gòn, những Tagore, Prévert, Supervielle, Boris Vian... những quán gió, những đêm hồng, chiều tím.

Ở Trần Hồng Châu, khát vọng nước, khát vọng biển đã trở thành khát vọng tung bay, hóa thân thành nghệ thuật như lời ông viết:

Biển vẫn rì rào vỗ sóng. Một dải xanh lợt viền sóng bạc. Xa và trên nữa vẫn là tấm lụa muôn màu của hoàng hôn. Đây là đại dương, cánh cửa mở tung, trời nước không giới tuyến. (trang 29)

Có phải hôm nay là đại hội, ngày cưới của gió và mây? Mây trang

điểm rực rỡ, mây và các cô phù dâu, chị em, bè bạn và họ hàng mây, không biết đã hẹn từ đâu về mà sao lượt là, phấn son nhiều và hân hoan rộn rã thế. (trang 29)

Vẫn vàng cam, kim diệp, hoàng yến, hoa hòe, da đồng, hoàng thổ... Vẫn «lụa chen lửa đỏ» và «son đậm bên thành», rồi hồng đào, cánh sen, hồng phấn, vỏ đậu, hồng ngọc, đỏ tía, yên chi, huyết dụ... [...]

Mây và mây, đủ màu sắc, đủ vóc dáng. Lúc đó mới thấy lời nói con người, tù túng, giới hạn, ngăn sông cách núi, lúc đó mới thấy khoảng cách giữa ý và lời. [...]

Hãy cho tôi mượn cây bút sơn của họa sĩ. Lúc pha màu mới thấy những khám phá kỳ ảo, những gặp gỡ bất ngờ nhất. Muôn ngàn sắc tố, nhưng không sắc nào giống nhau, luôn luôn biến chuyển và không thể tái tạo được. [...]

Hôm nay tôi ý thức được rõ ràng mối thâm tình ràng buộc Thơ, Họa, Nhạc và mơ màng vươn tới một nghệ thuật toàn diện, bao trùm, điều hợp... (trang 30)

Những liên tưởng của Trần Hồng Châu đưa người đọc từ những thực thể hữu hình như mây, đất, đá, sóng, sang những cảm nhận trừu tượng như sự tù túng của chữ nghĩa, khoảng cách giữa ý và lời, hay sự giao lưu giữa các ngành nghệ thuật. Phong cách trừu tượng hóa một thể chất cụ thể, hoặc cụ thể hóa những suy tư trừu tượng, ở Trần Hồng Châu, là sự chuyển thể giữa Văn và Triết, hai đại lộ văn hóa song song nhưng có khả năng đồng quy ở một điểm: Giao điểm nghệ thuật. Dường như có một mảng tâm hồn Bachelard phảng phất đâu đây, trong hệ quy chiếu ảnh hưởng vật chất vào tâm linh nghệ thuật của con người. Lại có một chút cartésien trong những suy tư hiện hữu... Và có rất nhiều nhà thơ nằm trong mỗi chữ của Trần Hồng Châu:

Cho nên tôi cũng không còn vương vương buồn trước dòng sông. Tôi không đứng im. Tôi vẫn chảy trôi không ngừng. Tôi là dòng sông. «Đạm đạm trường giang thủy». Trong tôi có biết bao nhiêu dòng chảy. Dòng máu luân lưu. Dòng điện thần kinh bén nhậy. Dòng sinh khí từng luồng âm ba lùa vào từng kinh, từng mạch. Cuối cùng là dòng sông tư duy, dòng thời gian tâm lý, bản thể và chứng nhân cho sự hiện hữu của tôi. (trang 18)

Tùy bút *Thành Phố Trong Hồi Tưởng* đa tình, đa ý, đa cảm xúc... vì bản chất hồi tưởng có khả năng cất cánh từ bất cứ vùng đất đậu nào: từ một đợt sóng, từ một lương tâm, từ một tác giả, từ một tác phẩm, từ một chữ, một lời, một tuổi trẻ, một khung trường, từ một màu vôi vữa... Dù từ ở đâu chăng nữa, mối cảm xúc của tác giả cũng nhẹ nhàng, cao khiết, như

ông viết về những tàn hại của chiến tranh:

Ai đã đánh cờ người bằng tuổi trẻ? [...]

Có ai thấy lũ phù thủy học đường và lái buôn tuổi trẻ, vội vã, hoảng hốt, theo gót đàn dơi ma quái, chập chờn, vỗ cánh hoàng hôn cùng với màn đêm tan biến? (trang 75)

Người đọc hoài cảm tấm lòng xót xa của một người thầy, của một người cha, tấm lòng tương ái, thương vọng của một chứng nhân thời đại, chứng nhân chiến tranh, chứng nhân bất lực những phong ba phi lý của tuổi trẻ. Ông viết:

Thời gian cô đọng lại trong những mùa bạo động [...] Khung cảnh tang thương rách nát của mẹ Việt, u buồn, chỗ nào cũng chỉ thấy hàng hàng lớp lớp những chứng tích đau thương của gió bay nhà bạc cát làm cửa thưa. (trang 115-116)

Thành Phố Trong Hồi Tưởng còn là tập du ký những suy nghiệm của con người về thân phận mình qua tác dụng của thiên nhiên. Thiên nhiên mở ra một thực tại mộng ảo, một thực tại nghệ thuật và suy tư. Thiên nhiên bắc cầu giữa thơ và nhạc, giữa lời và ý, giữa văn và triết. Thiên nhiên bao trùm sự vật và con người:

Chạy đi đâu cũng không qua khỏi nỗi ám ảnh của thảo mộc, của thiên nhiên, của nguồn suối không cùng tạo vật và ông tự hỏi: Làm sao để lúc nào cũng vẫn nằm trong vòng tay thiên nhiên. Cố gắng nâng nhịp tâm hồn cho phù hợp với cung bậc của bản nhạc ngàn khơi, bản nhạc thiên nhiên ngàn đời. Nhập vũ trụ. Tan biến trong vũ trụ. Đồng hóa với vũ trụ, không hề đi ngược lại, đối kháng hay lỡ nhịp. Đó là bí quyết tư tưởng và nghệ thuật Đông phương. Đó là thông điệp của Biển. (trang 28)

Ở Trần Hồng Châu, những cuộc viễn mơ, giao du với dĩ vãng, kỷ niệm, chẳng qua chỉ là một thoáng đi tìm thời gian đã mất của con người. Biển là thượng nguồn của những cuộc bể dâu, tang thương, biến đổi, và biển là mẹ của tự do. Biển là nôi của sáng tạo.

Ở nhà thơ không tuổi này, kỷ niệm vào sâu những sân trường, từ Sorbonne thời còn đi học đến Văn Khoa thời dạy học, ông đã luyến lưu Paris, say mê New York và thương nhớ Sàigòn. Kỷ niệm viễn du trên Địa Trung Hải. Kỷ niệm sà xuống Hawai. Kỷ niệm nằm trong con ốc nhỏ đảo Guam, lúc hoàng hôn đợi sóng. Và ông đã sáng tác như lời ông viết, theo một cẩm nang tạo hình độc đáo:

Trừu tượng hóa, tách lẻ, giữ lại những gì mang tính cách nguyên lý và tổng quát nhất, là một thao tác triết lý. Biểu tượng hóa từ cái phức tạp, máu thịt của sự vật, vươn lên cái huyền diệu thầm kín nhất ở trung tâm, ở thượng tầng, nếu không muốn nói ở thế giới ý niệm, để dựng xây nên một

hình tượng đẹp, lý tưởng, đó là một thao tác nghệ thuật. (trang 27)

Thành Phố Trong Hồi Tưởng chính là một thử nghiệm của thao tác nghệ thuật này, và nhà thơ đã phiêu lưu trong hồng tâm của đất trời, trong trái tim của văn hóa, để tạo nên một thế giới lạ mà hồi tưởng là những âm vang gọi về cõi mịt mùng biển nước, thế giới vô bờ của có và không. Ở đó nhấp nhô những ngọn sóng bạc mầu, không tuổi, lúc nào cũng sẵn sàng khởi hành vào cuộc viễn du nghệ thuật.

Trong chuyến hải trình biền biệt hai mươi năm, Ulysse đã phải nghe tiếng hát ngư tiên trong tư thế trói mình vào cột thuyền, để giữ khoảng cách bất biến giữa bản thân và ngư nữ.

Khoảng cách ấy, phải chăng là khoảng cách cốt tử giữa nghệ sĩ và nghệ thuật mà Circé đã truyền cho Ulysse như một bảo bối giữ mình. Khoảng cách cần phải có để con người vươn lên, vươn mãi... mà không bao giờ đạt tới đích nghệ thuật. Thảng hoặc nếu cứ quyết tâm muốn nhận diện cái đỉnh tuyệt đối, thì nghệ thuật sẽ tan đi như cái ngoái lại của Orphée làm tuyệt hình Eurydice.

Hành trình Ulysse ấy, mấy ai thoát khỏi trong đời làm nghệ thuật của mình. Và như Trần Hồng Châu:

Tư duy người thơ
Đi suốt chiều sâu ý tưởng
Vào thịt xương và tình người
(Thơ và sự thực)

cũng vẫn chỉ mù khơi... biển cả.

Trần Hồng Châu, trong thơ, như muốn kể lại cuộc phiêu lưu nan kỳ và huyền nhiệm của người dân nhược tiểu, tản dị, một «cỏ vong ưu» trên đường hành hương tìm Tình yêu, Tự do và Biển cả.

Nước biển có giải oan
trắng tinh hồn nhược tiểu
nước biển có mặn chát
vạn niềm đau?
(Biển oan khiên)

Hành trình này là một câu hỏi không lời giải đáp, một chuyến đi không định hướng như chuyến lạc du của con người từ phút khởi sinh đến giờ tận tuyệt.

Ra đi từ lòng biển trong một hạt nhân tiền sử
Rồi lại bâng khuâng trở về vòng tay biển ân tình

Chuyến đi đầy bất trắc, phong ba, như có hồn Ulysse trói chặt mạn thuyền, vọng hồ ly tiếng hát.

Nhân ngư, ngư nhân
điệu hò khoan, ơ hờ...
Ta đã đi đến tận cùng của chịu đựng
đi! Cho ta nắm bàn tay tuyệt diệu
Cho ta vào lòng biển sâu
Vào giấc ngủ vô thường
(Biển oan khiên)

và nhà thơ đã «vượt biên»,

vượt qua những hoang mang tiềm thức,
những trùng dương thăm thẳm bóng thời gian

để đến với tiếng hát ngư nữ của muôn đời

tôi đam mê đi vào từ trường tiếng em
nhạc ngàn đời
(Tôi đi vào từ trường tiếng em)

Những ai đã từng tần ngần với mầu mơ ngọc thạch, buổi sáng và mầu sậm lam điền, buổi chiều trên vịnh Mễ Tây Cơ, mầu bích biếc của Hạ Long, mầu xanh lưu ly của Địa Trung Hải... sẽ cảm thông nỗi khát vọng biển cả của một người thơ tìm đến biển như một vẫy vùng sáng tạo.

Từ lâu, tiếng gọi sirène đã trở thành tiếng gọi của cuộc đời

Em gần gũi mà cũng vạn dặm xa khơi
Em là biển.

Đối với Trần Hồng Châu, biển là khởi điểm của những hành trình cát luân hồi. Biển là cái nôi của tình yêu, phát sinh sự sống và cũng là nơi an nghỉ cuối cùng sau cõi sống. Câu chuyện tình bắt đầu giữa biển và cát:

Biển đa tình
Nằm hôn bờ cát trắng
...
Ta nhặt từng sợi rong biển
Tóc thề trong chất lỏng xanh
Ta nhặt từng sợi kỷ niệm
Bềnh bồng trong tiềm thức biển sâu
Quá khứ đến rồi đi
Luân hồi
Trên bạc đầu sóng vỗ
Tản mạn về chân trời
Mù khơi...
(Xuân và biển thiếu quê hương)

Và cứ như thế, thân phận con người nhược tiểu, đi tản hay không đi,

muôn đời vẫn là kiếp thuyền nhân đi vào lòng biển

Lênh đênh một thuở luân hồi
Vòng tròn nhân thế đổi đời cố nhân
(Không sắc không hình)
Tình ta hạt cát biển đông
Cuốn theo chiều gió một vòng hư vô
(Hạt cát biển đông)

Cứ thế luân cuồng vũ điệu hồi sinh và tuyệt tận của tư duy, của ngữ ngôn sáng tạo. Người nghệ sĩ vùng vẫy lạc loài trong biển mù sáng tạo như kiếp thuyền nhân lênh đênh trên biển bạo, biển tặc, biển đời

Ta đã đốt bao nhiêu bản thảo
Vì sơ cứng tâm hồn?
Vì tuyệt đối chẳng ở trong vòng tay?
(Ta lấy gì đây đắp đáng thơ)

Bởi nghệ thuật hay tuyệt đối chẳng qua chỉ là những ngư tiên, quyến rũ con người qua biển cả tâm tư, trên sóng gió tiềm thức và trong những mộng mơ ngàn đời không bến đỗ.

Thụy Khuê
Paris tháng 11-1997

tên em là hoa kỳ

thi tập thứ nhì của Quỳnh Thi

Đại học South Eastern ở Houston xuất bản
Phụ bản Lê Thánh Thư, Ngọc Dũng, Đinh Cường

"Tên Em Là Hoa Kỳ" ra đời sau bao nhiêu dằn đo, kể cả những băn khoăn, như không tìm được lối thoát trước một bế tắc của thơ hôm nay. Có cả thời gian dài gián đoạn sáng tác, ngưng nghỉ rồi lại tiếp tục hành trình lên đường. Dòng máu phục hồi tuôn chảy, vì nó là hơi thở của người yêu thơ.

Giá mỗi tập 8 Mỹ kim (cước phí 2 MK)
Liên lạc và mua sách: **Mr Phạm Quang Vinh**
10707 Zircon Ct., Houston TX 77099 USA
Phone: **(281) 575-7636**

Phỏng vấn Lê Minh Hà

Minh Nguyệt (Đài phát thanh Australia)

Minh Nguyệt (MN): *Trong tập 'Trăng goá' mới xuất bản, truyện ngắn được viết sớm nhất của chị là vào năm 1991, lúc chị còn ở Việt Nam. Đó có phải là tác phẩm đầu tay của chị hay không?*

Lê Minh Hà (LMH): Không đâu ạ. Thật ra thì tôi bắt đầu viết rất sớm. Có thể nói là từ khoảng 16, 17 tuổi tôi đã có một cái gì đó riêng cho mình để đọc rồi. Thế nhưng, mặc dù viết rất nhiều, chưa bao giờ tôi cho đăng tải ở đâu cả. Bạn đọc gần như duy nhất của tôi lúc bấy giờ là một cô bạn thân, vốn say mê một cái nghề rất khó hiểu đối với tôi là toán kinh tế.

MN: *Viết nhiều mà lại không đăng tải ở đâu cả. Chắc là phải có lý do gì đó, phải không?*

LMH: Lý do là thế này: Khoảng 17 tuổi, tôi có dịp làm quen với khá nhiều nhà văn, nhà thơ ở Việt Nam, thuộc thế hệ viết thơ trên báng súng, như người ta gọi. Có một lần, anh Phạm Tiến Duật kể cho tôi nghe về những lao đao mà anh gặp phải sau khi bài thơ 'Vòng trắng' của anh xuất hiện lần đầu tiên trên báo, nếu tôi nhớ không lầm, đó là báo Tiền Phong. Điều đó chắc chắn nằm ngoài ý muốn của người viết. Lúc đó, tôi mới hiểu ra là muốn thành nhà văn ở Việt Nam thì phải biết đeo mặt nạ. Nhưng tôi thì không muốn như thế, và cũng không đánh giá mình cao đến mức nghĩ rằng là có thể sống cùng một lúc với hai gương mặt. Do đó, sau khi sang Đức, tôi mới gửi đăng truyện ngắn đầu tiên, nhan đề là Mộ, cho tạp chí Hợp Lưu.

MN: *Như vậy, có thể xem con người nhà văn của chị được xuất hiện*

chủ yếu là ở hải ngoại. Chị có thể cho biết hoàn cảnh viết lách ở hải ngoại có thuận lợi và bất lợi gì hay không?

LMH: Xin được nói về những bất lợi trước. Cái bất lợi đầu tiên của các nhà văn ở hải ngoại là gần như bị cắt đứt với sự phát triển của văn học trong nước. Người ta không theo dõi được một cách đầy đủ sự phát triển ấy. Và người ta cũng lại không có điều kiện về mặt thời gian cũng như khả năng, ít nhất là về ngoại ngữ, để hội nhập với văn học thế giới. Chí ít là văn học ở cái xứ sở mà người ta đang muốn dung thân, là người viết văn bằng tiếng Việt thì đó là một điều tối kỵ. Bất lợi thứ hai là văn chương ở hải ngoại được thương-trường hóa, ai cũng có thể in sách, làm lễ ra mắt sách và in danh thiếp tự xưng mình là nhà văn hay nhà thơ. Vì thế mới có hiện tượng đầu sách thì nhiều nhưng tác phẩm thì lại không nhiều như thế. Cái bất lợi thứ ba là văn học hải ngoại hiện nay thiếu một môi trường phê bình, thiếu một đội ngũ phê bình lý luận chuyên nghiệp. Đối với những người sáng tác, một sự phê bình thường xuyên, chuyên nghiệp rất quan trọng vì sáng tác cần có một sự định hướng và cần tự điều chỉnh trên cơ sở một sự phê bình thẳng thắn, chính xác, hệ thống. Đôi khi dư luận bạn đọc cũng quan trọng lắm nhưng ta cũng phải tính là thị hiếu của bạn đọc có nhiều điều khác nhau, phải không ạ?

MN: *Vâng, đồng ý. Nhưng chị mới nói đến những điểm bất lợi. Còn thuận lợi thì sao? Chắc thế nào cũng phải có chứ?*

LMH: Vâng, dẫu thế thì nhà văn ở hải ngoại có rất nhiều điều thuận lợi hơn các nhà văn ở trong nước. Bởi vì họ viết trên tinh thần lụy tiếng Việt, và khi viết trên tinh thần đó thì người viết không phải tự kiểm duyệt mình bằng những thước đo nằm ngoài văn chương như nhà văn trong nước. Ngoài ra có một điều bất lợi mà tôi không nói ngay vì cái bất lợi này lại dẫn đến một thuận lợi: viết văn bằng tiếng Việt ở hải ngoại dĩ nhiên không thể vì cơm áo được. Thế nhưng chính điều đó lại quyết định khá nhiều: *viết*, do đó, không đồng nghĩa với *lách*.

MN: *Nói đến những chuyện thuận lợi hay bất lợi là chỉ nói đến những điều kiện sinh hoạt căn bản. Còn về những thành tựu của nền văn học Việt Nam ở hải ngoại thì sao? Trong sinh hoạt văn học hải ngoại, dẫu sao chị cũng là vị 'khách' mới, có khi vì vậy chị dễ có cái nhìn khách quan và toàn diện hơn những người đã tham dự vào nền văn học này ngay từ đầu hoặc từ "tiền kiếp" của nó, tức thời 54-75 ở miền Nam...*

LMH: Xin được trả lời câu hỏi này với tư cách là người đọc. Với những người ra đi từ miền Bắc như tôi, văn học hải ngoại bao hàm không chỉ những tác phẩm được viết ở hải ngoại mà còn nhiều tác phẩm văn học đã xuất hiện ở miền Nam trước 1975 và được tái bản ở hải ngoại như các tác phẩm của Võ Phiến v.v... Phải nói là tôi kinh ngạc khi tiếp xúc với các tác phẩm này. Đặt trong quan hệ đồng đại với nhiều tác phẩm xuất hiện ở miền Bắc trước đó, phải thừa nhận rằng rất nhiều tác giả, tác phẩm văn học hải ngoại thể hiện một tầm nhìn rộng hơn, cho nên, trong một số trường hợp, thể hiện một tầm cao hơn khi phát hiện cũng như lý giải đời sống. Tuy nhiên, dù sao tôi nghĩ tôi không có đủ thẩm quyền để nói về điều này vì chưa có điều kiện đọc một cách có hệ thống văn học miền Nam trước 75 cũng như văn học miền Nam nối dài, tức là văn học hải ngoại bây giờ. Nhưng tôi cũng có thể nói là có những tác giả có khả năng chinh phục rất lớn như Võ Phiến, hay Nguyễn Mộng Giác (riêng ở trường thiên tiểu thuyết - tôi rất thích Nguyễn Mộng Giác ở những tác phẩm dài hơi này), rồi thơ Nguyên Sa, thơ Cao Tần... Ai đó đã nói văn học hải ngoại là văn học miền Nam nối dài cũng có cái lý của họ vì khi đọc, tôi thấy diện mạo văn học hải ngoại hiện nay rất gần với văn học miền Nam trước 75. Có những mảng đề tài, những chủ đề mà văn học miền Bắc trước đó hay văn học trong nước hiện nay vẫn chưa thấy đụng chạm tới, ví dụ như những đề tài đậm đặc tính xã hội nhưng lại ít tính công dân. Những truyện tình của nhiều tác giả nữ ở hải ngoại là một ví dụ. Phạm Thị Hoài là trường hợp cá biệt, không nằm trong ví dụ này. Một điều mà tôi cũng vừa nói khi nãy là văn học hải ngoại thiếu một đội ngũ lý luận phê bình chuyên nghiệp, mặc dù phải thừa nhận rằng có sự xuất hiện - và sự xuất hiện này đã gây một ấn tượng, một sự chấn động ở trong giới văn chương chuyên nghiệp - của một số cây bút phê bình, ví dụ như Nguyễn Hưng Quốc, hay Đặng Tiến, hay Nguyễn Quốc Trụ, mà tôi nghĩ trong nước hiện nay vẫn chưa có được. Một điều nữa mà tôi có thể thấy là văn học hải ngoại đa giọng hơn văn học trong nước, với sự xuất hiện của những tác giả cực mới, không dễ gì được chấp nhận. Ví dụ như các tác giả hay xuất hiện ở tạp chí Thơ. Ngược lại, lại có những tác giả viết những tác phẩm cứ y như đang ở trong thời thịnh vượng của Tự Lực Văn Đoàn hay Thơ Mới. Cái đa giọng này, có khi cũng cần phải được xem xét lại. Không hiểu là tôi có nghiêm khắc quá hay không. Dù thế, căn cứ vào cái việc được đọc - dẫu là chưa có hệ thống - nhiều tác giả và tác phẩm văn học hải ngoại hiện nay, tôi tin rằng có một ngày, văn học hải ngoại sẽ có được một vị trí xứng đáng trong lịch sử văn học Việt Nam hiện đại.

MN: *Hồi nãy chị có nhắc đến Tạp chí Thơ mà chị mô tả là "cực mới". Nói như vậy là chị có ý chê hay khen?*

LMH: Xét về mặt lý luận thì cuộc vận động đổi mới thơ là một bước tiến trên con đường hiện đại hoá thi ca Việt Nam. Đó là chuyện tất yếu phải xảy ra. Điều này không khác gì lắm về mặt ý nghĩa so với thời kỳ đầu của Thơ Mới với sự xuất hiện của những diễn giả như Nguyễn Thị Manh Manh. Nhưng theo tôi, cái cuối cùng mà người ta phải tính tới là tác động đích thực của các tác phẩm được viết với ý tưởng hiện đại hoá đó. Hiện nay tôi ghi nhận công lao về mặt ý tưởng của nhiều tác giả trong Tạp chí Thơ. Thế nhưng bảo là tác động của tác phẩm của họ đối với tôi tới đâu thì có khi tôi còn phải nghĩ ngợi.

MN: *Nói rộng hơn một chút, trong số những nhà thơ được xem là mới hiện nay ở hải ngoại, chị có chú ý đến ai không?*

LMH: Có đấy. Lúc mới ra nước ngoài, tôi đọc Đỗ Kh. và tôi bị dị ứng. Nhưng đọc kỹ thì lại thấy đó là một giọng điệu rất riêng mà ở trong nước hiện nay không có.

MN: *Vậy, theo chị, thơ trong nước hiện nay ra sao?*

LMH: Thơ ở trong nước cũ quá. Chỉ có một tác giả trong nước mà tôi rất thích, đó là Phùng Cung. Thơ của ông thật sự là một bước phát triển của thi ca Việt Nam hiện đại, mặc dù nó không đoạn tuyệt với quá khứ. Tôi đánh giá ông cao hơn cả Lê Đạt và Đặng Đình Hưng. Nhưng đó có thể là cảm nhận hết sức chủ quan của tôi.

MN: *Còn về phía các nhà văn ở Việt Nam thì chị thích ai nhất?*

LMH: Trong các nhà văn hiện đại nói chung, tôi rất mê Nam Cao thời kỳ những năm 40. Sau này là Nguyễn Minh Châu và Đỗ Chu. Đặc biệt là Đỗ Chu với chất thơ đầy cay đắng ở những truyện ngắn gần đây. Và hiện nay, tôi bị... khuất luỵ vô điều kiện bởi Nguyễn Huy Thiệp. Tôi có thể đọc thuộc lòng từng đoạn, từng truyện của Nguyễn Huy Thiệp. Có người đã nói với tôi như thế này: trời đã sinh ra Tư Mã Thiên, cần gì phải có một Nguyễn Huy Thiệp. Nhưng tôi nghĩ người đó quá nghiêm khắc chăng. Bởi vì, quả thật, có thể do nghề nghiệp cũ, Nguyễn Huy Thiệp đã tận dụng được ưu thế của văn học cổ Trung Quốc: sự súc tích. Tôi nghĩ là

một cái bình cũ mà chứa được một loại rượu quý mới thì cái bình đó vẫn có cái giá trị của nó. Tuy nhiên Nguyễn Huy Thiệp hoàn toàn không phải là người sử dụng một hình thức cũ để biểu đạt một nội dung mới. Cách biểu đạt của Nguyễn Huy Thiệp thoáng đọc có vẻ giống văn học cổ Trung Quốc nhưng thật ra lại là cái gì đó mà chỉ riêng Nguyễn Huy Thiệp làm ra được thôi. Đó là chuyện hình thức, nhưng hình thức thì bao giờ cũng gắn liền với một nội dung nào đó, trong một tác phẩm đích thực. Đọc Nguyễn Huy Thiệp, đau lắm. Nguyễn Huy Thiệp nói cứ tưng tửng. Các nhân vật của Nguyễn Huy Thiệp có một cuộc sống dường như bình thường nhưng thật ra lại rất khác thường. Và sự khác thường này biểu hiện được số kiếp của con người.

MN: *Trong lời tựa tập 'Trăng góa' của Lê Minh Hà, nhà văn Nguyễn Mộng Giác có nhận xét là văn chương của chị thuộc vào dòng văn chương 'vết rạn'. Ý kiến của chị ra sao?*

LMH: Khi viết như thế, nhà văn Nguyễn Mộng Giác cũng có đặt ra một so sánh là văn chương của Nguyễn Huy Thiệp, Phạm Thị Hoài, Dương Thu Hương có một cái gì đó tương hợp với *'văn chương vết thương'* của văn học Trung Quốc sau Cách mạng văn hóa. Tôi đã nói tôi rất mê Nguyễn Huy Thiệp, và trong một chừng mực nào đó, tôi đặc biệt nể giọng Phạm Thị Hoài. Nhưng trong khi viết, dẫu mê hay nể thì tôi cũng không thể và cũng không muốn viết giống họ. Tôi thiết tha với những mẫu người bình thường, những thân phận, tính cách, có vẻ như bình thường. Mỗi một cá thể đó thực sự là *một cõi nhân gian bé tí*, nói như Nguyễn Khải. Tôi thiết tha với những *vết rạn* trong đời của những con người như thế. *Vết rạn* đó đôi khi ám ảnh người ta, làm cho người ta đau đớn thấp thỏm còn hơn cả *vết thương* và nó cũng buộc người ta phải cẩn trọng hơn với một vết thương, vì nó gợi tới sự mong manh. Và khi anh Nguyễn Mộng Giác viết về tôi như thế thì tôi thấy tôi có vẻ là như thế (Cười).

MN: *Nhân nói đến dòng "văn chương vết rạn", chị có thể cho biết một chút về quan niệm sáng tác của chị được không?*

LMH: Văn chương có tính giải trí và chúng ta không nên phủ nhận điều này như nhiều nhà lý luận văn học mác-xít trong nước từ trước đến nay. Thế nhưng, đối với riêng tôi, nếu viết chỉ để giải trí - cho mình hay cho người đọc - thì đó là một thảm hoạ. Văn học không bao giờ có thể trở thành một kỹ nghệ giải trí được. Tôi chưa bao giờ hình dung một nhà xuất

bản lớn như nhà xuất bản Văn Nghệ ở Mỹ hiện nay, hay nhà xuất bản Văn Học trong nước lại có thể thay thế vai trò của một Thuý Nga Paris chẳng hạn. Ngoài ra, theo tôi, sáng tác cần được bảo đảm như một hành vi tự thân và tự do, vì khi đó người viết mới thật sự là mình. Nếu không thật sự là mình, không cá biệt hoá được phong cách sáng tạo của mình thì người viết khó mang lại cho văn chương một cái gì đáng nhớ. Và như thế nên tìm một nghề khác, để chí ít khỏi làm mất thì giờ của những người thiết tha với văn chương.

MN: *Như vậy, chị có tin là văn chương có thể đóng góp được gì cho đời sống chính trị và xã hội không?*

LMH: Dĩ nhiên là tôi tin. Đóng góp cho đời sống xã hội là chuyện hiển nhiên rồi. Mà xã hội thì không bao giờ nằm ngoài cái vòng quay của chính trị. Tôi nghĩ, trong một chừng mực nào đó, tác động của một tác phẩm văn chương có khi còn lớn hơn cả một lời hiệu triệu thuần tuý chính trị. Người ta đã nói đến những điều này nhiều rồi. Tấn trò đời của Balzac chẳng hạn, đã được nhiều chính trị gia thừa nhận. Và không phải chỉ một Balzac mà cả hiện tượng rất nhiều nhà văn trên thế giới, đặc biệt trong những nước độc tài, bị chính quyền truy đuổi. Thực sự đó không còn là chuyện văn chương nữa mà là chuyện chính trị. Và như thế ta phải thấy rằng văn chương thực sự là một động lực thúc đẩy đời sống chính trị.

MN: *Khi sáng tác, mối bận tâm chính của chị là gì? Là cốt truyện, nhân vật, giọng văn hay là cái gì khác?*

LMH: Trong sáng tác của tôi, cốt truyện không đóng vai trò lớn. Nhân vật, hiểu theo nghĩa là một số phận có sự phát triển, cũng không hẳn là mối bận tâm của tôi. Tôi viết như phải viết. Thế thôi. Điều này có thể là một chọn lựa riêng, mà chính tôi cũng không ý thức được hết.

MN: *Chị đang có dự định sáng tác gì trong tương lai không?*

LMH: Hiện nay, tôi có rất nhiều bản thảo viết bằng bút mà tôi cần phải đánh máy lại nhưng chưa làm được. Có một số bản thảo khác cần được sửa chữa, nhiều khi chỉ một hai chữ thôi, nhưng mà... lười! Còn một điều nữa tôi rất băn khoăn và cũng rất tiếc, đó là rất nhiều bản thảo tôi còn để lại ở Việt Nam. Bây giờ tôi rất muốn có một khoảng thời gian được dứt hẳn ra khỏi cái lo toan thường nhật - đối với bọn tôi hiện nay, đó là

chuyện cơm áo, chuyện giấy tờ, chuyện định cư - để tập trung tinh thần vào các bản thảo. Ngoài ra, tôi còn có một điều mong muốn - không dám nói là dự định vì đã nói dự định thì thường người ta làm được nhưng mong muốn thì chưa chắc. Đó là thế này: tôi thấy có một số đông người Việt tị nạn thuộc thế hệ thứ hai tập trung rất nhiều ở Đức. Họ không ít tuổi hơn tôi bao nhiêu nhưng họ lại là những người thuộc vào cái lứa ra đời trước 75 hay sau 75 một chút. Họ không biết gì về chiến tranh và thực lòng cũng không muốn biết. Vì thế, đôi khi họ nhìn cuộc chiến vừa qua bằng một con mắt bàng quan và thật sự hời hợt. Họ còn cho là cha anh, nói thế nào nhỉ, đúng từ thì họ nói là 'ngu' và họ cũng không muốn thấy rằng dẫu sao đó cũng là một bi kịch không nên để cho nó lặp lại ở Việt Nam. Tôi không thuộc lứa người ra trận nhưng lại biết khá nhiều về chiến tranh, bằng những trải nghiệm hoàn toàn trẻ con, đó là sợ hãi nhiều hơn là tự hào. Và bây giờ tôi rất muốn viết một cuốn sách về những năm tháng đó, không phải theo kiểu *'Nỗi buồn chiến tranh'* hay văn học gọi là 'chống Mỹ cứu nước' hay văn học chống chiến tranh ở miền Nam hay miền Bắc trước đây, mà viết hoàn toàn bằng con mắt của riêng mình, của lứa tuổi mình thời buổi ấy. Viết, trước hết là cho con mình. Tôi chấp nhận một sự khác biệt giữa các thế hệ và tôi hoàn toàn không muốn lứa tuổi con mình có một hành trang tinh thần giống như mình. Tuy nhiên tôi sợ một tương lai các cháu hoàn toàn xa lạ với những trăn trở, những ngậm ngùi của bố mẹ. Thế nhưng, như tôi đã nói, mong muốn này chưa chắc đã làm được...

MN: *Xin cám ơn nhà văn Lê Minh Hà.*❐

(Bài phỏng vấn này đã được phát thanh về Việt Nam trong chương trình Văn Học Nghệ Thuật của Radio Australia vào tháng 6.1998).

Bạn đọc đã từng theo dõi mục Tạp Ghi của nhà văn
Nguyễn Quốc Trụ
trên Văn Học gần hai năm qua, không thể bỏ qua cơ hội đọc nguyên cả tác phẩm của cây bút phê bình lý luận uyên bác này.
Nhà xuất bản Văn Mới đã phát hành khắp nơi
lần cuối, sài gòn
truyện, ký, tạp văn của Nguyễn Quốc Trụ
Giá 10 Mỹ kim. Văn Nghệ tổng phát hành

Về một khúc đàn tình

HOÀNG LỘC

Tư Mã Tương Như hay Tư Mã Giang Châu
cũng nòi ta tài tử
Khúc đàn trăng em hay ta khúc phượng cầu?
Dẫu là Trác Văn Quân - dẫu là ca nữ
Ta cũng mỏi tìm em để có nhau.

Khuất lấp rồi ta một lần ngã ngựa
Dễ buồn chi những khanh tướng công hầu
Phôi pha chưa lòng em từng khi góa bụa
Bởi chiếc lá nào tàn không phải úa
Buồn chi em đời trải những xuân thu.

Quạnh vắng Tầm Dương bơ phờ đất trích
Em dừng chèo. Trăng soi. Sương canh thâu
Đàn vô thanh mà đất trời thôi tịch mịch
Ta yêu em, yêu em như tình đầu.

Con phượng gù chăng? Lệ dàn đã úa?
Hé rèm thưa, em kín một niềm đau
E dè chi tuổi đời chia khác lứa
Ô hay tình trần - tình trần thẳm sâu.

Chìm nổi phồn hoa mập mờ thế sự
Phải qua hết như hoang tàn cuộc rượu
Sẽ bay đi như mây trắng ngang đầu.

Tư Mã xưa cũng nòi ta tài tử
Em là Trác Văn Quân? Em là ca nữ
Khúc đàn tình còn xám mặt bể dâu.

Một cảnh đời

Trần Mộng Tú

Hai người dắt nhau ra cái quán cóc ở đầu ngõ, keo cái ghế đẩu cho bạn ngồi, gọi mỗi người một bát hủ tíu, Liên vừa so đũa vừa nhìn ra ngoài con lộ. Buổi sáng giờ đi làm, xe đạp, xe gắn máy túa ra đường như một đàn châu chấu, họ bóp còi inh ỏi vừa lái xe, vừa nhìn nhau để lách mà đi. Không có luật lệ gì cả, đường không có đèn xanh, đèn đỏ, đèn vàng mà nếu có cũng chẳng ai thèm nhìn. Xe đạp biết là xe gắn máy không dám tông vào mình, xe gắn máy biết là xe hơi phải ngừng lại nếu mình cứ lao đầu vào nó. Người đi bộ thì thản nhiên len lỏi giữa cái rừng xe đó mà tiến. Cái luật rừng bất thành văn này hình như đã được thỏa thuận trong cái luật giao thông tự người dân đặt ra, ông nhà nước chẳng có một tý quyền hành nào cả. Nhìn cái đám xe cộ túa ra đường một cách vô trật tự đó, bất giác Liên nghĩ đến chẳng khác gì một gia đình đông con mà không có bố mẹ dậy dỗ, để cho chúng muốn ra sao thì ra, mạnh đứa nào đứa đó bương chải mà sống. Vì không có cha mẹ dậy dỗ đến nơi đến chốn nên chúng cũng đâu có biết thương yêu đùm bọc nhau. Cái xã hội Liên đang sống là một cái xã hội ích kỷ. Chẳng có ai quan tâm đến vấn đề an sinh cho người già, chẳng có ai nghĩ đến cấp giúp cho một gia đình đông con mà bố mẹ không có đủ lợi tức để nuôi dậy. Không có tiền trả tiền học thì ở nhà đi bán hàng rong, đi ở thuê, ở mướn hay là đi ăn mày. Bé quá không đi ăn mày được bằng hai chân, thì có người bế cho đi ăn mày. Bằng cách nào đó phải nghĩ ra một kế mà sống còn. Ở một cái nước hậu chiến tranh này người ta chẳng còn biết nhân danh cái gì để phân biệt thế nào là phải thế nào là trái và hơn 20 năm sau người ta vẫn thèm khát về một vùng đất xa xôi, thèm được sống ở một chỗ không phải là quê hương mình. Và Liên, Liên cũng đang ở trong cái trạng thái đó.

Phấn vỗ nhẹ lên bàn tay đang so đũa của Liên hỏi:

– Chị nghĩ gì mà thần người ra thế?

Liên vẫn nhìn ra ngoài đám bụi xe, thẫn thờ trả lời bạn:

– Tôi đang nghĩ đến lúc bỏ nơi này mà đi.

– Chuyện của Trọng và Liên đi đến đâu rồi, có hy vọng gì không?

– Không có gì trục trặc cả, tháng tới Trọng về làm đám hỏi và chỉ trong vòng một năm hoặc 18 tháng là cùng thì mình sẽ đi, nhưng điều quan trọng là mẹ Liên kìa, bà cụ mù lòa Liên không nỡ để bà ở lại một mình.

Liên ngừng lại một lúc, nhìn vào mắt Phấn:

– Tôi muốn nhờ chị thay tôi trông mẹ, tôi sang bên đó sẽ đi làm, gửi tiền về để chị lo hộ cho cụ, chị nghĩ thế nào?

Phấn hoảng hốt, hấp tấp hỏi:

– Làm sao mà tôi thay chị được, bà cụ đâu có bằng lòng, tôi đâu có phải là con. Mà chị đã nói với cụ chưa?

Liên nắm lấy bàn tay Phấn, nói khẽ:

– Tôi đã suy nghĩ kỹ rồi, mẹ tôi lòa đâu có nhìn thấy gì. Chị chơi với tôi mới có ba năm nay, nghĩa là sau khi mẹ tôi bị lòa, chị có thấy là mẹ tôi luôn luôn nhầm tiếng nói của tôi với chị không? Chị nghĩ lại đi, chị lại cũng vừa tầm vóc với tôi, đã chẳng nhiều lần tôi với chị trêu cụ bằng cách tôi tháo cái dây chuyền có cái nanh cọp đeo sang cổ chị và mẹ tôi đã không phân biệt được ai là Liên ai là Phấn khi cả hai chúng mình đều đưa mặt ra cho cụ sờ đầu, sờ cổ là gì.

Phấn thần người ra một lúc khi nhớ đến chuyện ngày hôm đó, nhưng cũng thận trọng nói:

– Tôi nghĩ rằng khi đó cụ chưa để tâm kỹ vào việc nhận xét và có khi cụ chỉ giả vờ cho mình vui, tôi thiết tưởng mặc dù tiếng nói của chúng mình rất giống nhau và tôi với chị cùng một vóc vạc bằng nhau nhưng chắc là mẹ chị cũng phải phân biệt được.

Liên đặt bát hủ tíu trước mặt Phấn, cúi xuống ăn một muỗng trong bát mình rồi mới trả lời Phấn.

– Làm sao được bây giờ hả chị Phấn, nếu mẹ tôi yêu tôi, thì cụ phải tự đánh lừa mình, nhưng tôi hy vọng mẹ tôi nhầm thật để tôi ra đi được yên tâm hơn. Hạnh phúc nào cũng có cái giá của nó, không người này trả thì người khác phải trả hộ.

Cả hai cùng im lặng đến hết bữa ăn sáng, họ chia tay ai về nhà nấy. Phấn phải ra chợ để bán hết sạp chuối ngày hôm nay, hôm nay là ngày rằm nếu bán hết chắc Phấn cũng lời được hai buổi chợ có thịt, có cá cho cái tiểu gia đình của nàng. Phấn mồ côi, cô ở với bà dì và người em họ. Cả hai cùng làm phụ hồ, ba người ở chung một nhà, nhưng không ai đủ sức

để nuôi ai được, người nào cũng phải đi làm để nuôi chính bản thân của người đó, góp gạo thổi cơm chung, họ sống trong hòa thuận. Nguyên ngày hôm đó Phấn vừa bán hàng vừa nghĩ đến lời đề nghị của Liên, đến số tiền mà Liên sẽ gửi về hàng tháng cho Phấn để trông nom bà cụ mù lòa, mẹ Liên. Liên chưa nói rõ là sẽ trả cho Phấn bao nhiêu, nhưng Phấn cũng hiểu là phải nhiều hơn số tiền Phấn bán chuối thu được hàng tháng. Mặc dù còn cả hơn một năm nữa Liên mới ra đi nhưng Phấn đã nghĩ đến cái cảnh sống nhàn nhã với bà cụ, không phải dậy sớm mua về, bán đi, tranh giành từng nải chuối, lấy lòng người bỏ mối, cãi nhau với chị em bạn hàng, mỗi ngày mà có hôm gặp chuối xấu chỉ bán được vài ba nải, chưa đủ tiền lời cho một ngày ăn. Dì Phấn thì chắc chẳng buồn gì về việc Phấn sang nhà Liên ở, và biết đâu với số tiền Liên trả cho Phấn còn giúp được cả dì lẫn em. Phấn nghĩ, cô sẽ nhận lời giúp Liên để Liên an lòng ra đi về cái Thiên đàng mà mọi người mơ ước. Phấn kém may mắn hơn nhưng cô cũng sẽ chả được hưởng một phần nhỏ của cái may Liên có là gì!

Liên có người cậu họ sang Mỹ từ 1975, hai năm trước cậu về Việt Nam thăm nhà, thấy Liên xinh đẹp mà cũng đã 25 tuổi rồi, cậu bảo để cậu về Mỹ kiếm cho cô một tấm chồng Việt kiều. Hai tháng sau khi cậu về cậu gửi sang cho Liên một lá thư, kèm theo một tấm ảnh và lý lịch của người cậu chọn cho Liên, cậu viết: "Con tuy xinh đẹp, nhưng con không được ăn học đến nơi đến chốn, gia đình con lại nghèo nên cậu chỉ chọn cho con được một người bằng vai phải lứa với con, điều quan trọng là con sang được bên này, rồi con sẽ đi học thêm tiếng Anh, học lấy một cái nghề chỉ đòi hỏi khéo tay, nhanh nhẹn mà không cần chữ nghĩa nhiều lắm, như thợ làm móng tay, thợ uốn tóc và thợ may chẳng hạn, cậu nghĩ là con sẽ làm được. Con cũng đừng kén chọn nhiều, miễn Việt kiều là tốt rồi, nếu cậu ta mà là kỹ sư hay có bằng cấp gì thì người ta đã chẳng phải về Việt Nam lấy vợ, con phải hiểu điều đó." Liên xem ảnh người chồng tương lai, cô không được hài lòng lắm, nhưng cậu cô đã dặn là cô không nên kén chọn quá, cô đành bỏ qua chuyện hình thức, bây giờ đến phần nghề nghiệp thì Trọng, người thanh niên Việt kiều đó chỉ đi làm phụ bếp, rửa chén bát trong một nhà hàng của người Nhật. Trọng sang Mỹ năm năm rồi, nhưng chẳng có được công việc nào cho ra việc cả, tính anh hay thay đổi, học hành chẳng có là bao nên cứ nhẩy hết nhà hàng này, đến chợ khác, làm ở đâu cũng chỉ được sáu, bảy tháng là lâu nhất. Cậu Liên biết Trọng qua những lần đi ăn, đi chợ ở khu người Á Đông, và cậu đã cho Trọng xem ảnh Liên, Trọng bằng lòng ngay, Trọng lại vừa thi được vào quốc tịch Mỹ, thế là anh sửa soạn về quê hỏi vợ, anh viết thư cho cô em ở

Việt Nam và nói em liên lạc với Liên. Cô em Trọng nhận được thư anh thì ngẩn người ra, vì Liên ở không cách xóm cô là mấy, Liên đang làm thợ may cho công ty nhà nước, có tiếng là xinh đẹp, làm sao ông anh dở dở, ương ương của cô mà lấy được người con gái này. Cô đến tìm Liên để hẹn nhau cùng thuê xe ra phi trường đón Trọng, cô gặp Liên thì cô lại thấy điều mình nghĩ là đúng. Liên sắc sảo quá và Liên lại ăn diện nữa, cô tự hỏi "Lương một cô thợ may mà sao lại ăn diện được như thế này!" Cuộc hôn nhân này sẽ kéo dài được bao lâu? Liệu có đủ cái chiều dài sau ba năm, mới có quyền ly dị hay không?

Điều làm cho cô em gái của Trọng lại ngẩn người ra một lần nữa là khi Trọng về Việt Nam hỏi vợ, anh tiêu tiền như một nhà tư bản, anh ăn mặc toàn quần áo có nhãn hiệu đắt tiền và anh tỏ ra rất tự tin, anh không hề vồ vập trước cái nhan sắc của Liên. Anh hành động, nói năng đúng tác phong của một người ở chốn văn minh, đô hội về làng. Anh đúng là một Việt kiều theo đúng cái nghĩa mà người trong nước đặt tên cho nó. Một ông anh dở dở, ương ương, ngang ngạnh, học dốt nhất nhà, xấu trai nhất nhà, bỗng sau năm năm ở Mỹ, trở về thành hẳn một con người khác, (mặc dầu cái dung mạo và học thức vẫn đứng nguyên một chỗ). Cô tự hỏi, giữa anh cô và Liên chưa biết là ai đã lợi dụng ai, ai sẽ là nạn nhân của ai? Chỉ có Trời biết!

Liên gặp Trọng, cô tự nhiên như đã biết anh từ trước, cô đem hoa ra tận phi trường, mời anh về nhà gặp mẹ, gặp Phấn (bạn thân của Liên) đãi Trọng và vợ chồng em gái Trọng một bữa ăn thịnh soạn, và suốt thời gian ba tuần Trọng ở Việt Nam ngày nào Liên cũng mang xe cúp đến chở Trọng đi chơi, cô chiều chuộng, dịu dàng với Trọng, cô bàn bạc chuyện cưới hỏi, mua sắm ngay với Trọng không chút ngượng ngùng, khi bàn với Trọng về việc nhờ Phấn trông mẹ hộ sau khi đi Mỹ thì Trọng hào phóng đồng ý ngay, anh nói:

– Em bảo với cô ấy là em sẽ gửi về mỗi tháng 300 đô la để cô ấy săn sóc bà cụ hộ em.

Liên giật mình với số tiền to tát đó, cô được cậu cô cho biết là Trọng đi rửa chén chỉ được có 500 đô một tháng, ở chung nhà với một người bạn mỗi tháng phải trả 200 rồi, nếu đem cả 300 còn lại gửi cho Phấn thì tiền đâu để hai vợ chồng ăn tiêu, cô ngập ngừng hỏi:

– Như thế có nhiều quá không anh?

Trọng thản nhiên bảo:

– Không sao, em sang bên đó sẽ đi may, anh đã hỏi kỹ rồi, nếu em may 10 tiếng một ngày và làm cả bẩy ngày trong tuần, em có thể kiếm được ít ra cũng 2000 đồng một tháng. Em sẽ kiếm tiền nhiều hơn anh

kiếm được bây giờ, có thể anh không cần đi làm nữa, hoặc chỉ làm hai hay ba buổi một tuần thôi, nghề rửa chén chẳng được bao nhiêu mà phụ ở chợ thì vất vả lắm.

Liên nghe nhói lên ở bụng, à thì ra anh chàng này không chất phác như cậu Liên tưởng, anh ta có tính toán cả trước khi về Việt Nam cưới vợ, không chừng cả cậu cháu Liên đều bị lừa mà không biết. Vợ chưa cưới mà đã nghĩ đến bắt vợ làm cả bảy ngày trong một tuần để cho mình được nhàn.

Liên viết thư cho cậu, cậu trả lời là: "Con cứ sang được bên này đã, mọi việc sẽ tính sau. Nó tử tế thì chưa chắc con đã ở lâu chứ đừng nói đến chuyện nó muốn lợi dụng con."

Liên nghe lời cậu và tiến hành dự định ra đi của mình. Cô thuê nhà cho mẹ và Phấn ở một xóm khác cách xa xóm cũ cả bốn cây số để đừng ai biết là cô có dự định đánh tráo Phấn thay cô. Mỗi ngày Phấn đến nhà Liên và đóng vai Liên rồi Liên đóng vai Phấn đến chơi để đánh lừa mẹ. Bà cụ lòa không nghi ngờ gì cả và ở cái xóm mới đó ai cũng đinh ninh Phấn tên là Liên và là con ruột bà cụ.

Liên nói cho mẹ nghe là Phấn sắp sang Mỹ với chồng ở ngoại quốc về cưới, rằng Phấn hứa là sẽ gửi tiền về giúp đỡ mẹ con mình, bà cụ mầng lắm, cầm tay Liên (mà bà đinh ninh là Phấn) cám ơn rối rít, làm Phấn phải quay mặt đi rưng rưng nước mắt (mặc dù bà cụ không nhìn thấy những giọt nước mắt của cô). Phấn ôm bà cụ vào lòng nói:

– Con ở nhà với mẹ mãi, cho chị ấy đi lấy chồng.

Liên gỡ tay Phấn ra, lôi vào trong bếp, cằn nhằn khẽ:

– Chị mà cứ mềm lòng như thế, thì thế nào cũng có ngày mẹ tôi biết cho mà xem.

Phấn im lặng không dám nói gì, nhưng trong thâm tâm cô thấy đánh lừa một người mẹ lòa như thế thật là tội nghiệp, là không phải, nhưng đã chót nhận lời Liên, đã đóng vai Liên cả mấy tháng nay rồi bây giờ muốn bỏ đi cũng không được, hơn nữa từ ngày nhận là con Phấn lại đem lòng thương yêu bà cụ. Phấn mồ côi từ nhỏ, ở với dì tuy được dì yêu thương nhưng dì cũng có con và dì lại góa chồng từ trẻ, dì phải buông chải để sống, dì có những nỗi cô đơn riêng của dì, dì không thể yêu Phấn như một người mẹ yêu con, Phấn lủi thủi lớn lên như một cái bóng bên đời dì và lúc nào cũng thấy thèm có cha, có mẹ. Bây giờ bỗng dưng được có người mẹ thủ thỉ bên tai những lời ngọt ngào, sai bảo, khuyên răn Phấn cảm động lắm, nhất là những lần Phấn ngồi cho bà cụ chải đầu, cụ lòa nhưng cụ thích săn sóc con hơn là nhờ con lo cho cụ, sáng nào cụ cũng bảo:

– Liên, đem lược ra đây mẹ chải đầu cho.

Phấn ngoan ngoãn đem lược đến ngồi sà vào lòng cụ, cụ ngồi trên phản cô ngồi phệt xuống đất giữa hai đùi cụ ngửa đầu vào lòng cụ cho cụ chải tóc, cụ chải nhẹ nhàng, dễ ngôi, thắt bím cho cô, cụ bảo:

– Hôi còn nhỏ mẹ cũng thắt bím cho con như thế này, bây giờ ở nhà cũng nên thắt thế này cho gọn con ạ, bao giờ đi ra ngoài hãy thả ra.

Cụ chải đầu xong, bao giờ cũng giơ cả hai bàn tay ra sờ sẫm trên mặt Phấn, cụ xoa từ trán xuống mũi, xuống môi, rồi xuống cổ, cầm lên sợi dây chuyền có cái nanh cọp rồi lại bỏ xuống, cụ nói khẽ:

– Hôi này con hơi gầy Liên ạ, hai cái gò má con hơi cao, con chịu khó ăn nhiều vào.

Phấn sợ thót bụng lại, cô thấy hai tay mình run lên, hay là cụ đã nhận ra Phấn không phải là Liên, mặc dù Phấn có đeo cái dây chuyền của Liên, và quả thật hai gò má của Phấn có cao hơn gò má Liên, họ chỉ giống nhau ở vóc dáng, ở mái tóc và giọng nói nhưng nước da và mắt mũi thì không giống nhau, họ nghĩ điều này không quan trọng vì bà cụ đâu có nhìn thấy. Mỗi lần Phấn dắt cụ đi tắm, đi rửa mặt thì cụ đi như dựa vào Phấn và cách cụ ôm vào cánh tay Phấn cho Phấn hiểu rằng cụ đang vuốt ve và tỏ tình thương yêu trong sự đụng chạm đó, Phấn thấy cụ không tỏ phản ứng gì là ngạc nhiên hay xa lạ, Phấn an tâm biết là vai trò của mình không bị khám phá.

Phấn lo ngại kể lại cho Liên nghe về việc bà cụ nhận ra hai gò má của mình, thì Liên lạnh lùng nói:

– Chị phải tập bình tĩnh, động một chút mà chị cuống lên thế thì sẽ hỏng việc của tôi. Chị cứ tưởng tượng ra chị đang đóng kịch trên sân khấu, khán giả đang chăm chú vào vai trò của chị mà chị lại kéo màn xuống đi vào trong hậu trường thì việc làm đó sẽ đi đến hậu quả nào. Chị đã nhận lời thay tôi thì chị phải hoàn tất vai trò của mình – Rồi cô dịu giọng – Tôi sắp đi rồi, lúc đó dù mẹ tôi có nghi ngờ thì cũng không còn một người nữa để cụ so sánh, chị cứ yên trí.

Từ đó Phấn không dám nói gì với Liên về bà cụ nữa, cô âm thầm đóng vai trò của mình với tất cả cố gắng, chỉ mong bà cụ đừng đau lòng khi khám phá ra cô không phải là Liên, và Phấn đã thành công trong việc cố gắng đó đến nỗi bây giờ cô thấy bà cụ chính là mẹ của cô và cô chẳng phải che đậy hay đóng kịch nữa, cô cứ nghĩ cô mới chính là con của cụ và Liên chỉ là một người ghé vào đời sống cụ trong khoảng đời hơn 20 năm rồi lại ra đi mà thôi. Bà cụ bây giờ sau mỗi lần chải tóc cho Phấn, cụ vẫn sờ soạng vuốt ve trên mặt trên cổ cô, nhưng cụ không hề nói đến gò má, cái trán, cái mũi của cô, cụ chỉ nhỏ nhẹ bảo:

– Nếu con thấy cái dây chuyền nanh cọp này làm vướng cổ những lúc

con ngủ thì con cứ tháo ra. Mẹ cất đi cho cũng được con ạ.

Phấn cười hiền lành:

– Không đâu mẹ, con đeo lâu rồi, con quen rồi mà.

Và cái ngày Liên đi đã đến, cô đóng vai Phấn đến ở chơi với mẹ con Liên mấy ngày trước khi theo chồng về Mỹ, Liên nói với người mẹ mù lòa:

– Cháu đến chơi với Bác và chị Liên ít ngày rồi cháu đi xa với chồng, cháu sang đó sẽ gửi trợ cấp về giúp Bác và Liên, Bác ở nhà giữ gìn sức khỏe.

Bà cụ cầm tay Liên cám ơn, bà nói:

– Thôi, cháu sang bên đó, chốn ở mới chồng cũng mới, cứ lo thân trước đi, bao giờ khá giả hãy hay. Bác và em Liên quen sống tiết kiệm rồi, thế nào cũng đủ.

Liên mừng là thấy mẹ chẳng nghi ngờ gì cả, giọng nói cụ vẫn điềm đạm, bình tĩnh chứ không tỏ ra là xúc động, cô liếc mắt sang Phấn thì thấy Phấn đang quay mặt đi lau lệ, Liên khẽ cau đôi lông mày lại.

Mấy hôm có cả ba người ở nhà, tối nào Phấn cũng rủ Liên vào ngủ chung một giường. Phấn nói to cho bà cụ cùng nghe:

– Chị đi thì không biết bao giờ mới về được, còn mấy hôm chót ở nhà thì lên cả đây ngủ chung cho vui, để mẹ tôi nằm giữa hai chúng mình nằm hai bên.

Bà cụ nói theo:

– Phải đấy cô Phấn ạ, em Liên nghĩ thế mà đúng, hơn nữa tháng này không nóng lắm, mà cái giường này cũng rộng.

Thế là ba người tối nào cũng nói chuyện thật khuya. Chuyện tương lai cho người đi xa, chuyện quá khứ của người ở lại. Bà cụ kể cho nghe hồi tản cư cụ đẻ rơi Liên ở trước cửa nhà thờ, được bà Phước chạy ra đỡ vào, còn Phấn thì kể thời thơ ấu cô sống với dì ra sao và bao giờ cô cũng thèm có một bà mẹ, Liên thì vẽ một tương lai mầu hồng cho chuyến đi của cô. Có điều là khi đi ngủ thì bà cụ không biết Liên nằm bên nào, và Phấn nằm bên nào, khi nào Phấn kể và khi nào Liên nói, cụ chỉ biết là trong hai người con gái này có một người sẽ bỏ cụ ra đi. Cụ mở đôi mắt mù lòa trong bóng tối nói với con gái:

– Liên à, chị Phấn sắp đi xa, con tháo cái dây chuyền ở cổ tặng chị làm kỷ niệm, vì nanh cọp vốn trị được gió độc, chị sẽ ở một nơi không phải là quê hương mình, không có người thân yêu bên cạnh, chị sẽ cần cái nanh cọp đó hơn con.

Phấn lặng lẽ tháo chiếc dây chuyền trao cho Liên trong bóng tối, cô chỉ nói khẽ được một câu:

– Vâng ạ.

Liên cũng lặng lẽ đeo lại chiếc dây chuyền của mình vào cổ mình, cô nghĩ thầm trong đầu: Vở kịch mình đạo diễn không ngờ lại có kết cục tốt đẹp như vậy, mẹ mình không nghi gì cả, như thế mình cũng đỡ bận tâm.

Liên sang Mỹ được ba năm, như lời hứa với Phấn, tháng tháng cô gửi tiền về nhờ Phấn nuôi mẹ, bà cụ khỏe mạnh, không buồn phiền, không tỏ dấu hiệu gì nghi ngờ Phấn không phải là Liên, Phấn thay Liên nhận việc may thêm ở nhà để bà cụ không thắc mắc. Phấn cũng không nói cho cụ nghe là Liên gửi tiền hàng tháng, chỉ thỉnh thoảng ngày lễ, ngày tết thì Phấn mới khoe là có tiền ở Mỹ gửi tặng hai mẹ con, Phấn cũng không kể cho cụ nghe là Liên đã ly dị chồng sau ba năm chung sống. Và chỉ có một lần duy nhất cụ hỏi, sau khi nghe Phấn đọc thư của Liên:

– Chị ấy đi khá lâu rồi, sao con không rủ chị ấy về thăm nhà.

Phấn bảo:

– Vâng, con sẽ viết thư.

Phấn nói thế, nhưng cô không rủ, bà cụ bây giờ là mẹ của cô, cô không muốn san sẻ với ai cả, ngay cả người đó là Liên. Nếu Liên thật lòng còn thương mẹ thì Liên phải tìm về, Phấn không cần nhắc nhở. Cái tình mẫu tử từ bé Phấn không được hưởng bây giờ tự nhiên trời cho Phấn đâu có muốn buông ra.

Đời sống của hai mẹ con êm ả, Phấn cũng có một vài người đến hỏi, nhưng cô vẫn ngần ngại vì có mẹ già mù lòa, sợ bận chồng con thì không ai săn sóc mẹ, bà cụ giục cô nhiều lần cô vẫn chỉ vâng dạ cho mẹ yên lòng.

Cho đến một hôm bà cụ bị cảm nặng chỉ trong vòng ba ngày thì mất, Phấn không kịp viết thư cho Liên, cô cũng chưa nghĩ đến gọi điện thoại vì cụ mất đột ngột quá. Khi cụ mất rồi thì Phấn mới đi gọi nhờ điện thoại sang Mỹ cho Liên, Liên hốt hoảng khi nhận được tin mẹ mất nhưng cô bình tĩnh lại ngay, cô lau nước mắt, an ủi mình, an ủi Phấn, cô nói:

– Tôi sẽ gửi tiền ngay về để chị lo đám táng hộ tôi, tôi không bỏ tiệm mà đi ngay được (Liên có tiệm làm móng tay). Tôi sẽ thu xếp về vào lễ 100 ngày cho cụ. Thế cho đến lúc chết mẹ tôi có nghi ngờ gì về việc chị không phải là con không? Có nhắc đến tôi không?

Phấn nức nở:

– Không, mẹ chẳng nghi ngờ gì cả, mẹ chỉ cầm tay tôi mà nói: Mẹ thương con, con vất vả vì mẹ nhiều quá. Rồi mẹ mất, thế thôi.

Liên dỗ dành Phấn:

– Thôi, chị đừng khóc nữa, tôi cám ơn chị đã thay tôi chăm sóc mẹ,

Thành thơ
QUỲNH THI

Trong đống rơm
làm tổ
anh trốn
em
đi tìm...

mấy mươi năm
buồn khổ
em
lại trốn
anh
tìm
đi tìm hoài
tìm hủy
không thấy
sầu thành thơ.

tôi rất hài lòng là cho đến lúc mất mẹ tôi vẫn không biết là cụ bị tráo con. Tôi sẽ rán thu xếp về hôm 100 ngày, (Liên nhắc lại một lần nữa.)

Phấn chôn cất bà cụ xong, cô thu xếp trả lại căn nhà, không thuê nữa, cô dọn về ở với dì và sẽ lại đi bán chuối như trước, vì cô biết là vai trò của cô đã chấm dứt, bà cụ mất thì Liên sẽ không còn lý do gì để hàng tháng phải gửi tiền cho Phấn. Khi Phấn thu dọn đồ đạc, cô lôi được ra ở trong cái áo gối của bà cụ một tờ giấy gấp làm tư, tờ giấy không nhầu nát lắm, như mới được bỏ vào đó một hay hai tuần là nhiều, cô mở ra thì đọc được một dòng chữ nguệch ngoạc xiêu vẹo, chữ nào cũng to bằng hạt đậu phộng.

"Phấn, bác cám ơn con, con đã săn sóc bác. Nói với Liên rằng, lúc nào nó cũng vẫn là con bác".

Phấn úp cả hai bàn tay vào mặt, cô khóc nức lên, cô thấy chung quanh cô như có một đại dương bát ngát, mà cô thì một mình trên một ốc đảo, nỗi cô đơn làm cô gặp người lại, cô thất vọng và cô đau đớn, cô cứ đinh ninh là bà cụ tưởng cô là Liên, và cô được độc quyền chiếm lấy tình mẫu tử đó, nào ngờ đâu bà cụ vì yêu con mà chấp nhận cùng đóng một vở kịch với Phấn, cụ đóng giỏi quá, giỏi hơn Phấn nhiều, vì cụ thì biết Phấn đóng kịch trong khi Phấn tưởng cụ nhầm. Trái tim Phấn tan ra từng mảnh, cô mồ côi từ nhỏ, không hề biết mặt mẹ, khi cô tìm được một người mẹ để yêu thương thì hóa ra cô chỉ nhận được tình thương từ một vở kịch mà cô đang từ vai chánh bỗng trở thành vai phụ.

Suốt đời Phấn vẫn chỉ là một người không có mẹ.❐

Bên kia là núi

Lệ Hằng

Hãn cuồng chân cuồng người, một ngày hai ngày mười ngày. Những ngày những đêm rối ruột chưa từng có. Phòng trọ nằm trên tầng hai, nhìn xuống công viên chạy dài những hàng cây rất lùn, đầu cành chưa kịp vươn cao, bị chém ngang ngọn, đành phải tỏa rộng bốn bề lòa xòa như một dãy lọng che rậm rì. Nước phun như mưa, những quầng thủy tinh lóng lánh luân vũ trên bồn hoa và bãi cỏ. Chim cánh đỏ, chim lục, chim vàng bay về từng đàn xà xuống nghịch nước, vòi phun nước quay tròn làm rung rinh những tầng lá thấp. Lũ chim vỗ cánh bay lên cành cao mổ lách tách những chùm quả non, những chùm non tội nghiệp gãy cành nằm la liệt trên cỏ.

Cuối cùng Donna rồi cũng đến. Hãn mở cửa nhìn cô chăm chú. Donna khuất ngực sau thùng giấy không có nắp, cằm cô tì lên mép thùng, hai mắt nhỏ như nở rộng hết cỡ phồng lên sau tròng kính. Hãn đỡ thùng giấy tiện tay để ngay lên ghế dựa kê gần lối vào. Donna lẳng lặng rút lá thư đưa cho Hãn rồi lần lượt lôi ra từng bịch quà lỉnh kỉnh đặt ngay ngắn lên bàn. Hãn bối rối nhìn một đống ân tình của Mưa, kẹo chuối, kẹo dừa, hạt điều, chips dòn chips mặn. Mưa như vậy đó, hết lòng và thủy chung, bất kể Hãn khùng điên bạt mạng chân trong chân ngoài. Đúng là Mưa, Việt Nam chay mặn nồng nàn, Mưa không chịu thiếu món nào. Hãn điếng người đi, đành cúi mặt gom quà nhét vào thùng. Donna gạt tay Hãn, dằn lại lá thư chìa ra nữa. Vẫn nín thinh, Hãn cầm thư nhìn Donna rồi lảng vội đi đậu nhờ mắt trên mái tóc cụt ngủn của cô. Hãn áy náy không dám ngừng lâu ở đôi mắt ấy, còn nguyên đó đến rợn người, chết, hoang mang và thù vô vọng. Đôi mắt trừng trạo của người bị chặn họng bóp cổ ngang xương, đôi mắt thình lình đóng băng trơ lạnh, ám xì. Không phải, còn hơn thế nữa, chết ngắc ngoải, chết lịm tàn. Hãn cầu cho cô khóc òa lên. Hai mắt cô sau tròng

kính sưng húp. Vậy là đã khóc khô khóc ướt nhiều ngày nhiều đêm. Câm, nặng, chặt lòng chặt dạ. Hai tròng mắt như thú rừng mắc bẫy tóe lửa vẫn mù lòa quờ quạng. Hãn nhìn cô e ngại hết sức, nói không được, cười không xong, chào hỏi càng không ổn. Hãn gai người cảm thấy như thân xác cô, xương thịt da máu tất cả sắp nổ tung thành muôn triệu vi ti nguyên tử chứa đầy chất độc. Cô cứ thế lạnh như đồng nhìn Hãn như thể không nhìn. Mấy tuần nay Hãn cũng một mình nhìn đêm tàn đi như thế. Chửi thề, mệt, nằm yên lại nghe bom đạn nổ đau trong người. Sáng trưa chiều lang thang. Bush walk chán, shopping đừ. Cà phê xong lại phất phơ như mọi du khách khác. Cà nhong không phải nghề của Hãn. Về phòng trọ đặt lưng nằm thấy cục bom dữ chạy lồm cồm, ruột non ruột già thốc tháo buồn nôn. Cơn nôn mửa tởm người. Hãn ói hết mật, gan vỡ ra, cổ họng mắc cứng thở không nổi. Tội tình nghiệt ngã sình lên trong bụng. Kinh tởm mình, Hãn xòe tay cào nát họng. Cục bom nổ toang. Hãn chồm dậy, thấy mẹ ngồi lù lù cạnh giường. Chớp lòe một cái mẹ biến mất.

Bây giờ bà nội này cũng lừ thừ một đống không rằng không nói. Hãn hỏi, dù đã dặn lòng phải ngào mật vào lưỡi, phun lời ra tự nghe thấy cục ngôn ngữ nguội ngắt lạo xạo lục cục như sắt thép rô-bô nào nói dùm trong miệng:

"Are you all right?"

Donna mở mắt kính ra cầm tay nhìn chăm vào mặt Hãn. Hú hồn Mưa không cận nặng. Tưởng tượng lúc ngược xuôi vất vả xông vào hang hùm nàng Mưa cứ chốc chốc bỏ kính xuống đeo kính lên như cô ả này? Tọc mạch tinh quái như Mưa, cô ta dám đòi mua kính lúp rồi soi soi, vạch vạch sợ ngủm củ đeo quá.

"Mẹ anh bị đau nặng lắm."

Chán mớ đời, hỏi một đàng trả lời mỗ nẻo:

"Cái gì?"

"Anh phải về..."

Hãn lầu bầu:

"Đang ở phía Nam đùng đùng lôi ngược lên miền Bắc bây giờ về. Một mùa holliday quái đản."

"Lúc đầu, Tùng bảo chỉ nên nhận quà và thư của Sông Mưa thôi, nhưng em tạm thời bênh vực nữ quyền, em chở đại tới đây. Mưa đang chờ anh ở ngoài quán, không tiện đưa chị vào đây."

Hãn gật đầu, không nói. Donna hối:

"Mình phải đi liền cho kịp."

Thấy hai mắt cô đỏ mọng, Hãn chậm rãi bước tới đặt tay lên vai cô. Donna cúi mặt xuống, tháo kính ra, vai rung lên, ấm ức một lúc, dằn lòng

không nổi, cô khóc òa lên. Hãn ôm cô vào ngực, cô khóc mãi dấm dứt cho tới lúc sụt sịt đeo kính lên phụ ôm xắc quần áo của Hãn ra xe, vai vẫn run lên từng chập thổn thức.

Hãn nói nhỏ:

"Em còn quá trẻ để tuyệt vọng, khóc cho đã đi, rồi làm lại..."

Donna mím chặt môi:

"Làm sao không tuyệt vọng được. Với em trời đã sập rồi, mọi cánh cửa vậy là đóng kín. Arthur không kịp nói một lời với em. Chúng bắn gần quá, ngực anh ấy vỡ toang ra. Arthur có tội tình gì để chết thảm như vậy?"

"Sẽ không ai trả lời nổi câu hỏi của em đâu, hãy biết một điều này để chuẩn bị hơi tàn đối phó với những tráo trở của cái tầng lớp ưu tú em định bước vào. Nghề chính khách nói cho cùng cũng chỉ là một loại băng đảng có lai-xăn để tung hoành buôn lậu lòng tin của quần chúng. Họ cũng có trùm lớn trùm nhỏ, cũng tranh dành địa bàn, cũng chơi bẩn chơi sạch không thiếu một món nào."

"Anh nói đúng, mấy tuần nay cảnh sát, báo chí quần em tơi tả."

"Tùng và ông Trùm có yên không?"

"Yên sao nổi. Anh biết rồi, họ nghi tuốt hết. Ông Trùm tứ bề thọ địch, Tùng cũng vậy. Anh nhớ, mật lệnh "xù lông nhím", không biết không nhìn không nghe không thấy. Anh về nhà, sống bình thường, đi làm, đi học. Tùng dặn trước sau gì anh vẫn là người ngoài. Tuyệt đối đừng vác mặt đến Hận Cốc. Cũng đừng nhắn tìm em, bất cứ lý do gì, nguội hay nóng. Có gì em sẽ tìm cách liên lạc với anh ngay. OK?"

Hãn càu nhàu :

"Biết rồi. Xù lông nhím. Không biết không nhìn không nghe không thấy."

Đường mùa khô đầy bụi, cỏ cháy phơi trần một màu Van Gogh vàng như đất chạy dài hai phía cánh đồng, Donna lại co mình chui cứng vào cái vỏ bọc lừ đừ của cô. Mặt Donna không bôi quét son phấn cũng xám xịt như cỏ khô úng nước. Hãn mở thư Mưa: Mẹ bệnh nặng, bà như mất trí. Mẹ cần anh, nhà cần anh. Anh phải về ngay. Mưa.

Thư của người tình mặn, cuối cùng chỉ một giòng này đủ rợn óc.

Lúc Donna quành xe vào quán ăn bên đường. Mưa từ trong quán đẩy cửa chạy ra, trông thấy Hãn, cô khựng lại không đi nữa, mái tóc đen lòa xòa rũ xuống được cô bực bội hất lên như muốn phơi hết vẻ mặt tơi bời ngổn ngang của cô cho Hãn thấy. Hãn cố làm mặt tỉnh cũng lựng khựng bối rối theo cô. Hãn biết Mưa bực lắm, có Donna nên Mưa chịu trận. Mắt Mưa hực lên, chìm xuống rồi lại bừng bừng sôi lửa. Cô phóng mắt ngó ra

xa, có gì đâu ngoài một bìa rừng, một khoảng trời chói chang. Cô nhìn Hãn, nghĩ sao lại quay nhìn Donna nói nhỏ hai tiếng cám ơn gì đó, bởi chính Donna kẻ đã đưa và đón, kẻ biết rõ nơi ăn chốn ở của Hãn khi Mưa chạy tìm táo tác cả tháng trường. Tại Hãn vô cầu vô lụy quá nên tình yêu Mưa thật thà đổi thành dửng dưng. Nỗi mừng trông thấy Hãn còn đó chân tay nguyên vẹn, pha ngay vào chén tình chua chát làm mặt Mưa sượng trân ra. Donna trao đổi vài lời với Mưa rồi xăm xăm đi thẳng váo quán. Lúc đó Hãn mới quàng tay ôm vai Mưa ghì nhẹ vào người. "Mưa !" một tiếng Mưa gọi thầm, thương giận ngào muối ớt, gn mặt khô đi vì đợi chờ, gan mật đắng chát. Mưa chỉ muốn nhào tới bầm Hãn từng mảnh cho đã giận. Lựng khựng nói không được, hờn trách cũng không xong, Mưa đành lòng ngó lên đâu đó một mảnh trời cao.

Chừng rất lâu, họ không biết gì để nói, như thể họ có quá nhiều chuyện thoắt biến thành quá ít. Hãn nắm tay Mưa dắt vào quán, bàn tay cô rịn ướt mồ hôi. Hãn nhìn lén Mưa rồi nháy mắt phân trần kín đáo với Donna. Ăn uống xong cả ba đứng lên. Mưa và Hãn không nửa lời nhắc đến cái chết đột ngột của Arthur. Thảm kịch như quái vật hiện thành những quầng khói ám trên gương mặt tàn úa của Donna, chạm vào ai cũng sợ. Donna đi rồi đứng, mở xắc, tìm chìa khóa xe, nhét vào, lấy ra. Mọi động tác của tứ chi cô vẫn bình thường vậy mà khốc liệt vẫn còn đó, như Mưa và Hãn, ân ái đó, biền biệt đó, gặp lại mặt nhau, cầm chắc trong tay, phận đời vẫn chông chênh chia lìa hăm dọa. Mưa thấy Hãn già hẳn, khác hẳn Hãn tháng trước, Hãn nửa năm trước, hai năm trước. Cái gì khủng khiếp đã chụp xuống đời này?

Chui vào xe, không hẹn cả ba đều đeo kính đen. Hãn dành lái xe. Donna lắc đầu giọng lào khào như bị nghẹt mũi:

"Ông bà chịu khó ngồi phía sau tiện hơn. Chuyến này tôi làm...taxi girl."

Hãn nhún vai không trả lời. Mưa ngả đầu trên thành ghế, nói gì cũng không ổn, tự ái cứ cồn lên, bần thần làm khổ. Lần nào cũng vậy, mỗi khi gia đình Hãn gặp chuyện rắc rối, Mưa giận uất người cũng phải lặn lội tìm gã bò tót này về, cứ như mụ vợ chằng tinh rị mò tìm chồng không bằng. Mà có phải chồng, tình nhân suông đuột nghe đã ngượng. Chưa một lần thề hẹn, Hãn muốn đi cứ việc biến, không thèm dặn dò hay lăm le ước nguyện. Máu đỏ máu đen ở đâu sùng sục lên. Giận thân giận người cảnh ngộ vừa vô duyên lãng xẹt vừa trầm trật đe dọa làm Mưa ngứa họng quá, hắng giọng một cái cũng thấy kỳ, đành vòng chặt tay đè lên ngực mình. Giọng Hãn nhẹ hẫng:

"Mẹ bị lâu chưa?"

Mưa nhìn Hãn chăm chú hơn. Từ bao giờ vậy? Hãn gọi Mom là Mẹ? Mẹ thôi, không Mom Mum lôi thôi nhiễu sự.

"Lâu rồi."

Hãn nhìn Mưa:

"Giận hả?"

"Không dám...xơ múi gì nhau mà giận."

"Xơ múi quá đi chứ!"

"Cám ơn..."

"Chết dễ như chơi, làm khó nhau chi vậy cưng?"

Mắt Mưa rực lên :

"Ít ra làm gì đi đâu cũng dặn hờ nửa câu để tui đỡ hoảng chứ. Điệu này chính tui là người chết trước."

"Nói sau dễ hơn."

"Dễ khó là chuyện khác. Cứ cái mửng này Hãn làm tui lo thất họng, tổn thọ quá."

"Thật sự, không muốn Mưa dính vào."

"Mốc xì anh...đồ gấu rừng lì lợm. Ước gì tui không bao giờ dính dự cái mặt anh."

Hãn bóp tay Mưa, hất nhẹ đầu cho Mưa phải nhìn, nhớ Donna đang lầm lì lái xe. Mưa đành bóp bụng ngồi yên. Một lúc dài yên lặng, liếc thấy mặt Hãn đầy khắc khoải Mưa ân hận cúi xuống.

"Mẹ bị sốc thôi phải không?" Hãn hỏi nhỏ.

"Không phải đâu, lúc đầu ai cũng nghĩ như vậy. Thấy bà cả tuần không ngủ, cứ ngồi lì trong xó tối làm xàm một mình. Hình như bà không phân biệt nổi đêm hay ngày nữa. Tới lúc bà bắt cả nhà sờ soạng như ma xó, cửa sau cửa trước che màn hai ba lớp bà mới chịu. Bố anh hoảng hốt đem đi bác sĩ tâm thần. Ai mách gì cũng theo, đổi ba bốn ông tâm thần rồi, không bớt chút nào, ngày nào cũng phải ép bà uống thuốc."

"Bà có la hét gì không Mưa?"

Mưa ngần ngừ :

"Có, thỉnh thoảng bà hay đập phá, la hét lúc gần sáng."

"Có lúc nào tỉnh không?"

"Lúc tỉnh lúc mê, bà dễ tỉnh táo lúc vào với Koala, không hiểu tại sao. Tội nghiệp, Koala lúc này coi bộ tệ hơn trước. Không ai săn sóc nó chu đáo bằng mẹ anh được. Mẹ Mưa phải sang lo cho nó hai lần một tuần.

"Còn bà ngoại với mấy dì nữa chi?"

"Phía đó còn khốn đốn hơn gia đình anh nữa, dượng Năm bị phá sản, dì Giao Chi cũng tiêu tùng phải giựt hụi trốn về Việt Nam, giựt luôn cả tiền của mẹ anh. Bố anh giận quá cấm cửa không cho họ đến nhà nữa."

"Teeka, Rachel đi đâu?"

"Họ phải đi làm, mẹ anh bị mất trí, mấy người làm ăn chung cũng hè nhau giựt hết vốn của bà, hụi sống hụi chết gì đó Mưa không rành lắm, chỉ biết... nhà anh khác hồi trước, xe van bán rồi, hãng bảo hiểm cũng ì ra không chịu chồng tiền lúc gia đình gặp nạn. Họ gửi cả đống giấy tờ bắt ký đi ký lại, mỏi cả tay. Tiền mình ký cóp đóng họ giữ chặt, khi mình cần họ bày chuyện tống hàng núi hồ sơ bắt khai hàng trăm cột chóng mặt luôn. Họ cố tình hành tội cho mình ngán ngẫm bỏ cuộc. Lúc ký giấy đóng tiền mình là khách hàng, được ông bảo hiểm áo quần bảnh bao lịch sự thưa ông thưa bà, lúc cần tiền đòi lại, họ hành khách hàng như quỉ đói dưới ngục a-tì ấy. Quỵt được cứ quỵt, quỵt không được trả chậm ngày nào hay ngày đó. Bảo hiểm mà anh."

"Mẹ kiếp. Bọn mất dạy đó dính vào làm gì cho khổ."

Thế đó, gặp nhau căng cứng thẳng thừng. Gặp nhau toàn chuyện búa tạ đau đầu tặng nhau. Mưa nắm chặt tay Hãn, cô sợ Hãn chịu không nổi tin nhà vọt lên chọc thủng trần xe, tung người trốn đi.

Về gần nông trại. Donna tấp vào cho Hãn và Mưa xuống rồi phóng thẳng xe đi. Henry vẫn ngồi chơi với những dòng nắng chui qua liếp cửa. Trời nóng, Henry mặc quần sọoc bày hai cẳng chân khô mốc, lớp da chằng chéo những vết nứt rỉ máu của bệnh tiểu đường. Bà Kat mặc áo thụng lùng bùng ngồi ghế bành cũ, lòng ghế lõm xuống cùng năm tháng, lưng bà còng xuống phải kê thêm hai chiếc gối sau lưng. Hãn muốn dang tay ôm cả hai người. Họ ngồi đâu mặt ngó nhau, ông nhìn nắng bà quay lưng tránh nắng. Nắng lóa chóa trên những mảng tóc xơ xác vài sợi của bà trông rõ từng mảng da đầu và những chân tóc xám nhờ. Nỗi gì vừa mốc meo vừa mòn mỏi trên từng xớ thịt của họ làm Hãn cháy cả lòng. Hai hình thù mỗi năm một khòm xuống ngó nhau bất mục ghế. Họ còn hay mất đời này dửng dưng. Càn khôn vũ trụ chẳng hơn gì những bụi nắng. Lâu lâu nhân viên xã hội door-to-door lạch cạch gõ cửa xem hai người già còn biết đi đứng nằm ngồi?

Mưa nhẹ nhàng dúi vào tay họ hai gói bánh, rồi nhón gót đi vòng ra nhà trại. Mặt bàn còn đây. Ngày đó có một trận tình, Hãn cuống cuồng vùi người vào Mưa. Địa ngục thiên đàng khởi đi từ đó. Màu gỗ xô trầm tích hơi người bóng ngời lên già hơn ba bốn lần tuổi thọ của người. Vết loang nào của dòng Morgan? Vết xước nào của Nancy và Hãn? Mưa nhìn mông lên núi, dãy núi chập chùng mù mịt sương xám như chạy xô vào nhau đuổi theo những quầng mây hoang tưởng. Trời đâu cũng là trời. Đất đâu cũng là đất. Sao Hãn cứ cuồng lên hục hặc quanh năm quanh đời như

người mắc kinh phong? Nancy từ phía nhà kho dắt Bobin đi tới, con ngựa vừa đi theo dây cương vừa vùng vằng đá hậu tung bụi khô mù lên từng quầng. Trông thấy Mưa Nancy cười toe, gương mặt thô xạm vẫn đầy thao thức.

"Hãn đâu?" Nancy hỏi lớn tiếng.

Hãn từ trong nhà xông ra, họ ôm chầm nhau, đấm lưng thụi sườn mừng nhau rối rít.

"Tìm được tung tích gì của họ chưa?"

Nancy nhăn nhó:

"Tuần trước về đây tràn trề hy vọng. Bây giờ lại bắt đầu từ số không. Gia phả bộ tộc của chị mù mờ quá, đúng là Dream Time..."

"Gắng thôi, biết làm gì hơn săn tìm và hy vọng nữa bây giờ. Hồi trước nghe bà khiếu nại om sòm ở Adelaide phải không?"

"Làm dữ họ mới chịu chìa cho vài chi tiết mù mờ. Tìm nát cả nước Úc không ra một cái tên nào đủ để gọi là mẹ ruột."

"Gia đình Morgan không đủ cho bà sao, Nancy?"

"Biết chừng nào là đủ. Bố mẹ nuôi Hãn thấy rồi đó. Anh em ai có phận nấy. Họ tử tế, nhưng tôi vẫn thấy trống vắng và xót xa. Số phận của một người mất hết cội nguồn không dễ thở chút nào Hãn à."

"Tôi biết, bà mất cha mẹ anh em bộ tộc đất đai dù tất cả còn sờ sờ ra đó. Tui này, tui thê thảm đen đủi hơn bà nhiều. Dắt Bonbin đi đâu vậy?"

"Lên núi."

"Ừa thôi, đi đi, tôi cũng phải về gấp đây."

Quay vào nhà Hãn mở nắp nồi súp bự, mở hộp nhựa đầy bánh khô, mở bình cà phê đã nguội ngắt, mở tủ lạnh lục tìm hộp to hộp nhỏ đồ ăn thiu cũ quăng vào bin rác. Xong việc Hãn nhòm quanh, bước tới muốn bắt tay chào biệt Henry. Ông gục gặc ra dấu về phía vợ. Hãn lui lại cầm tay bà Kat, bàn tay nhăn hơn miếng giẻ rách vò nhàu. Hãn mủi lòng vỗ vỗ trên má bà để tạm biệt, da dẻ bà bùng nhùng trượt chạy dưới tay Hãn. Nắng chỉ tràn vào sunroom, mọi phòng còn lại đóng cửa buông màn. Không khí trong nhà ám một thứ mùi rất khó tả. Hơi thở mòn nặng của hai người cứ quanh quẩn không chịu bay đi. Hãn đi ra cửa. Họ ngồi đó lúc Hãn bước vào, họ cũng ngồi lì đó lúc Hãn bỏ đi. Ra đến cửa, nghĩ sao, Hãn quay lại, nâng cánh cửa sổ bằng gỗ lên. Kéo dạt màn che phía bếp. Henry cười móm mém, miệng mất hết răng, nước bọt chảy trộm nhem nhuốc dính vào hàm râu khô như bàn chải cùn. Hãn rút khăn giấy lau qua cho ông.

Trên đường về, mặt Hãn như đá đẽo. Mưa nhìn ra ngoài cửa xe, đồng khô, sông cũng khô. Xe chạy hoài chạy hủy, băng ngang băng dọc hun

hút giữa hai vạt rừng đen. Biết Hãn cũng bồn chồn như lửa chẳng thua gì trận hỏa hoạn ngùn ngụt thiêu đốt bốn mặt rừng tiểu bang. Mưa kể tuần trước có hai nhân viên cứu hỏa chết cháy ở khúc đường này, lửa quật ngược lúc họ tưởng có thể chế ngự được thần hỏa. Ở nhiều bìa rừng, người ta đang phải back burn để chặn lửa.

Xe chạy trên highway như lọt vào một cõi hoang tàn của đất rừng đỏ quạch, của những cội cây cháy đen không cành không lá. Khoảng rừng bạt ngàn xanh rì giờ tro than như một bãi chiến trường. Mộ cây, mộ lá và rừng đang khóc. Ngang hai gốc cây cháy dở, dân trong vùng xếp vòng trong vòng ngoài những bó hoa tươi đủ màu. Mưa níu tay Hãn đòi ngừng lại. Xe chạy quá đà, Hãn phải de số lùi. Mưa ngồi lặng trong xe không dám bước xuống. Có những vòng hoa đỏ bầm như máu cột quanh hai cội gum chết đứng, những cánh hoa chưa héo vướng đầy bụi tro của lá rừng. Quanh đây còn nguyên mùi khói. Hàng nghìn cội cây chết cháy đứng như hồn tử sĩ .

Mưa đòi Hãn tạt ngang nhà để bà Sao Kim đỡ lo, xe vừa ngừng, bà từ trong nhà chạy tuôn ra. Trông thấy Hãn, giọng bà hụt hẫng đi vì mừng:

"Trời ơi! Hãn. Cháu làm cô lo đứt ruột. Cô lo cho mẹ cháu quá, cô cầu ngày cầu đêm cho cháu về..."

Bà bối rối nhìn Mưa như cầu cứu con gái nói dùm mình. Hãn nói nhỏ:

"Cám ơn cô đã phụ lo với gia đình cháu."

"Ơn với nghĩa gì, tuổi của cô với mẹ cháu không còn đủ thì giờ để yêu thương giúp đỡ nhau nữa kìa.Thôi về với mẹ ngay đi. Mưa, con đi với Hãn."

Mưa hôn mẹ rồi leo lên xe đóng cửa lại. Bà vỗ cửa kính phía Hãn ngồi cầm lái:

"Hãn à, mẹ cháu không được khỏe lắm, nhớ đừng hoảng hốt, ở đây nhiều người bệnh như vậy lắm. Hết bệnh, mẹ cháu lại ăn diện tưng bừng cho mà coi..."

Hãn quay nhìn Mưa, bỗng nghe lòng nặng trĩu. Hai mẹ con Mưa mắt cười môi đỏ giống hệt nhau. Tay chân Mưa cũng mềm mại ân cần như mẹ. Mặt hiền răng khểnh cũng hiền. Tiếc cho Hãn đời chưa kịp chan chứa đã vội quăn queo, tàn.

Lúc Hãn về nhà trời đất còn chập choạng. Gõ cửa không ai nghe, Hãn lục túi tìm chìa khóa mở cửa vào nhà. Phòng khách tối bưng, màn buông hai lớp. Mưa đứng xớ rớ ôm bọc quần áo dơ của Hãn nhìn quanh. Hãn bật hết đèn lên, tóm hai chéo màn cột túm lại. Mưa hé cửa nhòm vào

phòng Koala, chỉ có một đống nệm gối chồng lên nhau. Hãn xăm xăm băng ngang bếp vào thẳng study đã được sửa sang lại thành gian thờ chưng ảnh tượng. Với tay bật đèn, Hãn giật mình nghe tiếng người rú lên. Mẹ ngồi ở xó tối sát bên tủ thờ, mắt mở trừng, hai tay ôm chặt đầu. Tiếng rú nghe như chó dại tru của mẹ làm Hãn sởn gai ốc. Ôm đầu che mặt chưa đủ, bà mê hoảng vơ chiếc gối bự vùi mặt vào nhất định không chịu buông ra nữa. Sợ bà lên cơn, Hãn đành tắt đèn đứng chôn chân ngay vuông cửa lờ mờ. Lúc sau nhờ quầng sáng từ phòng khách dọi vào giúp Hãn nhìn mẹ rõ hơn. Thấy đèn tắt bà thò đầu khỏi mặt gối, nhìn lom lom vào Hãn. Hãn bước tới, tưởng mẹ nhận ra mình. Bà chụp gối ôm chặt vào bụng xoay mặt vào tường rồi lắc đầu quầy quậy. Hãn sửng sốt khựng người lại. Lắc đã một hồi bà giở trò nện đầu vào tường côm cốp không biết đau. Hãn nóng ruột xông tới ôm ghì mẹ lại. Bà xô mạnh Hãn ra khóc ngằn ngặt, miệng nói làm nhàm không đầu không cuối. Rớt rải chảy lòng thòng, bà quệt ngang rồi dơ cả hai bàn tay lên nhìn những ngón tay nhơm nhớp của bà, cười. Nụ cười ngờ nghệch của mẹ làm Hãn bủn rủn khụy người xuống. Cả tháng dài vật lộn đảo điên dính chùm vào những vụ bắn giết bẩn thỉu. Hãn đã đấm bụng mình đau thốn, đã nghiến răng trèo trẹo, đã uất ức đến trào máu họng trước những sợi thòng lọng của đầu nậu băng đảng lủng lẳng ngay trên đầu mình, chưa bao giờ chân tay Hãn rủn ra như bây giờ trước mặt mẹ. Mưa lùi lại, cô đứng buồn hiu ở ngoài cửa.

Hãn rút khăn giấy lau tay cho mẹ, vừa lau vừa nói nhỏ:

"Con...Hãn đây mà. Con thương mẹ. Đừng sợ. Không ai làm gì mẹ đâu. Mẹ tỉnh lại đi..."

Mẹ nhìn như ngây. Hãn hỏi như để nghe chính giọng mình độc thoại:

"Tóc mẹ sao vậy? Sao rụng quá vậy? Lúc con ở nhà..."

Mẹ rờ tay lên đầu, lần lần từng sợi rồi thình lình giựt phăng một chùm tóc dơ lên dơ xuống nhìn mê sảng. Hãn ngăn không kịp, đau xót chụp tay bà giữ lại. Bà vùng ra, tưởng bà sẽ cộc lên, thoắt một cái mặt bà chìm xuống rồi thẫn thờ xòe tay ra nhìn những sợi tóc khô xác trong tay, lẩm bẩm một mình:

"Chỉ có tóc là của tôi, tôi xuống mồ tóc xuống theo tôi, tiền của ở lại chồng con ở lại."

Hãn nhìn chăm vào mẹ, bụng đau thót lại. Bà tiếp tục lẩu bẩu:

"Coi như mình vô hậu không chồng không con, chỉ có giòi bọ sẽ ở cùng ta mãn đời mãn kiếp."

"Con sẽ ở bên mẹ, con bỏ hết để lo cho mẹ."

"Mẹ mất hết tiền rồi, thiên hạ coi mẹ như rác, chồng con cũng coi mẹ như rác."

"Không! Con thương mẹ, Rachel thương mẹ, Teeka cũng thương mẹ, tại mẹ cứ sợ nghèo."

"Đúng rồi, mẹ sợ nghèo lắm. Nghèo bao giờ cũng khốn đốn khổ nhục, bị khinh khi, bị thua thiệt mọi bề. Con không biết đâu, không có tiền chẳng làm được cái gì ra hồn. Bây giờ mẹ chán tiền lắm rồi. Nhưng không mê tiền mẹ cũng chẳng mê được cái gì nữa. Sống mẹ cũng chê luôn."

Bà nhìn gian thờ, ảnh tượng hoa ny-lông đèn cầy giả, tất cả đều câm. Hãn sơ ý bà lại mầy mò tìm vài sợi tóc, giật phăng xuống cầm tay, nhìn ngơ ngẩn. Hãn nắm cứng tay bà lại, bà vùng mạnh, mắt trợn ngược lên, gào:

"Giòi đó, nó đục óc con mày ra. Tổ cha chúng mày, tiền là máu đấy, mày ăn lường ăn quịt của bà không trôi đâu. Gạt tiền của bà mày đẻ con không có lỗ đít, cơm nuốt vào họng con mày cơm đẻ ra mười trăm bọc giòi. Giòi đục óc đục xương con mày, giòi đầy lỗ mũi giòi chui ra lỗ miệng. Con mày suyễn ra giòi, con mày mửa ra giòi, con mày ờ...ờ...con mày..."

Hãn tái mặt, tay chân bải hoải, cơn mỏi mệt thình lình chiếm hết sức lực còn lại trong người. Lời nguyền rủa của mẹ khủng khiếp quá. Gầm trời hung hiểm này, có bao nhiêu người mẹ thương con hết lòng như mẹ? Thủy chung với chồng từ lúc xuân thì tới khi bạc đầu để bây giờ ngồi trong xó tối buông những lời nguyền độc địa. Cơn đau này quặn ruột, là tình mẹ, là nghĩa sinh thành, là máu mẹ đang chảy kinh hoàng trong người con? Chưa bao giờ Hãn thấy mình gần mẹ hơn trong cơn điên này. Đành phải để cho mẹ nói, may ra cuồng nộ tủi cực vơi bớt đi.

Hãn ôm đầu mẹ vào ngực mình như để dỗ dành. Giọng Hãn khao khao như người đang khóc, giọng nghẹn trong cổ, tắc trong lòng, giọng đứt quãng rối ren:

"Con thương mẹ, thương mẹ mà. Chưa bao giờ thương ai như thương mẹ đâu, mẹ uống thuốc rồi ngủ ngon đi. Trong giấc ngủ mẹ sẽ yên, mẹ sẽ biết tụi con đứa nào cũng cần có mẹ."

Bà xô Hãn ra, nhìn:

"Cậu là con tôi đấy à? Thiệt không đó. Không tin được. Cậu bỏ tôi đi cái một. Cậu cũng hùa với thiên hạ đá tôi lộn đầu. Bây giờ cả nhà mình lỗ đít ra rồi, mẹ lấy gì nuôi chồng nuôi con, mẹ lấy gì để thương tụi bây."

"Không cần có tiền mẹ cũng thương con..."

"Nói dóc, không có tiền làm sao mẹ thương con được. Tổ cha chúng nó. Trời sập tao cũng đội trời lên tao nguyền rủa chúng mày."

Hãn ôm ghì mẹ lại, lòng đau như dao cắt. Tội nghiệp mẹ quá. Đời

mẹ, rồi đời con. Hãn ngửa mặt lên. Sợ. Nước mắt cay xè dòng dòng chảy xuống.

Mưa và bé San đứng thin thít không dám thở mạnh. Bé San rụt rè cầm mấy viên thuốc bước tới gần bên Hãn, con bé đặt thuốc vào tay anh. Hãn quay lại nhìn em, mắt San tròn xoe đong đầy lệ. Tủi cực trào lên tận óc, kham không nổi, một tay ghì mẹ một tay ôm em, Hãn hực lên một tiếng ngắn rồi khóc òa như con nít. Tiếng khóc nghe thảm quá Hãn ghì mẹ chặt hơn, ôm em cứng hơn, vội vàng nuốt hết đau lòng của mẹ vào sâu trong ngực, giọng lạc đi Hãn hỏi ngớ ngẩn như người mớ ngủ:

"Mẹ làm sao vậy San?"

"Mẹ nhổ tóc hoài. Mẹ nói tóc có giòi. Mẹ nói mẹ chết rồi, chết từ lúc anh bỏ đi. Mẹ nói tóc biến thành rắn rết cắn mẹ đau lắm."

"! ! ! ..."

Mưa đi ra vườn sau, Mưa lẻn vào phòng giặt. Mưa không muốn dàn mặt Hãn lúc này. Một lúc rất lâu, Mưa mới nhẹ nhàng đi vào.

San kể cho Hãn nghe:

"Nadine phẫn chí cứ lang thang vào siêu thị người ta ăn cắp vặt cho đỡ buồn, bị cảnh sát bắt, bố phải nhờ Cha Huy ra bót lãnh về, Koala bị sốt, bố phải đưa đi nhà thương, Koala đã ngồi được xe lăn rồi, bị sốt, Koala tự lăn xe vào phòng tắm mở vòi nước dội vào người, nước nóng bỏng Koala cũng không biết cứ xối đại bị phỏng nặng phải đi nhà thương băng thuốc, San ở nhà coi chừng mẹ, mẹ lên cơn San sợ lắm, phải đi trốn, mẹ cứ nhổ tóc hoài, đầu mẹ như cái sọ dừa khô, còn có vài sợi tóc, mẹ kêu ngứa. Anh cho mẹ uống thuốc đi, mẹ nói trong đầu mẹ có giòi. Bộ trong đầu mẹ có giòi thiệt hả anh?"

Con bé kể giọng buồn như đọc kinh. Kể xong không một tiếng nấc nước mắt cứ dàn dụa chảy xuống. Vẻ mặt non nớt đầy cam chịu của con bé làm Mưa xốn xang quá, chịu hết nổi, Mưa ôm lấy bé San. Hãn nhìn Mưa. Cái nhìn nặng bằng cả một kiếp người.

Đánh vật với mẹ cả nửa giờ, Hãn mới ép được bà uống hết liều thuốc an thần. Hãn nhờ Mưa trông chừng nhà, Hãn nói phải đến võ đường xin thuốc, Hãn nhớ nhiều võ sĩ bị đánh dập đầu, vẫn đến thầy Hãn xin mấy toa thuốc Bắc uống cho an thần lại...may ra mẹ Hãn sẽ khỏi bệnh.

Khoảng sân trước có một bụi trúc vàng, một bồn cây với những tầng lá hai màu xanh bạc vẫn còn nguyên đó dù qua một mùa khô cháy nắng. Lối vào nhà Thầy dãy tùng xanh vẫn thẳng tắp một hàng. Quen đường, Hãn đi thẳng vào sân sau. Thầy ngồi giữa một đống sách báo. Sách chen nhau dọc ngang mọi ngăn kệ lớn nhỏ. Hãn chào thầy, thắp ba cây hương đốt trước bàn thờ Chưởng Môn đời thứ ba Trần Huy Phong. Hàng chữ đỏ

như son VOVINAM Việt Võ Đạo lung linh trong mắt Hãn như không bao giờ nhòa nổi nữa. Khói hương thơm cay làm Hãn chảy nước mắt nhớ mẹ. Mới ngày nào chính mẹ đã cầm tay dắt Hãn đến đây xin nhập môn, học võ đạo người Việt. Trước bàn thờ chưởng môn, mẹ đã lầm thầm khấn vái cầu cho Hãn nên người. Hãn đã học võ, đã theo mẹ đến đây như tìm về cội nguồn của mình. Những xô đẩy thô bạo nào đã bứt lìa Hãn khỏi nơi này? Lòng nặng như đá Hãn ngước nhìn lên tường. Những bức hình chụp Hãn trong võ đường. Hình Hản tập xuống tấn, hình Hản bay người phóng liên hoàn cước, hình Hãn tinh nghịch biểu diễn Hầu quyền, hình Hãn nghiêm trang bái Tổ lúc nhận đai lên chức...Bao nhiêu tháng ngày khó nhọc vật lộn với chính mình trước khi quật ngã bạn đồng môn trong những ngày luyện tập và thi đấu. Hình ảnh đồng môn, võ phục xanh thắt lưng nâu, lục, đen, vàng vòng tay đứng thành hàng nghiêm chỉnh. Chẳng có đôi mắt nào trong hình phải nhìn xuống đất. Hãn lớn lên lao thẳng xuống đời. Bây giờ cùng đường phải tìm về, xin thuốc chữa bệnh cho mẹ. Vẻ bình yên tỏa ra từ gương mặt cương nghị vẫn điềm đạm bao dung của thầy khiến Hãn mở lòng ra trút cạn những trầm uất lâu nay vẫn chôn chặt trong lòng.

Hãn kể hết từ đầu đến cuối.

"Tình bạn sâu đậm với Tùng thật sự khởi đi từ những cuộc xung đột không thể tránh khỏi với bọn đầu trọc, Hãn chưa bao giờ uống máu ăn thề với Hận Cốc, Tùng cũng chưa một lần rủ rê Hãn nhập đảng "Hận" để buôn bán những món hàng giết người, chính những ràng buộc khác đã cột Hãn vào với Tùng, thâm tâm Hãn không bao giờ muốn chia tay với Tùng, tình bạn qúy hơn tiền bạc và mối an nguy, bởi Hãn càng muốn tách lìa càng lụy tình nặng hơn, cuối cùng ức vì bố mẹ bị bọn cướp hành hung, Hãn đã không kềm thắng được thôi thúc trả thù, gây ra cuộc bắn giết đáng tiếc ở Câu lạc bộ Ngựa Điên, chuyện chỉ có thể đi lụy không biết đến bao giờ, Tùng nhất định chịu đòn một mình, buộc Hãn phải theo Donna đi lánh, chuyện Donna sửa soạn lên xe hoa làm vợ Arthur Wood. Cái chết đầy nghi vấn của Arthur đã bẽ gẫy tất cả mộng ước tội nghiệp của Donna."

Xen vào giọng kể bùi ngùi dành riêng cho thầy dạy võ, thỉnh thoảng vẫn rung lên lẫn vào nhịp tim khốn đốn những tiếng mẹ lập đi lập lại không buồn che dấu nữa:

"Mẹ con đã chịu tất cả những khổ đau lận đận này vì con, đúng như vậy thưa thầy, chưa một người đàn bà nào đau khổ vì con như mẹ con đã đau khổ, cũng chưa một người con gái nào đủ sức làm con phải khóc thảm như mẹ. Thưa thầy, mẹ con quẩn trí tỉnh mà như điên, điên mà như tỉnh. Thầy có cách gì giúp mẹ con không?"

"Anh biết rồi, nghề võ luyện thân xác để giữ cho tâm lành. Tâm không vững xác có dày công thao luyện cũng chỉ là bị thịt tanh mùi danh lợi. Tôi có vài toa thuốc có thể giúp bà cụ định thần chứ không định tâm được. Tâm chỉ định nếu người muốn định. Nếu anh muốn chốc nữa tôi chép toa thuốc gia truyền, anh về hốt cho bà uống thử."

"Xin cám ơn thầy."

"Nghe nói bà rất sùng đạo, anh nên xin ý các Cha xem các ngài có khuyên bảo gì được không."

Hãn dạ khẽ.

"Phần anh nữa, dù thầy trò xa nhau khá lâu thỉnh thoảng tôi vẫn nghe đâu đó vài chuyện về anh. Hình như anh đang gặp chuyện rắc rối. Con nhà võ, đạo nghĩa giang hồ là điều đáng qúy. Tôi chỉ mong anh đủ sáng suốt để biết phải đi đường nào và phải dừng lại ở chỗ nào. Sống thôi chưa đủ nhưng phải biết cách sống cho đẹp. Đẹp vẫn chưa đủ, đẹp phải đi với Đạo. Thầy chưa bao giờ dạy võ suông."

Hãn thấm lời thầy, mắt nhìn xuống chân. Bàn chân thầy đầy đặn, sạch từ móng chân tới những đường gân nhỏ. Mưa máu giang hồ chỉ có thể xung động ngoài kia khu phố chợ người xe xe người.

Hãn về nhà, cầm theo bốn thang thuốc Bắc. Phòng khách chỉ để một ngọn đèn mờ ở góc bàn nhỏ. Hãn giật mình lúc trông thấy cha Huy ngồi ở ghế bành. Mẹ Hãn ngồi khòm xuống nghẹo đầu ngủ gục ở ghế dài. Gắng hết sức Hãn vẫn hoang mang và khốn khổ trước cảnh gia đình mình bày ra không đẹp chút nào trước mặt cha Huy. Hãn chào Cha để thuốc trên kệ tủ rồi với tay bật thêm đèn. Cha cản:

"Tắt đi, bà không chịu nổi ánh sáng."

"Hình như mẹ con ngủ mất rồi, thưa cha."

"Bà dễ bị choáng, Hãn không thấy hai mắt bà bị loạn hết rồi sao?"

Hãn lí nhí gần như khổ sở:

"Con thật ân hận, gia đình con đã làm cha bận lòng hết sức. Nadine có phải ra tòa không cha?"

"Chắc hai tháng nữa, lúc cha ký giấy bảo lãnh, họ cho biết sơ vậy thôi. Cha nghĩ Nadine sẽ bị án treo khoảng một năm. Hãn gắng lo cho em, lúc ở bót cảnh sát Nadine khóc dữ lắm, con bé hoảng quá gần phát điên."

Cha đứng lên:

"Cha phải về, còn nhiều việc lắm, tính chờ bố con nhưng thôi, giao Nadine cho Hãn cha an tâm rồi."

"Mưa đâu rồi cha?"

"Lo dỗ Nadine hay cơm nước gì đó ở nhà sau..."

Tiễn cha ra tận xe, Hãn bỗng nhớ năm nào, Koala bị nạn, cha Huy đến

tận bệnh viện thăm nom an ủi. Hôm đó trời âm u bão rớt, tóc cha vài sợi cũng bay loạn trong gió. Hôm nay không có bão, trời khô nóng nảy, mây cũng bị xé ra từng mảnh. Hãn muốn hỏi -Thưa cha, hoạn nạn của gia đình con hôm nay là trừng phạt hay ơn thử thách? Tia nhìn đầy cảm thông và từ tâm của cha Huy khiến Hãn ngại ngần không dám mở miệng.

Lụng khụng do dự mãi, lúc vươn tay mở cửa xe cho Cha, Hãn mới nhẹ nhàng nói:

"Con luôn luôn muốn đến hầu chuyện với cha. Năm trước lúc cha đến bệnh viện thăm Koala con đã tự hứa sẽ đến thăm cha, bây giờ cũng vậy...Cám ơn cha đã đến với gia đình con trong hoàn cảnh nầy."

Cha Huy cười hiền:

"Đừng cám ơn vội. Cũng đừng tra hỏi mình gấp quá. Cuộc sống nhiều khi đơn giản hơn những điều con người bày ra để hành hạ nhau."

Hãn dạ nhỏ rồi lui lại đứng bên đường nhìn theo cha. Hình như Hãn sợ phải vào nhà.

Vụ Arthur Wood tiếp tục sôi sục lên, báo chí đoán mò trăm chuyện rùng rợn về tập đoàn ma tuý, tập đoàn gian thuế, tập đoàn cướp giựt. Nadine đã chịu đi học và học rất giỏi. Cảnh sát tiểu bang liên bang bày đủ chiến dịch rờ mò quanh quẩn. Hãn trụ ở nhà với mẹ gần hai tháng, cũng loanh quanh luẩn quẩn cũng đi làm đi shop, cũng đến giảng đường cũng về nhà chúi mũi vào trăm việc hầm bà lằng không tên. Kiểu sống này rị mò quá, Hãn sợ mình nổi điên theo mẹ mất. Những lá thư của Saba phơi phới đủ mọi chân trời Santos, Buenos Aires, Salvador, Somalia...

Ngày Tùng và Tú Lì bị bắn chết Hãn đang ngồi chải đầu cho mẹ. Hãn chậm rãi chải xuôi tóc mẹ xuống. Chải xong lại hất ngược tóc lên tiếp tục chải nữa. Phải bày trò chải tóc cho mẹ quên bệnh ngứa đầu, quên chuyện giòi rắn hành mẹ nhổ tóc. Hãn rụng rời buông rơi chiếc lược gỗ, mẹ nhặt lên đưa cho Hãn, cười ngây ngô như con nít. Răng cửa rụng hết miệng móm trước, tuổi già đến sau. Hãn nhìn như muốn chọc thủng màn hình. Lâm bị thương nặng, nằm bệnh viện Liverpool chưa tỉnh. Tùng tiêu đời Tùng, Tú đi đời Tú. Mẹ nhìn lơ ngơ màn hình nhỏ, thấy gì đâu nữa mà nhìn.

Tin giết người xen vào tin trượt tuyết nghỉ Đông bên kia vòng cầu. Tin trẻ em sắp chết đói ngồi bệt mắt mở thao láo, bụng phình như trống, sườn ngực trơ xương cạnh tin công nương tỉ phú nằm tắm nắng mút chân nhau trên du thuyền mùa hạ.

Tivi tiếp tục oang oang phát bản tin cuối ngày đầy máu. Tùng nằm xuôi Tú nằm ngược. Lúc người ta chùm mảnh chăn phủ kín từ đầu xuống

chân hai thây người chết vội. Hãn nổi điên, đứng vụt lên, đá tung vào màn hình. Chiếc tivi đỗ kềnh xuống, màn hình tuôn ra những chấm phẩy chấm than, những quầng màu vằn vện đen thùi. Hãn rống lên, rồi lại co chân đá thốc chiếc tivi nằm ngược:

"Đồ quái vật. Chính mày gây bệnh dịch cuồng sát. Chính mày bơm máu sát nhân vào đồng loại của tao."

Mẹ Hãn rú lên ôm chặt đầu không dám nhìn đôi mắt đỏ đòng đọc như máu của Hãn.

Hôm sau, Hãn đùng đùng phóng xe lên nông trại. Thương mẹ đến khờ người, Hãn cũng ba chân bốn cẳng thoát khỏi căn nhà tù ngục đó. Tùng ơi! Hãn gọi thầm. Nếu chết oan mày hãy theo tao đi trốn. Tao có ngọn núi thiêng, tao cho mày làm thần rừng, tha hồ ma hú.

Mùa khô vừa hết. Rừng chưa kịp hồi sinh. Không đủ kiên nhẫn đợi bắn kangaroo, emu, thỏ rừng Hãn bắn đại những gốc cây chết dở, những đường sét đánh chém dọc bụng cây, biến thành bia bắn. Bang! thân gỗ bể ngang. Bang! cành khô kêu răng rắc. Thấy Hãn ôm súng ngồi mãi trong bụi Nancy nóng ruột đi tìm. Con suối năm trước nước chảy rì rầm lau lách rậm dầy, yêu Mưa, giờ trơ mặt bày biện đáy sông. Nancy da đen nhám, tay chân cằn như củi ngồi bệt bên cạnh Hãn rầu rầu không nói.

Hãn than:

"Sống mệt quá bà ơi!"

Nancy nắm tay Hãn bóp lại:

"Gắng đi."

"Để làm gì?"

"Chẳng làm gì cả. Sống thôi đủ mệt, hỏi làm gì cho khổ."

"Núi thiêng của người Aborigines hình như gần với tôi hơn khu nhà cao tầng dưới phố. Mẹ tôi kể lúc mới đến Úc, được gia đình Morgan bảo trợ về đây làm farm, chiều chiều mẹ tôi lén lút ầu ơ ru tôi bằng tiếng Việt. Ru nhỏ thôi bà sợ người ta chê không biết hội nhập, không biết hát tiếng Anh thành mọi vàng mọi nghệ. Mẹ tôi nói bên kia rặng núi mù mịt này là sông núi là rừng rậm của Việt Nam."

"Sông vẫn là sông và núi vẫn là núi. Bộ tộc của chị không bao giờ tin vào những chuyện ngớ ngẩn của người da trắng. Họ một hai đòi làm chủ đất này đòi chiếm đoạt nước kia. Sai. Chính đất nuôi người và giết người. Người từ đất và sẽ về với đất."

"Bà bị bắt cóc lìa cha mẹ, lớn lên sắp có cháu ngoại bà khăng khăng đòi biết mặt cha mẹ ruột. Bà có quyền kiện cả nước, có quyền kết tội họ. Gia đình tôi thì không, vợ chồng con cái dạy nhau gằm mặt xuống, dạy

Thơ tình cho Huế
HÀ TRUNG

Con gửi cho cha
Tập Thơ Tình xứ Huế
Đang vui
Hàn Mặc Tử
Nguyễn Bính
Văn Cao
Khi không những chữ
Thơ Hoàng Phủ
Tràng đạn A.K.!
Tràng đạn A.K. xưa
Toé máu Cái-bây-giờ.
Cha ngồi rờn rợn
Huế giết Huế!
Rờn rợn ngàn năm máu một giòng
Thà như trái pháo Tôn Thất Thuyết
Không thấu đồn Tây dành tự trầm.

Sông Hương xuôi cửa Thuận
Hiền khô
Tôi đi
Không bọn chút căm thù.
Huế ơi! Răng Huế còn mưa mãi
Để hồn văn tế dầm trong thơ.

nhau bịt tai để đỡ bận lòng nghe chửi, nhắm mắt để học ngu. Đó sống như vậy đó. Bà ham không?

"Hãn cũng sai luôn. Đất đâu có cho ai quyền sinh tử nó. Không có chủ và cũng không có khách ở bất cứ nơi nào trên mặt đất này. Việc gì phải bận lòng chuyện u mê đó của thiên hạ. Đời ngắn lắm, đứng dậy đi, ngồi lì trong bụi sẽ biến thành chó sói, tru mười ngàn năm hận thù cũng vậy thôi"❐

Tiếng hát lạc loài

Khánh Hà

Rõ ràng là có tiếng dế gáy. Nhưng tôi khó tin được tai mình. Giữa thành phố Oslo, trong một tòa nhà xi-măng cốt sắt, vách tường, cửa kính bốn bề như chỗ tôi đang làm việc đây thì làm sao có chú dế nào lẻn vào được. Hơn mười năm sống ở xứ này, tôi cũng chưa lần nào bắt gặp một con dế, ở đồng quê cũng như trong các tiệm bán những con vật kiểng. Vậy mà tiếng dế ri ri vẫn ngân nga đều đều. Tôi hỏi bà đầm già đang ngồi sau chiếc bàn đối diện:

- Bà có nghe thấy tiếng gì lạ không? Hình như là tiếng dế kêu.

Bà lắng nghe ngóng một lúc rồi lắc đầu:

- Tao có nghe thấy tiếng gì lạ đâu. Chắc là tiếng máy chạy đó mà.

Tiếng máy chạy thì tôi đã quá quen thuộc. Suốt ngày lúc nào cũng có tiếng rì rì phát ra từ hệ thống sưởi và lọc không khí cùng với hệ thống dây chuyền không ngừng chuyển vận bưu phẩm. Tôi đang định mở cửa phòng để nghe cho rõ hơn thì cánh cửa bật mở, một cậu nhỏ bưng cái thùng giấy bước vào, mặt mày khổ sở:

- Cái thùng này bị rách và chảy nước, khai quá là khai. Không biết cái quỉ quái gì trong này?

Bà già chun mũi, giương mắt nhìn cái thùng đầy vẻ nghi ngờ, ghê sợ. Tôi hăm hở tiếp lấy cái thùng đang phát ra nhiều tiếng ri ri quen thuộc. Tôi mở nắp thùng cạc-tông, ghé mắt dòm qua các lỗ nhỏ của lớp plastic, thì ôi thôi, thấy cơ man nào là dế to dế nhỏ đang bò nhốn nháo. Vài con táo tợn đã chui ra khỏi lỗ, bò lên nắp thùng. Chắc có vài con đã nhanh chân bò ra ngoài nhìn ngắm phong cảnh trước khi cái thùng được bưng vào đây để vá lại. Bà đầm già thấy mấy con dế, hoảng sợ hét lên như gặp phải rắn rết, sâu bọ. Cậu nhỏ cũng lùi ra như tránh độc vật. Tôi vội đóng nắp thùng để dế đừng bò ra bàn. Nhìn con dấu bưu điện, tôi biết cái thùng

phát xuất từ Luân-đôn cách đây hai ngày. Mấy chú dế ngột ngạt nên phóng uế lung tung, ướt cả bao bì, bốc mùi khai nồng nặc. Địa chỉ nơi nhận là một tiệm bán những con vật kiểng. Có lẽ dế sẽ được dùng làm thức ăn cho những con vật này. Tôi cho thùng vào một bao plastic lớn, đóng dấu "Bị rách từ nước ngoài". Trước khi trao thùng lại cho cậu nhỏ, tôi cẩn thận đục vài lỗ nhỏ trên bao plastic cho dế dễ thở. Cậu nhỏ nhận cái thùng, cảm ơn tôi nồng nhiệt như tôi vừa giúp cậu thanh toán một việc dễ sợ. Còn bà đầm già khen tôi cam đảm, dám đụng tới mấy con dế ghê gớm. Tôi nói với bà ở xứ tôi dế là con vật thân thương của trẻ con, và là nhà nghệ sĩ hát không mệt mỏi. Chẳng có gì là ghê gớm cả.

Câu chuyện cái thùng dế được kể truyền từ người này đến người khác, khắp sở bàn tán xôn xao như trái đất có một con vật lạ từ hành tinh khác xâm nhập. Có người nói nó là đồng loại với cào cào, châu chấu, sinh sản rất mau và phá hoại mùa màng. Một bà hỏi nó có giống con dán không, và kể chuyện khu nhà bà ở, có lần một người ngoại quốc về thăm nhà, khi trở lại, vô tình mang theo một con dán trong thùng hàng. Khi con dán bò sang nhà bên cạnh thì cả chung cư nhốn nháo, và công ty trừ dán được mời tới.

Cái thùng giấy đã được gởi đi mà vẫn còn tiếng dế gáy. Buổi sáng hôm sau, tôi vào sở nghe tiếng ri ri êm ả xen lẫn trong tiếng máy chạy rì rì. Tội nghiệp con dế nào đã vội vã chui ra khỏi thùng và còn lạc lõng lại đây. Tội nghiệp cho những con dế trong thùng đã được gởi đi đến một nơi để làm mồi cho những con vật khác. Thế giới của dế phải là cánh đồng xanh cỏ non bát ngát, là bờ ruộng thơm hương lúa vàng hay là khu vườn mênh mang tiếng gió. Ở đó dế nhởn nhơ sáng uống sương trời, trưa ăn mầm cỏ mới, đêm cất tiếng hát say sưa như một nhà nghệ sĩ. Dế sinh ra để hát. Tiếng hát của dế phải được quyện cùng tiếng gió trong vườn, hòa âm cùng tiếng ếch nhái, ễnh ương, nhóc nhen, tiếng thì thầm của sông nước, tiếng run nhẹ của sao trời ... Tất cả những âm thanh đó hòa vào nhau, quyện vào lòng người, đọng thành vùng âm thức nhắc nhớ khôn nguôi khi người ta không còn được nghe, được sống quãng thời gian đã mất. Tiếng dế vang lên ở đây, trong tòa nhà khô khốc này, giữa những người cả đời chưa một lần nghe qua tiếng dế, thật cô đơn, thật tội nghiệp. Vậy mà nhà nghệ sĩ vẫn hát say sưa.

Tiếng hát của nhà nghệ sĩ lạc loài không được ai thưởng thức. Những nhân viên trong sở nghe tiếng dế gáy thì dáo dác kiếm tìm để đập chết cho kỳ được. Họ là người có thể làm bạn thân với chó mèo và các loài vật khác, mà không thể dung tha một chú dế hiền lành. Tôi cũng dáo dác kiếm tìm với ý định che chở. Tôi sẽ đem nó về nhà, cho nó một nơi chốn

Vài đoản khúc về new orleans

QUAN DƯƠNG

*Cầu đu dưới cổ con cò**
*Có em nhảy vú trên lề Bourbon**
Khoanh nhau chua ấm chỗ nằm
Đành tâm hất ngược chữ tòng mang theo.

Chê anh cày mấy vẫn nghèo
*Em mang thân thế trả treo sòng bài**
Hơi dâu than vắn thở dài
Kể từ bỏ xứ: rủi may thường tình
May thì níu chút ba sinh
Không may thì kể như sình vấy chân

*Chiếc cầu dang nắng dầu trần**
*Hai mươi bốn dậm phơi thân giữa hồ**
Bãi nằm. Sóng dập. Triều xô
Qua cầu quên nhịp là đò...mỹ nhân.

* *Tên, địa danh và đặc thù của New Orleans*

êm đềm để đêm đêm nó còn được hát và tôi còn được nghe, như chúng tôi còn đang ở quê nhà. Nhưng cả hai chúng tôi đều không may mắn.

Một buổi sáng, tôi đến sở, chỉ còn nghe tiếng máy rì rì. Bà đầm già vui vẻ khoe với tôi:

- Mày biết không? Hôm qua thằng Per, dò theo tiếng gáy của con dế, đã tìm thấy nó núp trong kẹt tủ và đã đập được nó rồi. Nó to bằng ngón tay và đen xì xì, trông đến khiếp.

Tôi nghẹn ngào. Phải chi chú dế yêu quí của tôi cứ im lìm núp trong kẹt tủ thì chắc cũng kéo dài được kiếp sống ly hương thêm được mấy ngày. Nhưng tôi lại tự an ủi biết đâu chừng, như một nghệ sĩ chân chính, chú dế đã rất vui sướng vì được hát say sưa một lần, rồi chết.❐

Hai chiếc bóng

Tâm Thanh

Ông cảnh sát dềnh dàng kia nhất định không ai khác hơn là thằng Petter bé tí ngày xưa. Bộ tóc kia có xậm lại thành màu đồng, nhưng nhất định cùng là bộ tóc tơ vàng của thằng bé đã lắc đầu trong hai ngày liền khi mới vào vườn trẻ. Và người đàn ông điềm đạm, tự tin ngồi muốn xụm cái ghế đẩu thấp giữa đám trẻ lau xau tíu tít chung quanh kia, chính là thằng bé đã ngồi co ro khóc thút thít trong xó nhà. Thật là một tình cờ - tôi gặp lại một người trong cùng một không gian, ở một thời gian cách xa gần 20 năm! Thế mà nữ sĩ nào nói người ta không thể tắm hai lần trên cùng một giòng sông nhỉ?

- Bà lục tìm cái gì vậy?
- Một tấm hình.
- Hình gì?
- Cám ơn, nhưng chỉ tôi mới biết hình gì.

Chị đồng nghiệp trẻ tuổi bỏ đi. Vâng, chỉ tôi mới biết. Bởi vì tấm hình chụp nhóm (mà chúng tôi gọi là tổ - như tổ chim) bốn tuổi, lúc chị đồng nghiệp này chưa vào làm. Năm đó tôi làm cô giáo chính tổ bốn tuổi. Trong hình bé Petter Halvorsen trố mắt nhìn vào ống kính. Hình này tôi quí lắm, còn giữ một tấm ở nhà. Tấm treo ở vườn trẻ mới được gỡ xuống cách đây mấy năm, vì tường kín, cần chỗ treo hình mới. Tôi lục các ngăn, các kệ, mà không thấy tấm hình. Tôi bỗng nhức đầu, và chợt tự hỏi tìm hình làm gì nhỉ? Chẳng làm gì cả. Và trở lại phòng. Cũng đúng lúc bắt đầu giờ học về lưu thông trên đường phố. Vườn trẻ đã mời trung úy Petter Halvorsen sang dạy, cho bài bản được chính thống.

Hai hình bóng về Petter lồng chập trong mắt tôi: có lúc tôi thấy người thanh niên ăn nói chững chạc ngồi giữa nhà, vừa nói vừa chỉ trỏ

trên mô hình đường phố, có lúc tôi thấy một đứa bé trai có mái tóc vàng như tơ tằm và đôi mắt to mọng nước mắt ngồi thu mình ở góc kia. Hôm đầu tiên tới vườn trẻ, Petter cứ ngồi một góc khóc tỉ tê. Tôi phải thu xếp mau công việc cho những đứa khác để lại dỗ nó. Theo thông lệ, phụ huynh có thể ở lại với con trong những ngày đầu cho tới khi con quen. Mẹ Petter cũng ở lại với nó một buổi, và ra về khi nó gật đầu chịu ở lại một mình. Nhưng khi bà ra về, nó mếu máo, xụ mặt xuống. Tôi đã hỏi trước bà mẹ nó thích chơi trò gì. Tôi bèn kiếm con ếch vải xanh Kermit, xỏ bàn tay vào nói chuyện với Petter:

- Ộp ộp! Tui là Kermit. Bạn tên chi?

Nó giương mắt nhìn con ếch, rồi nhìn tôi, đôi mắt to buồn bã. Tôi nhái giọng Kermit nói tiếp:

- Tui biết rồi. Bạn tên Otto?

Nó lắc đầu, vẫn không nói. Tôi lại hỏi:

- Phải bạn tên Piggy không?

Sau nhiều lần lắc đầu mà cứ bị gán cho cái tên con heo gái trong Muppet Show, Petter ức quá, phải mở miệng:

- Người ta con trai mờ.

Tôi vui mừng nói:

- A! Một đứa con trai! Chào cậu con trai bảnh bao!

Nó lại lắc đầu. Tôi làm bộ ngạc nhiên:

- Ủa, sao lại lắc đầu cà?

Nó vẫn lắc đầu. Tôi nói:

- Lắc đầu cái coi!

Cái đầu nó vừa hơi nhích thì ngưng lại kịp. Và nó òa khóc. Tôi vội vàng ôm nó vào lòng dỗ cho tới khi nó nín. Tôi nói:

- Ở đây có nhiều bạn muốn chơi với Petter. Con chưa muốn chơi thì cứ ngồi đây với Kermit. Khi nào thích chơi với các bạn khác, con cứ nói Kermit gọi các bạn tới, nghe không?

Lần đầu tiên nó gật đầu. Tôi hôn nó, rồi để con ếch xanh trên lòng nó, đi lo cho các đứa khác. Hôm thứ ba thì nó nguôi ngoai dần, không khóc nữa, và chịu ngồi chung với các trẻ khác. Tôi tập cho các em một bài hát ngắn. Có đứa ngoác miệng ra gào, có đứa ấp úng, có đứa vỗ tay trật nhịp. Petter không hát, không vỗ tay, nhưng đưa mắt tò mò quan sát. Thế là dấu hiệu tốt rồi. Đang hát tới một chỗ, tự nhiên cả đám bị vấp và im bặt. Trong khoảng trống im lặng đó, bỗng nghe tiếng "ộp". Mọi người quay về hướng Petter, thấy nó đang cầm con Kermit đưa lên cao. Một bé trai khác kêu "ộp" đáp lại. Rồi cả lớp kêu ộp ộp, inh ỏi như một cánh đồng ếch, ễnh ương, chão chuộc ... những con vật mà tôi chắc các em cùng lắm chỉ thấy

trong phim hoạt họa. Trong những ngày sau, mặc dầu Petter đã vui chơi tự nhiên với các bạn, nó vẫn tỏ ra "cảm kích" khi tôi tới chơi riêng với nó một chút.

Một hôm, tôi thấy nó xỏ tay vào đầu ếch vải và ngoạm vào tai tôi. Tôi tưởng nó muốn nói bí mật, bèn hạ giọng thầm thì:

- Petter muốn nói bí mật gì?

- Hột ngọc trai đâu?

Tôi giật mình rờ lên trái tai, quả nhiên không thấy hai hột trai tôi thường đeo đâu. Thì ra sáng hôm đó tôi tắm gội, đã tháo hột trai ra và quên đeo lại. Và như thế là dù lúc khóc, lúc chơi, Petter vẫn để mắt đến sự việc chung quanh, trong đó có cả đôi tai nhỏ bé của tôi. Tôi vui sướng:

- Con thích ngọc trai hả?

- Dạ.

- Vậy mai cô đeo ngọc cho Petter coi nhé?

- Dạ.

Rồi tôi kể cho nó nghe truyện trai kết ngọc.

Chiều về nhà, tôi muốn làm một thí nghiệm nhỏ. Trước khi ngồi vào bàn ăn, tôi đeo sợi dây chuyền mà Hoàng, chồng tôi, tặng trong dịp 10 năm đám cưới, lại còn tô mắt, tô môi một chút cho khác thường. Nhưng cả nhà, từ chồng tới ba đứa con, không ai thấy gì khác thường cả. Họ chỉ biết cắm cổ ăn. Thằng Petter thì khác, hôm sau nó vừa vào là đi tìm tôi ngay. Việc đầu tiên là nó vạch tóc mai, xem tôi có đeo ngọc trai không. Mấy đứa khác chẳng hiểu cớ sự, thấy vậy cũng tò mò ghé lại coi "khám phá" của Petter. Đáp lại thịnh tình ấy, tôi phải nhớ làm ra vẻ quan trọng khi đón nhận các "biến cố" mọc răng, rụng răng, đứt tay của các cô các cậu. Những năm làm việc trong vườn trẻ trở thành thích thú đối với tôi, có lẽ vì những khám phá như thế này. Tôi hỏi Petter:

- Petter còn nhớ truyện trai làm ngọc không?

Nó hăm hở vừa kể vừa thở hào hển:

- Con trai. Nó nằm dưới đáy biển. Sâu. Sâu ghê. Nó bị thương. Đau ơi là đau ...

Tôi vội ngăn lại:

- Giỏi lắm! Con để dành, lát nữa kể cho mọi người nghe, được không?

Nó gật đầu liền:

- Được chứ. Kermit kể.

Tôi mừng quá, vì nó đã chịu kể chuyện, còn sẵn sàng đóng kịch nữa. Nhưng tôi làm bộ thắc mắc:

- Tại sao Petter không kể, mà để cho Kermit kể nào?

- Kermit ở dưới nước, thấy ngọc trai rõ ... thiệt là rõ.

Tôi sững sờ vì đứa bé bốn tuổi rưỡi đã thấy sự liên hệ giữa con ếch, con trai và nước. Buổi họp kể chuyện chung hôm đó thành công mỹ mãn, nhờ Petter-Kermit.

Năm sau tôi theo các em lên tổ năm tuổi. Một ngày thu muộn se lạnh. Chúng tôi phải lợi dụng những cơ hội cuối cùng để đi rừng trước khi trời lạnh và ướt át. Tôi, cô giáo Sidsel và cậu giáo sinh sư phạm Gunnar dắt các em đi. Lúc nào cũng phải "điểm quân số" cho đủ 17. Dắt các em đi rừng, coi vậy mà khỏe hơn đi phố đầy xe cộ nguy hiểm. Bởi vì rừng Na-uy hiền như vườn địa đàng. Chỉ thiếu rắn. Thay vì gai góc, là những thảm lá thông dầy và rêu xanh mịn như nhung, hoặc những lối mòn đầy hoa. Dâu rừng đã chín tím đen khắp nơi. Chúng tôi cứ thả cho các em ăn dâu, đứa nào đứa nấy tím rịm mồm miệng. Còn tôi, thích nhất là ngồi bên bờ suối, nhìn những chiếc lá vàng trôi trên giòng nước trong lộng trời xanh, mây trắng. Khi Gunnar reo tìm được một tai nấm thì tôi theo cậu và ba bốn đứa trẻ đi hái nấm mồng gà (thứ nấm hình thù như tên gọi, mầu vàng tươi, ăn rất ngon). Thỉnh thoảng đưa mắt qua bãi nắng bên kia, tôi yên tâm thấy Petter chơi với con Bente rất tâm đắc trên một tảng đá to. Hai đứa bắt ba ba (con bà mụ) cho bò trên bàn tay. Xế trưa, chúng tôi nướng xúc xích bên một bờ suối. Ăn xong, Petter lại ngồi sát vào người tôi, hỏi:

- Gunnar có phải là bồ của cô không?

Tôi cười ngất, quay lại thấy Gunnar đang đuổi bắt mấy đứa bé đòi lội suối, thì càng ngạc nhiên - sao Petter biết nhằm lúc vắng Gunnar để hỏi một điều mà chắc nó cho là ... riêng tư lắm. Tôi chỉnh đốn thế ngồi và nghiêm trang cải chính:

- Không. Chúng tôi không ... là gì cả.

Nó thả vào lòng bàn tay tôi một con ba ba làm quà, mừng rỡ nói:

- Vậy cô muốn làm bồ với Petter không?

Hiện trong tổ tôi đã có tám đứa bé chơi trò "tình nhân". Thêm một cặp nữa, không phải là lạm phát tình yêu. Tôi hăm hở:

- Muốn chứ!

Được lời như cởi tấm lòng, Petter chạy u lên tảng đá khoe với con Bente. Tôi nghe được loáng thoáng:

- Cô Thu là bồ của tao. Còn mày là bạn thân.

Khi ra khỏi bìa rừng, Petter hái được một bông hoa vàng nở muộn, đưa cho tôi:

- Tặng cô Thu.

- Cám ơn Petter. Hoa đẹp quá chừng! Sao mùa này Petter còn tìm được hoa?

Nó sung sướng và làm duyên, nheo một bên mắt lại thành một nụ

cười hóm hỉnh lạ lùng. Buổi chiều khi má nó tới đón, tôi ra nói chuyện với bà vài câu. Petter cầm tay mẹ khoe:

- Con có bồ rồi.

- Ai vậy?

- Thu.

Bà mẹ vui vẻ:

- Chúc mừng con!

Rồi lợi dụng lúc Petter đã ngồi vào xe, bà nói đùa với tôi:

- Cô phải ăn nhiều cho lớn hơn. Nó tưởng cô cũng là trẻ con như nó.

Khi ngồi vào tay lái, bà còn quay nhìn tôi, và nheo một bên mắt thành một nụ cười hóm hỉnh, y hệt Petter. Thì ra thằng bé bắt chước lối nheo mắt của mẹ nó. Cái nheo mắt biến nó thành một ông cụ non ý nhị, và tôi thu lại thành trẻ thơ. Suốt bao năm, tôi không quên cái nheo mắt hóm hỉnh tình tứ đó.

Lễ Giáng sinh năm đó tôi được "bồ" tặng một ông thiên thần cắt bằng giấy đỏ ôm một trái tim cũng bằng giấy, màu vàng rực rỡ.

Lễ lao động mở màn cho hằng loạt cuộc đình công. Khi tới phiên nghiệp đoàn xe buýt đình công, chồng tôi phải đưa đón tôi bằng xe nhà. Và đó là nguyên nhân "tan vỡ" của mối tình đẹp. Số là Petter thấy Hoàng cao lớn hơn tôi nhiều quá, liền hỏi :

- Phải ông đó là Papa của cô không?

Ôi! Sao éo le thế này? Tôi làm bộ não nuột:

- Không phải ba. Đó là chồng của cô.

Thằng bé thất vọng ra mặt:

- Vậy cô có "người khác" rồi?

Tôi lại ngạc nhiên sao nó biết "người khác" là "người đó". Tôi phải tiếp tục màn thiểu não:

- Cô gặp ông ấy trước. Petter tha lỗi cho cô nhé.

Thằng bé tỏ ra thật hiểu biết và ... quân tử:

- Được. Petter tha thứ cho cô.

Nhưng không kém phần nghiêm nghị:

- . .. lần này.

Cũng do xe buýt đình công mà ba nó đưa đón, thay vì má như mọi khi. Lâu không gặp ông, tôi nghĩ nên ra chào hỏi một chút và kể sơ những tiến triển mới của Petter. Lúc đó tôi mới được biết ông bà đã ly dị, bà được giữ con. Cuối cùng ông nói đùa:

- Cám ơn cô đã làm bồ với Petter.

- Vậy là ông chưa biết, chúng tôi cũng ... thôi nhau rồi.

Ông nheo một mắt lại và cười một cách hóm hỉnh, hệt như Petter.

Vậy là cả nhà họ đều có cùng kiểu cười nheo mắt. Rã gánh, họ vẫn còn giữ được nụ cười chung đó. Cũng như tôi và Petter, mặc dầu không còn là bò bịch, chúng tôi vẫn là bạn thân. Chính Petter, sau khi có bồ mới đã tuyên bố nó và cô Thu vẫn là bạn thân. Bồ mới của nó không ai xa lạ, chính là con Bente.

Nhưng tình bạn của tôi và Petter cũng không bền. Petter đi nghỉ hè về, lên tổ sáu tuổi, nó thay đổi nhiều và dường như lạnh nhạt với tôi. Mặc dầu còn chào hỏi, nó không coi tôi là bạn thân nữa. Dầu vậy, khi nó tới hôn từ giã để đi học lớp một, tôi buồn ghê gớm. Buồn như những buổi chia tay "mỗi mùa phượng rơi" nơi sân trường Việt Nam.

Hoa phượng và những trò linh kinh của đời sống học đường Việt Nam càng thân thiết với tôi hơn vì không những tôi từng là học sinh, mà có thời còn làm cô giáo nữa. Và cũng nhờ làm cô giáo mà sang đây tôi được nhận vào làm vườn trẻ. Thấy bạn bè cùng trang lứa ra nước ngoài, đứa đi học lại, ra kỹ sư, tiến sĩ; đứa ra cửa tiệm đứng mỡ màng sau quầy tiền, tôi phục bò ra, và cũng nôn nao, năm nào tới hè cũng tự nhủ "sang năm tôi sẽ kiếm việc khác". Nhưng càng quậy càng mệt xác, mà không đi tới đâu. May mà từ khi biết không còn cơ hội thay đổi nữa, tôi bắt đầu cảm thấy gắn bó với lũ trẻ, và yêu nghề. Đó cũng là nhờ trẻ thơ luôn luôn cho tôi những bất ngờ kỳ thú. Gần gũi chúng, tôi như được nấn ná ở lại trong khu vườn ấu thơ. Nhưng không phải lúc nào cũng nấn ná được. Tôi cảm nhận được có một biên giới mà có lúc tôi phải dừng lại, đưa tay vẫy chào giã biệt, giã biệt một em bé thành người lớn, giã biệt một em theo cha mẹ di chuyển đi nơi khác, giã biệt thời gian.

Petter lớn như thổi và thay đổi rất mau, nhưng vẫn cư ngụ trong vùng, nên tôi còn nhận ra nó, biết năm nào nó lên trường cấp hai, năm nào nó lên cấp ba. Có lần tôi thấy nó đi qua vườn trẻ, dừng lại, lơ đãng ngó mấy cái đu. Tôi từ trong cửa sổ dòm ra hồi hộp chờ đợi nó vào thăm chốn cũ. Nhưng nó châm thuốc hút, rồi phì phèo bỏ đi.

Tôi có tuổi, và bắt đầu mỏi mệt, không nhậm lẹ và hoạt bát như hồi trẻ nữa. Nhưng lại rảnh rang. Hai đứa con trai đã có gia đình và ở riêng. Trong nhà chỉ còn một đứa con gái chưa học xong. Nhưng tôi khỏi phải làm gì cho cháu. Nó tự lo ăn mặc, bài vở, có khi còn sắm sửa cả quần áo cho tôi và cho bố nó. Ông nhà tôi dần dần đâm "ngoan" ra, tự lo giặt ủi quần áo. Có lúc tôi sợ mình thừa thãi. Tôi lợi dụng thời giờ rảnh rỗi, đi học nhiều khóa linh kinh. Trong một khóa học vẽ đồ sứ, tôi gặp mẹ Petter và được biết nó đã vào trường sĩ quan cảnh sát. Tôi hỏi nhiều về Petter, để biết ngày nay nó ra sao, và nó còn nhớ cô giáo xưa chút nào không. Tất nhiên tôi không hỏi trực tiếp.

Tính tôi rất sợ mất mát, và sợ nhất là mất ... thật, mất vĩnh viễn. Ấy, như hồi nãy tôi bỗng dưng nhức đầu chỉ vì trong lúc tôi tìm tấm hình trong văn phòng, mà nghĩ tới tấm hình ở nhà không biết để đâu. Tôi không muốn bỏ cái gì cả. Tôi còn giữ những cuốn vở đầu tiên khi các con tôi đi học. Bộ chén bát đầu tiên ở Na-uy, do Sở Tị nạn cấp. Sợi tóc mẹ tôi vương trên gối đêm sau cùng bà ở lại với tôi, trước khi trở về Việt Nam. Trong những kỷ vật tôi nâng niu, có cả ông thiên thần ôm trái tim do Petter tặng, mà năm nào tôi cũng treo trên cây thông giáng sinh. Tôi sợ mất cả những giấc mộng đẹp mong manh.

Petter, hôm nay con tình cờ trở lại vườn trẻ để dạy về luật đi đường, con có nhớ truyện thằng Tí Hon đánh dấu đường về nhà không? Bé Tí Hon rải bánh mì, rải sỏi. Cô, những mẩu ký ức, hoài niệm, mùi hoi sữa trộn với mùi xà bông thơm trên quần áo con, và giọt nước mắt long lanh trên má con. Dù bây giờ giọng con ồm ồm, nhưng vẫn cái nét chúm trên khóe miệng. Đặc biệt nụ cười bằng cái háy mắt hóm hỉnh thì không khác xưa tí nào. Chỗ cô đang ngồi đây là nơi năm xưa con ngồi, co ro, thút thít. Tim cô đang đập mạnh, hy vọng con nhận ra cô, chắc hẳn trên cô còn dấu hiệu nào đó chưa rơi rụng, phai mờ.

Petter đã ngưng phần ... lý thuyết - 10 phút, để cho cả lớp ra đường thực tập. Petter rất tận tụy, hai tay dắt hai đứa trẻ, tay phải một bé trai Na-uy, tay trái một bé gái da vàng. Tôi và hai cô giáo đi sau. Tôi tự hỏi: khi cầm hai bàn tay mũm mĩm kia, Petter có cảm thấy gì không? Có chạm vào chính nó cách đây 20 năm? Và do đó chạm vào cô Thu, người ngày xưa thường nắm tay nó? Tôi mong ước có một kỷ niệm thơ ấu nào đó đánh thức nó về gặp tôi, và tôi được ru êm như một con diều bay khỏi thời gian và không gian...

Cuối cùng tôi không nhịn được nữa, tiến lên ngang nó, và hỏi:

- Petter, cậu có nhận ra tôi không?

Petter ngớ ra một lúc, rồi mỉm cười rất ngoại giao:

- À ... có thể.

Miệng nó nói với tôi, trong khi mắt bận nhìn một vật gì xa xa, ở cuối phố. Tôi nhìn theo hướng mắt của Petter, chỉ thấy một chiếc bóng vụt qua. Không biết bóng gì. Xanh lợt. Mờ như sương khói.❐

MỖI THÁNG TÌM MUA VÀ ĐỌC **VĂN HỌC** ĐỂ:
* THEO DÕI SINH HOẠT VĂN CHƯƠNG Ở HẢI NGOẠI
* THƯỞNG THỨC NHỮNG SÁNG TÁC MỚI NHẤT CỦA VĂN GIỚI

Lời trăn trối

Hoài Mỹ

Chiếc máy trợ tim liên tục hoạt động để giữ lại cho tôi chút hơi tàn. Giây phút cuối đời kể như đã điểm. Các bộ phận trong cơ thể tôi đều xụi liệt cả rồi, trừ thính giác còn lại thoi thóp. Nhưng lạ lùng, tâm trí tôi lúc này vẫn tỉnh táo. Bởi vậy tôi vẫn nhận ra được tiếng nói thì thào, tiếng sụt sùi của mấy đứa con tôi. Chúng đang chờ nhau tại đây như đã hẹn để bàn tính việc tổ chức tang lễ cho tôi.

Một lúc sau có tiếng mở cửa, nhiều tiếng chân đi vào. Các động tác có vẻ dè dặt lắm vì âm thanh rất nhẹ.

-Tuyết quá trời, đường lạ...không dám chạy ẩu.

Tiếng nói của thằng Hoàng, khàn khàn như hồi còn nhỏ. Một trong những đứa đã đến trước vội trả lời:

-Không sao. Cẩn thận là phải.

-Bắt đầu chưa?

-Chưa... Tuyết còn đầy trên người kìa, phủi đi. Máng đại áo trên kệ đó. Mũ len với găng tay ướt không, đưa lại đây đặt trên lò sưởi này chút là khô.

Rồi tiếng của thằng Trung:

-Mình ra ngoài hành lang hay ở đây?

-Đây được rồi, rộng chán. Nói khẽ thôi.

Thằng Định trong vai trò anh cả lên giọng trịnh trọng, tuy nhỏ nhưng vẫn vang trong căn phòng bệnh nhân này:

-Bác sĩ hồi sáng nói chỉ nội đêm nay hay cùng lắm ngày mai là ba... đi thôi.

Tức thì một giọng nức nở bật lên. Đúng là của con Yến rồi. Bao giờ nó cũng mau nước mắt, giống mẹ thuở nào. Thằng Định thở dài:

-Ai cũng đến số phần cả! Nhà thương ở đây người ta cũng đã hết lòng

với ba, nhưng...

Vợ thằng Hoàng vội phân bua:

-Kỳ trước về thăm, thấy ba vẫn khỏe, chúng em đã mừng. Vợ chồng vừa dự tính xin nghỉ trước tuần lễ mùa đông để về thăm ba lần nữa, chưa kịp xin phép sở đã nghe cô Yến điện thoại lên cho hay bệnh trạng của ba trở nặng. Tụi em lật đật lái xe về đại. Hên là chưa con cái gì nên cũng dễ.

Thằng Định tiếp lời:

-Thôi được, bây giờ anh em mình có mặt đầy đủ thế này là may rồi. Mục đích cốt để chúng ta bàn kỹ trước việc mai táng cho ba, kẻo lúc đó...quýnh quá, mất sáng suốt.

Thằng Trung hỏi liền:

-Thế anh tính sao?

-Tính gì? Việc này của chung nên tụi mình mới phải bàn.

-Anh là anh hai, anh quyết định đâu, bọn em theo đó.

Vợ thằng Định chen vào:

-Lo cho ba là việc ai cũng phải lo; lúc này không còn phân biệt anh hai hay em út chi cả.

Con Yến lên tiếng ngay:

-Chị nói vậy đâu được. Bao giờ cũng quyền huynh thế phụ chứ. Ba...mất thì đã có anh Định lớn nhất trong gia đình; bổn phận của chúng em là phải vâng lời.

-Đành thế, nhưng cô thử nghĩ coi...

Thằng Định vội cắt ngang:

-Thôi dẹp đi, ở đấy mà cãi lý với nhau. Tụi mình tụ tập ở đây cốt để bàn chứ đâu phải để tranh luận ngôi thứ, hiểu không. Đặt trường hợp đêm nay ba...đi thì ai lo vụ giấy tờ khai tử, ai liên lạc với văn phòng mai táng, rồi mình sẽ chọn ngày giờ nào đưa đám, có mời thày về cầu siêu cho ba hay không và thông báo cho bà con ra sao, chôn cất ba ở nghĩa địa nào...

Giọng thằng Dũng hốt hoảng rõ rệt:

-Sao lại chôn cất, anh Định? Bữa trước ba đã nói là ba muốn được thiêu rồi tro hài cốt của ba, anh em mình phải rắc xuống biển.

Thằng Hoàng hỏi ngay:

-Ủa, kỳ vậy? Sao khi không lại có vụ thiêu?

Thằng Định giải thích:

-Vợ chồng mày ở xa mới về, tao chưa kịp kể. Từ ngày ba vào bệnh viện, tụi tao đứa kẹt đi làm, đứa mắc con nhỏ, thỉnh thoảng mới ghé thăm ba được thôi, chỉ có thằng Dũng xin được nghỉ học, ở cạnh trông chừng ba thường xuyên. Hôi hôm nó thuật lại với tao là ba trăn trối muốn thiêu...

-À, vụ này mới rắc rối đây. Thế ý anh thế nào?

-Tao đã nói việc này không thể một cá nhân quyết định được mà tất cả. Theo kiểu dân chủ, hiểu không. Vợ chồng mày, vợ chồng thằng Trung, vợ chồng con Yến và cả thằng Dũng nữa, ai cũng có quyền nói lên ý kiến riêng của mình, sau đó mình biểu quyết.

Thằng Dũng trả lời liền:

-Em thấy dứt khoát phải làm theo ý muốn của ba. Chẳng thà ba không nói gì thì mình mới phải bàn cãi này nọ, đàng này ba đã trăn trối rõ ràng.

Vợ của thằng Trung giờ mới lên tiếng:

-Chú Dũng nói cũng phải, tuy nhiên những ngày sau này ba trở bệnh nặng, lúc tỉnh lúc mê; con cháu vào thăm, nhiều lúc ba chẳng còn nhận ra ai với ai, nói chi đủ minh mẫn mà bảo trăn với trối chính xác được. Hơn nữa, xin lỗi chú, chỉ mình chú nghe, nếu như ba nói với tất cả các con hay ít nữa cho anh Định với tính cách con trai trưởng hoặc ba để lại di chúc...

-Tức là chị có ý nói em bịa đặt?

-Tôi đâu dám vậy. Tôi chỉ muốn trình bày hoàn cảnh thực tế của ba để ta...cân nhắc hầu tránh phải ân hận sau này. Vả lại nay là thời đại văn minh khoa học, thực tế bao giờ cũng vẫn hơn...mơ mộng, chú Dũng à.

-Theo em, nếu không thực hành lời ba trăn trối, khi đó mình mới phải ân hận, còn như làm theo ý muốn cuối cùng của ba, không những linh hồn ba được an nghỉ mà anh chị em mình cũng được yên ổn lương tâm. Đó mới là thực tế và em nghĩ ở đâu và vào thời nào thì cũng vậy thôi.

-Thế tôi hỏi chú, có ai lại không ước ao mình được mồ yên mả đẹp? *Sống mỗi người một nhà, chết mỗi người một mồ,* chú có ai lại muốn gửi xác mình ở dưới lòng nước lạnh lẽo hay trên rừng hoang vu? Chắc chắn trong thâm tâm ba cũng thế mà thôi. Tôi nói vậy là theo tâm lý chung của con người.

Dũng chưa kịp đáp thì Hoàng đã chen vào:

-Đồng ý với thím Trung đấy. Ừ, cứ tưởng tượng tro hài cốt của ba vừa rắc xuống biển đã bị...cá đớp mất tiêu, mình cũng đủ thấy ghê ghê rồi. Đó là chưa nói tới vụ những ngày giỗ hay lễ tết mình muốn tụ họp nhau lại thắp cây nhang rồi đi viếng mộ ba mà chẳng có, không lý ra họp mặt ngoài bãi biển mà lạy... mấy tảng đá hoặc đứng nhìn sóng đánh vô bờ?

Cả đám lại im lặng. Mãi sau chồng con Yến mới lên tiếng; giọng rụt rè:

-Nhưng tại sao ba lại muốn thiêu chứ không muốn chôn? Tôi nghĩ ta nên tìm hiểu nguyên nhân.

Thằng Trung trả lời:

-Chắc tại ba sợ tốn kém cho bọn mình chứ gì.

Thằng Hoàng gạt liền:

-Chi mà tốn kém. Theo luật pháp Na uy, người nào chết thì quan tài ai cũng như ai, được nhà nước cho miễn phí; từ ông vua xuống tới dân thường cũng một thứ gỗ, cùng một kiểu duy nhất. Thân nhân người qua đời chỉ phải chịu một phần tiền nhỏ về mộ phần và chi phí mai táng, gọi là tượng trưng thôi, còn lại thì công xã cho. Mình chỉ phải trả thêm những gì mình muốn làm sang, chẳng hạn muốn nhiều vòng hoa, nhiều đèn nến hơn số lượng đã được ấn định, hoặc mình đòi có nhiều nhân viên lo xe tang hay quan tài thay vì người nhà có thể tự phụ trách lấy.

-Như vậy đâu đáng bao nhiêu, giỏi lắm bằng một vé máy bay về Việt Nam chứ mấy.

Giọng vợ thằng Trung đanh lại:

-Lảng xẹc, đang bàn chuyện lo cho ba, khi không nói về Việt Nam!

Thằng Trung phân bua:

-Không tính toán thực tế như vậy sao mình có thể đoán ra...ý của ba?

-Vô duyên!

Tiếng hai bàn tay đập vào nhau rồi giọng thằng Định bực tức:

-Đi ngoài đề hoài! Bây giờ... À, thằng Dũng mày còn muốn phát biểu gì nữa hả, nói đại đi.

Giọng thằng Dũng dịu dàng, nhưng rõ và chắc:

-Em nghĩ, chỉ có một nguyên nhân duy nhất mà ba muốn được thiêu rồi rải tro xuống biển đó là ba muốn về một nơi vĩnh viễn với mẹ. Chúng ta đừng quên mẹ đã bỏ mình tất tưởi ngoài biển ngày nào...

Im lặng.

Màn ảnh ký ức trong tôi chợt sáng lên. Lần cuối cùng. Tôi sống lại cái đêm trên biển cả mênh mông ấy. Kinh hoàng. Khiếp đảm. Tôi bỗng thấy lại bày quỉ đen trần truồng vừa nhảy múa, hét hò, vừa diễn các trò dã thú dưới ánh sáng bập bùng của những ngọn đuốc. Tôi như đang nghe vọng lên tiếng khóc inh ỏi của đám trẻ thơ, tiếng nức nở uất nghẹn của các phụ nữ xấu số. Tôi thấy lại thân thể đẫm máu của những người đàn ông và những thanh niên. Tôi sống lại lúc vợ tôi chợt đặt mạnh thằng Dũng vào tay tôi - *anh gắng nuôi các con* - rồi lao mình ra ngoài mạn thuyền. Tôi lại nghe thấy tiếng gọi thất thanh của các con tôi , *mẹ ơi! mẹ ơi!* Tôi thấy lại rõ ràng tôi đã trở thành như kẻ mất trí từ giây phút đó.

Tiếp theo, tôi cũng thấy lại trong những ngày tháng ở đảo cũng như sau khi đã được nhận nhân đạo về định cư ở Na uy, tôi ngày nào cũng ra với biển. Biển là mộ chôn vợ tôi. Tôi thân thiết với biển. Tôi yêu biển. Tôi biết vợ tôi hiện hữu nơi đó, chờ đợi tôi. Mình mãi mãi có nhau. Vợ tôi đã

giữ trọn lời thề từ khi hai đứa khởi sự yêu nhau. Vợ tôi đã chọn cái chết để bảo vệ những thứ cao đẹp nhất của mình. Cho chính tôi. Tôi đã thầm hứa, một ngày nào đó, khi các con đã lớn khôn như lời trăn trối của vợ, tôi sẽ về với biển. Hòa hợp với vợ tôi.

Thằng Dũng nói đúng. Nó nhỏ nhất mà tinh ý. *Ba muốn về cùng nơi vĩnh viễn với mẹ.* Có thể những đứa khác cũng nghĩ đến, nhưng không cảm nhận sâu xa được sự thật. Và có thể cũng tại tôi nữa. Tôi chưa lần nào tâm sự với bất cứ đứa con nào, kể cả thằng Dũng về sự liên hệ giữa tôi và biển. Các con tôi mất mẹ từ thuở còn rất nhỏ, chúng đã bị thiệt thòi quá nhiều rồi, bởi vậy tôi không muốn những u uẩn trong tôi quấy rầy những chuỗi năm tháng hồn nhiên của chúng. Nhưng khi chúng đến tuổi trưởng thành, lần lượt rời bỏ vùng biển hẻo lánh và hiểm trở này để di chuyển đến các nơi đô hội hoặc theo nhu cầu của cuộc sống riêng tư, tôi lại cảm thấy trễ rồi. Chỉ lần này duy nhất tôi nói với thằng Dũng, nhưng cũng rất đơn giản, ý muốn cuối cùng của tôi, sau khi chết được hỏa thiêu rồi tro hài cốt bỏ xuống biển.

Mãi một lúc sau con Yến mới lên tiếng lại; giọng nghe lạc đi:

-Ba nói với em như thế hả Dũng?

Dũng ngập ngừng chút đỉnh:

-Không...hẳn vậy, nhưng cứ xét cuộc sống của ba từ ngày tới Na Uy này, mình hiểu ngay. Đâu phải vô cớ ba chọn nơi sinh sống ở ven bờ biển hẻo lánh, đường xá đi lại khó khăn như chỗ này. Và đâu phải không lý do mà bao lần các anh chị đã van nài xin ba dọn nhà lên phố ở cho thuận tiện, nhất là để gần gũi với con cháu, nhưng ba nhất định không chịu...

-Nhưng...

-Chị Yến để em trình bày hết đã. Các anh chị nhớ lại đi, ngay khi được đến Na uy, ba đã phải năn nỉ sở Ngoại kiều cho gia đình mình về bất cứ nơi nào miễn chỗ đó gần biển. Và đâu phải dễ dàng gì hoàn cảnh độc thân của ba mà được giữ năm đứa con. Như các anh chị biết đấy, người Na uy ban đầu đã muốn dùng biện pháp mạnh, bắt ba phải trao anh em mình cho uỷ ban Bảo nhi vì cho rằng một mình người cha không thể nuôi nấng, dạy dỗ chu đáo cả một đàn con như vậy. Nhưng ba đã tranh đấu...

Thằng Trung chép miệng:

-Dĩ nhiên bọn mình làm sao quên được. Phải nói, ba tuyệt vời. Bao năm qua, ba lo cho bọn mình đầy đủ, không chê vào đâu được. Ba vừa làm cha lại đóng vai trò người mẹ. Cũng vì vậy mà nay ba mất, bọn mình mới phải bất cứ giá nào cũng lo cho ba một nơi an giấc ngàn thu, nghĩa là một ngôi mộ đàng hoàng, gọi là phần nào để báo hiếu.

Thằng Hoàng phụ thêm:

-Mẹ mất xác ở biển dĩ nhiên ai mà chẳng đau lòng, nhưng đó chẳng qua là trường hợp bất đắc dĩ, trong một hoàn cảnh bi đát. Còn nay ba...chết trên một xứ sở tự do, không lý chúng ta là con lại đành tâm...vứt xác của cha mình đi trong lúc mà mọi sự dễ dàng đều nằm trong tay mình. Chữ hiếu bao giờ cũng nặng, không cho phép mình hành động như thế.

Thằng Dũng vẫn cố thuyết phục:

-Em đồng ý nếu như anh em mình ở vào trường hợp bình thường, nhưng đàng này ba đã trăn trối mà. Như em nói lúc nãy, nhìn vào hành động của ba ta đoán được ước muốn của ba. Người Na uy ở đây vì không hiểu hoàn cảnh và tâm trạng của ba nên mới nghĩ rằng ba bị...tâm thần này nọ khi họ thấy ba ngày nào cũng ra ngồi trên tảng đá nhìn biển; miệng nói lẩm bẩm, như thể đang trò truyện với ai ở dưới nước, nhiều lúc lại như khóc. Nhưng mình là con thì mình hiểu, ba thương nhớ mẹ. Hơn nữa em để ý thấy từ ngày ba trở bệnh nặng, ba có vẻ...vui...

Thằng Dũng chợt ngưng lại. Cả đám cũng lặng thinh theo. Thỉnh thoảng nổi lên tiếng thở dài. Sự im lặng lần này kéo dài hơn các đợt trước. Mãi lúc sau thằng Định mới nói tiếp được, nhưng câu nói của nó dường như chẳng phản ảnh gì những điều thằng Dũng vừa giãi bầy:

-Mẹ chết cũng đã lâu lắm rồi Dũng à, hơn mười mấy năm rồi chứ ít sao; tao e mày muốn cho ba chút...lãng mạng cuối đời, phải không. Nhưng...thây kệ, đó cũng là một ý kiến. Bây giờ mình biểu quyết được chưa? Ai muốn phát biểu gì nữa không?... Không hả? Vậy coi như ở đây còn có sự hiện diện của ba, ai đồng ý việc chôn cất ba, giơ tay lên?...Một, hai, ba, bốn... Như thế chỉ có mình thằng Dũng chịu giải pháp thiêu. Mình theo dân chủ, đa số thắng thiểu số!

Tim tôi thắt lại. Tia sinh lực cuối cùng trào ra.

Chiếc máy trợ tim chợt kêu "píp !..píp!..píp!..." Trên màn ảnh tivi, lằn ánh sáng màu xanh không còn nhấp nhô như sóng nữa, nhưng đã kéo thành một đường dài, bất động. Bên ngoài phòng trực, bác sĩ và cô y tá nghe máy báo động đồng thời thấy ngọn đèn đỏ chớp liên hồi, vội vàng chạy vào. Những người con của bệnh nhân đang khóc lớn tiếng, rối rít gọi "ba ơi!...ba ơi!.." Người con gái ôm xác cha mình, nức nở: "Ba ơi!... Đừng bỏ chúng con, ba ơi!.. " Bác sĩ nắn mạch nơi cổ tay người bệnh, khám nghiệm rồi quay lại phía thân nhân, nói thật nhỏ:

-Rất tiếc...Tôi xin chia buồn...

Tiếng khóc đồng loạt lại bật lên, to hơn, thảm thiết hơn, vang cả căn phòng. Không ai nghĩ phải giữ gìn gì nữa. Dường như đã quen thuộc cảnh

tượng này, bác sĩ đứng ghi chép trên phiếu y chứng trong khi cô y tá lặng lẽ tháo gỡ những máy móc, ống truyền dưỡng chất ra khỏi xác bệnh nhân.

Ngoài trời, tuyết mỗi lúc một rơi nhiều hơn.

Từ đêm qua bỗng vũ trụ như nổi cơn cuồng nộ. Không gian vần vũ rối loạn. Gió ào ào, vật ngả nghiêng cây cối. Tuyết từ trời tuôn xuống, bay mịt mù trước khi đóng từng những lớp dày trên sườn núi, mặt đất. Đường xá biến mất. Khắp nơi trắng xóa. Chỉ trừ mặt biển vẫn tiếp tục cuốn sóng tung vào ghềnh đá, như thể muốn hòa đồng với cơn giận dữ của trời đất.

Đã gần trưa mà ở vùng ngoại ô thị trấn vẫn không thấy một sinh hoạt nào bên ngoài. Nhà cửa bị bao vây bởi những ụ tuyết. Chẳng có một bóng người . Thường mỗi lần tuyết rơi là một dịp hội lớn cho trẻ nhỏ. Chúng đùa chơi thân thiết với tuyết như cá vùng vẫy trong nước. Thế mà lần này chúng bị giam trong nhà. Bão tuyết. Gió quá mạnh và một vài nơi tuyết lở từ trên sườn núi. Không một dấu hiệu nào cho phép dự đoán sắp sửa có sự thay đổi thời tiết thuận lợi.

Thế nhưng anh em Định cũng vẫn đã có mặt ở phòng đợi của nguyện đường, nơi nhà thương dành cho thân nhân cử hành tang lễ cuối cùng trước khi tiễn đưa người quá cố ra nghĩa trang hay đến phòng hỏa táng. Mấy hôm nay họ tụ tập ở nhà Định, địa điểm được chọn để thuận liên lạc và để tiếp khách tới chia buồn. Vả lại Định dù sao cũng là con cả, đương nhiên phải giữ vai trò gia trưởng. Nhà Định ở gần trung tâm thị trấn, tiện việc đi lại. Chẳng thế mà sáng nay anh em Định đều bày tỏ sự may mắn, bằng nếu như họ trở về căn nhà của cha mình thì bây giờ sẽ không biết bằng cách nào để tới được nguyện đường này đúng như đã giao ước với nhân viên phụ trách nhà xác và đại diện văn phòng mai táng. Dầu vậy họ vẫn không giấu nổi nỗi lo lắng khi thấy cơn bão tuyết vẫn tiếp tục hoành hành trong khi nghĩa trang thì nằm tận ngoại ô, trên một ngọn đồi gần bờ biển.

Anh em Định để con cái ở nhà vì sợ giông bão nguy hiểm. Vả lại chúng cũng đã vĩnh biệt ông mình hôm liệm xác và nhập quan. Vợ Hoàng mang thai hay ói mửa cũng không dám đi theo.

Anh em Định không mặc tang phục, chỉ chít khăn trắng trên đầu. Họ đứng tụ lại một chỗ và dường như chẳng ai muốn nói chuyện. Người nào cũng có vẻ mệt mỏi. Vừa thấy nhân viên văn phòng mai táng, Dũng đã được các anh chị giao phận sự, chạy đến hỏi:

- Liệu có tiến hành được công việc không ?

Ông ta nhíu cặp lông mày dậm dạp sau làn kính cận, thận trọng trả lời:

- Tôi vẫn liên lạc với nha lộ vận để nhận tin tức về tình trạng đường xá.

- Họ nói sao ?

- Thì...

Ông ta nhún vai thay cho câu nói bị bỏ lửng. Dũng hiểu ý và lo ngại hơn:

- Trường hợp bất khả kháng, người ta có cho phép mình dời ngày mai táng được không?

- Thường thì có thể di dịch giờ giấc nhưng thay đổi hẳn ngày...e khó lắm; huyệt đã sẵn sàng, nhân công nghĩa trang đang đợi. Hơn nữa ngày nào mà chả có vài "khách hàng", nhất là vào mùa đông như thế này, người già "đi" nhiều lắm. Quá trưa nay còn hai đám nữa, nhưng may mà thân nhân muốn hỏa táng nên không phải tiễn đưa xa xôi; nhà thiêu tọa lạc ngay tại đây.

Dũng lạnh mình khi nghe nói đến thiêu. Mặc cảm bất lực đối với lời trăn trối của cha mình vẫn âm ỉ trong tâm khảm của Dũng. Thấy Dũng đứng bất động như thất thần, ông ta lại hiểu Dũng tuyệt vọng trước hoàn cảnh khó khăn:

- Cứ bình tĩnh, không lý bão tuyết mãi thế kia, trời cũng có lúc...mệt, phải nghỉ xả hơi chứ.

Dũng không cười theo ông ta sau câu pha trò này. Vừa lúc đó máy điện thoại tự động của ông ta reo. Dũng hồi hộp theo dõi nét mặt của ông ta để phỏng đoán nội dung những câu đối thoại, nhưng chỉ nghe ông ta nói *"All right ! ...OK!...OK!.."* ít phút sau ông ta vừa cất máy điện thoại vào túi áo vừa nhìn Dũng:

- Xếp của tôi hỏi thăm công việc ở đây ra sao. Dĩ nhiên tốt, phải không nào? ...

Dũng ra thuật lại cho các anh chị biết những chi tiết mà người đại diện văn phòng mai táng đã nói. Không ai phản ứng gì ngoài những lo âu đã hiện đầy trên khuôn mặt họ.

Khoảng chục người Việt cũng đã tới cùng với hai ba người bạn Na uy. Ai cũng áo quần, mũ khăn dầy cộm phủ từ đầu xuống chân, chỉ để hở khuôn mặt tai tái và miệng mũi lúc nào cũng thở ra khói. Anh em Định đến bắt tay từng người, bày tỏ niềm xúc động trước nghĩa cử của những người đồng hương đến dự tang lễ, đặc biệt trong hoàn cảnh khí hậu khắc nghiệt này. Tuy nhiên nhân vật quan trọng hơn cả mà nhà hiếu đang nóng ruột trông đợi là vị chủ lễ. Trung kéo tay áo lên nhìn đồng hồ:

- Giờ này mà mấy ổng chưa chịu chở thầy tới.

Yến tiếp lời hỏi:

- Thế anh có nói rõ giờ nào không đấy?

- Đương nhiên. Bữa điện thoại lên thỉnh thầy xuống cầu siêu cho ba, anh đã nói rõ ngày giờ. Thầy thấy thuận tiện mới nhận lời chứ. Khi gửi vé máy bay lên, anh cũng viết kèm mấy chữ nhắc lại ngày giờ.

- Cũng có thể do...tuyết nhiều.

- Đã ở Na uy mà còn sợ tuyết thì ở làm chi. Hơn nữa từ nhà bác trưởng ban Phật tử chạy xe tới đây có nhằm nhò gì, cao tay chừng mười phút chứ mấy; đường xá lại ngon lành. Chắc mấy chả muốn xài giờ dây thung đây.

Trung vừa dứt câu thì chợt có tiếng nói như reo:

- Thầy tới rồi kìa!

Đó là một tu sĩ Phật giáo. Người ta nhận ra nhà sư này nhờ sâu chuỗi Bồ đề đeo ở bên ngoài chiếc áo măng-tô. Một bác lớn tuổi đi song song với thầy, cầm dù che tuyết cho thầy và một người trẻ hơn bước phía sau xách một chiếc cặp da lớn. Anh em Định và những người hiện diện không ai bảo ai vội tiến cả ra đón tiếp những người mới đến.

- Đông đủ cả chưa?

- Thưa thầy rồi ạ.

Vị tu sĩ vừa than trách thời tiết xấu vừa cởi chiếc áo khoác, mũ len và găng tay trao cho bác lớn tuổi vẫn luôn đứng bên cạnh. Trong chiếc áo chùng màu vàng tươi và tóc cắt ngắn sát da đầu, nhà sư có dáng vẻ linh hoạt:

-Ông ba chết bịnh chi rứa?

Định đứng cạnh vội trả lời:

-Dạ thưa thầy, con không nhớ rõ mấy tiếng chuyên môn mà bác sĩ đã nói; con chỉ hiểu đại khái là ba con bị...suy nhược tâm thần cộng với chứng tim yếu kinh niên.

Nhà sư nheo mắt nhìn Định; đầu hai cặp lông mày chạm nhau:

-Chà, tội! Người Việt ra ngoại quốc bị nhiều chứng bịnh lạ. Tháng trước trên Oslo có một thanh niên khi không bụng sưng lên như đàn bà có bầu gần tới ngày đẻ, được ít bữa thì chết...Thế ông ba được bao nhiêu tuổi rồi?

-Dạ thưa thầy, vừa đúng 58.

-Rứa kể cũng thọ hí. Còn má?

-Má chúng con mất lâu rồi ạ.

-Chà, tội!

Sau câu nói nhà sư quay nhìn ngoài trời. Tuyết vẫn rơi. Gió tiếp tục thổi mạnh.

-Trời ni chôn đặng không?

Dũng nhanh nhẩu thưa:

-Văn phòng mai táng nói nha lộ vận sẽ thông báo tình trạnh đường xá, thuận lúc nào thì...đi lúc đó.

-Chà rứa mới phiền. Nghe nói đường ra nghĩa địa vòng vo như rắn bò, phải vậy không?

-Dạ...

-Đường xá đã rứa, thời tiết lại như ri, lái xe chắc ớn xương sống lắm hỉ... À, sao không xin đất chôn trên phố này?

Giọng Định bùi ngùi:

-Chúng con cũng đã thử, nhưng văn phòng mai táng giải thích là người chết thuộc địa phương nào thì được mai táng ở nghĩa địa nơi đó.

Nhà sư cười nhẹ bên mép, lắc đầu:

-Người Na uy lạ hí; nơi hiểm hóc, vắng vẻ cỡ nào, họ cũng ở được. Chịu!

Rồi như sực nhớ thực tại, nhà sư đảo mắt nhìn quanh, hỏi:

- Chừ răng, không lý chờ hoài?

Dũng vội đáp:

-Dạ không, họ nói thày có thể cử hành các nghi thức tôn giáo trước.

-Rứa thì tốt. Thế ta bắt đầu hỉ.

Mọi người được hướng dẫn vào nguyện đường. Quan tài phủ vải trắng đã được quàn sẵn trước bàn thờ. Một vòng hoa nổi bật trên nắp quan tài, cạnh tấm ảnh chụp bán thân của người quá cố. Tám chân nến cao đứng dọc theo hai bên quan tài, tỏa ánh sáng lung linh. Trong khi những người tham dự khác vào ngồi trong các dãy ghế, anh em Định đến lạy trước quan tài. Người con gái và các con dâu đều bật khóc.

Nhà sư lấy trong chiếc cặp da ra những dụng cụ cần thiết cho buổi cầu siêu. Hai người phụ lễ đã mặc thêm chiếc áo chùng màu xám nhạt, thắp nhang và cầm sách nguyện. Tiếng cầu kinh độc điệu của nhà sư kèm theo tiếng mõ gây thêm vẻ trầm buồn cho bầu khí vốn đã quá trang nghiêm. Mùi nhang tỏa lan khắp nguyện đường. Sau khi dùng một nhánh cây rẩy nước Cam lồ chung quanh quan tài, vị chủ lễ thuyết pháp về nghĩa sinh, tử và dùng cảnh báo tuyết hiện tại để cụ thể hóa ý niệm cuộc đời là bể khổ và sự trông đợi một thứ thời tiết ấm áp, hiền hòa ấy là niềm khát vọng được siêu thoát mà vào cõi Niết bàn. Buổi lễ diễn ra trong khoảng gần hai chục phút. Định thay mặt gia đình lên cám ơn vị chủ lễ và thân hữu. Sau cùng Định nói "nghĩa tử là nghĩa tận" coi như đã được thể hiện đầy đủ và gia đình không dám mời thầy và bà con tiễn đưa cha mình ra tận nghĩa trang vì không những gió bão mà còn bởi đường ra ngoại ô rất nguy hiểm trong lúc này. Dũng quay mắt xuống nhìn nhân viên văn phòng mai táng đang đứng dưới cuối nguyện đường. Ông ta hiểu ý, khẽ lắc đầu.

Nhà sư cùng với hai người phụ tá kiếu từ ra về; năm sáu người khác cũng theo chân. Một vài thanh niên nhất định "bất cứ giá nào cũng phải đưa bác đến nơi an nghỉ cuối cùng".

Khoảng hơn nửa tiếng sau nha lộ vận cho biết đường xá vùng ngoại ô đã được ủi sạch tuyết, tuy nhiên mặt lộ nhiều nơi vẫn trong tình trạng trơn trượt do sự đóng băng.

Nhân viên văn phòng mai táng lái chiếc xe tang màu đen vào sát cửa nguyện đường. Định với ba em trai, em rể và một người bạn nữa khiêng quan tài ra xe. Yến và các chị dâu theo sau, tiếp tục khóc rấm rức.

Chiếc xe tang chạy trước. Anh em Định lái hai xe bám theo cùng với một chiếc nữa của những người thanh niên. Ra khỏi thị trấn, chiếc xe tang giảm hẳn tốc lực. Đường hẹp lại quanh co, lượn theo sườn núi. Những ụ tuyết trải dọc hai bên lề đường càng ép mặt lộ nhỏ lại hơn nữa, như chỉ muốn chừa bề ngang vừa vặn cho một chiếc xe. Gió từ biển thổi vào lồng lộng. Tuyết không còn rơi nữa nhưng sương mù xuống thấp. Không gian trắng đục. Tài xế tuy lúc nào cũng định tâm vào tay lái, nhưng vẫn có cảm tưởng bánh xe không bám mặt đường. Thêm vào đó thân xe thỉnh thoảng lại chao đảo theo những cơn gió mạnh.

Dũng quen vùng này hơn nên được Định trao cho tay lái. Tuy vậy trong cảnh trời đất mịt mù này Dũng vẫn có cảm tưởng mình đang lái xe ở một chốn hoang vu với trăm ngàn bất trắc. Tay Dũng liên hồi đẩy cần số lên lại kéo xuống, chân hết đặt trên bàn thắng lại chuyển sang bàn ga. Tuy nhiên khoảng cách giữa chiếc xe tang chạy trước với xe của Dũng vẫn quá lớn, cách nhau cả hơn chục thước. Trong kính chiếu hậu, Dũng chỉ thấy hai chấm sáng rất nhỏ của chiếc xe chạy sau. Định ngồi bên Dũng, thỉnh thoảng liếc nhìn triền dốc phía bờ biển, thấy chóng mặt; ở hàng ghế dưới, không ai nói với nhau câu nào, phần vì căng thẳng bởi đường xá ngặt nghèo, phần có thể đang chìm vào những suy nghĩ riêng tư. Bên ngoài xe tiếng động cơ rầm rì như muốn thi đua với tiếng gió rít.

Vừa qua khỏi một khúc quanh gắt, bỗng Dũng cảm thấy một loạt âm thanh rầm rập chạy dài dưới gầm xe. Do phản ứng tự nhiên Dũng đạp vội thắng. Những người trong xe bị hất về phía trước, hoảng hốt. Dũng nhổm hẳn người lên, căng mắt nhìn: Một mảng lớn bên vệ đường phía bờ biển vừa vỡ ra. Chiếc xe tang xoay mạnh. Phần đuôi xe trồi ra khoảng không. Dũng kêu ú ớ trong cổ họng. Những người trong xe nhốn nháo theo. Chiếc xe tang trụt xuống thêm nữa rồi như không còn sức bám, lao ngược xuống. Hai cánh cửa sau xe bật tung ra. Chiếc quan tài lao mạnh vào khoảng không. Hiện tượng diễn ra quá nhanh, chỉ trong khoảnh khắc. Không ai tin nổi nơi mắt mình.

Mai nầy

NGUYỄN ĐỨC THANH

Mai nầy nối lại dòng sông
Cho ta một chút phiêu bồng bên em
Chim nằm trốn giọt sương đêm
Gió hoang đồng nội cỏ mềm thịt da.

Mai nầy mua ghé cội hoa
Con chim ôm mộng theo tà nắng bay
Em đi từ bến sông nầy
Mây về cúi mặt trăng thay lá vàng.

Mai nầy lạc chốn non ngàn
Rừng chôn phố thị biển tan máu người
Gươm mài đá trắng còn phơi
Sông mang cát lở núi bồi xương khô.

Dũng choàng tỉnh, kéo thắng tay, tung cửa xe chạy ra. Dưới vực sâu chiếc xe tang nằm kẹp giữa những tảng đá. Gần đó người tài xế đang cố ngồi dậy; mặt đầm đìa máu. Trên mặt biển chiếc quan tài bập bềnh theo những lớp sóng. Anh em Định và những người đưa đám đều đã chạy cả đến, đứng lặng người nhìn cảnh tượng. Không đầy một lúc sau, chiếc quan tài đã chúi hẳn một đầu xuống rồi từ từ biến hẳn vào lòng biển. Những lớp sóng đập vào nhau, tung lên những bọt nước trắng xóa.

Chợt một người nào đó quăng mạnh xuống biển những cành hoa mà có lẽ người này định sẽ đặt trên phần mộ người quá cố. Nhiều người khác làm theo - nhưng bằng những nắm tuyết.❐

Bước đi cùng quá khứ

vy

Chị dỗi đẩy nhẹ ghế, đứng lên, lấy xâu chìa khóa xe trên bàn ăn:

"Mẹ mệt quá, không chờ nữa. Ốc Tiêu, Tina đi với mẹ. Chou, Ty lớn khôn hết rồi, không cần tới mẹ thì thôi. Có ngày cuối tuần mà chờ đi ăn với các con cũng khó khăn. Đến chừng mẹ mất thì tụi con không biết còn ra sao!"

Cái câu kết trong lời nói chị nghe sao như một tiếng than dài! Ty hốt hoảng:

"Thì con đi mà mẹ!"

Chị làm như không nghe lời cô con gái, vùng vằng bước ra ngoài. Hai đứa con nhỏ sợ hãi, ngần ngừ quay lại nhìn anh chị chờ đợi, rồi nín thin thít đi vội với mẹ. Cánh cửa garage mở rộng chị lùi xe ra, mắt ngó thẳng, môi mím lại cố ý không nhìn cô con gái vừa bước đến cửa nhà ngang ngó theo.

Xe ra khỏi con đường nhỏ, rẽ phải. Tiếng bánh xe quẹo gắt, nghiến két trên mặt đường. Chị trút sự tức giận lên con đường tráng nhựa nóng hổi, bốc hơi buổi trưa. Ngó vào kiếng sau, thấy Ốc Tiêu và Tina ngồi im, mặt buồn xo, không đành hanh giành chỗ ngồi lựa đĩa nhạc CD mà chúng yêu thích để vào máy nghe trong xe như mọi ngày, lòng chị mềm xuống dịu lại nhưng vẫn không nguôi nỗi hờn. Chị nghe mình đay nghiến trong đầu. *Lớn rồi, đủ lông đủ cánh rồi.* Trời đất! Chị giống y như mẹ mấy mươi năm trước. Như khi mẹ cằn nhằn chị và Trác Tường, em trai chị, lúc hai chị em cứng đầu. Chị bậm môi, tủi thân kỳ lạ. Chị yêu các con biết là chừng nào, vậy mà bây giờ chúng bắt đầu có những sinh hoạt riêng, dường như đang đặt chị ra ngoài. Tim chị thắt chặt lại, nỗi buồn phiền như chặn ngang cổ làm chị không thở được. Nước mắt chị chảy lặng lẽ và chị thấy mình vừa lái xe vừa khóc âm thầm. Khóc ngon lành, không sao

cầm nín được.

Mấy mươi năm trước, chỉ có một mình ngồi trong xe, sau khi bị chị viện cớ phải học thêm để từ chối đi chung, mẹ có chảy những giọt nước mắt tủi thân và hờn dỗi như chị lúc này không vậy?!

Thành phố bắt đầu vào mùa mưa. Các trường lớp đã khai giảng được hơn một tháng. Cô vui vẻ và yêu đời lắm. Với tuổi mười tám, cô vừa mới xong được ngưỡng cửa bậc trung học, đoạn đường đầu khó khăn mà bất cứ một học sinh nào cũng phải trải qua. Cô ghi danh học hai phân khoa Luật và Văn khoa cùng một lúc. Nhưng thì giờ cô dành bên Luật khoa nhiều hơn, mặc dầu mẹ không thích cô học Luật chút nào hết, và nhất là thầy. Thầy cô ưng cho cô học Y hoặc Dược khoa. Có hề gì đâu, học chơi thôi mà, coi như đó là một món trang sức thêm cho tuổi trẻ vừa mới lớn của cô. Rồi cô sẽ đi xa theo dự tính xếp đặt từ trước của thầy mẹ. Cô nô nức như thấy rõ tương lai tốt đẹp khác đang chờ đợi nơi chân trời mới lạ, ở một thành phố tân tiến và thanh lịch mà cô chỉ đọc thấy trong sách vở nhà trường.

Khoảng thời gian này, cô yêu anh. Mối tình xảy ra, ngoài dự tưởng của cả hai, lẫn bạn bè quanh cô. Trước đó, cô có mười hai năm sống đời nội trú trong trường với các mères. Cô biết mình xinh đẹp qua những lời ngợi khen của người lớn. Và bước chân vào đời sinh viên cô càng tự tin hơn khi nhận được những lá thư trao lại từ tay bạn bè, hay được kẹp vội vào những chồng cours mà các bạn trai lịch sự đã chịu khó đi học thật sớm, leo cổng trường vào rải ra trên các băng ghế trong giảng đường để dành chỗ trước cho nhóm bạn thân và cô. Cô đi dạo phố, cắm trại, picnic, lê la hàng quán dọc đường, xem chung một cuốn phim, cùng khiêu vũ chung một bản nhạc trong các buổi họp mặt cuối tuần, thân mật đùa giỡn với tất cả bọn họ. Vậy mà duyên cớ gì xui khiến cho cô quay mặt lạnh lùng với tất cả bạn bè cùng lứa tuổi để yêu anh, có những cuộc hẹn hò đầu tiên trong đời với anh, một người đàn ông hoàn toàn đứng ngoài mọi sinh hoạt tuổi trẻ của cô?!

Trưa, mẹ từ miền Trung vào. Thầy bận họp dở dang, cô từ trường đi thẳng đến trạm Hàng Không Việt Nam lập tạm ở bên hông nhà ga xe lửa Lê Lai đón mẹ. Người tài xế khệ nệ khiêng ra xe mấy giỏ xách cồng kềnh. Hành lý mẹ chỉ là cái xách tay nhỏ, nhưng theo cùng mẹ là lủng củng đủ thứ thức ăn ưa thích của cô.

Về đến nhà, cô soạn bừa ra ngay trong phòng khách. Một nồi cá trích kho cà, màu cà đỏ vàng nổi chung với mấy trái ớt hiểm xanh làm cô nhớ

đến những lá xoài xanh non cùng vị chua của trái xoài sống bằm nhuyễn và mùi thơm của lá dứa bốc hơi trong nồi cơm vừa chín tới. Cá thu chà bông cho cô ăn với cháo mỗi khi cô lười ăn cơm. Một giỏ xoài Quán Mía mập mạp vàng tươi, mỗi trái nhỏ chỉ vừa nắm gọn trong lòng bàn tay mùi thơm đậm. Những chùm mận Xóm Rùng ngọt nước, những trái thanh long đỏ hồng, màu đỏ kỳ diệu và quyến rũ của hoa fuchsia, những con chim mía rôti với nước dừa nâu giòn tươm mỡ. Chị bếp vào dọn đồ mang xuống nhà dưới cho gọn ghẽ, cười:

"Con đâu có để em thèm món gì đâu mà bà lo quá. Giống như mua hết một cái chợ nhỏ ngoài đó mang vào đây!"

Cô ngưng tay lục soạn, kêu lên:

"Mẹ ơi! Sao mẹ lại mang bánh trung thu vô lại đây làm gì. Ở trong này người ta biếu thấy nhiều lắm, còn xếp đầy ở bếp. Con gởi về ngoài đó cho mẹ mà!"

Mẹ cười từ tốn.

"Khi nào gia đình đông đủ tụi con thì ăn món gì cũng thấy ngon. Ở ngoài đó một mình, cắn miếng bánh, có ngọt lắm cũng cảm thấy lạt nhách trong miệng. May mà mẹ chia bớt cho láng giềng người quen, nếu không thì cũng bỏ đóng mốc mà thôi. Con gởi về nhiều quá, ăn làm sao cho hết được. Mẹ chừa mấy hộp có nhân khoai môn trứng vịt con thích, đem vô lại cho tụi con."

"Có chị Ngọc Dung, Diệu Thoa, Diệu Thái nữa chi mẹ."

"Ừ, nhưng lại thiếu con với Trác Tường. Coi như mẹ bị hụt đi nửa trái tim và nửa cái bao tử, thì ăn cũng mất ngon rồi con!"

Dì Tư đứng ở ngạch cửa ngang giữa phòng ăn và phòng khách, lắc đầu:

"Út cưng nó quá như vậy, nó hư!"

Mẹ ôm mặt cô, hít một hơi dài trên má, nựng nịu:

"Cái con nhỏ này, già đầu lớn tồng ngồng, cao hơn mẹ rồi mà sao hôn nó vẫn thơm và ngọt như thường", rồi mẹ quay sang dì Tư "Chớ mấy dì chưa đủ làm nó hư sao? Mai mốt, đủ lông đủ cánh bay xa, có ưng giữ lại trong lòng để ôm ấp chìu chuộng dễ gì "họ" cho."

Đủ lông, đủ cánh. Mẹ ơi! Có bao giờ đứa con cảm thấy đầy đủ khi đời sống của mình thiếu sự hiện diện và tình yêu thương cần thiết của bà mẹ đâu. Bao năm tháng trôi qua, con cảm được mình đang tuyệt vọng trong một nỗi kiếm tìm, mong chờ một điều mơ hồ gì đó rất cần thiết mà con lại bất lực không thể có được. Bàn tay mẹ vuốt tóc con. Nụ hôn đằm thắm của mẹ trên mặt con. Những săn sóc ủi an của mẹ khi con tuyệt vọng, vấp

ngã, đớn đau. Những đêm mẹ thức trắng bên giường bệnh với con. Những lời dặn dò, lo lắng, la rầy của mẹ với giọng miền nam rất ngọt ngào, dịu dàng.

Chị tấp xe vào chỗ đậu dành riêng cho khách trước cửa nhà hàng. Trưa đông khách, nhưng tìm bàn nhỏ cho ba mẹ con chị cũng khá nhanh. Ốc Tiêu kéo ghế ngồi kế bên mẹ. Chẳng phải là chị đang lập lại những điều mẹ đã từng làm hơn ba mươi năm về trước sao? Đi ăn ở hàng quán con chọn lựa, nấu những món ăn con ưa thích, chỉ cảm thấy ngon miệng khi có gia đình, bạn bè vui vẻ chung quanh.

Không khí mát lạnh nhờ máy điều hòa của nhà hàng, xua bớt đi cái oi nồng của trưa hè ngoài đường cho chị cảm giác thoải mái hơn. Chị bỏ kính chống nắng ra, nhìn vào thực đơn gọi thức ăn cho hai con. Tina chồm qua mặt bàn úp bàn tay nhỏ xíu lên tay chị, vỗ vỗ giọng dỗ dành.

"Mẹ đừng buồn, mắt mẹ đỏ hết rồi. Chou, Tỷ hư quá. Tina không có như vậy đâu. Mẹ đi đâu con cũng đi theo mẹ hết! Lỡ mẹ bị xỉu giống như lúc ở Sav-on làm sao, mẹ há!"

"Ốc Tiêu cũng vậy. Ốc Tiêu sẽ đi theo mẹ hoài. Mẹ cười đi mẹ."

"Ừ, mẹ biết!"

Nếu chị chịu theo mẹ, thì cơn đột quỵ chết người kia có cướp đi người mẹ yêu qúi của chị được chăng? Tại sao lúc đó mẹ không giận hờn như chị bây giờ. Nếu mẹ lộ vẻ buồn phiền, chị có vì đôi mắt nâu to dịu dàng và trong sáng của mẹ bị vẩn đục chút mây thất vọng mà ở lại nhà với mẹ? Hay chị cứ nôn nóng đi đến nơi hẹn với anh, để cho mẹ vẫn phải thui thủi một mình? Mẹ mất đi, phải chăng là lỗi của chị khi không đi cùng mẹ trong cái buổi chiều âm u nặng trĩu những đám mây đầy ắp nước đang đè thấp xuống bầu trời mang dấu hiệu của cơn bão rớt đang đe dọa đâu đây. Bao nhiêu năm rồi, những đám mây xám màu chì tang tóc ấy cứ cuốn mãi lấy chị, cơn mưa chiều đó vẫn mang theo giông bão sấm sét xé nát lòng chị, rượt đuổi theo chị trong những cơn ác mộng, và câu hỏi ấy mãi lẩn quất dằn vặt mãi trong đầu, trong hồn chị!

Cơm trưa hôm đó chỉ có bà ngoại năm, mẹ, dì tư và cô. Thầy còn bận họp ở Quốc Hội, Trác Tường ở lại bán nội trú trong Lasan Tabert, chị Nga và mấy dì đi làm trưa không về. Dì Tư càu nhàu:

"Ông Trúc thiệt là tệ. Vợ mới vô tới, đi đón thì ỷ lại vô con với tài xế, trưa cũng không về qua một chút để ăn cơm."

"Chính trị mà dì", mẹ cười. "Lúc vào bàn họp mà không đồng chánh

kiến thì cha mẹ cũng cãi phăng lại, nhớ gì đến vợ con. Nói chơi vậy thôi, đang họp, không lẽ lại nói, thưa quý vị ở lại họp một mình đi, còn tui phải về hầu bà vợ của tui từ ngoài tỉnh mới vô. Với lại, đây là quê hương xứ sở, nhà cửa của chị chớ có phải chị tới chỗ xa lạ nào đâu mà thầy của nó phải lo. Lo là lo canh con nhỏ này nè," mẹ quay sang cô, "Cô Năm với Tư có thấy nó nhổ giò trổ mã lẹ dễ sợ không? Lớn vùn vụt mà ốm nhom. Chắc là đi chơi dữ lắm chứ gì?"

"Ông Trúc bắt nó phải học thêm gì tùm lum, thở không ra hơi, mặt mũi xanh dờn; ép uống bao nhiêu là calcium, dầu cá cũng có thấy hồng hào được chút nào đâu. Cầu cho nó có sức để mà đi chơi là quý."

Dì Tư binh cô cháu cưng, tố ông anh rể. Mẹ cười, lại cười. Chưa bao giờ cô thấy mẹ giận dữ to tiếng với bất cứ ai, ngay cả người giúp việc trong nhà. Chỉ cười, hoặc khóc. Nhưng nước mắt của mẹ đủ làm cho cả nhà cuống quýt mỗi khi thầy hoặc chị em cô làm những điều không đúng khiến mẹ phải lo sợ phiền lòng. Mẹ nói vọng xuống bếp:

"Châu à. Mùa này nóng rồi mà thầy cho em nó uống thuốc tây nhiều quá cũng không tốt. Châu đi chợ mỗi ngày nhớ mua thêm mía lau với rễ tranh nấu nước cho em uống nghen con!"

Cô buông đũa trước nhất.

"Con nhỏ này, ăn ít vậy con, làm sao mà mập lên cho được?" mẹ lắc đầu. VớÔi tay vào dĩa trái cây ở góc trái, mẹ lựa một trái mận thật đỏ và to, đưa qua cho cô. "Ăn đi con. Mận Xóm Rùng mới đâu mùa nên có ít lắm. Vú Xí phải đi vô tận trong rẫy nhà người ta mới mua được. Xong rồi, nói chị Châu gọt xoài cho ăn."

Cô nhăn nhó:

"Mẹ ơi, bụng con nhỏ xíu mà mẹ làm như là cái thùng phuy, bỏ thứ gì vô cũng lọt. Tối con về ăn".

"Con đi đâu nữa sao? Vậy mà mẹ tưởng chiều nay con nghỉ học, ở nhà với mẹ. Định là hai mẹ con xuống dưới viện bào chế của bác Chôm tính tiền bạc sổ sách phần lời của mình tam cá nguyệt này, xong rồi vô Phú Lâm thắp nhang cho bà ngoại luôn."

Cô ngần ngừ, cúi mặt:

"Con có hẹn với Thanh Phong đi xuống Nha Du Học coi bổ túc giấy tờ. Với lại con có giờ học chiều nay."

Đôi mắt màu nâu nâu hạt dẻ thẫm lại, nhìn cô dò hỏi. Giọng mẹ đượm vẻ thất vọng, nhẹ như có tiếng thở dài:

"Con bận thì thôi. Mẹ nói chú tài chở mẹ đi một mình."

Cô băn khoăn. Chưa bao giờ mẹ vô SàiGòn mà cô không đeo dính với mẹ. Những lúc không theo mẹ được, cô hay lên phòng mình trên lầu,

leo lên cửa sổ ngồi một mình, thòng hai chân ra ngoài song sắt cửa đánh đòng đưa. Nhìn ánh nắng nhảy múa trên tàng lá xoài xanh rậm rạp, cái đầu óc nhỏ xíu dồn nhét nhiều phim ảnh báo chí của cô suy nghĩ vẩn vơ, rồi cô ứa nước mắt, tưởng tượng ra những chuyện bất trắc sẽ xảy đến cho mẹ ngoài đường, khi mẹ đi một mình. Làm như cô là thần hộ mệnh bảo vệ cho mẹ. Vậy mà bây giờ cô lại lắc đầu, từ chối. Thật ra, cô đã hẹn đi xem với anh cuốn phim có anh chàng tài tử Pháp đẹp trai Alain Delon. Tình yêu nồng nhiệt đầu đời của cô dành cho anh làm lần hẹn hò nào cũng đều là những phút giây mong đợi tuyệt vời nhất của cô, dù cô chỉ mới vừa gặp anh cách đó một giờ, một ngày. Những bày tỏ yêu thương của anh như men rượu mới nhấp môi, cuốn hút hết tâm hồn cùng đầu óc cô. Hình như cô say trong tình cảm mới lạ này, không còn một chút tỉnh táo nào hết. Sẽ buồn biết bao nếu cô không được gặp anh, không được ngồi bên anh, bàn tay bé nhỏ của cô không nằm gọn gàng, ngoan ngoãn trong lòng bàn tay cứng cáp vững chải mà ấm áp yêu thương để cùng chia sẻ với anh truyện phim, điệu nhạc, bài hát mà cô ưa thích. Làm sao cô đi với mẹ được, khi buổi chiều báo hiệu cơn mưa lớn này, cô dự định sẽ diện chiếc áo mưa bằng da màu trắng hiệu KF mà cô đã nằng nặc đòi thầy phải đặt mua cho cô, sau khi cô xem xong cuốn phim Người Lữ Hành Trong Mưa. Trong đó, nhân vật nữ chánh đã mặc chiếc áo mưa như vậy suốt truyện phim ở trong những cảnh mưa gió lướt thướt nơi phương trời Âu châu xa xôi.

Mẹ là mẹ. Cô sẽ ở với mẹ suốt đời, cô sẽ có dịp đi chung với mẹ hoài. Còn anh, đâu phải lúc nào cô và anh cũng dễ dàng hẹn hò gặp gỡ với nhau đâu. Mối tình của cô và anh, những cách trở nghiệt ngã có cả ở hai bên đâu cho phép cô và anh được gần nhau mãi. Cô lại sắp đi xa. Rồi thì cũng như những cơn mưa bóng mây chợt đến và bay đi cùng nắng, tình yêu mong manh của cô cũng sẽ tan đi theo mùa hè thơ mộng này. Chắc gì cô và anh còn có dịp gặp được nhau, còn có được phút giây rung động nhẹ khi nhớ tưởng đến nhau. Anh sẽ rất giống như cô, thất vọng và buồn nhớ nhau lắm nếu như cô ở nhà với mẹ, bỏ qua lời hẹn gặp chiều nay. Cô ngây thơ nghĩ thế! Cán cân tình cảm trong cô dại khờ và mù quáng quá. Phần nặng nhẹ được cô quyết định chóng vánh. Cô dịu dàng đưa hai tay âu yếm nâng mặt mẹ, nũng nịu dụi cái trán vồ bướng bỉnh của cô nhè nhẹ vào chiếc cằm chẻ hai xinh xắn của mẹ:

"Hay là mẹ nghỉ mệt đi. Xong rồi mẹ đi coi sổ sách ở đằng bác Chôm thôi. Chờ ngày mai con ở nhà, mình về Phú Lâm thắp nhang cho bà ngoại rồi đón Chín ra chơi với mẹ. Sáng, con nói chú tài đi mua vé cho mẹ đưa mấy dì đi xem tuồng hồ quảng An Lộc Sơn với Dương Quý Phi. Con đi coi chung nữa. Bà ngoại Năm nói hay lắm. Nghe mẹ. Mẹ đừng có buồn

nghen. Con phải đi học thiệt mà!"

Vậy đó, rồi cô bỏ mẹ ở nhà, sau khi đã chịu khó nhẫn nại ngồi xuống để mẹ kết cho cô cái bím tóc vì mẹ kêu rêu: "Ngồi xuống mẹ thắt bím cho tóc tai gọn gàng cái coi. Con gái gì mà hư quá. Mười bảy, mười tám tuổi đầu rồi mà không biết tự săn sóc cho mình. Tóc tai dài thậm thượt. Trời chuyển mưa lớn như vầy, lỡ con gặp mưa đầu ướt, về nhà bệnh thì chỉ khổ cha mẹ mà thôi."

Cô nôn nóng gặp anh. Hấp tấp đi, hớn hở đi, vù bay đi như con chim tung vút cánh. Hình như cô vội vã đến quên cả hôn mẹ từ giã. Tối nay, về nhà sẽ ăn cơm chung với mẹ, sẽ nói chuyện với mẹ, sẽ gặp lại mẹ mà. Cô sung sướng đi gặp người yêu với niềm tin tràn ngập trong hồn. Cô không biết đó là lần duy nhất cô nói dối mẹ và là lần cuối cùng cô được bàn tay thương yêu của mẹ chăm lo.

Mẹ ơi. Khi hân hoan ngồi sau chiếc xe Honda màu xanh rêu của Thanh Phong, quay lại toe miệng cười vẫy vẫy tay tạm biệt mẹ, sao con lại không có một cảm giác ly biệt hay buồn bã gì cả vậy? Có phải chỉ vì trái tim bạc bẽo của con chỉ đập cái nhịp rộn ràng vui thú được gặp người yêu nên không có được linh tính thần diệu của tình mẹ con sắp vĩnh viễn cắt đoạn, chia lìa. Mẹ ơi, có phải bây giờ các con của con cũng đang đi những bước chân như mẹ chúng nó đã chập chững đi trước đó hay không?

"Miếng thịt con cắt cho mẹ, ăn có ngon không mẹ?"

"Sao hồi nãy mẹ ăn ít quá vậy? Mẹ giận Chou, Tỳ hả mẹ? Mình đi một vòng shopping đi mẹ!"

"Mẹ hơi mệt. Mình về nhà một chút rồi đi nghe con!"

"Con biết rồi. Mẹ muốn về coi Chou, Tỳ có gì ăn không chớ gì?"

". . . !"

"Đố mẹ mình về Chou, Tỳ còn ở nhà hay đi chơi rồi?"

"Đố mẹ Chou ,Tỳ có sợ mẹ giận không đó?"

"Đố mẹ ba về nhà chưa?"

"Đố mẹ. . . !"

Cơn mưa đổ ập xuống thành phố ướt sũng nước trên đường mẹ đi, hay mẹ đã kịp đến nhà bạn để tránh được cơn cuồng nộ của trận bão? Khi mẹ với tay lấy tách trà, ngã quỵ xuống, chiếc tách sứ đập xuống nền nhà vỡ ra, nước trà loang vàng trên mặt gạch bông bóng loáng, trong đầu mẹ đang nghĩ gì? Buổi cơm tối sum họp của gia đình mình với những món ăn mẹ biết là thầy và con ưa thích, mà mẹ dặn chị Châu nấu sẵn cho

đang chờ đợi ở nhà; đứa con gái hậu đậu của mẹ sẽ bị ướt, bịnh vì cơn bão rớt đang giận dữ quất những hạt mưa nặng nề ngoài trời kia hay nỗi hốt hoảng lo sợ về cơn bệnh xa lạ đang chực chờ quật ngã mẹ, mang mẹ ra khỏi cái gia đình mà mẹ hết lòng chăm sóc lo lắng thương yêu? Mẹ có cảm giác chút nào về thể xác đang bị đau đớn của mẹ hay vẫn mãi suy tính về những dự định sẽ làm cho chồng, cho con ngày mai? Mẹ có cảm thấy cô đơn lắm không trong chập chờn giữa sống và chết?

Trời vẫn còn mưa. Những hạt mưa đan chéo nhau bay đầy dưới ánh đèn vàng vọt của buổi tối ập đến quá sớm. Bước chân ra khỏi rạp chiếu phim, cô quên mất lời hứa về nhà ăn cơm tối với mẹ. Bên cạnh anh, cô có còn nhớ được gì nữa đâu. Cô theo anh xuống chợ cũ ăn chung với anh bữa cơm tối ở một tiệm ăn tàu. Khi anh dừng xe nơi góc vắng ở đầu cổng nhà, đưa mặt cho anh hôn chiếc hôn nhẹ từ giã, cô mới nghĩ tới mẹ. Cô chạy băng qua khoảng vườn nhỏ. Trong nhà lao xao nhiều người quá, chắc là có khách. Chị bếp chặn cô trước cửa phòng khách, mắt đỏ hoe, lắp bắp:

"Em ơi, bà. . ."

Gì vậy. Sao mẹ lại nằm dài ở cái ghế dựa trong phòng khách. Sao mẹ không lên phòng ngủ. Ai mà lố nhố đầy trong nhà. Cô nhào đến bên mẹ, nỗi sợ hãi làm cô lạnh buốt sống lưng như ai vừa bỏ vào sau đó một cục nước đá. Cô quên đi cảm giác ướt át của nước mưa còn đọng trên tóc, nụ hôn anh ngây ngất nóng bừng trên trán, trên má cô. Mùi dầu nóng, mùi gừng xông nồng nặc. Thầy đang ngồi phía dưới bóp chân mẹ.

"Mẹ con bị trúng gió ở nhà bà Chín Sao, mới vừa chở về nhà. Đã rước thầy cạo gió cho mẹ con rồi!" Bà ngoại năm giải thích.

"Đem mẹ đi nhà thương nhanh đi. Sao lại cạo gió!"

Cô vừa khóc, vừa hét. Đến lúc này cả nhà mới sực tỉnh. Dì Minh cùng với Trác Tường bế mẹ ra xe. Cô ngồi phía sau với mẹ. Tay mẹ nằm hờ hững trong tay cô, bất động. Mẹ ơi! Cô gọi thầm tiếng mẹ ngàn lần trong cổ họng. Dậy đi mẹ, ôm con như sáng nay đi mẹ. Hôn con, cười với con đi. Nói là mẹ giận con về trễ nên hù cho con sợ thôi mà. Con sẽ ngồi yên cho mẹ chải tóc không cằn nhằn, đi cùng với mẹ bất cứ nơi nào mẹ muốn, cô hứa thầm. Cô thấy mình lẩm nhẩm đọc kinh Kính Mừng, Kinh Sáng Danh, Kinh Lạy Cha những kinh mà cô thuộc lòng ở trường học. Cô cũng nghe rõ ràng mình đang gọi tên Phật Bà Quan Âm, đang đọc lời cầu nguyện cứu khổ cứu nạn mà mẹ dạy phải niệm mỗi đêm trước giờ đi ngủ.

Mưa vẫn còn rơi trắng xóa trên đường xe chạy đến bịnh viện. Cô chạy theo chiếc băng ca đẩy mẹ vào phòng cấp cứu. Khi người bác sĩ trực gõ nhẹ chiếc búa cao su nhỏ lên đầu gối của mẹ mà không thấy phản ứng,

cũng là lúc cô ngất xỉu trong vòng tay của thầy.

Mẹ ơi. Nếu sau khi xem phim, con đi thẳng về nhà theo lời hứa ăn cơm tối chung với mẹ thì có thì giờ để đưa mẹ đến nhà thương, kịp thì giờ cứu mẹ ra khỏi cơn hôn mê không? Mẹ ơi. Cái buổi chiều khắc nghiệt, đau thương đó chưa hề nhòa đi một nét nhỏ nào trong trí ức tồi tệ của con. Nó cứ lập lại hoài ngày cũng như đêm, cả trong giấc ngủ. Dấu ấn của nó để lại trong đời sống con đậm đen, khắc sâu như một cuốn phim chiếu chậm, mỗi ngày con lại thấy nó rõ ràng hơn từng lời nói, từng nét mặt. Con như vẫn còn nghe được tiếng nước mưa chảy trong lòng máng xối ở bệnh viện Hoàn Mỹ, tiếng thở khò khè mệt nhọc của mẹ. Con như ngửi được mùi quần áo ướt của những người đứng quanh con và tiếng rơi chậm của những trái sao quay vòng rớt xuống theo từng cơn gió rít giận dữ ngoài trời.

Căn nhà vắng tanh, đắm mình trong trưa nắng. Ốc Tiêu và Tina, chia nhau nằm hai bên mẹ.

"Mẹ ơi, mẹ mệt lắm phải không? Mặt mẹ trắng như tờ giấy, giống hôm tụi con đến đón mẹ về ở nhà thương, mặt mẹ cũng trắng như vậy?"

"Bữa đó, con sợ không?"

"Con sợ lắm. Con ngồi phía sau ghế của ba, con lén khóc, con sợ không có mẹ nữa. Bạn con, ba mẹ nó ly dị mà nó đã khổ rồi. Nếu mẹ chết, chắc là khổ lắm phải không mẹ?"

"Mẹ ơi, mẹ đừng chết nghe mẹ. Mẹ mà chết là con chết theo đó!"

"Không đâu con, không đâu con!!!"

Bàn tay nhỏ xíu của Tina xoa xoa lưng chị. Chị nằm ngửa ra, nước mắt tự do chảy tràn, ướt đẫm một bên màng tang, ướt đẫm một khoảng tóc mai, ướt đẫm đìa tâm hồn nhạy cảm của chị. Hai đứa con rón rén ra ngoài. Chị nghe tiếng mở máy truyền hình, tiếng Tina cằn nhằn Ốc Tiêu đừng làm ồn để cho mẹ nghỉ.

Con cũng đã năn nỉ mẹ đừng vội bỏ con và mẹ cũng có hứa với con là mẹ sẽ lành bệnh, sẽ về nhà. Hình như mẹ cũng đâu nghĩ đến chuyện lìa xa chúng con sớm như vậy phải không mẹ? Thế mà ba ngày sau đó, mẹ lặng lẽ đi không ai ngờ, nên cả một lời trăn trối con cũng không được nghe. Mẹ được chuyển sang bệnh viện Sùng Chính, bác sĩ Lê Khắc Quyến giám đốc bệnh viện, bác sĩ trực, dì Minh . . . bao nhiêu người cố giữ mẹ cho con. Khi dì Minh đẩy con đến bên giường mẹ, lúc mẹ cố nghiêng đầu tìm con, nước mắt mẹ chảy dài bên khóe mi, mắt đã khép con biết mẹ đâu đành

lòng phải không?

Bệnh viện với tường vôi, giường nệm trắng xóa đến rợn người. Trên cửa sổ phòng bệnh nhìn xuống cô có thể thấy rõ phiá sau, con hẽm nhỏ dẫn tắt đến nhà anh, căn nhà với cây trứng cá phía trước. Tối, anh qua thăm mẹ với trái quýt cầm tay cho cô. Cô cuống quýt mừng rỡ, mắt cô lấp lánh nhìn anh tràn niềm vui. Căn phòng đông người thăm viếng. Cô bước ra ngoài cùng với anh đứng dựa hành lang nhìn ra đêm. Cô thèm được tựa vào anh để chảy những giọt nước mắt, để được anh ôm vào lòng an ủi, để có một chút tự tin, nhưng cô biết cả nhà đang nhìn ra dò xét vì cái người đàn ông lạ mặt chưa bao giờ gia đình gặp mặt lại xuất hiện chia sẻ với cô trong giờ phút này. Vẫn còn mưa, những hạt mưa lất phất của cơn bão rớt. Bầu trời đen nghịt, bất an, sầu thảm. Cô không tìm ra được ngôi sao bản mệnh của mẹ nằm lẻ loi ở nơi nào để ngước lên cầu nguyện cho mẹ. Trước khi ra về bước chân xuống khoảng tối của cầu thang anh vuốt tóc cô thầm thì:

"Không sao đâu nhỏ, mẹ không sao đâu."

Cô gật đầu, nuốt nước mắt.

Ừ, mẹ đâu có muốn bỏ con nhỏ tội nghiệp của mẹ đâu phải không? Mẹ vẫn còn muốn sống để thấy các con lớn khôn, để được bồng bế chăm lo cho cháu ngoại mà. Sáng nay, mẹ còn dặn cô:

"Người ta nói mẹ uống nước khoai lang luộc thì có thể khỏe. Con nói với chị Châu đi mua khoai về luộc đem nước vô cho mẹ uống thuốc. Mẹ phải mau khỏe để về. Tiệm thuốc tây ngoài đó bỏ lâu đâu có được!"

Khi cô đưa cườm tay nhỏ có đeo chiếc đồng hồ mới của mẹ mua nhân dịp mẹ đi Thuỵ Sĩ với thầy ra để chọc:

"Thấy gì không "madame". Đẹp không?"

Mẹ mỉm cười, nụ cười héo hắt nhưng với cô, sau này mỗi lần nhớ tưởng vẫn là nụ cười đẹp nhất:

"Con tánh tình mau chán, ưa đó rồi vất đó. Không biết giữ gìn đồ qúy. Thích thì đeo, rán đừng làm hư hay bỏ mất của mẹ."

"Con đeo chơi, làm phách khoe với tụi bạn chút xíu thôi mà. Mẹ khỏi bệnh, về nhà, con đưa lại cho mẹ."

Cô biết chứ. Mẹ thích cái đồng hồ Omega vàng lâu lắm, vậy mà mẹ cứ chần chờ. Mãi đến mùa hè vừa qua, mẹ mới mua. Cô hứa, nhưng không bao giờ cô giữ được lời hứa. Ba ngày sau, mẹ mất. Chiếc đồng hồ mẹ ưa thích giao lại cho cô đã bị vỡ mặt kính trong lúc cô la khóc vùng vẫy, nhào lộn trước quan tài mẹ.

Hồi hướng

SỬ MẶC

Hận tình
rơi cái ninh nang
tưởng lên thôn đắm
xuống làng
thập tam
bèo trôi há miệng
phu
phàm
một vuông tục tử
ăn xàm
nói diêu
nang ninh chừ cũng hóa liều
ướt chân con gái
nhủ diều gió giăng
bẳn nguyên một cõi thiên hằng
thấy vui hồi hướng một lần
ninh nang.

Mẹ ơi! Suốt đời con vẫn là đứa con gái cưng hư đốn vụng về của mẹ. Con có giữ được gì đâu. Chẳng những con đã đánh mất những kỷ vật của mẹ, mà ngay cả điều mà người ta gọi là tình yêu, hạnh phúc, đời sốngà. . . con chẳng cất giữ được gì trong tay cả. Con cứ mãi kiếm tìm và thất vọng. Lòng trong sáng tin cậy đã mất, lấp vào đó là hoài nghi, chua xót. Mẹ ơi, nếu con đi cùng với mẹ. . .

Con đường chị dẫm lên, bước qua. Mộng mơ thời trẻ dại đã tàn rụi. Hạnh phúc và đớn đau, tìm kiếm và tuyệt vọng. Đã xa, đã mất. Ân hận, chán nản dần vặt trở thành một câu hỏi nặng nề ám ảnh, vò xé chị trong chiều mưa mẹ ngã bệnh đã đi suốt cùng với chị trong ngần ấy thời gian.

"Các con yêu quý, cái vòng gai mẹ đeo nặng trong đầu, quấn mãi trong tim không cách nào tháo gỡ được, mẹ hiểu nó nặng nề và đau đớn đến mức nào. Mẹ đâu muốn các con, lại một lần nữa, phải mang theo!"❐

Khi đứng bên hiên chùa Kim Liên

LÊ THỊ HUỆ

Tay vít chùm hoa khế tím
Rẽ phướn lá xanh tàng cổ tích xưa
Buổi trưa nhìn ma bay dầy những luống khoai
Nắng cuồng vã mồ hôi
Dừng bên hiên chùa mong phút đời yên
Về quanh sân chùa hòng dìm chút hồn điên
Mới hay mình vẫn đứng nép ngoài hiên
Nghìn muôn kiếp em lẻ loi ngoài Kim Liên

Kim Liên! Kim Liên ni chị trồng dâu chăn tằm
Nuôi Trịnh Sâm lên đồng trong vòng Nho bát quái
Tây Sơn qua Tây Phương về Quan Âm Thiên Phủ
Nghi Tàm níu thời của Hồ Tây
Động cỡn chút Tam Toà Thánh Mẫu
Thích Ca phật tế bờ ao
Nhạc vàng thượng giàn bên kia sông Karaoke

Tâm em lộng,
Tình trường tràn lao xao sóng cả
Về đây cũng nhường phật, thủ vạt áo nâu phai
Nhưng khi nghe chuông rã riết dóng ba hồi
Ngàn cánh quạ tốc tiền thân sầu hoang lạnh

Tóc đen tóc thơm tóc mềm
Tóc tiên nào mẹ cha gửi tặng
Che gầy vai ngoan hiền
Quấn quýt hồn em xưa, vầng trăng rằm thánh nữ

Từ Hoa! Từ Hoa ni chị nằm yên dưới mộ
Để lại nương chùa vạt dất thó thơm hương
Nở những vồng lang ngon
Cày những hàng hệ lụy phẳng
Hoá gác thiền môn
Bầy kiến sòng nhập thất trên cành cao

Còn riêng em dúng vin cội khế lào xào
Con gái giữa trưa rống một tiếng gào
Trả lại em mái tóc y nguyên ngày cũ
Lúc đời còn thơ ngây

Khúc hát ly hương

Ngụ Thuyết

Lúc đó khoảng hai giờ chiều nhằm vào ngày chủ nhật. Cả nhà đi vắng, tôi ngồi một mình chẳng biết làm gì bấm T.V. hết đài này đến đài khác không tìm ra được một chương trình nào vừa ý. Cứ thế thuận tay bấm lia lịa, mắt nhìn lơ đãng, đầu óc trống rỗng. Bỗng bên ngoài có tiếng xe dừng trước cửa, tôi thở phào nhẹ nhõm thầm nhủ lại một vài anh bạn H.O. ở quanh đây ghé rủ đánh cờ tướng; hoặc mang đến vài món nhậu "tự biên tự diễn "– chúng tôi thỉnh thoảng xài một số ngôn ngữ tếu tếu thời đi tù – để cùng nhau thanh toán nửa cút rượu thuốc còn sót lại của bữa nhậu trước; hoặc thông báo tin tức người bạn này vừa đến được Mỹ, người kia đến Úc, đến Gia Nã Đại v.v..., lại cũng có tên đi tuốt qua bên Na-Uy, Thụy-Điển, Đan-Mạch hay lạc bước vào nước "Do Thái lang thang ", rồi lại lan man khóa chuyện những người mất job, những người "ở đây kẹt quá", sắp theo con gái đi làm nail ở tiểu bang lạnh; hoặc cũng có khi có người tới chơi để chẳng làm gì cả, ngồi suông suốt buổi, không buồn nói với nhau câu nào, cuối cùng đứng dậy xách đít ra về hẹn gặp lại. Nhưng tôi đã đoán nhầm, chiều hôm đó khách đến chơi là người bạn thân của tôi ở rất xa, đã đến đất Mỹ trước tôi hơn 10 năm, vào thời điểm những làn sóng vượt biển dồn dập tràn đi nhiều nơi trên thế giới. Tôi vui mừng quá đỗi.

Bạn tôi vừa xuống xe chưa kịp bước vào nhà đã vội vàng nói :

"Tôi phải cho anh biết ngay chuyện này mới được. Rầu quá anh ơi."

Tôi ngắt lời :

"Rầu hả? Giọng nói tươi rói như vậy mà rầu cái nỗi nào. Nhưng thủng thẳng hẳn hay, vô trong nhà cái đã."

Trong khi tôi loay hoay dẹp bớt đồ đạc nằm ngổn ngang trên bàn, bạn tôi mở tủ lạnh kiếm nước uống, mặt mày tươi tỉnh, xong đến ngồi

phịch trên chiếc ghế tôi chưa kịp sửa lại cho ngay ngắn, nói oang oang :

"Anh tập cái tánh thứ tự hồi nào vậy? Bày đặt chưng dọn khi khách tới! Bàn ghế ngăn nắp khó ngồi lắm. Nào, nào, ngồi đại xuống đây tôi nói chuyện này cho nghe. Tôi rầu quá anh ơi. Nghĩa là tôi rầu hồi trưa chớ không phải bây giờ. Tôi mang cây ớt đến cho anh. Chạy gần một tiếng mới lên đến đỉnh ngọn đèo, cảm thấy nhẹ cả người, rồi nhìn trệch xuống coi thử cây ớt nó ra sao thì nó đã như con gà mắc dây thun. Tất cả lá đều rũ xuống, mấy cái ngọn cũng héo hết, cong queo trông thấy thảm. Tôi sợ nó không sống nổi. Rầu quá! Nếu kết cục là như thế tôi sẽ ân hận vô cùng."

"Anh quý cây ớt đến thế hả?"

"Anh có biết vì sao không? Thế này nhé, trời nắng lớn nhưng tôi không để máy lạnh. Xe không còn mới trèo đèo đâu dám cho máy lạnh chạy. Trong xe nóng bức, tôi mồ hôi tuôn ra như tắm, còn cây ớt thì như thế đó. "

"Lỡ nó có chết kiếm cây khác. Có gì mà anh phải nhọc tâm đến thế."

Bạn tôi nhìn tôi chau mày :

"Kiếm cây khác hả? Anh nói sao dễ vậy. Kiếm đâu cho ra cái giống đó! Nhưng mà xin lỗi anh, tôi nói cái kiểu này thì có trời mới hiểu tôi nổi. Dạo này tôi đâm lẩn thẩn, bạ đâu nói đó, nói trước quên sau. Anh có nhận thấy tôi như vậy không? Để tôi nói cho có đầu có đuôi, để tôi kể chuyện cây ớt cho anh nghe. Câu chuyện dài lắm, chẳng ra đâu vào đâu, anh nghe sẽ chán ngấy. Nhưng mà tôi cũng cứ nói, có thế mới... mới mong được anh lưu ý hơn và bỏ một ít thì giờ chăm sóc nó. Anh đồng ý không nào?"+

Tôi rất ngạc nhiên. Từ trước đến nay, bạn tôi là người bộc trực, có gì nói toạc ra ngay. Lần này trái lại anh ta dẫn đo, rào đón. Tôi nhanh nhẩu trả lời :

"Tôi khoái ăn ớt. Cứ kể chuyện ớt là tôi O K ngay, đồng ý ngay. "

Bạn tôi đứng dậy khỏi ghế đến mở tủ lạnh lấy thêm nước uống. Tôi nói với theo :

"Hôm nay trông anh có vẻ mệt, uống nước như hủ chìm. Hay là anh vào giường tôi ngả lưng một chút đi. "

Bạn tôi trở lại ghế ngồi chậm rãi bắt đầu câu chuyện.

"Tôi chưa kể chuyện này cho ai nghe cả. Như thế không có nghĩa rằng đây là một câu chuyện hay ho hoặc bí mật hoặc lâm ly bi đát. Nhưng anh là người thân, tôi kể cho anh nghe một lần rồi thôi, để tôi có thể quên phứt nó đi, giữ mãi trong lòng làm gì. Cho nên anh chịu khó nghe tôi vậy. Vả lại tôi còn muốn anh trông coi giùm cây ớt. Câu chuyện như thế này

này.

"Chắc anh cũng biết tôi qua đây trước anh gần mười năm và tôi phải đi vượt biên vượt biển trãi qua bao nhiêu gian nan nguy hiểm chớ đâu có được leo lên máy bay ngon lành như anh. Nhưng anh chỉ biết có thế thôi. Anh có biết trước khi trốn được qua đây, tôi làm cái trò trống gì bên nhà?"

"Thì sau khi rã đám anh đi tù là cùng chứ còn làm gì? "

"Không, không phải thế. Lúc đó đơn vị của tôi đóng đồn gần cầu Là Ngà. Vào giờ chót, khi đã thế cùng lực tận, hai anh bạn trong đơn vị "vô ý "để lựu đạn nổ banh xác, một số khác thoát ly vào rừng, số còn lại vứt bỏ súng ống, quân phục, kẻ thì theo ngõ Định Quán để xuôi về Sài Gòn, kẻ thì hướng lên miền Cao Nguyên, sống thấp thỏm chờ xem chuyện gì sẽ xẩy ra. Tôi đi Đà Lạt.

"Chưa đầy một tháng sau có lệnh tập trung "ngụy quân ngụy quyền "đi học tập cải tạo. Lại cái ngón gì đây, tôi tự hỏi. Một ngày trước kỳ hạn phải đi trình diện tập trung, tôi đi trốn. Trốn chui trốn nhủi, nay ở nhà người này mai nhà khác, lúc thì xó chợ, lúc thì chuồng bò, coi bộ khó lọt khỏi lưới công an giăng mắc khắp nơi. Càng ngày tôi càng giạt ra xa thành phố, và cuối cùng được nhập vào toán người đi rừng."

"Nghĩa là anh tìm được mật khu trong rừng?"

Bạn tôi bĩu môi cười khẩy :

"Mật khu? Nghĩa là khu rừng có nhiều mật, mật ong? Nếu thế thì có, trong gần ba năm trời ở trong rừng thỉnh thoảng có gặp. Gặp được tổ ong coi như trúng số kiến thiết quốc gia.Toán người đi rừng của chúng tôi là những người khốn khổ không còn đất dung thân. Thoạt đầu chúng tôi ở quanh quẩn gần khu Suối Vàng cách Đà Lạt khoảng 30 cây số. Từ Đà Lạt lên Suối Vàng chỉ có một con đường nhỏ trải đá, dốc lên dốc xuống, giặc giả lâu ngày bỏ phế, cỏ mọc tràn, nhiều chỗ bị sụp, nhiều đoạn mất hết vết tích. Rồi chúng tôi đi sâu sâu mãi, đến vùng núi Thiên Nga cách Suối Vàng hơn bốn chục cây, rồi đi sâu vào nữa, đi đến những nơi chưa có tên, chưa có dấu chân người. Cất cái chòi nhỏ ở với nhau, kiếm đồ trong rừng dồn lại chờ người quen thân dưới thành phố vài ba tuần đạp xe đạp lên mua."

"Mà trong rừng thì kiếm cho ra cái giống gì để đem bán cho người ta được hả anh? "

"Không có nhiều nhưng cũng kiếm ra chớ. Chẳng hạn đi củi, đi chặt loại thông nhiều nhựa chẻ nhỏ ra bó thành bó làm đô nhen lửa, hoặc đi cắt mây, đi lượm hột dẻ, hột lăng, hoặc đi bẫy chồn bẫy cáo, hoặc đi hái trái..."

Tôi là người ưa ngóng chuyện. Đang ngồi buồn không biết làm gì lại

có bạn bè đến tán gẫu thì còn gì hạnh phúc hơn nhất là khi đó là bạn thân từ thuở nào đang muốn hé cho tôi thấy một chút gì sâu kín của đời hắn. Tính tôi cũng thích rong chơi, ở Mỹ hơn năm năm hễ có điều kiện là tôi theo người ta, hoặc theo "tua", đi thăm thú nhiều nơi trên đất nước bao la này. Đâu đâu cũng khang trang, ngăn nắp, sạch sẽ, nhưng tôi luôn luôn cảm thấy thiếu một thứ gì tôi nghĩ chưa ra. Có lẽ đây không phải là nơi tôi sinh ra, lớn lên, hoặc đã một lần sống qua, nên không có những ràng buộc? Cũng không hẳn thế. Là vì có những vùng tôi chưa từng đến lần nào, vùng Tây Nguyên Trung Phần chẳng hạn, vùng Đồng Tháp Cà Mau chẳng hạn, vùng Cao Bắc Lạng chẳng hạn, thế mà mỗi khi ai nhắc đến những địa danh đó, tôi xúc động. Cho nên khi bạn tôi kể chuyện bên quê nhà, tôi cố moi móc những câu hỏi vớ vẩn để được nghe nhiều thêm.

"Nhưng mà anh đi hái trái gì? Bộ nhóm người các anh tậu được một vườn cây ăn trái trên đó sao?"

"Làm gì có vườn có tược. Chúng tôi đi hái trái rừng. Cứ sau mùa mưa độ một tháng, nắng ấm lên đôi chút, nhiều thứ trái hoang bắt đầu chín. Trái gùi, trái đá, trái trâm, trái nhung, trái trường, trái xay, trái mác mác, trái vú bò... Mỗi loại trái đều có mùi vị riêng nhưng nói chung thì trái rừng nào cũng chua chua, ngọt ngọt, chát chát. Nhưng bán được giá nhất là trái đười ươi. "

"Những trái anh nói đều lạ hoắc đối với tôi. Lại có trái đười ươi? Nó giống con đười ươi chắc?"

"Giống thế quái nào được! Nó tròn tròn, to bằng trái chanh, ngâm nước nở ra to bằng cả cái nắm tay. Cây đươi ươi rất to, hơn hai người ôm, và cao, cành lá sum sê, trái mọc thành chùm có cái bẹ che kín bên trên trống giống như người ta đội mũ mấn trên đầu. Anh có biết nó dùng để che gì không? Để che mưa. Gặp nước mưa trái đười ươi nở toét ra ngay, vài ngày sau sẽ thối. Nhờ có bẹ che chở, các chùm trái đười ươi lớn dần, chín dần. Cây đười ươi ba năm mới có trái một lần, từng chùm lòng thòng dưới cái bẹ che trông thật buồn cười. Gặp cây nào sây trái chúng tôi hạ ngay..."

Tôi ngắt lời :

"Uả sao lại đốn nó đi. Sao lại phí của thế? Trèo lên hái có phải tiện hơn không. "

"Trèo thế nào được. Cây cao rậm rạp, trái nằm rải rác lẫn trong cành trong lá, phải hạ nó xuống mới hái hết trái, cho vào đầy bao, đem về chòi. Có khi phải hạ ba, bốn cây. Nghĩa là như thế này. Gặp cây nào không đủ trái, chúng tôi lấy xà gạc chặt vào thân cây làm dấu, rồi đi tìm những cây khác, có khi phải đi thật xa mới tìm ra. Liệu đủ số trái chứa đầy mấy bao

lát, chúng tôi mới lần lượt hạ mấy cây đó. Tại sao phải làm dấu hả? Là vì, nếu không, nhóm người khác, thường là người thượng, lỡ gặp không biết là của mình sẽ hạ nó sao. Làm dấu để xí phần đó mà. Nhưng mà này, này, anh cứ hỏi "linh tinh "như thế làm sao tôi kể cho xong chuyện cây ớt được. Anh phải để tôi vào đề tài chính chớ.

"Sống trong rừng lâu ngày người nào người nấy da dẻ đều tái mét như đang mang bệnh. Ăn uống bữa có bữa không là chuyện thường, gặp rắn rết, thú dữ cũng không ngán, chỉ sợ nhất là muỗi rừng, sốt rét ngả nước. Đêm nằm ngủ không có mùng màn, chỉ còn cách đốt lửa hun khói chống muỗi. Thì bỗng một hôm, vừa dứt mùa lạnh, đi kiếm nấm, gặp mấy cây ớt đã có nụ hoa nho nhỏ nằm xúm xít dưới tàng một cây cám khá to. Anh nói gì? Đúng vậy, cây cám, trái trông y chang như trái sa-bô-chê, thịt dai, ăn vừa chua vừa ngọt. Có chát không hả? Ừ thì cũng hơi chát chát. Nhưng tôi phải kể tiếp chuyện cây ớt. Nghe nói ăn ớt cho nhiều vào là trừ được sốt rét. Thấy ớt chúng tôi mừng quá, bứng mang về chòi trông để dễ tưới bón chăm sóc. Nó lớn lên xôi xổi, chỉ sau một tuần các nụ đã nở thành hoa trắng nho nhỏ năm sáu cánh trông thật xinh. Thế là tháng sau sẽ có ớt ăn, chúng tôi trầm trồ với nhau.

"Tôi bỗng nhớ có một lần, hồi tôi còn bé, mẹ tôi chỉ bụi ớt rồi nói với tôi : "Hoa ớt trắng lấm tấm từng vạc, những đêm trăng sáng, trông như sao trên trời, con có thấy không ". Hồi đó tôi biết gì đâu, có bao giờ để ý đến trăng sao trên trời đâu, nhưng câu nói là lạ đó tự nhiên in sâu vào trí nhớ của tôi, mà cái trí nhớ đó tôi nhận thấy càng về sau càng bết bát. Có lẽ đời lính nay đây mai đó luôn luôn bị cái chết rình rập khiến cho tôi muốn quên đi mọi chuyện chăng? Chắc anh đã biết, bố tôi mất sớm, rồi mẹ cũng qua đời, tôi ít khi nhớ đến bố mẹ. Nhiều khi những ngày giỗ bố giỗ mẹ qua đi lúc nào không hay, sực nhớ thì đã trễ cả tháng trời, đành kéo vài ba thằng bạn thân đi nhậu nhẹt gọi là. Sau này nhiều thằng bạn bạn mất tích, chết trận, sợ quên những điều mà tôi cho là quan trọng như tên tuổi, chết trận nào, ngày tháng nào, tôi cẩn thận ghi tất cả vào sổ tay. Sổ tay rồi cũng mất, chẳng còn cuốn nào. Trải qua nhiều năm chiến tranh, tôi may mắn sống sót tuy có bị thương mấy lần, một lần nặng phải nằm bệnh viện mấy tháng tưởng không qua nổi. Sau khi xuất viện, trí nhớ của tôi lại càng tồi tệ. Buổi sáng định rủ thằng bạn đến quán Tương Lai ăn tô phở chẳng hạn, cuối cùng thấy mình ngồi một mình trên ghế đá cạnh nhà thờ Ngả Sáu. Gặp một khuôn mặt quen quen, tưởng nó là đứa học trò cũ, "Em dường như sắp xong Đại Học rồi phải không?" "Sư anh, muốn lên giọng với tôi hả? Hết phép bệnh chưa bồ? Lúc nào đi trình diện lại đơn vị?"

"Vậy mà, lạ chưa, sống trong rừng có mấy năm tôi nhớ dần những

chuyện cũ, những chuyện xa xưa, có những chuyện tưởng như không còn để lại một dấu vết gì trong tôi mà tôi cũng nhớ rõ mồn một. Nhớ bạn đông ngũ của ngày.hôm qua, bạn học thời trẻ, nhớ mảnh vườn bên cạnh dòng sông thời thơ ấu, không, không phải dòng sông, đó chỉ là con hói con con, mùa nắng nước cạn nhiều chỗ lòi đáy, rong rêu lờ vờ, lục bình lềnh bềnh, thằng bé tí xíu cưỡi rên con trâu đen to tướng lội qua bì bõm; mùa mưa nước đầy, trong vắt, lạnh buốt, thoang thoảng mùi gây gây cỏ ải, mùi chợ nhà quê, ngôi chợ Phổ già nua cũ kỹ, buổi chiều lúc vãn; vâng, con hói nhỏ uốn éo buổi sáng sớm mùa đông lạnh tái cả cặp môi có lớp sương mù bay là là trên mặt nước, có ông lão hai tay cầm hai mái chèo nhỏ như con dao phay chèo chiếc ghe tí hon đan bằng nan tre trét dầu đen quánh thả rải xuống lòng hói những chiếc rớ làm bằng bao đựng gạo trên đó có sẵn một ít cám rang thơm phức để cù rủ tôm, tép, cá rô con, cá cấn, cá mại; một hôm ông lão ghé ghe vào bờ hói, mặt đỏ ké như cua luộc, mắt hấp háy sau lớp vân đục, đưa ngón tay nứt nẻ xỉa vào mấy con cá ong hương lọt vào rớ bụng trắng phếu da chấm chấm nâu, lè nhè cá ni thơm thịt lắm thằng... thằng... thằng cu nớ ơi ; thằng bé đang đứng thộn mặt nhìn vội quay đầu ù té chạy về phía con đường cái trên đó một o con gái đang đi loắc xoắc bên lề cỏ non mặc chiếc áo nối bằng thao bằng đũi, một phần vai áo vải nâu, dài gần chấm gót, đầu đội chiếc nón lá đen sì, cũ rích, chân đất, một tay nách cái rổ đi chợ đựng đầy thức ăn gói từng gói trong lá chuối xanh, một tay xách xâu cá trê đang quẩy đuôi, rồi tiếng lè nhè say rượu từ con hói lại vẳng tới, nì o... o... o... tê, bữa ni có kỵ chắc, nhớ kêu kêu tui với, trong khi trên cành thầu dầu sầu đông không còn một ngọn lá, con chim chèo bẻo hích hích cái đuôi trông giống như đuôi cá vẫy gọi ai đó, và dưới gốc cây là một khoảnh đất nhỏ xanh rờn rau thơm rau mùi của mẹ chen vào một cây ớt chỉ thiên độc nhất sống sót giữa mùa đông ; mảnh vườn còn lại mọc đủ thứ cây ăn trái, bưởi, chanh, cam, ổi, nhãn, vải, khế, cau, chuối; đến mùa trái chín, bà nội lụm cụm cầm cây sào dài quơ quơ xua đuổi những con két đang phá những chùm khế moi hột ra ăn, cái lũ két ni hấn ranh quỷ lắm, ba con ra là hấn bay đi mất đất, mệ la mỏi miệng hấn cũng không thèm lý tới, phải lấy sào đập đập mà cũng không ăn thua.

"Anh thấy có lạ chưa, trong hóc núi vừa qua mùa lạnh, mà núi rừng thì lạnh thấu xương, lại có mấy cây ớt sắp ra hoa. Ớt ưa khí hậu nóng, đâu chịu nổi thời tiết đó. Vậy thì mấy cây ớt này chắc chắn phải mọc sau mùa đông. Không lẽ có ai mới đem tới đây trồng. Nhưng đúng là ớt mọc hoang, ngó biết ngay. Tôi nghĩ mãi không hiểu tại sao. Anh có biết tại sao không? Bỗng tôi nhớ bà nội tôi, nhớ lũ két quấy phá. Có lẽ là như thế này, két ưa ăn ớt, bay tới phá vườn rau của một bà nội nào đó bị đuổi nà nhưng

mỏ vẫn không quên tha theo một trái ớt chín đến đậu trên cây cám lấy chân lấy mỏ xé ớt ra ăn làm rơi xuống đất vài ba hột mọc lên thành cây cho tôi bứng đem về chòi làm giống.

"Mùa nắng năm đó chúng tôi lấy hột trái ớt chín ương thêm nhiều cây ớt con khác, chăm sóc kỹ lưỡng, gầy thành một vạt ớt xanh um, chỉ vài tháng sau đâm hoa kết trái. Chúng tôi tha hồ ăn ớt, bữa ăn nào cũng có một chén ớt đầy, ăn riết quen miệng, không có miếng ớt không nuốt nổi miếng cơm.

"Tuy chúng tôi đồng ý với nhau rằng ớt ngăn ngừa được sốt rét, nhưng buổi tối nằm ngủ vẫn không quên đốt lửa hun khói. Phải không anh, đồng ý với nhau là một chuyện, nhưng lỡ cái ý đó trật lất thì sao. Vả lại ban đêm khí rừng buốt giá, không có đống lửa không tài nào ngủ nổi. Rồi mùa lạnh đến, ớt chết lần mòn cho đến cây cuối cùng. Chúng tôi cũng đã biết như thế, một mặt cho ớt ngâm muối đầy ba bốn cái ống bương để ăn dần, mặt khác lựa những trái to chín cây đem phơi nhiều nắng làm giống cho mùa sau. Cứ thế quanh năm suốt tháng luôn luôn có ớt ăn, mùa nắng ăn ớt tươi, mùa lạnh ăn ớt ngâm nước muối.

"Một hôm anh bạn trẻ nhất trong nhóm trở về chòi quá trễ, trăng rằm đã lên quá đỉnh đầu, tôi không ngủ được, nằm trên lớp lá khô nhìn trời dõi theo vừng trăng rờn rợn sáng xanh xao, trong ngần, tròn vo trôi chầm chậm qua những ngọn cây cao ngúc ngắc trong gió. Hắn đánh thức mọi người dậy để nghe câu chuyện lạ lùng của hắn. Hắn mải tìm mật ong đi lạc vào một ngôi làng người Thượng cách vùng Suối Vàng không xa lắm và hắn gặp nhiều cô cậu cỡ lứa tuổi 19, 20, khác hẳn những người lớn tuổi, tóc vàng mắt xanh, mũi cao, thân hình vạm vỡ, trai cũng như gái, mà con gái thì đẹp tuyệt trần. Y phục thì cũng giống như những người Thượng khác, rất thô sơ, con trai có đứa chỉ đóng khố, con gái mặc váy, có đứa ở trần, đi chân đất, trông thật mê ly. Chúng tôi bàn tán xôn xao. Cuối cùng một anh bạn vốn biết lắm chuyện, lại có óc hài hước, đưa ra một lối giải thích nghe lọt lỗ tai nhất :

"Đúng là Mỹ lai Thượng chớ không còn ai vào đó. Chắc lúc ấy có một đơn vị Mỹ đóng đồn gần vùng Suối Vàng, lính tráng mà, xa vợ con, xa gái lâu ngày, thế nào cũng có dăm ba "chú két "đem ớt đi gieo lung tung làm giống.

"Những ngày sau đó, lúc nào có dịp chúng tôi lại đem chuyện Mỹ lai Thượng ra nói, tưởng tượng ra thêm nhiều chi tiết ly kỳ. Rồi chúng tôi, từng người một, tìm cơ hội lãng vãng về vùng Suối Vàng, và cứ mỗi lần trở lại chòi, ai nấy đều cảm thấy bần thần. Không lẽ chúng tôi sẽ sống mãi nơi đây, càng ngày càng đi sâu vào rừng hoang, xa xã hội loài người, xa

những cái nhìn lén lén, những nụ cười thầm vụng, những bước chân ngập ngừng. Xa, xa hết, rồi một ngày nào đó thế nào tung tích cũng bị lộ, lại ăn đạn hoặc đi tù. Kể từ đó cuộc sống của chúng tôi trở nên bất ổn. Những tiếng thở dài nén xuống lồng ngực, những khuôn mặt thần thờ.

"Qua những đường dây liên lạc tín cẩn, những người từ thành phố vẫn gặp chúng tôi để mua nấm, mật ong, trái cây rừng v.v..., chúng tôi biết một ít tin tức bên ngòai. Cuộc sống hà khắc, mọi giá trị đảo ngược đến tận gốc rễ, trại giam mọc lên khắp núi rừng từ nam chí bắc, dã man, ngột ngạt, bế tắc. Nhiều người không kể gì đến tính mạng, bỏ nước ra đi dù không biết sẽ đi đến đâu. Vâng, chúng tôi cũng vậy, chúng tôi không thể nào ở mãi trong những xó rừng không tên này. Anh bạn trẻ là người bỏ chúng tôi ra đi trước tiên. Anh người gốc Long Xuyên, anh bảo anh sẽ tìm cách vượt biển theo ngõ Rạch Giá. Khi anh đi, chúng tôi cố nói đùa một câu : "Đừng quên ghé thăm tóc vàng mắt xanh nhé! "

"Tôi là một trong những người ra đi cuối cùng. Rừng núi cô liêu vắng vẻ, những đêm mưa to gió lớn làm tắt ngấm đống lửa, lạnh quắt người nằm không nằm nổi, ngồi co ro bên nhau run lẩy bẩy, những buổi sáng khí rừng dâng lên mờ mịt phủ cả những ngọn cây cao nhất, phủ luôn đỉnh núi trước mặt, những đêm trăng bàng bạc mênh mang, hàng ngàn chấm đỏ li ti, mắt thú hoang, mắt côn trùng, lẫn trong bụi cây đám cỏ phản chiếu ánh lửa bập bùng, lẫn trong điệu nỉ non rền rỉ miên man, tiếng róc rách của con suối tình cờ gặp, tiếng gào thét của ngọn thác trắng xóa, tiếng chim hót lảnh lót trong ánh nắng vừa lên, và những đám cỏ lau trổ cờ ngả nghiêng trong gió cuối mỗi mùa thu đã qua mấy lần rồi..., tôi mang theo tất cả những thứ đó, trong đầu, trong tim. Và tôi cũng không quên mang theo một gói ớt chín, lựa từ những trái lớn nhất đã phơi nhiều nắng. Tôi tạo cho tôi một niềm tin rằng ngày nào tôi còn duy trì được giống ớt này, ngày đó tôi vẫn còn tôi.

"Để có thể dễ đào thoát, chúng tôi mỗi người đi một ngả. Tôi đi vòng qua ngõ Phước Long, xuống Gia Ray, về Long Khánh và cuối cùng đến trú ẩn miền Phước Tĩnh, phụ việc vá lưới, đan lưới đánh cá, thỉnh thoảng theo thuyền ra khơi phụ kéo lưới, dăng câu, để đổi lấy miếng ăn hằng ngày, chờ dịp thoát thân... Ô, ô, ô kìa, anh nấu gì muốn cháy hết cả rồi kia kìa."

Câu chuyện của bạn tôi không nhàm chán như anh đã rào đón, tôi chăm chú nghe quên cả nồi khoai mì đang bốc khói trên lò ga. Tôi vội đến hạ bớt lửa, vui vẻ bảo bạn tôi :

"Không sao đâu. Nồi khoai mì đó. Nấu riu riu thêm nửa giờ nữa là chín, vớt ra ăn cho vui nghe anh, vừa ăn vừa nói chuyện nhé. Lâu lâu nhớ

củ khoai, củ sắn, củ nưa. "

"Vùng này có cả củ nưa hả?"

"À, tôi nói cho luôn miệng đó mà. Nưa thì làm gì có. Cái giống đó ngay tại nước mình đã thấy hiếm rồi. Phải không anh, có lẽ vì ăn vào ngứa xé họng nên người ta không thích trồng. Tôi khoái câu chuyện của anh lắm đó. Hết rừng rồi đến biển. Nhưng mà này, kéo lưới thì tôi biết, nghĩa là tôi biết có người đi kéo lưới đánh cá, chứ bản thân tôi thì chỉ biết kéo cày trả nợ. Tôi vừa mới mua trả góp một chiếc xe cũ. Vâng, kéo lưới thì tôi biết, nhưng dăng câu là cái trò gì?"

"Nói ra thì dài lắm, đại khái như thế này. Dùng sợi cước to, to cỡ một phần tư chiếc đũa, và dài khoảng một vài trăm thước tùy mình dăng ngầm dưới mặt biển. Làm sao dăng hả, dễ lắm, ở mỗi đầu mút của sợi cước căng thẳng cột một cái phao lớn nối liền với tảng đá thả xuống đáy biển. Trên mỗi phao cắm một lá cờ để làm dấu. Nói là cờ chứ thật ra là miếng vải màu vàng màu đỏ gì đó cho dễ thấy. Dọc theo sợi cước dài đó, giữa hai chiếc phao lớn, thả thêm năm bảy cục đá nối liền với những phao nhỏ khác để giữ dây cước to khỏi bị chùn. Cuối cùng cột rải dài theo sợi cước lớn vài ba trăm sợi cước nhỏ đã gắn sẵn lưỡi câu và mồi ở đầu mút tạo thành một cái rèm để mời cá đến ăn. "

"Anh câu cá gì? "

"Tôi theo chủ tàu làm việc lặt vặt như gắn mồi, gỡ cá khỏi lưỡi câu cho vào khoang thuyền, xay nhuyễn các cây nước đá để ướp cá, nấu bếp, làm việc lau chùi sàn tàu, dụng cụ v.v... Tàu thường đánh cá thu, cá sủ, cá bớp, cá kẻn, cá hồng, cá đưng, cá nhồng, cá bẹ, cá mú, cá hố, cá rựa, cá đao – hố, rựa, đao na ná nhau –, cá lờn bơn, cá ngừ, và nhiều thứ cá khác nữa. "

"Có, dăng, dăng cái gì đó, có dăng câu cá chim không? Cá chim chiên lên ăn ngang xương ngon lắm. "

"Cá chim miệng nhỏ chút xíu ít chịu ăn mồi móc trên lưỡi câu nên không dăng câu được đâu, phải đánh lưới. Thỉnh thoảng tàu chúng tôi đi dăng câu cá mập, cá mập to và mạnh lắm nên chỉ dăng độ hai chục lưỡi câu thôi, lưỡi nào lưỡi nấy to bằng ngón tay, mỗi lưỡi móc ba bốn con mực ống, hoặc nguyên nửa con cá thu lớn. Mùa hè trời tốt đi xa, có khi đi cả tuần lễ, mùa biển động đi vài ngày quanh quẩn gần bờ đánh cá nục, cá trích. Sống ở biển đỡ khổ hơn ở rừng, nhưng lẽ dĩ nhiên lúc nào có cơ hội là tôi thoát ly. Vả lại tôi cũng luôn luôn cảnh giác rằng trước sau gì tung tích tôi cũng bị lộ, ở đây lâu thế nào cũng có ngày bị tóm cổ.

"Sau hơn một năm, dịp may đến. Tôi không có tiền chồng cho người ta nhưng nhờ một vốn ít ỏi về nghề đi biển, tôi được tháp tùng một chiếc

thuyền nhỏ vượt biển. Có lẽ tôi khỏi phải kể dài dòng ra đây những nỗi gian truân của chuyến đi, anh đã nghe chuyện đó quá nhiều rồi chứ gì, tôi chỉ tóm tắt lại rằng sau gần một tháng chống chỏi với đói khát, với hải tặc, với tử thần, và sau hơn một năm ở trên một hòn đảo nhỏ, tôi được cho đi định cư tại nước Mỹ này. Anh biết không, tôi vượt biên sớm được cho đi định cư mau, sau này nhiều người phải ở trên các đảo năm bảy năm là chuyện thường. "

"Tôi biết coi tướng mà, tôi đã biết anh là người luôn luôn gặp may mắn. Khỏi phải tù tội, khỏi phải ở lâu trên đảo, và bây giờ anh sống cuộc đời khá giả cứ thế thuận buồm xuôi mái mà tiến lên mãi. "

Bạn tôi thở dài :

"Có thật vậy không anh? Ồ, nguy rồi, cây ớt trong xe nảy giờ... "

Nói xong anh vội chạy ra khỏi cửa, tôi bước theo. Anh khệ nệ bưng ra khỏi xe một chậu sành trong đó một cây ớt khá to cành lá xanh tươi điểm rải rác những chiếc hoa trắng nho nhỏ. Anh đặt cái chậu sành cạnh cửa ra vào, nói :

"May quá, may quá, hồi nảy may tôi không quây kín cửa kính lên nên có gió vào. Tôi bàn giao cây ớt này cho anh đây. Cây ớt vẫn còn sống nhăn răng ra đó anh thấy chưa. Hồi trưa lên tới đỉnh đèo thấy cây ớt héo queo tôi rầu quá. Đầu óc tôi lùng bùng, có lẽ cái mặt tôi đỏ gay, vì tôi thấy nóng nảy cả người như muốn lên cơn sốt. Xe bắt đầu xuống dốc mà tôi cũng cứ nhấn thêm ga, mở máy lạnh, chạy vùn vụt. Con đèo thật dài. Đến chân đèo tôi ngoảnh đầu nhìn cây ớt lần chót thì... anh biết không, cây ớt vươn thẳng người lên, nó sống lại rồi anh ơi! Đúng rồi, nhờ mở máy lạnh cây ớt đã sống lại."

Sực nhớ lại câu nói của bạn tôi hồi nảy, tôi ngập ngừng :

"Nhưng... nhưng ớt thích khí hậu nóng, ớt không chịu nổi lạnh, phải không anh?"

"Đúng vậy. Lạnh mùa đông, lạnh trên núi, chứ máy lạnh trong xe nhằm nhò gì. Vả lại dù có lạnh đi nữa mà chỉ trong một thời gian ngắn cũng không sao."

Chúng tôi lại vào nhà vớt khoai mì ra khỏi nồi, nóng hôi hổi vừa thổi vừa ăn. Sợ rằng câu chuyện đang bỏ dở bỏt đi phần hào hứng, tôi gợi ý :

"Ăn khoai mì suông như thế này quả là không đúng điệu chút nào. Phải chi có một ít đường cát trộn với muối mè để chấm, nạo thêm vài muỗng cùi dừa thoa vào càng ngon, hay ít nhất một chén muối ớt xài đỡ, ớt lấy giống từ núi Thiên Thai."

Bạn tôi bật cười ngắt lời :

"Anh nói dởn hả? Ai lại ăn khoai mì với muối ớt! Và núi Thiên Thai

nào? Anh muốn nói núi Thiên Nga cách Suối Vàng mấy chục cây số? Đúng vậy, cây ớt để ngoài cửa lấy giống ớt từ núi Thiên Nga. Vừa định cư trên đất Mỹ, ở vùng thung lũng Bakersfield, tôi đem hột ớt mang theo gieo trồng ngay. Tôi đã có kinh nghiệm, ớt mọc lên tươi tốt, đến mùa lạnh thỉnh thoảng còn vài cây sống, mà lỡ có chết hết tôi cũng đã dự trữ sẵn hạt gieo vào năm tới.

"Anh cũng biết tôi nói được chút tiếng Anh. Hồi tôi còn làm tiểu đoàn trưởng, cạnh tôi có cố vấn Mỹ. Tôi tìm việc làm không khó khăn mấy. Sau chỉ một năm, tôi sắm xe mới. Tôi đi đây đi đó nhiều nơi trên tiểu bang Cali này. Cali có nhiều vùng rất nổi tiếng, nhưng... nhưng, tôi có thiết gì đến phong cảnh đâu. Cũng đi đi, dòm dòm, ngó ngó với người ta, cũng vai đeo máy hình chạy lăng xăng chỉ chỏ, nhưng lòng tôi lạnh tanh. Nhìn hồ Lake Tahoe, tôi nhớ hồ Xuân Hương, đứng trước những ngọn núi đá hoa cương khổng lồ của công viên Yosemite, tôi nghĩ đến Định Quán, Hòn Chồng, qua vùng Stockton tôi liên tưởng ngay đến đồng ruộng miền Vĩnh Long, Cần Thơ, ngồi trên ngọn hải đăng ở San Diego nhìn xuống thành phố ẩn hiện trong ráng chiều dưới kia rồi nhìn vọng ra Thái Bình Dương, tôi lại thấy tôi đang đứng trên đỉnh đèo Hải Vân trông vời xứ Huế xa xôi mịt mù sương khói. Rồi tôi tìm ra được một chân lý, cho riêng tôi, rằng... rằng phong cảnh vốn không đẹp không xấu, không hữu tình không vô duyên, nó là... là... nó, thế thôi. Con người chỉ được cái ưa lồng cảm xúc riêng của mình vào thiên nhiên. Hình như tôi đang nhại lại ý từ một câu thơ cổ : "Người buồn cảnh có vui đâu bao giờ ". Đúng vậy, tôi đã kiếm ra tạm đủ tiền để đi đây đi đó, để tiêu pha, để gởi cho bà con, bạn bè còn kẹt lại tại quê nhà, nhưng sao cuộc sống không vui. Có lúc chợt tỉnh giấc giữa khuya mở choàng mắt nhìn qua cửa sổ thấy các ngọn đèn xanh đỏ vàng ngoài xa thay nhau tắt cháy mãi mãi không thôi, có lúc nằm trên chiếc giường khám bệnh trong cái phòng vắng teo chờ bác sĩ đến, không phải chờ đợi lâu la gì cho lắm, liếc mắt thấy xe cộ lặng lẽ như đang trôi bên ngoài cửa kính kín bưng, tôi bỗng nhớ quê hương da diết. Nhớ làng xưa xóm cũ đã đành, nhớ luôn cả những góc rừng đầy lá thông khô, những khe suối trong veo bơi lượn từng đàn cá trắng nhỏ như những cọng tăm, hoặc những vàm sông bùn lầy nước ngập tràn xa vào bờ khi thủy triều lên, mọc lác đác cây đước, cây dừa nước, cây mắm, những bãi biển vắng vẻ có nhiều rong rêu và thật nhiều dã tràng chạy dọc chạy ngang. Tức là vào khoảng thời gian trốn tránh vô cùng khốn đốn của đời tôi, mà tôi cũng nhớ quay quắt, huống là... "

Từ trước đến giờ, tôi vẫn cho rằng bạn tôi là người vô tâm, bộp chộp, và luôn luôn vui sống. Anh đến với tôi luôn luôn mang theo nụ cười vô tư,

giọng nói giọng nói ấm áp, cung cách dễ dãi thoải mái. Bây giờ tôi mới biết rằng tôi đã nghĩ sai. Thì ra tôi mới là người bộp chộp, vô tâm, ngay cả người bạn thân tôi cũng không thấu hiểu cho đến nơi đến chốn. Từ trước đến giờ mỗi lần gặp anh tôi thường cười cợt nói đùa nhảm nhí, bây giờ, nghe câu chuyện của anh, tôi đâm ra tư lự. Cố nghĩ cho ra một ý gì đó cho thích hợp với câu chuyện, tôi bàn góp :

"Cuộc đời của tụi mình từ lâu, từ ngày mất nước, vẫn như thế đó, có khi buồn khi vui, nhưng ngày vui thường hiếm hoi. Nhất là trường hợp của anh, là vì, là vì... sống độc thân như anh hẳn nhiều khi thấy cô đơn quạnh quẽ. Tôi không hiểu tại sao anh không chịu tìm một người bạn đường gọi là để nâng khăn sửa túi."

"Nâng khăn sửa túi "? Nghe trang trọng và êm đềm qúa! Nghe như nghe chuyện cổ tích!

Vâng, tôi cũng có nghĩ đến điều đó. Nhưng anh biết không, hồi mới qua đây tôi bôn ba hối hả chạy theo cuộc sống mới muốn đứt cả gân máu. Ít có thì giờ để tĩnh tâm suy gẫm. Một vài mối tình vội với những người cũng hối hả bôn ba không kém, cho nên chẳng đi tới đâu. Mà tôi càng ngày càng luống tuổi. Đâm lười, đâm ngại trước những thay đổi lớn, trước cái viễn ảnh vợ con ràng buộc. Cho nên tôi hẹn rày hẹn mai cái chuyện lập gia đình. Rồi nhấp nháy một cái mà đã hơn 15 năm trời trên đất Mỹ. Bây giờ tôi già mất rồi, mỗi lần nói tới chuyện vợ con sao thấy nản quá. Cái xe của tôi cũng già theo, lên đèo đâu dám để máy lạnh, cây ớt suýt chết. Nhưng sao nó không chịu hỏng để tôi mua xe khác. Tôi không muốn nghĩ đến ngày nó còn đó mà tôi đã ra đi.

"Tôi sẽ đi đâu? Nghĩa địa ở xứ này lạnh lẽo qúa, mình lại không có bà con láng giềng dưới âm phủ. Bây giờ ở quê nhà, tôi không còn một người thân nào cả, tôi muốn nói những người đang sống trên thế gian này. Giả dụ bây giờ tôi có muốn về tôi sẽ không còn gặp ai. Nhưng sau này khi tôi ra đi, tôi sẽ về quê hương nằm xuống bên cạnh bố mẹ, ông bà, tổ tiên, bạn học ngày xưa, bạn đồng song, đồng ngũ. Sẽ bớt, bớt cái gì như anh nói với tôi hồi nãy đó, à, à, sẽ bớt cô đơn cô quạnh quẽ."

Câu chuyện của bạn tôi càng lúc càng đưa đẩy đến những điều làm cho chính bản thân của tôi cũng thấy hoang mang. Tôi đứng dậy đến lò ga lấy thêm vài cũ khoai mì, rót thêm cho đầy hai ly nước đá. Tôi có kinh nghiệm rằng gặp lúc buồn phiền hoặc bối rối, hoặc bế tắc thì cứ kiếm đồ ăn, thức uống, bất cứ thứ gì, cho vào mồm. Thế là mọi chuyện sẽ tự nó giải quyết được nhiều. Tôi định nói đùa một câu tào lao, tôi định san sẽ cái kinh nghiệm vớ vẩn đó với anh, nhưng tôi kịp ngăn lại. Tôi phải tôn trọng nỗi buồn của người khác chứ. Trở lại ghế ngồi, tôi đặt dĩa khoai mì và hai

ly nước vào chỗ cũ và im lặng chờ anh nói tiếp.

Anh nhìn tôi, cười âm thầm :

"Coi bộ anh thích khoai mì lắm hả? Có một khoảnh đất nhỏ gần hàng rào sao anh không trồng dăm ba cây? Dễ trồng lắm. Chặt hom dài độ một gang tay cắm xuống đất là xong, cắm sâu khoảng hai phần ba cái hom. Nếu cẩn thận, lấy miếng mảnh sành nhỏ hoặc hòn đất cũng được đậy lên để che nắng khỏi làm khô ruột hom. Hồi ở trên rừng, ngoài ớt ra, chúng tôi cũng có trồng một ít sắn, tức là khoai mì. Cắm hom xong rồi quên phứt nó đi, chỉ chăm sóc ớt thôi, mấy tháng sau cứ việc nhổ sắn lên là có củ ăn. Tôi nói thế có nghĩa là anh phải chiếu cố cây ớt, bằng không, nó chết. Nhớ tưới nước thường xuyên, thỉnh thoảng bón thêm phân, để dành vài trái chín làm giống phòng khi cây ớt đó không sống nổi qua mùa đông. "

Tôi ngắt lời :

"Lần này anh định đi đâu xa chắc?"

"Vâng, công ty tôi làm dọn qua miền Đông Bắc, lạnh lắm, không trồng ớt được đâu. Tôi sẽ ở xa anh hơn bây giờ nhiều. Anh đã biết đó chứ, tôi không còn bà con bạn bè, ở đây cũng như ở bên nhà. Chỉ có anh là người thân. Và cây ớt. Giữ nó giùm cho tôi nhé. Mỗi năm thế nào tôi cũng trở lại Cali thăm anh vài lần, mà tôi thấy nó còn sống chắc chắn tôi sẽ vui sướng vô cùng. – chơi với anh ít hôm rồi tôi đi. Sẵn dịp công ty chuẩn bị cơ sở mới, được nghỉ làm gần hai tháng, tôi để trọn một tháng vừa đi vừa nghỉ. Tôi lái xe đi."

"Ủa, anh nói cái gì vậy. Tự lái xe lấy? Đi hàng... hàng vạn dặm đường. Lái sao nổi! Mà cái xe mới mẻ gì cho cam. Đi máy bay có phải vừa nhanh vừa khỏe hơn không."

"Không sao. Mệt thì nghỉ dọc đường. Xe lỡ có liệt thì bán đổ bán tháo hoặc cho ai đó cũng được. Rồi mua chiếc xe khác tiếp tục đi. – đất Mỹ này mua xe hơi như mua xe đạp. Với lại tôi thích lái xe. Nhân dịp này tha hồ lái."

"Anh thích ngắm cảnh dọc đường?"

"Tôi đã nói với anh rồi mà, tôi không có óc du lịch. Cảnh nào đối với tôi cũng vậy vậy. Đi xe là vì tôi thích lái xe. Anh biết không, có những cuối tuần bỗng nhiên thấy chán chường mọi thứ, không thích làm gì cả, dỗ giấc ngủ cũng không xong, thì chỉ có cách là nhảy lên xe lái. Tới đâu thì tới. Cứ ngồi trên xe chạy vài ba giờ khơi khơi thế thôi là yên chuyện. Lâu ngày thành thói quen, có cơ hội là lái xe đi thật xa, đường càng dài càng tốt. Lần này sẽ đi xa nhất, việc gì mình không nắm bắt lấy cơ hội. Ngồi trên xe hạ cửa kính hai bên xuống một chút, một chút xíu thôi, tai

nghe tiếng gió thổi vù vù, mắt không nhìn cũng thấy quang cảnh sát hai bên chạy ngược thật nhanh trong khi cảnh vật ở xa lại chạy theo xuôi chiều, xoay vòng vòng mãi, như đang đi trên chiếc tàu lửa từ Nam ra Trung ra Bắc, con tàu suốt mệt nhoài... cảm thấy chiếc xe lao vùn vụt nuốt trôi con đường dài vô tận trước mặt, mọi ưu phiền sẽ nguôi ngoai. Ngoài ra, biết đâu, trên con đường xa lắc từ đây qua bên miền Đông Bắc, gặp được nơi nào na ná như bên xứ mình, tôi sẽ ghi nhớ, để sau này, biết đâu, khi đã già yếu không còn đủ sức lái xe nữa, ngày đó chắc không xa, tôi sẽ quay về nơi ấy để sống cuộc đời còn lại. Lúc ấy tôi sẽ năn nỉ gia đình anh tới ở chung với tôi cho có bạn có bè. Anh bằng lòng chứ?"❐

Tạp chí sáng tác, phê bình và lý luận văn học
Việt ngữ đầu tiên ở Úc.
Phát hành mỗi năm hai số (tháng Giêng và tháng Bảy)

Chủ nhiệm: **Phan Việt Thủy**
Chủ bút: **Nguyễn Hưng Quốc**

Giá dài hạn:
Tại Úc: Một năm: 12 Úc kim. Hai năm: 20 Úc kim.
Các nước khác:
Một năm: 16 Mỹ kim (máy bay), 10 Mỹ kim (đường thủy)
Hai năm: 30 MK (máy bay), 18 MK (đường thủy)
Ngoài nước Úc, xin trả bằng International Money Order.
Ghi trả TAP CHI VIET và gửi về địa chỉ:
VIET 117 Civic Parad D Altona, VIC 3018 Australia
Có thể đọc VIET trên Internet qua website:
www.vietnet.com.au/viet/

Số 1: Đã phát hành đầu tháng 2.98: Chủ đề *Thơ*
Số 2 sẽ ra đầu tháng 7.98, chủ đề:
Sống và Viết ở Hải ngoại

Ý kiến văn hữu và bạn đọc

Đọc chơi... các bài luận về ca dao.

Nguyễn Hoàng Đức

Trước tiên phải xin các tác giả "xá lỗi" về cái *titre* như vậy. Đó không phải đầu đề chơi ngông! Thực ra đó là cách "bám thắt lưng" lối chơi của ông Nguyễn Hưng Quốc theo bài *"Đọc...chơi vài bài ca dao"* đăng trên tạp chí *Văn học* - Cali- USA số xuân Mậu Dần. Là một "chuyên gia thơ", họ Nguyễn đã khởi sự "tung hứng" những tiền đề khá thú vị - khả cảm - khả lý về ca dao, đặc biệt là lối biểu cảm của dân Nam Bộ trước người hùng Lục Vân Tiên của cụ Đồ Chiểu. Sau đó tôi có đọc vài bài khác: *"Bàn thêm về Lục Vân Tiên và Ca dao với Nguyễn Hưng Quốc"* của Thế Uyên, *"Về diện mạo văn hoá với nhà thơ Đồ Chiểu"* của Nguyễn Minh Tường, và *"Nguyễn Đình Chiểu - nghệ sĩ hay hủ nho"* của Đỗ Ngọc Yên.

Đến với Nàng thơ, người ta phải đến bằng những bước chân run rẩy cùng những tiếng gõ cửa rụt rè, vậy đến với Ca dao là đến với Nàng thơ, còn váy lĩnh yếm đào - chít khăn mỏ quạ, thì lại càng phải rụt rè. Bởi thế ông Nguyễn Hưng Quốc mới chọn thái độ "đọc...chơi", một thái độ chưa chính thức, chưa bỏ trầu cau, chưa xem ngày cưới. Song như vậy, không có nghĩa là thiếu nghiêm túc! ở nước nhà, trước khi định "dạm" mặt nàng thôi, đã phải tính kỹ ba - bảy đường: nếu nàng không đồng ý, thì không chỉ làm ta thất vọng, mà trái lại ta đang làm ung hình ảnh chờ đợi mời gọi của nàng.Theo cách cuả họ Nguyễn, và với các tác giả khác, tôi xin nhập cuộc như một kẻ đi chinh phục nàng thơ - cuồng si - náo nức - và chẳng thiếu rụt rè. Tôi hiểu, mình đang vào cuộc cùng những "tay kiếm" cự phách, những người khi bàn có rất nhiều căn cứ khả lý đầy thuyết phục, bởi vậy tôi chỉ xin bàn lại cùng quí vị những điểm nào tôi không nhất trí.

1. Với ông Nguyễn Hưng Quốc.

Người Việt vẫn nói "Nhà Văn nói láo nhà báo nói hay". Điều đó có phải muốn nhắn nhủ những người cầm bút rằng tán xuôi tán ngược gì chẳng được, chẳng hay !(?) Nhưng, là một cây bút lý luận phê bình văn học có cỡ, ông cũng dễ dàng đồng tình với tôi có một cái không thể lộn xuôi cũng được lộn ngược cũng xong, đó là: thực tại. Hiển nhiên, cái "thực tại tinh thần" mà ca dao biểu đạt là thứ sự thật không thể nằm phơi sờ sờ trước mặt chúng ta. Muốn tìm ra nó, tôi nghĩ chẳng có cách nào tốt hơn là con đường "loại trừ siêu nghiệm" (Reduction transcendentale). Nói giản dị hơn, tôi muốn xuất phát từ một con đường chính đáng, loại bỏ đi những lớp mùn hiện tượng, sau đó tìm ra cái lõi của vấn đề. Trong câu ca dao:

Em như cục cứt trôi sông
Anh như con chó chạy rông trên bờ.

Ông cho "không chừng đó là một bài ca dao hay", bởi một lẽ khá xuyên suốt :*"Cái tục của ngôn ngữ, cái thô của hình tượng ở đây lại là những cái thực và là một sự sáng tạo. Nó phá đổ những khuôn sáo cũ kỹ và giả tạo trong văn chương bác học. Nó vứt bỏ những son phấn những mũ mão đai hia để làm hiện hình những con người gần gũi với cuộc đời hàng ngày"*.

Tôi cho rằng, người Việt chưa bao giờ làm ca dao với mục đích để xoá tan mặc cảm "khuôn sáo của văn chương bác học". Người Việt rất trọng thầy dạy chữ :

Muốn sang thì bắc cầu kiều
Muốn con hay chữ thì yêu lấy thầy.

Thực tế, trước kia có đến hơn 90% người Việt làm nghề nông, khi cần phải viết đơn từ mọi người tìm đến người biết chữ với thái độ rất trọng vọng. Hơn nữa không giống châu Âu có mâu thuẫn giữa quí tộc và bình dân, ở Việt Nam, chưa hề xuất hiện xu hướng chống báng giữa hai lối sống "dân quê" và "trí thức", nếu có mâu thuẫn "quan hệ sản xuất" thì chỉ có giữa nông dân và địa chủ. Bởi lẽ, xã hội cũ đa số làm nông nghiệp, sự phân hạng đẳng cấp chưa rõ nét và quyết liệt. Vậy thì sự tục tĩu của hai câu ca dao trên có ý nghĩa gì?

Freud cho rằng, khi đàn ông tán tỉnh đàn bà, càng lúc họ càng nói tục để lôi kéo đàn bà vào lãnh địa nhục thể. Trong lao động, ở khắp nơi trên thế giới, Tây cũng như Ta, càng lao động mệt nhọc thì người ta càng thích nói tục. Bởi lúc đó, nói tục đồng nghĩa với sự thả lỏng,thư giãn cơ bắp. Nói tục làm người ta liên tưởng đến khoái lạc, hay thú vui khi nghĩ về

khoái lạc, hoặc giải toả sự căng thẳng về lý trí bằng cách xuôi con đò dục vọng xuống miền nhục thể, càng thấp càng tục! Càng tục càng nhàn!

Ông Nguyễn Hưng Quốc viết :*"điều đáng cảm động ở đây là cặp tình nhân tự biết thân biết phận của người yêu và của chính họ chẳng ra gì"*.Đây là cách suy diễn hoàn toàn võ đoán, thiếu sự lần tìm hiện tượng theo truyền thống suy tư của người Việt. Người Việt coi giống chó là loài quí chứ không phải loài dở: "Sống trên đời ăn miếng đỗi chó". Còn cứt trong trường hợp này không đóng vai "thứ hèn" mà đóng vai cặp song hành tất yếu của chó là con vật gần gũi thân thiết gắn bó với gia đình người Việt trong tư cách kẻ giữ nhà và kẻ đón nhận "thức ăn "mỗi lần người ta gọi "êu" "êu"...

Điều đáng nói hơn, cũng là điều đáng tiếc nhất cho bài cuả họ Nguyễn, đó là kẽ nứt khi ông viết *"ở giữa hai câu bát là hai từ bắt đầu từ phụ âm 'ch' "chó chạy" mềm mại, ngân vang, như một nỗi buồn tênh"*. Kẽ nứt này đủ làm đổ toàn bộ khung giàn chữ nghĩa mà họ Nguyễn dựng cho bài ca dao. Thứ nhất, vần "ch" theo tiếng Anh là (ts) là một phụ âm nặng chứ không phải phụ âm nhẹ, theo tiếng Pháp trong từ "Chanson" chẳng hạn là một "s" nặng. Thứ hai cả hai từ "chó chạy" đều là vần trắc, vậy mà ông Nguyễn Hưng Quốc lại hạ một câu nhẹ như gió thoảng hiu hiu :"(chó chạy) mềm mại, ngân vang, như một nỗi buồn tênh". Quả là ông "suy diễn lấy được"!

Tuy nhiên, được cái may là họ Nguyễn không mải suy diễn dài dài, phần bàn về Lục Vân Tiên của ông lại khả lý và khả chấp. Tôi đồng tình và thấy không có gì để "chống báng" ông. Nhưng với ông Nguyễn Minh Tường tôi lại muốn có vài lời phản biện.

2. Với ông Nguyễn Minh Tường:

Tôi xin bàn với ông Nguyễn Minh Tường vài điểm cụ thể sau, đúng ra là những điểm sai sau! Tại sao lại là những điểm sai? Trong học thuật mà võ đoán thế nghe "phát xít" quá !(?). Không phải vậy, bởi lẽ những điều ông đề cập không ở dạng tiền đề hay giả thuyết nữa, mà đó là những trải nghiệm văn hoá trong tâm hồn người Việt:

2.1- Cứu cánh chế giễu của ca dao : Ông Ngyễn Minh Tường viết "khi sáng tác nên những bài ca dao để chế giễu sự nghiêm trang, các tác giả dân gian đã "chụp bắt những hành vi nghiêm trang không đúng chỗ, không phải lối, giả vờ, cố tình "lập nghiêm". *Vì thế, trong ca dao Việt Nam bất cứ một lối nghiêm trang nào từ nghiêm trang - Nho; nghiêm trang - Phật; nghiêm trang - Lão... đều bị bỏ chung vào một rọ để... cười!*

Có thể kể ra không thiếu những câu ca dao để gây... cười ấy:

- Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ốm tương tư
ốm lăn ốm lóc cho sư trọc đầu
- Nam mô bồ tát, bồ hòn
Ông sư, bà vãi cuốn tròn lấy nhau.
- Em là cô gái đồng trinh
Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè
Ông Nghè cho lính ra ve
Trăm lạy ông Nghè, tôi đã có con..."

Cho rằng, ca dao để bỏ sư, giáo, quan vào một rọ để... cười thì mới chỉ thấy được chiếc vỏ hình thức khoác hờ của sự việc. Như vậy đơn giản quá! Dân Việt nhằm vào tăng lữ, nhà giáo, hay quan lại để châm chọc chế giễu không phải để bày tỏ sự miệt thị của mình, hay bài bác sự nghiêm trang ; trái lại đó là những tầng lớp người Việt rất trọng rất kính, sự chế giễu đó xuất hiện là muốn tạo nên "âm bản tiêu cực" nhằm đổ khuôn những "dương bản tích cực". Nói một cách khác, đó là những hình ảnh mà quần chúng khát vọng lý tưởng hoá. Muốn tạo tác hoàn bị thì phải "đẽo gọt" và sự chế giễu của ca dao chính là con dao để quần chúng đẽo gọt những hình ảnh thượng tầng của xã hội thành lý tưởng. Trong các câu ca dao trên, người ta muốn có một ông sư ra một ông sư, tức là ông lánh trần bằng cách thoát trần, chứ không phải bằng cách còn ham hố dục vọng trần gian "Sư về sư ốm tương tư"; ông Nghè là ông có vũ lực - binh lính trong tay xin ông đừng có " cho lính ra ve"... Khao khát xây dựng những hình ảnh thượng tầng kiến trúc lý tưởng hoặc những đẳng cấp dẫn dắt tinh thần cho xã hội trong sạch lành mạnh không chỉ có ở Việt Nam, mà còn là xu hướng tiến bộ tất yếu của nhân loại. Nói đơn giản, trong cơ thể người ta quan trọng cái đầu hơn cái đuôi "đầu xuôi đuôi lọt", bởi thế bằng vũ khí của tinh thần - ngôn ngữ ca dao, mọi người muốn biến cải, phản tỉnh hay cảnh thức những cái đầu của một xã hội. Người Việt vẫn bảo "yêu cho roi cho vọt, ghét cho ngọt cho bùi", những câu ca dao trên chính là những cái "tát yêu" mong hoàn chỉnh những hình ảnh lý tưởng.

2.2- Ca dao không phải để giải toả bức bách tâm lý : Ông N.M.Tường viết "Cái cười trong ca dao hay cái cười dân gian là do nhu cầu giải toả bức bách tâm lý, một cách tự cải thiện thân phận". Xét về mặt ngôn ngữ cũng như triết học, đó là cách nghĩ hoàn toàn sai lầm! Nếu không thì cũng hoàn toàn phiến diện! Bởi nó đã khước từ "đối tượng tính" của ngôn ngữ. Ngôn ngữ được nói ra, nó phải nhắm đến đối tượng, truyền đạt thông tin

hay tác động đối tượng. Thêm nữa trong những câu ca dao, lấy ngay những câu mà ông Nguyễn MinhTường dẫn ra chẳng hạn, ngôn ngữ bập bềnh, nhún nhảy, reo vui như một chiếc yếm thắm, hay kín đáo "chủ quán tính"như một đồng trinh được đem ra khoe:

- Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư...

hoặc:

- Em là cô gái đồng trinh
Em đi bán rượu qua dinh ông Nghè...

Bởi khi đặt ca dao vào cứu cánh giải toả bức bách tâm lý một cách chủ quan, ông Nguyễn Minh Tường đã cho rằng : *"Mục đích của câu ca dao "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn..." theo tôi nhằm tới hệ quả giản dị thôi... gây cười"*. Tôi cho rằng đây là một ý kiến sơ lược hết sức sai lầm bởi mấy lẽ:

1- Ca dao không bao giờ chỉ giản dị là gây cười. Cái cười của dân gian bao giờ cũng đọng lại, kết tinh qua năm tháng và lịch sử. Vậy nó đọng lại nhờ cái gì? Nhờ việc giản dị gây cười thôi!? Chắc chắn không phải như vậy, nó phải được kết tinh qua một ý nghĩa nào đó nhờ sợi chỉ liên kết xuyên - nối tâm hồn mọi người.

2. Người Việt có truyền thống được tạo bởi "lề luật cung đình" rất khắc nghiệt, đó là không dám chạm đến tên Huý. Trong câu ca dao, "Vân Tiên ngồi dưới gốc môn, chờ cho trăng lặn bóp... Nguyệt Nga", người Việt, ai mà không hiểu Vân Tiên là tên "đại huý" của cụ Đồ Chiểu. Vậy mà khi người ta dám cả gan không chỉ nhắc đến mà con đèo bòng cho người hùng đó một hành động như vậy, chắc không chỉ bồng bột giễu cợt gây cười!(?)

3. Nếu 2 câu trên còn là thứ nghi ngờ thì chỉ cần suy luận về sự tương xứng giữa nội dung và hình thức ở 5 câu sau thì rõ ngay vấn đề:

Vân Tiên cõng mẹ chạy ra
Đụng phải cột nhà cõng mẹ chạy vô
Vân Tiên cõng mẹ chạy vô
Đụng phải cái bồ cõng mẹ chạy ra
Vân Tiên cõng mẹ chạy ra...

Về độ dài, về sự tái hiện con thoi của hành động"chạy vô - chạy ra" đã khiến cho những nụ cười rụng hết.... thậm chí cả nụ cười sót... để vén màn một ý nghĩa nghiêm túc nào đó? Nó làm người ta liên tưởng ngay đến câu ca dao:

Con kiến mà leo cành đa
Leo phải cành cộc leo ra leo vào.

Đó có phải cách ám chỉ về một trí tuệ "luẩn quẩn" không? (!)

2.3. Yêu nước không đồng nghĩa với cấp tiến hay bảo thủ. Điều này quả qúa rõ, ở Anh chẳng hạn, có ai lại đi tố cáo Đảng Bảo Thủ là không yêu nước đâu! Tôi nghĩ, ông Nguyễn Hưng Quốc cũng không mảy may định chứng minh Nguyễn Đình Chiểu là không yêu nước; trái lại ông chỉ định nói về cụ Đồ Chiểu cổ hủ. Ông Nguyễn Minh Tường giành cả phần III của bài báo để chứng minh lòng yêu nước của cụ Đồ Chiểu, ông coi sự cần thiết của lòng yêu nước như một phép bằng hiển nhiên với tiến bộ và tinh thần cấp tiến, ông còn viện cả sự mủi lòng *"Tôi đọc đời và thơ cụ Đồ Chiểu thường bị một tâm trạng xót xa, thương cảm ngập cõi lòng. Đôi khi nghĩ tới cụ như một ông già mù loà với cấu trúc nhân cách hết sức độc đáo có thể sánh với bất cứ một nhân cách Cổ, Kim, Đông, Tây"*, làm bằng cớ "dụ dỗ". Trong nghệ thuật và khoa học, khi đã viện dẫn đến sự mủi lòng, cái mà các nhà mỹ học coi là "nước mắt trại tế bần" làm phương tiện, thì qủa là run rẩy làm sao! Với tâm cảm đó ông N.M.Tường còn đánh đồng nhân cách với lòng yêu nước và tinh thần tiến bộ, đã vậy ông còn hoà tan nhân cách đó ra thành một dung môi "Cổ Kim Đông Tây" trung dung "trong âm có dương trong dương có âm", cổ là kim, kim là cổ. Đây còn là xu hướng "đánh bùn sang ao" rất phổ biến của những tâm niệm ngại tiến bộ ngày nay. Xu hướng này, cứ coi qui cổ là yêu nước, là nhớ tổ tiên, nhớ lịch sử, và là quốc tuý quốc hồn của lòng yêu nước. Chúng ta dễ đồng ý và phải đồng ý với nhau rằng : Nếu quá khứ là tài sản tất yếu của một dân tộc thì tương lai cũng là tài sản tất yếu của dân tộc đó, Một dân tộc không thể không dự phóng về tương lai. Tương lai là cái chưa thành hình,là cái chỉ đạt được bằng một tiến bộ kế tục không ngừng. Nếu như truyền thống - quá khứ là manh áo có hình của một dân tộc thì tương lai là một manh áo vô hình. Và chúng ta đừng nên thúc thủ một ảo tưởng rằng : yêu quá khứ là yêu nước hơn yêu tương lai. Lịch sử cần những manh áo cũ để cất vào viện bảo tàng nhưng cần những manh áo mới để mặc. Xin hỏi ông N.M.Tường, cụ Đồ Chiểu chủ trương thửa loại áo nào?

3. Với ông Đỗ Ngọc Yên.

Đọc bài của ông thấy rằng, cũng như ông Nguyễn Minh Tường, ông bị mắc lưới vào cái gọi là "nhu cầu giải toả bức bách tâm lý" ; và ông đã nâng chứng Stress lên thành :"đánh giặc không cốt thắng mà cốt để giải toả các xung năng tâm lý". Đấy, nếu có gọi là đánh giặc, thì mới là sự xung đột tiểu khí mà thôi! Còn về đại khí, các cuộc chiến tranh trên hoàn cầu đều xoay quanh mấy điểm nóng : chiếm đất, tiền tài vật chất, tôn

giáo, hay hệ tư tưởng. Ngay cuộc chiến tranh kinh điển giữa dân Hy Lạp và dân Tơ-roa cổ xưa, cũng là đi chiếm lại nàng Hê-len. Và phương châm cốt tử của mọi cuộc chiến tranh là "đánh nhanh thắng nhanh". Và sự giải toả sợ hãi (chứ không phải giải toả tâm lý) - giải toả nỗi lo âu sinh tử đều được thực thi trước bởi ngoại giao nhằm kết thúc cuộc chiến ở ranh giới cần thiết. Sở dĩ ông Đỗ NgọcYên có lầm lỡ này bởi ông đã chắp một đôi cánh quá khổ cho chứng stress.

4. Với ông Thế Uyên

Bài của ông nặng về kể chuyện (đã kể thì chỉ nên nghe!) và nặng về thống kê (thống kê thì cũng hãy nghe!). Nhưng có một điểm ông lầm lẫn rất đáng yêu, ông cho rằng cái việc "*chờ cho trăng khất bóp l... Nguyệt Nga" mà ông Nguyễn Hưng Quốc gọi là phàm phu tục tử là không đúng, trong khi đó ông lại chứng minh bằng cách hoàn toàn đồng tình, ông viết :"tự thiên tử đĩ chí ư thứ dân" đều làm, như thế phải được coi là bình thường mới đúng, không nên coi là "phạm" và "tục". Nam độc giả nào, nếu không thuộc giới tu hành bất kể đạo nào, đến giờ phút này chưa làm các động tác đó bao giờ, đề nghị cũng nên cho biết tên để quần hào năm châu cùng ngưỡng mộ*". Phần gạch dưới là tôi nhấn mạnh hộ ông, không hiểu nó đã đủ "chứng minh ngược" cho sự phản bác tính chất"phàm tục"trong câu ca dao trên của ông chưa?

Bài viết đã dài, đời sống trí tuệ cũng như đời sống trần ai, nếu không được chen vai thích cánh để cọ xát cho hòn ngọc trí tuệ thì thật là buồn! Mong các ông thể tất cho, và thật hồi hộp khi đón chờ sự "cọ xát" của các ông!

Hà Nội, 27/5/98

Sau khi xuất bản tập *Thơ Khoa Hữu*, tạp chí Văn Học lại sắp xuất bản tác phẩm đầu tay cho một nhà thơ hàng đầu khác từng đăng nhiều thơ trên Văn Học: Nguyễn Xuân Thiệp.

Xin bạn đọc đón đọc:

tôi cùng gió mùa

thi phẩm của

Nguyễn Xuân Thiệp

Bìa Đinh Cường. Tạp chí Văn Học xuất bản

Tạp Ghi

Nguyễn Quốc Trụ

● Tưởng Niệm Octavio Paz (1914-1998)

Vào năm 1968, Octavio Paz thành lập nền văn hóa phản kháng tại Mexico. Hệ thống chính trị ở đây không có trại tập trung cải tạo. Nó cũng chẳng đề nghị Quốc Gia Tối Thượng, nhưng thực thi một quyền lực gần như tuyệt đối, rút ra từ văn hóa Spanish, và tiền-Hispanic. Đây là một chính quyền cấm đoán tự do bàn luận, phê bình, chỉ trích nhà nước. Trí thức - như những nhà giáo dục, cố vấn, những chuyên gia ý thức hệ, những ông đại sứ - phải hòa mình vào cơ cấu nhà nước, với nhiệm vụ xây dựng "ngôi nhà quốc gia". Mọi đi chệch ra ngoài, mọi ngoại lệ - muốn thành lập đảng đối lập, hay đưa ra những lời phê bình độc lập - bộ máy Partido Revolucionario Institucional sẽ nghiền nát mọi cố gắng của họ.

Ngày 2 tháng Mười 1968, chính quyền Gustavo Diaz Ordaz tàn sát hàng trăm sinh viên tại khu cổ Plaza of Tlatelodo. Tội ác của sinh viên: dám giương cao ngọn cờ tự do chính trị. Ngay ngày hôm sau, Octavio Paz từ chức Đại sứ Mexico tại Ấn-độ. Giây phút tuyệt vời, cử chỉ đẹp nhất này không chỉ thay đổi đời ông, mà luôn cả cuộc sống trí thức tại Mexico. Nói rộng ra, cả văn hóa Mỹ-châu La-tinh. Tiếp theo liền đó, Paz bắt đầu những lời chỉ trích chua cay đảng cầm quyền PRI: "Tại Mexico, không có nền độc tài nào hơn được RPI, và không có một hiểm nguy vô chính phủ nào hơn được tính độc tôn, độc quyền của RPI." Từ năm 1943, Paz hầu như sống ở hải ngoại, như một nhà ngoại giao, phần lớn ở Pháp, và sau đó, ở Ấn-độ. Thật tự nhiên, khi thế hệ trẻ chờ đón việc trở về của ông, như lãnh tụ lực lượng đối lập. Nhưng Paz đã tự chọn riêng cho ông một hình thức phản kháng, với sự kính nể của PRI, và của cả nền văn hóa chính trị thống trị tả phái. Ông bẻ gẫy sự nhất thống nặng chất ý thức hệ, của cuộc sống

trí thức tại xứ sở, thành lập tạp chí *Đa nguyên, Plural*, (1972-1976); tạp chí này, theo truyền thống của tờ *Partisan Review*, xuất phát từ quan điểm dân chủ tự do, chỉ trích không riêng những nền độc tài ở Nam Mỹ, mà luôn cả độc tài Cu-ba, những phong trào du kích đang nở rộ suốt Mỹ-châu La-tinh. Vào năm 1976, chính quyền bóp nghẹt nhật báo *Excelsior*, nơi in ấn *Plural*. Tạp chí đóng cửa, nhưng ngay lập tức, Paz thành lập *Vuelta*, một tạp chí văn chương, phê bình độc lập xuất bản hàng tháng. Tờ báo được đón nhận suốt thế giới nói tiếng Tây-ban-nha, gây những cuộc bàn luận sôi nổi, suýt đưa đến một cuộc nội chiến.

Vào thời điểm đó, tôi (Enrique Krause, một nhà sử học Mexico. Cuốn sách mới nhất của ông, *Mexico: Tiểu sử và Quyền lực*) được gặp ông. Và suốt thời gian 20 năm tiếp theo, cùng một nhóm nhỏ những nhà văn, tôi được may mắn làm việc cùng ông, trong cái không khí bàn luận sôi nổi đó. *Vuelta* là pháo đài, mà cũng còn là bàn viết của Paz. Từ thư viện, trong căn phòng nơi con phố lịch sử Reforma - nơi ông sống hầu như suốt hai mươi năm kể trên - ông nói chuyện hàng ngày với tôi qua điện thoại. Về những bài viết, bài dịch, chuyện kể, thơ. Alfonso Reyes, một thế giá văn chương Mexico trước Paz, đã có lần phàn nàn, Mỹ-châu La-tinh là một vị khách đến muộn, trong lễ hội văn chương thế giới. Ngay từ khi còn trẻ, Paz đã quyết định tham gia lễ hội này, và trên tờ *Vuelta*, người đọc nhận ra những bạn đồng hành sớm sủa trong cuộc sống tinh thần của Paz: Ortega y Gasset, Sartre, Camus, Breton, Neruda, Bunuel. Cho tới ngày chết (19 tháng Tư, 1998, thọ 84 tuổi), Paz vẫn coi ông là một đồng minh, và dẫn giải viên cho nhóm Siêu Thực, nói rõ hơn, ông là kẻ sống sót đáng kể nhất của trào lưu này. Nhưng Vuelta cũng có riêng một bàn tiệc với những khách mời của nó: Borges, Kundera, Brodsky, Milosz, Kolakowski, người Mỹ như Irving Howe và Daniel Bell, và hàng trăm người khác.

Không mở lớp, soạn cours, và cũng chẳng hề ban phán sự thực, chuyện trò với ông luôn luôn là một cuộc thám hiểm, khai phá. "Bản chất dễ cáu kỉnh", như Horace gán cho mọi nhà thơ, lúc nào cũng nghiêm túc với mọi chuyện đời, nhưng mê say như một đứa trẻ không bao giờ hết tò mò. Nhiều đề tài mê hoặc ông, và ông viết hoài về chúng: suy tưởng về sáng tạo thơ và ngôn ngữ; viễn kiến cuộc vận hành thi ca Tây-phương, từ say đắm lãng mạn tới viễn ảnh khôi hài của tiền phong hiện đại, trong đó, ông so sánh không chỉ những tác phẩm, thuộc những ngôn ngữ khác nhau, nhưng còn đặt để chúng vào thế đối chọi, với thi-học không-Tây-phương... Tôi nhớ có lần, tôi tính ghi notes, về tất cả những điều ông nói, và làm, nhưng may mắn sao, tôi đã cưỡng lại được sự cám dỗ đó; và tình bạn giữa hai chúng tôi nhờ vậy càng thêm dễ dàng thoải mái hơn. Luôn trong trạng

thái phấn chấn, trông ông như một con sư tử bờm dài, cách ứng xử của ông cũng y hệt. Những nhà văn lớn Mỹ châu La-tinh khác, ông nói, luôn vun vén gia tài văn chương riêng, như Borges, với thế giới Olympus, hay Garcia Marquez, với trò thờ phụng cá nhân - một caudillo chính trị - hoặc luôn suy nghĩ, rằng con đường Mác-xít là bắt buộc, một "khả đạo" duy nhất cho Mỹ-châu La-tinh (như tất cả những nhà văn thời kỳ Mỹ-châu La-tinh Phục-hưng ngoại trừ Ernest Sabato, Vargas Llosa thời kỳ sau, và Herberto Padilla). Không một ai trong số họ thành lập hay chủ trương một tạp chí văn chương và chính trị. Paz đã làm chuyện này một cách liên tục, hầu như không gián đoạn, từ thập niên 1930.

Paz đã chuyển hóa Mexico vào một thánh thư, nó kêu gào được giải mã, được phát hiện. Ông là người thợ mỏ, nhà luyện kim, của cái gọi là căn cước Mexico. Xuyên qua những công cuộc thám hiểm, khai quật của ông, trong *Mê Cung Của Cô Đơn*, giữa những hình ảnh những nghi lễ văn hóa của ông, những ham muốn, những huyền thoại dân giả của nó. Những bài thơ xuôi trong *Eagle or Sun*, và sự tự do mang chất thơ: ông là tiền thân của dòng văn chương hiện thực huyền ảo Mỹ-châu La-tinh. Những cuốn sách của ông về những văn nghệ sĩ Mexico, đặc biệt là những suy tưởng của ông về Sor Juana Inés; những tiểu luận về lịch sử, hoặc về phê bình chính trị...

Tôi cảm thấy mình cô đơn, và Mexico là một xứ sở cô đơn, trơ trọi, tách ra khỏi dòng chảy chính của lịch sử.... Nghĩ về điều kỳ cục, là một người Mexico, tôi khám phá ra một sự thực cổ xưa: mọi người mang một kẻ lạ, giấu kín ở ngay trong mỗi người... Tôi muốn lặn sâu vào trong tôi, khai quật kẻ lạ này, nói chuyện với anh ta.

Với Paz, một nhà thơ của tình yêu, "đàn bà là cửa ngõ hòa giải với thế giới.":

Em nhìn: em giăng hạt.
Hạt mọc thành cây
Tôi nói
vì em khua lá.

Âm nhạc và bánh mì, sữa và rượu vang, tình yêu và mơ mộng: Biếu không. Vòng ôm chết người, của những địch thủ yêu nhau: mọi vết thương là một cội nguồn. Bạn bè chĩa mũi thương, sẵn sàng cho cuộc thoại tử vong, vì cuộc sống... Người là thực phẩm của người. Đâu có gì khác biệt, giữa tri thức và mơ mộng, giữa mộng mơ và hành động. Thơ ca châm lửa (vào) những bài thơ... Hãy tiêu huỷ, khoảng cách giữa chữ và vật; gọi tên là sáng tạo, tưởng tượng là nẩy sinh. (Paz, *Một thi sĩ*, trong *Hành trình*,

Gallimard, 1996).

Vào thời đại của chúng ta, nghệ thuật và văn chương dâng hiến được gì? Không phải phương thuốc, không cả sự lành bệnh, nhưng là một di sản để đón nhận; một con đường bỏ hoang (lại) phải khai phá. Nghệ thuật và văn chương của quá khứ cận kề, là những sức mạnh nổi loạn; chúng ta phải tìm ra khả năng nói không, lay động xã hội ngái ngủ, đánh thức những ý thức bị đám đông làm thành mê muội. Những nhà thơ, những tiểu thuyết gia, tư tưởng gia không phải là những kẻ tiên tri, họ đâu biết gì, về bộ mặt của tương lai; nhưng rất nhiều người trong số họ đã xuống tận đáy sâu của tâm hồn con người. Ở đó, mãi tít dưới đáy, là bí mật của tái sinh. Phải đào nó lên. (Paz, diễn văn tại Séville, 29 tháng Chạp, 1991).

● Bút hiệu

"Đó là một cuộc sinh mới. Tôi tự làm mới chính tôi. Tôi được mọi chuyện, thêm một lần nữa."

Romain Gary viết, trong di cảo, *Cuộc Sống và Cái Chết của Emile Ajar*. Ông tự huỷ mình, ngày 2 tháng Chạp, năm 1980. Chỉ vài tháng sau khi ông mất, *Cuộc Sống và Cái Chết* xuất hiện, gây một cú sốc tại thủ đô nước Pháp; trong đó, tác giả thú nhận, ông là tác giả của bốn cuốn tiểu thuyết được nhiều người biết dưới bút hiệu Emile Ajar. Cuốn tiểu thuyết "Ajar" thứ nhất, *Gros Câlin*, là một best-seller 1974. Cuốn thứ nhì *La vie devant soi*, trúng Goncourt 1975, nhưng Romain Gary đã được giải này rồi, vào năm 1956, với cuốn *Cội Rễ Nhà Trời, Les Racines du Ciel*. Theo điều lệ, mỗi nhà văn chỉ được một lần, cho nên ông phải từ chối.

Gary gốc Do-thái, sinh tại Vilna, hay Wilno, thủ phủ Lithuania, (cùng quê hương với Czeslaw Milosz). Theo mẹ chạy qua Pháp năm 1928, lúc mười bốn tuổi, khi đất nước bị Bolsheviks tấn công, chiến tranh với Ba-lan, hận thù Do-thái, và họa độc tài. (Cùng với sự sống sót của một cậu bé, là một nghệ thuật: kể chuyện). Gary học trung học tại Nice, và luật tại Paris. Tháng Sáu 1940 gia nhập Không Lực Hoàng Gia Anh, và Nước Pháp Tự Do. Đại uý phi đoàn Lorraine, tham dự chiến trận Anh, Phi, Abyssinie, Libye, Normandie từ 1940 tới 1944. Huy chương Bắc Đẩu Bội Tinh và Người Bạn Giải Phóng. Gia nhập ngành ngoại giao, cố vấn tòa đại sứ ở Sofia, Berne... Phát ngôn viên của Liên Hiệp Quốc từ 1952 đến 1956. Tham vụ ngoại giao ở Bolivie, lãnh sự trưởng tại Los Angeles. Kết hôn và sống với nghệ sĩ Jean Seberg, từ 1962 tới 1970. Bà vợ tự tử, vì bị FBI khủng bố bằng cách loan tin thất thiệt, do bà giúp đỡ nhóm Báo Đen. Cuốn *Học Vấn Âu Châu, Education Européenne*, viết trong thời gian chiến

tranh, được dịch ra 27 thứ tiếng, giải thưởng Prix des Critiques năm 1945. (Đoạn những núi rừng Âu châu kể chuyện, làm độc giả người Việt liên tưởng tới những nốt nhạc bi tráng của Lê Thương, trong *Hòn Vọng Phu*). Nếu *Cội Rễ Nhà Trời* là một cuộc chiến cô đơn, tuyệt vọng của một con người giữa rừng già Phi châu, nhằm bảo vệ loài voi, *Cuộc Sống Trước Mặt, La Vie Devant Soi*, câu chuyện tình của một cậu bé Ả-rập, dành cho một bà già Do-thái. Cậu bé Momo phải chống lại sáu tầng thang lầu Madame Rosa không muốn trèo lên nữa, chống lại cuộc đời, bởi vì "điều đó không thể tha thứ được"; bởi vì "không cần thiết có lý do để mà sợ hãi". Cậu giấu bà già vào cái lỗ Do-thái (trou juif), như vậy bà sẽ không chết tại nhà thương; làm bạn với bà cho tới cái chết, và có thể vượt quá cả giới hạn đó.

Chiến lược in ấn những cuốn sách dưới bút hiệu Ajar cũng rất ly kỳ: bản thảo được gửi tới Paris từ Rio de Janeiro, và một "thế thân" của Ajar, vốn là một người bà con của Gary, đã tự cho phép mình gặp gỡ phóng viên nhà báo. Giải thích chuyện này, trong di cảo, ông cho biết, đã quá chán là một Gary nổi tiếng, ông muốn là một người nào khác. <f1>ở tuổi 59, ông đã viết 33 cuốn sách, với một mớ giải thưởng, và là một trong những tác giả thành công nhất, được ái mộ nhất trong số những nhà văn Pháp. "Tôi luôn luôn là một người nào khác." Ông nói. Và nói thêm: "Tôi muốn là khán giả nhìn ngắm cuộc đời thứ hai của chính mình." Dẫn lời nhà văn Ba-lan, Witold Gombrowicz: Rồi cũng có ngày, cái ngày mà nhà văn trở thành tù nhân của người đọc, nói rõ hơn, người viết phải mang mãi bộ mặt mà những nhà phê bình đã cho người viết, một bề ngoài chẳng liên quan đến tác phẩm, hay chính người đó. Đối với Gary, còn một nguyên nhân làm ông quá chán căn cước của mình, luôn cảm thấy là một người khác: ông là một nhà văn lưu vong, không chỉ với nơi chốn ra đời, với ngôn ngữ mẹ đẻ.

Vào năm 1984, American Award và Institute of Art and Letters đã trao giải thưởng cao quí nhất của họ về thể loại giả tưởng, cho một nhà văn mới, "trẻ", người Mỹ gốc Mễ, có tên là Danny Santiago, với cuốn đầu tay *Nổi Tiếng Khắp Tỉnh, Famous All Over Town*. Liền đó, người ta khám phá ra nhà văn trẻ này chẳng liên quan gì tới Mỹ-Mễ: Danny Santiago hóa ra là nhà văn già 73 tuổi, Daniel James, tác giả vài cuốn sách, được biết nhiều như là một nhà viết kịch, và truyện phim. Điều làm mọi người bực mình nhất: Ông có tên trong danh sách đen của Hollywood vào thập niên 1950: một cựu đảng viên CS. Đây là thời điểm chủ thuyết McCarthy (1909-57) đang thịnh hành, với những trò khủng bố, lên án, lên danh sách đen... nhằm quét sạch "mầm mống" CS tại thiên đường châu Mỹ. Tác giả

cho biết, cuốn sách là kinh nghiệm khi ông là một thiện nguyện viên làm công tác xã hội tại một khu vực Mỹ-Mễ ở Los Angeles, vào những năm 1950 và 1960. Và ông chọn bút hiệu đó, vì đã mất tin tưởng vào khả năng viết lách của chính mình. Cũng có thể, khi chọn một cái tên gốc da màu, Santiago, thay vì James, gốc da trắng, trong câu chuyện được kể bởi một đứa bé 14 tuổi Mỹ-Mễ, ông cảm thấy gần gụi với Santiago, hơn là James.

Joyce Carol Oates, trong bài viết *Những Cái Tôi Giả Danh, Pseudonymous Selves*, cho rằng, đến một tuổi nào đó, bản năng đòi vô danh của chúng ta mạnh hơn là đòi căn cước thực, hay nói rõ hơn, bản năng đòi tẩy xóa *cái tôi đầu*, nhờ vậy, lòi ra một *cái tôi khác*. Sau khi tạo nên một căn cước của mình dưới con mắt thế nhân, một *nhân vật, persona* không thể bị huỷ diệt, con người lại mong ước chạy trốn nó! Đây là sự ngang bướng, bản năng đòi tự do, cái mới, của tâm lý con người.

Người viết đọc (lại) bài viết của Oates, trong cuốn *Nhà Văn (Đàn Bà), (Woman) Writer*, tình cờ cùng thời gian Mai Thảo mất. Trong bài tưởng niệm ông, của Thanh Tâm Tuyền, trên tạp chí *Thơ*, người ta được biết, ông còn có bút hiệu Nhị, cho một số bài thơ, và trong nhiều năm, ông "viết văn, bằng lòng làm nhà văn." Bởi vì: "như mọi thi sĩ của một thời điêu đứng," ông "đã trốn thơ, cho đến lúc không thể trốn được nữa".

"Đáng lẽ Mai Thảo phải là thi sĩ, một *thi sĩ toàn phần* như chữ ông thường dùng... Ngay cái bút hiệu của ông hiện nay, cũng nẩy sinh từ một mối tình đối với thơ." (Nguyễn Hưng Quốc viết về Mai Thảo, Văn số đặc biệt).

Bút hiệu Nhị phải chăng, là từ núi Nùng, sông Nhĩ, Nhị Hà? Một bài viết đầy chất thơ của Mai Thảo: *Tiếng còi tàu trên sông Hồng*. Và đây là "thổ ngơi" *căn nhà vùng nước mặn*, (còn là quê hương của Tú Xương), như trong bài viết của Nguyễn Đăng Khánh, (Văn, số đặc biệt): Trước mặt và bên hông nhà là con sông đào, thuyền bè qua lại nhộn nhịp vào những ngày họp chợ.

Ông chạy trốn thơ, như mọi thi sĩ của một thời điêu đứng? *(Pourquoi des poètes, en temps de détresse?* Holderlin). Ông chạy trốn thơ, bỏ (bút hiệu) Nhị, *bằng lòng làm nhà văn*, phải chăng còn vì một câu văn bất hủ, mở đầu nghiệp văn: *Phượng nhìn xuống vực thẳm: Hà-nội ở dưới ấy?*

(Nhiều năm, nhiều lần, trong tiềm thức của riêng tôi, mỗi lần dư âm thành phố xưa vọng lên, câu văn lại dội về, như thế này: *Phượng nhìn xuống Hà-nội: địa ngục ở dưới ấy*. Chỉ đến khi đọc bài viết của Thanh Tâm Tuyền, tôi mới hiểu mình nhớ lộn, hoặc đọc lầm, ngay từ đầu, như thể đâu đó ở trong tôi, đã có sẵn một câu văn, và (câu văn) Mai Thảo là một

dịp để cho nó bật ra: phải chăng trí nhớ của con người vẫn dành riêng cho nó một quyền năng, tự do sáng tạo, hoặc tiên tri?)

Ông chạy trốn thơ, hay chạy trốn một bút hiệu: Nhị?

Khi từ bỏ một bút hiệu, ông cảm nhận (chấp nhận?), phần số lưu vong, chết nơi quê người?

Ra hải ngoại, ông làm thơ trở lại, như một hòa giải với một nơi chốn, một miền đất? Như một toan tính sau cùng: cởi bỏ mặt nạ văn chương làm dáng, văn chương thù tạc, giao duyên? Ông là một thi sĩ, tuy tự trào, bỡn cợt, nhưng "cũng đành" (résigné), với thời gian, số mệnh, lẽ tử sinh, nhất là với bệnh tật, và cùng với nó, nỗi cô đơn. Thơ ngày một *lạnh* thêm. *Mai Thảo, trước khi để cho người ta nhìn thấy ông, như ông là (một nhà thơ), nghĩa là một vị khách nhẫn nhục, và tiếu lâm, của Địa Ngục; đã chịu đựng rủi ro, làm một nhà văn thời thượng, vô sắc, một cách thật đặc biệt. Đọc (ông, thấy) nhàm chán, hàm hồ, những chi tiết vô hại (vô tác dụng) làm phiền chúng ta. Sau vài trang, người ta nhận ra, sự hời hợt, cẩu thả, là cố ý, cốt cho đầy cuốn sách.**

Ai cũng biết, điều này: Trước 1975, hầu hết truyện của Mai Thảo, là tiểu thuyết đăng báo.

Go on, run away, but you' d be far safer if you stayed at home(1).

Trong một bài viết về thơ, *Foreword to the Poems*, John Fowles cho rằng cơn khủng hoảng của tiểu thuyết hiện đại, là do bản chất của nó, vốn bà con với sự đối trá. Đây là một trò chơi, một thủ thuật; nhà văn chơi trò hú tim với người đọc. Chấp nhận bịa đặt, chấp nhận những con người chẳng hề hiện hữu, những sự kiện chẳng hề xảy ra, những tiểu thuyết gia muốn, hoặc (một chuyện) có vẻ thực, hoặc (sau cùng) sáng tỏ. Thi ca, là con đường ngược lại, hình thức bề ngoài của nó có thể chỉ là trò thủ thuật, rất ư không thực, nhưng nội dung lại cho chúng ta biết nhiều, về người viết, hơn là đối với nghệ thuật giả tưởng (tiểu thuyết). Một bài thơ đang nói: bạn là ai, bạn đang cảm nhận điều gì; tiểu thuyết đang nói: những nhân vật bịa đặt có thể là những ai, họ có thể cảm nhận điều gì. Sự khác biệt, nói rõ hơn, là như thế này: *thật khó mà đưa cái tôi thực vào trong tiểu thuyết, thật khó mà lấy nó ra khỏi một bài thơ. Go on, run away...* Cho dù chạy đi đâu, dù cựa quậy cỡ nào, ở nhà vẫn an toàn hơn.

Khi trở về với thơ, vào cuối đời, Mai Thảo đã *ở nhà*. Cái lạnh, trong thơ ông, là cái ấm, của quê hương. Của *Nhị*.

Theo nghĩa ấm lạnh đó, (sống với hơi ấm của nỗi chết ở trong lòng bàn tay), người Việt nói: sống gửi, thác về.

Hãy tưởng tượng ra thế chân vạc của "văn chương": Một đỉnh, một câu thơ: *Chỉ thấy mưa sa...* Rồi một đỉnh, một câu văn: *Phượng nhìn xuống...* Và một đáy: *một mầu cờ, hay một vực thẳm.*

Tưởng tượng, hãy tưởng tượng: Giao Thanh** in được tập truyện của mình, trước hoặc sau trại tù.

Từ *vực thẳm, địa ngục, ở dưới ấy*, là hệ quả: thời gian Mai Thảo hạnh phúc nhất, bảnh nhất, là ba năm kể từ ngày mất Sài-gòn. Ông là nhà văn "phản động" độc nhất không trình diện học tập cải tạo, "nhởn nhơ" trước mũi súng, trước cuộc săn người, lâu lâu vẫn có dịp họp bạn, cho tới ngày vượt thoát.

* Mô phỏng Borges, khi ông viết về Henry James

(1) John Fowles trích dẫn Martial, nguyên văn: I, fugi, sed poteras tutior esse domi.

** Xin coi bài viết về Mai Thảo, của Thanh Tâm Tuyền, trên tạp chí Thơ, số Mùa Xuân, 1998.

● Về một tạp chí văn chương, cũ và mới.

Tập san Văn chương ra mắt độc giả khoảng 1972-74, tại Sài-gòn. Chết trước ngày 30/ 4/ 75. Hình như là do bác sĩ kiêm quản lý bất đắc dĩ, Nguyễn Tường Giang, chán chuyện đi lấy quảng cáo, mặc dù đi là có, mặc dù tập san có nhà in riêng: nhà in ABC của thân phụ Phạm Kiều Tùng. Có lần, trên tạp chí *Thơ*, tôi đã viết về cái đức sửa mo-rát, sửa lỗi chính tả của anh. Tôi vẫn còn nhớ tiểu đề một số tập san, *Mặt Trời Mất Đi, Mặt Trời Tìm Thấy*, do anh đề nghị. Bằng tiếng Tây: *Soleils Perdus, Soleils Retrouvés*. Đây là một *dị ứng*, một phản ứng tự vệ, trước sự hiện diện, không phải với mấy anh chàng Yankee đứng ngơ ngẩn ở ngã tư đường phố Sài-gòn, tò mò nhìn phố xá, dòng người qua lại, vào những buổi cuối tuần, những ngày mới tới, mà là những thay đổi quá nhanh chóng của thành phố, cùng với sự hiện diện của họ.

Y hệt như một phim Viễn Tây, trên đường phố Sài-gòn đang biến dạng.

Trong bọn, chỉ có Nguyễn Tử Lộc là sớm sủa làm quen với tư tưởng, thí dụ, của một F. R. Leavis, *phê bình gia lý tưởng là một người đọc lý tưởng, từ đó văn chương tùy thuộc hoàn toàn vào những từ ngữ của nhà thơ, hay tiểu thuyết gia mà kinh nghiệm đã đem tới cho họ.* Và ở đây, là tiếng Anh, *một thứ tiếng nói, sức mạnh của nó thuộc về đất, như tổ tiên của họ là những người dân quê... Khi người ta thêm vào đó, rằng, lời nói, theo một trật tự cổ xưa, là một dạng văn hóa nghệ thuật phổ thông, rằng,*

người ta nói thay vì đọc, hay là lắng nghe la-đô, đài,* Nguyễn Tử Lộc đã sớm nhận ra sự đa dạng của một chủ nghĩa tự chủ mang tính đồng quê, thuộc về đất và những người đã chết của nó *(la terre et ses morts)*;* anh có lẽ đã linh cảm, định mệnh của một tiếng nói, *như hồi nhớ về biết bao nhiêu con người.* (Thanh Tâm Tuyền).

Nếu muối mất vị mặn của nó, làm sao có lại được. (Evangile theo thánh Matthieu). Nhà văn theo một nghĩa nào đó, là muối của đất, hay ngắn gọn hơn, là đất. Marguerite Yourcenar, thuộc Hàn lâm viện Pháp ghi nhận, trong tiếng Anh của người Mỹ, *dirt*, dơ dáy, là đất, theo nghĩa của người làm vườn; một thứ đất mầu mỡ, sẵn sàng để trồng trọt: Cho thêm tí dơ vào chậu hoa này đi. *(Put a little more dirt in this flower pot).* Hiểu như thế, một nhà văn, khi bị bứng ra khỏi đất, anh ta trở nên sạch, theo nghĩa vô dụng, hết xài, đã bị thiến. Cũng theo nghĩa đó, nỗi nhớ bùn là thê thảm nhất, trong mọi nỗi nhớ. Anh ta phải động viên mọi sức lực, quyền năng, nghệ năng, biến sở đoản thành sở trường, biến chữ thành đất. *Chúng ta đi mang theo quê hương.* Sự thành công của dòng văn chương di dân viết bằng tiếng Anh là một ví dụ. Vả chăng, kinh nghiệm ăn nhờ ở đậu là kinh nghiệm cá biệt, mỗi người một kiểu. Bạn luôn đau nỗi đau nhớ nhà, nhưng tệ hại hơn, còn nỗi đau vong thân: tiến trình biến thân quen thành xa lạ, hờ hững. Người viết chưa gặp phải tình trạng này, nhưng hình như một số người Việt về nước đã gặp cảnh chua xót. Cứ nghe như quê hương nói mát nói mẻ: *ơ kìa, anh/ chị này, tôi không quen*! Ôi nỗi xa lạ hờ hững, không phải của một dáng dấp chưa từng gặp, mà từ chính người yêu dấu, thân thương mới ngày nào còn là của mình. Nhưng Nguyễn Tử Lộc đã chẳng cần tới mấy chuyện đó. Chẳng cần thứ kinh nghiệm đó. Anh ở lại mãi mãi, sau 1975, vì bạo bệnh. Đám tang anh, có Nguyễn Đạt, Joseph Huỳnh Văn, Phạm Kiều Tùng, Phạm Hoán, tôi... đi sau quan tài. Hình như chỉ thiếu Nguyễn Tường Giang. Sau anh là Joseph Huỳnh Văn. Mới đây thôi (20/ 2/ 95), vậy mà cũng đã hai năm mấy rồi.

Tôi biết Lộc, và Joseph Huỳnh Văn, là qua *Tập san Văn chương.* Không biết ai là người đầu tiên đưa ra việc làm báo. Khi có tôi, mọi chuyện đã được quyết định. Tôi nhận lời, phần lớn là vì hai người bạn mới. Nhất là Joseph Huỳnh Văn. Như một hậu quả tất nhiên của những buổi bỏ sở ra ngồi quán cà phê gốc me đường Nguyễn Du, hoặc bên đường Hai Bà Trưng, quãng gần ngã tư Gia Long, khi bên kia quá ồn. Số là lúc này, Bưu Điện đã phân đôi, thành Bưu vụ, và Viễn Thông; tôi chuyển về Trung Ương, chuyên lo việc lên đô biểu điện đàm/ điện tín, dưới quyền của ông T., nghe nói là người của Mỹ. Vào những ngày cuối cùng, trong lúc Đà Nẵng đang trong cơn hỗn loạn, tôi còn cố liên lạc với

Phòng Điện Toán, xin con số điện đàm/ điện tín ... *"Anh có biết Đà Nẵng sắp sửa đi đoong không...?"*, tôi nghe tiếng người bạn bên kia đường dây hốt hoảng. Quay qua phòng sếp, một đống hồ sơ vẫn y nguyên. Đã hơn tuần, ông chưa vô sở: người Mỹ đã đưa ông và gia đình đi từ mấy ngày trước.

Huỳnh Văn là linh hồn của cả bọn, là tinh thần, và Tổng thư ký, của tờ báo. Không có anh, chắc tờ báo không ra quá số hai. Sài-gòn nhỏ xíu: chiến tranh, nỗi sợ hãi, đời sống riêng tư của mỗi con người... làm người ta co cụm lại. Đám bạn bè tuy biết nhau, nhưng chỉ chịu ngồi bên nhau, khi có anh. Anh nói, anh biết tôi từ hồi *Nghệ Thuật*, từ những ngày, thỉnh thoảng ghé quán Cái Chùa, thấy một gã lúc nào cũng đeo kính đen, ngồi trơ một mình tại một chiếc bàn ở góc quán. Nếu không có *Tập san Văn chương*, chúng tôi chẳng bao giờ có dịp quen nhau. Và có thể chẳng bao giờ người đọc biết anh là một thi sĩ. Cũng chẳng mấy người biết anh dậy học, cho một trường tư ở Biên-hòa. Có thể những dòng *Cầm Dương Xanh* đã rong ruổi cùng với anh, suốt quãng đường Sàigòn-Biênhòa, và ngược lại. Chúng xuất hiện lần đầu tiên, và cũng là cuối cùng trên *Tập san Văn chương*. Huy Tưởng, khi thay mặt tôi tới gia đình đốt những nén hương tưởng niệm, sau đó gửi ra vài dòng. Về câu hỏi, chị còn nhớ...?: *Thời gian sau này, bạn bè nhiều nhưng thật tình là tôi không được quen biết hết, chỉ có các anh là bạn cũ trước 75 thì tôi mới nhớ thôi*. Thật đơn giản, nhưng...

Ba mươi năm sau, một tập san cùng tên xuất hiện ở hải ngoại. Những dòng hồi tưởng ở trên, là do tôi muốn anh em chủ trương làm quen với những người đã cũ, hoặc đã chết. Muốn họ chia sẻ cùng chúng tôi không khí ngột ngạt của Sài-gòn hồi đó. *"...tôi hi vọng vào khoảng cách giữa các thế hệ. Hoàng Cầm và tôi là người cùng thời, nhưng ông có trước tôi một thời đại không lập lại nữa, hay dùng chữ của ông: một gia phả tinh thần mà dù đã được rũ bụi thì tôi cũng không đơn giản làm quen."* (Phạm Thị Hoài, Đọc *Mưa Thuận Thành* của Hoàng Cầm, Tạp chí *Thơ*, Mùa Đông, 1997). Tôi không hiểu anh em trong ban chủ trương khi đồng ý với nhau về một danh xưng, có biết, có những người đã gắn bó với nhau chung quanh một cái tên như vậy. Rằng nó đã có một tiền thân? Hay đây chỉ là tình cờ? Và chủ trương, đường lối của tờ báo mới mẻ này có gì tương tự với tờ cũ không? Và liệu người cũ có cần làm một nghi lễ rũ bụi, trước khi ngồi xuống bàn viết, ở đây?

Bởi vì *Tập san Văn chương* quả có những nét riêng: nó cách mạng, lật đổ theo tinh thần bất bạo động, hoặc theo hiểu *hiền lành* của nhà văn Nga, Chekhov. Bây giờ, sau hơn ba mươi năm, trong số ít ỏi những thực sự

quan tâm và gắn bó với một nền văn chương Miền Nam trước 75, có người đã nhận ra, bên cạnh cuộc cách mạng *lớn*, do *Sáng Tạo* hô hào, có một cách mạng *nhỏ*, thầm lặng của *Tập san Văn chương*. Ngay trong lời phi lộ số ra mắt, khi định nghĩa nhà văn, một người được thông tri đầy đủ (những dữ kiện của thời đại anh ta đang sống), chúng tôi đã hoài vọng một điều: hãy đưa ra thật nhiều thông tin, hãy giới thiệu những dòng tư tưởng đang ảnh hưởng đến toàn thể nhân loại, rồi để cho người đọc tự do chọn lựa, theo khẩu vị của họ. Cho phép tôi dùng chữ khẩu vị, theo nghĩa của Roland Barthes: Chữ viết ở khắp nơi, khi mà những từ có mùi, có vị (tri thức, savoir, và mùi vị, saveur, trong tiếng Lat-inh là cùng một nguồn). Vả chăng, việc lập lại một cái tên theo dòng thời gian, vốn vô thường, liệu có liên quan đến lịch sử, vốn ưa lập lại? Hoặc đến huyền thoại Quy Hồi Vĩnh Cửu, vốn rất hàm hồ?

Cách mạng là một từ đã bị bão hòa. Ai cũng có, hơn một ý niệm, về nó. Michel Foucault, trong bài "Khai sáng là gì?" (What is Enlightenment?), viết: Ngày nay, khi một tờ báo đưa ra câu hỏi đối với độc giả, là để thâu gom một số ý kiến, về một vấn đề mà mọi người, nhiều hoặc ít, đã hiểu tại sao câu hỏi được đặt ra: chẳng hi vọng nhiều ở những cuộc thăm dò dư luận như thế. Vào thế kỷ thứ 18, giới in ấn, chủ báo thường hỏi công chúng về một vấn đề chưa có câu trả lời. Ông đưa ra thí dụ: vào năm 1784, một tờ báo Đức, *Berlinische Monatschrift*, đã đặt câu hỏi: Khai sáng là gì? (Was ist Aufklarung?). Và người trả lời, là Kant. Bài viết của Kant, theo M. Foucault, chỉ nhỏ nhoi thôi, nhưng nó mở ra một lối đi thận trọng vào lịch sử tư tưởng, về một câu hỏi mà triết học hiện đại vẫn chưa có đủ khả năng để trả lời, và cũng chẳng bao giờ rũ khỏi. Nó đã được lập lại, dưới những hình thức khác nhau, từ hai thế kỷ, bởi những triết gia, từ Hegel qua Marx, hay Max Weber tới Horkheimer hay Haber, và tội thay, tất cả đều đã thất bại, hoặc trực tiếp, hoặc gián tiếp, khi phải đối đầu với nó. Giả sử tờ báo Đức kia vẫn còn sống, và nó lại đặt ra câu hỏi: triết học hiện đại là gì? Có thể chúng ta sẽ nghe một tiếng dội: triết học hiện đại là một toan tính nhằm trả lời một câu hỏi đã được khinh xuất đặt ra từ hai thế kỷ trước: Khai sáng là gì?

Bởi vì có thể vẫn là một định nghĩa tương tự đã được đặt ra, khi *Tập san Văn chương* ra mắt tại hải ngoại: nhà văn là người được thông tri đầy đủ những dữ kiện của cả hai miền, về thời đại của chúng ta, với tất cả những vấn nạn của nó.

**Từ bài viết của George Steiner về F. R. Leavis, trong Ngôn ngữ và Im lặng.*

giới thiệu sách mới

THƠ

📖 Nguyên Sa, ***Thơ tập bốn***, Đời xuất bản, hình bìa Trịnh Viết Kim, Phụ bản Ngọc Dũng, Đinh Cường, Nguyên Khai, Nguyễn Trọng Khôi. Thi tập gồm hai thể loại lục bát và tự do, sáng tác trong khoảng thời gian từ tháng 10.95 đến tháng 4.98. Chính Nguyên Sa chăm sóc việc in ấn tập thơ này, nhưng thi tập không kịp ra mắt trước khi ông lìa đời. Sách dày 100 trang, có phụ lục phần tiểu sử chi tiết của tác giả do Giáo sư Lưu Trung Khảo viết. Giá 10 MK.

📖 Nguyễn Đức Liêm, ***Ở tuổi không có đâu***, Tác giả tự trình bày một cách trang nhã và tân kỳ, từ bìa cho đến các trang trong. Thơ Nguyễn Đức Liêm cũng vậy. Nhiều bài ý tứ cổ điển "rất Bùi Giáng" nhưng lại được biểu hiện một cách tân kỳ độc đáo. Thơ tặng, không thấy đề giá bán và nơi bán thơ. Điều này mới đúng là thơ!

📖 Nguyễn Tấn Hưng, ***Một thoáng trong thơ***, Tập thơ nhạc của một cây bút viết nhiều nhất, xông pha bạo nhất vào đủ ngành nghệ thuật, từ văn đến thơ, nhạc, vẽ. Hầu hết các bài thơ trong cuốn sách này đều có một bài hát do Nguyễn Tấn Hưng soạn in kèm. Lời giới thiệu của Phan Ni Tấn, cũng một nhà thơ soạn nhạc.

Các ảnh phụ trang của Lê Quang Xuân. Miệt Vườn xuất bản
Giá mỗi cuốn 10 MK. Liên lạc:
Miệt Vườn, PO Box 4084, Garden Grove CA 92842 USA

KHẢO CỨU, TRUYỆN NGẮN, TIỂU THUYẾT

🕮 Nhiều tác giả, ***Nguyên Sa: Tác giả, Tác phẩm tập II***, sưu tập các bài viết về nhà thơ quá cố Nguyên Sa do nhóm chủ trương gồm: Đỗ Cường, Nguyễn Thân-Bích Liên, Lê Ngọc Ngoạn, Nguyễn Tiến Dũng, Nguyễn Mạnh Trinh. Phụ bản Nguyễn Đồng, Nguyễn thị Hợp, Hình ảnh: Lê Phúc, Lý Kiến Trúc, Ngân Hà. Bìa Khánh Trường. Sách dày 374 trang, phát hành đúng 49 ngày sau khi Nguyên Sa mất như một công trình tưởng niệm thi sĩ quá cố. Không thấy ghi giá bán.

🕮 Bình Huyên, ***Yêu em từ thuở***, Tác giả tự xuất bản, dày 372 tr., bìa bốn màu, in trên giấy đặc biệt (papier bouffant). Sách gần như là tự truyện viết dưới dạng tiểu thuyết.Giá bán trong nước Pháp: 100 FF + 24 FF bưu phí (xin gửi bằng chèque). Giá bán ngoài nước Pháp: mỗi cuốn 18 $US + 6 $US bưu phí (xin gửi bằng international money order mua tại bưu điện)

Địa chỉ: Mme Nguyễn Lefur

2A Boulevard Pablo Picasso, 94000 Créteil France

🕮 ***Quảng Đà***, đặc san biên khảo văn học nghệ thuật, Sông Thu xuất bản tại Los Angeles Valifornia USA, Tháng Sáu, 1998. Chủ trương và Chủ biên: Ái Cầm-Thái Tú Hạp. Như các đặc san Quảng Đà đã phát hành nhiều năm trước, Quảng Đà kỳ này tập trung quá nhiều bài vở của những cây bút gốc Quảng Nam Đà Nẵng (và thân hữu) trên thế giới, viết về đủ mọi đề tài liên quan đến quê hương. Một đặc san mà dày tới 500 trang, in ấn đẹp, phải ghi nhận công sức của vợ chồng nhà thơ Thái Tú Hạp.

Giá mỗi tập là 10 MK cho độc giả ở Mỹ và Canada. Các nước khác thêm bưu phí. Địa chỉ liên lạc:

Saigon Times

PO Box 428, Rosemead, CA 91770

Tel: (626) 288-2696. Fax: (626) 288-2033

🕮 ***Cường Để-Qui nhơn***, đặc san 1998, do Gia đình cựu học sinh Cường Để ở Houston thực hiện, bài vở do nhà văn Nguyễn Mạnh An Dân và một nhóm thân hữu phụ trách. Như tất cả các tập kỷ yếu hay đặc san do các hội ái hữu thực hiện, đặc san Cường Để Qui nhơn có phần ghi lại lai lịch của trường qua các thời kỳ lịch sử, có những kỷ niệm trường xưa bạn cũ, những ngậm ngùi trùng phùng giữa thầy trò trong cuộc đổi đời. Nói cung, đặc san in đẹp, trang nhã, và nội dung đầy thân tình. Sách dày 250 trang, bìa in nhũ vàng rất tốn kém.

Địa chỉ liên lạc: Nguyễn Mạnh An Dân
5900 Ranchester, Houston TX 77036

🕮 ***Thân Hữu***, tập san văn nghệ của Hội Thân hữu Châu Đốc ở vùng Hoa Thịnh Đốn thực hiện, nhà văn Hoài Ziang Duy chủ biên. Ngoài các bài sưu khảo về địa phương Châu Đốc của Phạm Thăng, Hứa Hoành, Lê Tùng Linh, Đỗ Thủ Khoa, tất cả những bài còn lại đều "văn nghệ" như tiểu tựa của đặc san, do văn hữu của anh Hoài Ziang Duy gửi về từ khắp nơi. Vì thế "Thân Hữu" rất khác với đặc san "Cường Để-Qui nhơn", mà cũng khác với "Quảng Đà" (có chủ đề rõ rệt hơn Thân Hữu).

Sách dày 190 trang. Địa chỉ liên lạc:
Thân Hữu, 3134 Montecello Dr, Falls Church VA 22042

🕮 ***Võ Tánh và Nữ Trung học Nha Trang***, giai phẩm Hè 1998 của Nhóm Cựu học sinh Võ Tánh & Nữ Trung học Nha Trang thực hiện, Trương Bích Khuê chủ biên, Nguyễn Lương Thuật trình bày. Tờ đặc san có nội dung giống như đặc san Cường Để-Qui nhơn, nặng phần kỷ yếu và lưu niệm. Một món quà tinh thần vô cùng quí giá cho những ai đã từng ở Nha Trang thời gian cuối thập niên 50.

Địa chỉ liên lạc: 7101 Martin L. King Jr. Way So. # 103
Seattle WA 98118
Tel: (206) 722-6000. Fax: (206) 723-6961
E-mail: thatkhue98@juno.com

🕮 ***Tưởng niệm G.S. Bùi Xuân Bào (1916-1991)***, số đặc biệt của tạp san nghiên cứu Dòng Việt (tức Dòng Việt số 5), do Southeast Asia Culture and Education Foundation ấn hành. Chủ trương biên tập: Võ Long Tê, Lê Văn. Đặc san gồm ba phần: Tưởng niệm, Trích lục tác phẩm Bùi Xuân Bào, và Tài liệu. Đặc san là một tài liệu quí để tìm hiểu về nhân cách và trí tuệ một nhà giáo, nhà văn hóa nổi tiếng của VNCH. Giá bán 12 MK + cước phí.

Địa chỉ liên lạc: SEACAEF
17212 Blue Fox Circle, Huntington Beach, CA 92647
Tel: (714) 842-7589. Fax: (714) 847-4009

đọc và cổ động tạp chí Văn Học
nơi qui tụ đông đảo
những người cầm bút quan trọng ở hải ngoại

hộp thư

● Thư từ liên quan việc mua bao, gia hạn

Đào Minh Châu (Westminster CA), Thái Trang (Norman, OK), Hoài Ziang Duy (Falls Church VA), Justine Trang Vo (Springsfield VA), Đặng Thơ Thơ (Westminster CA), Đặng Hoàng (Graland TX), Nguyễn văn Mẫn (Moorebank SSW Australia), Hiệp Phạm (Houston TX), Võ Trọng (Roslindale MA), Hoàng Nga (Tustin CA), Ngô Kim Hoàn (Silver Springs VA), Lê Trung Lập (Orlando, FL), Quỳnh Thi (Houston TX), CHTN Bảo Khanh (Amarillo), Lê Bửu Tấn (Fountain Valley CA), Bửu Tập (Long Beach CA), Lê Trung Lập (Orlando FL), Them Hong (Corona CA), Oscar Vu (Phila PA), Trần Hùng Lân (St.Paul MN), Hoàng Lam Giang (Seattle WA), Nguyễn văn Tâm (Vienna VA), Võ văn Đàn M.D. (Vancouver BC Canada), Australia's Multicultural Broadcasting.

● Bài nhận được trong tháng:

"Ý" gửi từ Roxboro Canada, "Xin một lần ngồi xuống bên nhau" gửi từ San Jose CA, "Trái tim thật thà, Thành phố nắng" gửi từ Fountain Valley CA, "Người bạn một đời" gửi từ Irvine CA, "Một cảnh đời" gửi từ Assaquah, WA, "Tin Lục Vân Tiên dịch ra tiếng Việt ở Nhật" gửi từ Mountain View, CA, "Các bạn đang làm gì nhỉ?" gửi từ Moscow Russia, "Ngả ba đường rầy, Ngày lễ, Mưa mùa đầu, Chiều phượng vĩ" gửi từ Boston MA, "Ngày hội quê hương trên đất khách quê người", "Cộng đồng người Vn hải ngoại: Đi về đâu, hướng phát triển ý thức chính trị", "Chăn bút Việt Nam", "Thằng Ba", "Em biết, Em bàn, Em làm, Em kiểm tra", "Đôi múa Đồng xuân", "96-98" gửi từ Bergkamen Germany, "Hai bản văn, một vấn đề" gửi từ Orlando FL, "Nẻo về" gửi từ Saint Paul MN, "Thơ, cảm ơn" gửi từ Montréal Canada, "Bỗng một niềm vui" gửi từ Long Beach CA, "Đối đầu" gửi từ Glendale CA, "Ruột đau chín khúc" gửi từ New Orleans LA, "Lá cỏ non" gửi từ Seattle WA.

● Đính chính:

Trên Văn Học số 146, trong bài "Chay và Mặn" của Võ Đình, trang 14, dòng 2, có một lỗi quan trọng xin quí độc giả sửa lại giùm:

"...vừa mê Thục mất ngủ" xin sửa thành "...vừa mê Thục ngất ngư".

Xin cáo lỗi cùng nhà văn Võ Phiến, nhà văn Võ Đình và quí bạn độc giả.

Đã phát hành khắp nơi

QUẢNG ĐÀ

Đặc San Biên Khảo • Văn Học Nghệ Thuật

- Trên 50 nhà văn, nhà thơ Quảng Đà góp mặt
- Một tặng phẩm giá trị tinh thần không thể thiếu trong mỗi gia đình Quảng Đà hải ngoại.
- Dày trên 500 trang. Giá mỗi số 10 Mỹ Kim. Gởi ra nước ngoài cộng cước phí.

Chủ Trương: **Ái Cầm - Thái Tú Hạp**

Thư từ, bài vở, chi phiếu, gởi về: **SAIGON TIMES**
P.O. Box 428, Rosemead, CA 91770
ĐT: (626) 288-2696 . Fax: (626) 288-2033

Sau:
HOA VẠN HẠT, CUỐI MÙA CÂU NAM AI THẤT LẠC
Đến:
MỘT MÌNH EM, ĐẾN GIỮA ĐỜI

...Ông viết vì sứ mệnh văn nghệ, vì sự đam mê nghiệp chướng, vì tính cách nhân chứng thời đại của nhà văn...

✱ THẢO TRƯỜNG

VĂN MỚI 1998
Đã có tại các tiệm sách.

HỒ MINH DŨNG

MỘT MÌNH EM, ĐẾN GIỮA ĐỜI

BÙI GIÁNG

ĐI VÀO CÕI THƠ

CUỐN MỘT

THI CA TƯ TƯỞNG

CUỐN HAI

"...Ngôn ngữ thơ trong vài thế kỷ này đã nẩy nở xum xuê, thiên hình vạn trạng. Hoặc ẩn mật thần bí, hoặc đơn giản như một lời ca dao, thi ca vẫn có sức đưa dẫn người ta vào giữa huyền nhiệm của cuộc sống."

Bùi Giáng - Thi Ca Tư Tưởng

AN TIÊM XUẤT BẢN
Nhà Văn Nghệ Phát Hành

500 ngày nữa bước sang thế kỷ và thiên niên kỷ mới
ta làm gì để tống cựu nghinh tân?
Văn Mới sửa soạn một ấn phẩm đưa chân trăm năm
Hà Thúc Sinh gói món quà tiễn thời gian ngàn tuổi
Mời bạn đọc đón đọc:

TỐNG BIỆT 20

Sách dày 625 trang, giá $20.00US
Văn Nghệ tổng phát hành

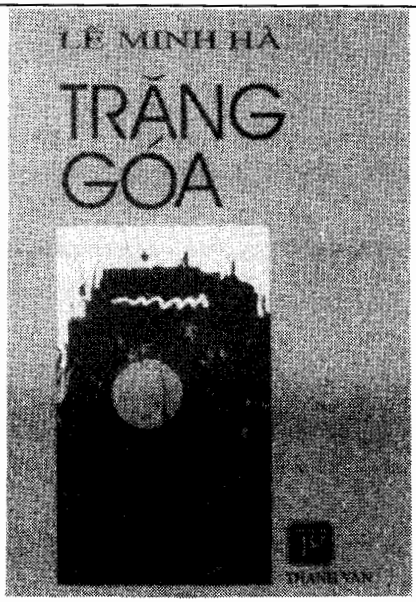

Truyện ngắn nào của Lê Minh Hà cũng như vậy: những chuyện nhỏ của đời thường, nhưng trong cái nhỏ cái thường hàm-chứa toàn-cảnh lớn lao của thời đại, của cuộc nhân sinh.. Lối cảm nhận đời sống, lối viết của Lê Minh Hà rất gần với Thạch Lam. Tuy nhiên, vì sống trong một thời đại khắc nghiệt, Lê Minh Hà không thể giữ được nét hồn nhiên lãng mạn của Thạch Lam. Văn của chị có cái ưu uất đôn nén của Nam Cao, một văn tài mà tôi tin là Lê Minh Hà chịu nhiều ảnh hưởng..

Ở vào thời đại mọi người sống hối hả vồ vập như ngày nay, những nỗi đau thầm thường bị những tiếng la hét lấn lướt, nhà văn thường yếu thế trước các chiến sĩ. Nhưng tôi tin rằng cái còn lại dài lâu trong lòng người là những "tiếng đoạn trường", những lời tâm sự chân thành, những vết rạn mong manh xảy ra trong đời thường của những người sống đời sống rất bình thường trong xã hội.

"Trăng Góa" của Lê Minh Hà có đầy đủ những yếu tố tạo dư âm dài lâu nêu trên.

Nguyễn Mộng Giác

trăng góa

tập truyện ngắn đầu tay của Lê Minh Hà

Bìa Khánh Trường, Tựa của Nguyễn Mộng Giác

Giá 10 Mỹ kim. Thanh Văn xuất bản, Văn Nghệ tổng phát hành

Nhà Xuất Bản VĂN MỚI
1528 S. La Cienega Bl.
Los Angeles, CA 90035
Điện thoại: (310) 559-0413

Đã phát hành khắp nơi:

Dưa Cà Mắm Muối (Hết)
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $6.00
Về
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Lời Của Quá Khứ (Hết)
Tập truyện Khế lêm, giá $7.00
Sống Và Viết (Hết)
Tùy bút Võ Phiến, giá $10.00
Người Đàn Bà Sau Tấm Quảng Cáo
Tập truyện Hoàng Thị Bích Tỉ, giá $8.00
Dấu Quê
Thơ Khế lêm, giá $7.00
Câu Nam Ai Thất Lạc
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Kéo Neo Mà Chạy
Tập truyện Nguyễn Thị Hoàng Bắc, giá $8.00
Đêm Hè
Tập truyện Hà Thúc Sinh, giá $7.00
Còn Đó Bóng Hình
Tập truyện Song Thao, giá $8.00
Những Chiếc Mặt Nạ Cười
Tập truyện Kinh Dương Vương, giá $8.00
Vầng Trăng Nội Thành
Tập truyện Hồ Đình Nghiêm, giá $10.00
Những Người Thích Dấu Huyền
Tạp bút Đặng Trần Huân, giá $10.00
Một Mình Em, Đến Giữa Đời
Tập truyện Hồ Minh Dũng, giá $10.00
Lần cuối, Sài Gòn
Thơ, truyện, tạp luận Nguyễn Quốc Trụ, giá $10.00

Sách có bày bán tại các nhà sách, hoặc liên lạc
nhà phát hành VĂN NGHỆ
P.O. BOX 2301 Wesminster, CA 92683 *Điện thoại: (714) 527-5761

PHIẾU MUA/GIA HẠN BÁO

Họ và tên _____

Địa chỉ _____ Apt.____

Thành phố _____ Tiểu Bang _____ Zip____ _____

Quốc gia _____

Đồng ý ☐mua ☐gia hạn báo Văn Học trong thời hạn_____năm, từ số_____tháng_____,gởi hạng_____

Đính kèm chi/ngân phiếu số tiền US$_____, để trả cho Văn Học

PHIẾU GIỚI THIỆU ĐỘC GIẢ MỚI

Tôi giới thiệu thân hữu dưới đây làm độc giả mới của Tạp chí Văn Học:

Họ và tên_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

Người giới thiệu_____

Địa chỉ_____ Apt.____

Thành phố_____ Tiểu bang_____ Zip_____

GIÁ BÁO DÀI HẠN

HOA KỲ

Hạng tư (Fourth Class)

Một năm .....US$42.00

Hạng nhất (First Class)

Một năm.....US$50.00

CANADA

Đường bộ (Surface)

Một Năm.....US$46.00

Máy Bay (Air Mail)

Một Năm.....US$54.00

ÂU, Á VÀ ÚC CHÂU

Đường thủy (Surface)

Một năm .....US$56.00

Máy bay (Air Mail)

Một năm.....US$94.00

THƯ VIỆN/LIBRARY

US/ First Class/1 yr.....US$50.00

Overseas/AirMail/1yr. US$100.00

Trả bằng Mỹ kim (US dollar). Ngoài Hoa Kỳ,xin trả bằng International money order. Ngân, chi hay lệnh phiếu để trả cho Văn Học. Please send check or international money order payable in US dollar, to Van Hoc.

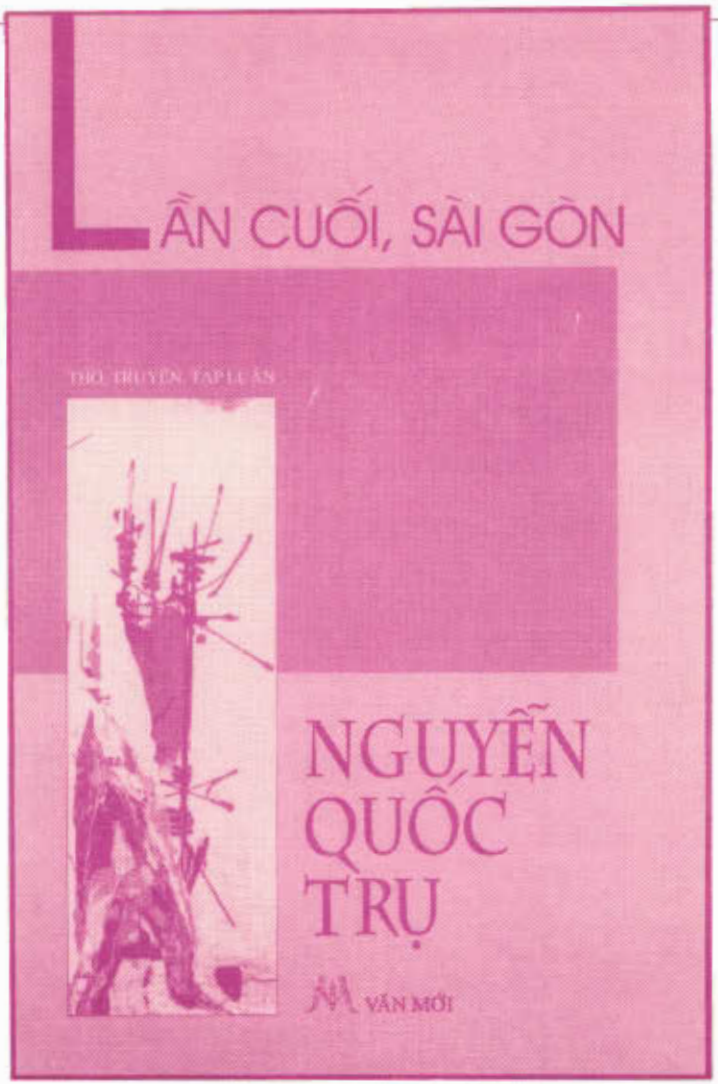

Bạn đọc đã từng theo dõi mục Tạp Ghi của nhà văn
Nguyễn Quốc Trụ
trên Văn Học gần hai năm qua, không thể bỏ qua cơ hội đọc nguyên cả tác phẩm của cây bút phê bình lý luận uyên bác này. Nhà xuất bản Văn Mới đã phát hành khắp nơi

lần cuối, sài gòn

thơ, truyện, tạp luận của Nguyễn Quốc Trụ
Giá 10 Mỹ Kim. Văn Nghệ tổng phát hành

NXB VĂN NGHỆ
P.O.BOX 2301,
WESTMINSTER, CA 92683. USA
TEL: (714)527-5761

SÁCH MỚI

SÀIGÒN TRONG MẮT TÔI, *Biên Khảo* Phụng Nghi 12MK
DÒNG THAMES THÌ THẦM, *Phiếm Luận* Vĩnh Phúc 12MK
THỰC PHẨM RAU ĐẬU
QUA LĂNG KÍNH KHOA HỌC, *Biên Khảo* Tâm Diệu 12MK
LẦU XÉP, *7 chuyện, 8 truyện* Võ Đình 11MK
CÔNG LÝ ĐÒI HỎI, *Tiểu Luận Chính Trị* Nguyễn Minh Cần 18MK
THƯ VỀ BLOOMINGTON, IL., *Truyện* Lê Tất Điều 11MK
ĐẠO ĐỨC KINH LÃO TỬ, Cựu Luật sư Đinh Sĩ Trang
dịch chú thích dễ hiểu, gồm Anh Việt Hán 20MK
NHÌN CÂY THẤY RỪNG, 16 cuộc phỏng vấn liên quan Việt Nam
nhiều khám phá lý thú, Đỗ Quyên 18MK

SÁCH PHÁT HÀNH

TRẮNG GÓA, *Tập Truyện* Lê Minh Hà
nhà văn nữ trẻ tị nạn ở Đức 10MK
ĐỊNH NGHĨA CUỘC ĐỜI, Trần Văn Điền 12MK
KHÍ CÔNG PHƯƠNG PHÁP BS Trần Huỳnh Huệ
DƯỠNG SINH & TRƯỜNG THỌ BS Nguyễn Xuân Hùng 13MK
NHỮNG NGƯỜI THÍCH DẤU HUYỀN Đặng Trần Huân 10MK

** Ngoài Hoa Kỳ xin thêm 2 MK cho sách giá từ 10MK đến 18MK, thêm 3MK cho sách 19MK đến 28MK. Riêng Đêm Giữa Ban Ngày thêm 5MK.*
** Liên lạc Văn Nghệ để nhận thư Mục hơn 500 tựa sách của nhiều nhà xuất bản khác.*

Giá:$4.00